

MIKHAIL GORBACHEV

HỒI TƯỜNG
& SUY NGẪM II

Nguyễn Thị Bình dịch
(Sách tham khảo)

ĐẤT
ИЦОС
TÔI
VÀ
THẾ
GIỚI

⊕MEGA⁺

NHÀ XUẤT BẢN
TRÍ THỨC



ĐÔI LỜI CÙNG BẠN ĐỌC

T trên tay bạn đọc là cuốn *Đất nước tôi và thế giới*, tập II trong bộ sách gồm 2 tập *Hồi tưởng và suy ngẫm* của Mikhail Gorbachev.

Mikhail Gorbachev là một nhà hoạt động chính trị và từng là nhà lãnh đạo cao nhất của Liên bang Soviet, người được coi là kiến trúc sư của công cuộc “cải tổ” sai lầm, một nguyên nhân quan trọng dẫn đến sự sụp đổ của Liên Xô. Trong cuốn sách này ông đã đưa ra nhiều quan điểm có thể dẫn tới cái nhìn đa chiều, tuy nhiên đó hoàn toàn chỉ là cách nhìn nhận, đánh giá của tác giả - một người từng trải qua nhiều cương vị gắn liền với những giai đoạn sóng gió của Liên bang Soviet khi ông còn là nhà lãnh đạo. Hơn nữa, những nhìn nhận, đánh giá trong sách của tác giả ở vào một giai đoạn lịch sử mà thế giới có rất nhiều biến động về chính trị - sau khi Liên bang Soviet tan rã - do đó đã có những thay đổi phần nào trong tư tưởng của ông. Phần 1 của cuốn sách, cách nhìn của tác giả về Cách mạng tháng Mười ít nhiều mang tính thiên kiến, vì thế trong bản in lần này chúng tôi đã quyết định lược bỏ.

Chúng tôi mong quý độc giả hiểu và đón nhận cuốn sách cũng như bộ sách này với tinh thần khai phóng.

Trân trọng!

NHÀ XUẤT BẢN TRI THỨC

TỪ VIẾT TẮT

CIS	Cộng đồng các Quốc gia Độc lập
GKChP	Ủy ban Nhà nước về tình trạng khẩn cấp
KGB	Ủy ban An ninh quốc gia
Komsomol	Đoàn Thanh niên Cộng sản Liên Xô
KPCC	Đảng Cộng sản Liên Xô
NATO	Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương
OSCE	Tổ chức An ninh và Hợp tác châu Âu
PCΦCP	Cộng hòa XHCN Soviet Liên bang Nga
UBTU	Ủy ban Trung ương

01

LIÊN BANG ĐÃ CÓ THỂ ĐƯỢC BẢO TỒN

Perestroika [cải tổ] đã không thể đưa lại tất cả những gì nó có thể, vì những khó khăn gặp phải trong quá trình tự cải cách. Và tất nhiên, vào tháng 12/1991, perestroika đã bị chìm xuồng và Liên Xô tan rã.

Làm thế nào tất cả những điều này là có thể? Làm thế nào nó lại xảy ra? Trong phần này của cuốn sách, tôi sẽ cố gắng trả lời những câu hỏi đó, những câu hỏi mà nhiều người quan tâm.

CHƯƠNG 1

MỘT BƯỚC NGOẶT BI KỊCH

Bên ngoài Liên Xô, các nhà lãnh đạo chính trị và cả các nhà nghiên cứu đều thừa nhận, không ai nhìn thấy trước sự tan rã của Liên Xô. Và qua đánh giá tất cả các bằng chứng, không ai khác ngoài những người kiên cường chống cộng sản ủng hộ một kết quả như vậy. Bước ngoặt thảm khốc này làm rung chuyển toàn thế giới.

Hôm nay, tôi đánh giá những sự kiện này thế nào? Cũng giống như cách tôi đã làm sáu hay bảy năm trước, đó thực sự là một bi kịch - một bi kịch đối với đa số công dân Soviet và với những nước cộng hòa đã từng là một phần của Liên Xô. Khi xem xét lại, tôi không thể đồng ý với việc chia cắt nước ta, làm tan rã nhà nước Soviet, và tới hôm nay tôi vẫn coi đó là một sai lầm. Liên bang đáng ra đã có thể được bảo tồn. Một số lượng đáng kể, và trong một số lĩnh vực là đa số áp đảo, những khó khăn mà các công dân Liên Xô cũ trong đó có cả người Nga đã gặp phải, là hệ quả của sự tan rã quốc gia chung của chúng ta, của sự phá hủy một không gian đơn nhất đã được hình thành qua nhiều thế kỷ về kinh tế, chính trị, luật pháp, khoa học và chiến lược quân sự.

Việc giải thể Liên bang đã làm thay đổi triệt để tình hình ở châu Âu và thế giới, phá vỡ sự cân bằng địa chính trị, làm suy yếu khả năng thực hiện nhiều phong trào tiến bộ đang diễn ra trong nền chính trị thế giới vào cuối năm 1991. Tôi tin rằng thế giới hôm nay sẽ sống hòa bình hơn nếu Liên Xô tiếp tục tồn tại, tất nhiên là với một phiên bản đã được đổi mới và cải cách.

Điều gì đã dẫn đến kết cục tồi tệ này? Sau hết, Liên Xô dường như đã là một khối đá khổng lồ, một quốc gia rộng lớn và mạnh mẽ, liên kết người dân của hơn 100 dân tộc khác nhau. Hay có lẽ nó chỉ có vẻ như thế?

Không, đó không phải là một bẫy ngoài lừa dối. Liên Xô thực sự đã là một nhà nước đa quốc gia mạnh mẽ và vững chắc. Sự giải thể của nó không phải là chuyện không thể tránh khỏi. Nhiều lúc Liên Xô đã được gọi là một đế chế, và bây giờ một số người vẫn gọi thế. Nhưng nó không phải là một đế chế theo cái nghĩa nói chung vẫn được chấp nhận của thuật ngữ này.

Về mặt lịch sử, Liên Xô [kế thừa đế quốc Nga] đã được hình thành qua nhiều thế kỷ. Trong quá trình hình thành của nó, rất nhiều các loại sự kiện đã diễn ra; ví dụ, có những trường hợp lãnh thổ này kia hoặc người dân tự nguyện hợp nhất với Nga, và có những lần chính quyền Sa hoàng tiến hành chiến tranh để chinh phục. Đã có sự hợp tác giữa các dân tộc trong việc theo đuổi những lợi ích chung, cũng đã có sự bất công và sử dụng vũ lực. Lịch sử là như thế. Kết quả của tất cả những điều này là một quốc gia, một chính thể hữu cơ, dĩ nhiên với hàng loạt những phẩm chất độc đáo giữa các thành tố đa dạng. Nó đã đi qua một chặng đường dài và tất nhiên là đã có những khó khăn nghiêm trọng, những sự kiện bước ngoặt bão táp, và cả những bi kịch. Song, quốc gia này vẫn đứng vững trước thử thách

của Chiến tranh Vệ quốc vĩ đại. Thậm chí trong những giờ phút bi thảm, nó vẫn không gục ngã, vẫn đứng vững trên mặt đất.

Liên Xô có gặp vấn đề gì không, như vấn đề dân tộc chẳng hạn? Có đấy, đó là những vấn đề về chính trị, kinh tế và xã hội và những vấn đề giữa các dân tộc. Tuy nhiên, đây không phải là vấn đề của toàn bộ nước ta, mà là của hệ thống đã được thiết lập. Hệ thống hành chính quan liêu, hệ thống toàn trị, đã không thể đáp ứng được đầy đủ cho các vấn đề đã được dựng lên. Không chỉ thất bại trong việc tham gia giải quyết những vấn đề, mà nó còn làm cho chúng trở nên sâu sắc và căng thẳng hơn. Kết quả là vào những năm 1980, nước ta bước vào một giai đoạn khủng hoảng trầm trọng. Để vượt qua khủng hoảng này, perestroika đã được bắt đầu.

Trong những vấn đề còn tồn tại ở nước ta, có những vấn đề liên quan tới các dân tộc khác nhau. Từ kinh nghiệm của riêng mình, tôi biết khá rõ điều này, bởi tôi đã có nhiều năm phải chịu trách nhiệm về một trong những vùng rộng lớn nhất của Liên Xô, vùng Stavropol. Tôi hiểu rằng những mối quan hệ giữa các dân tộc khác nhau cùng chung sống là một phần không thể tách rời của cuộc sống thực trong xã hội chúng ta. Tôi nhận thức được tầm quan trọng của việc cần phải có một thái độ thận trọng và nhạy cảm đối với vấn đề tộc裔 này.

Hồi đầu, sau Cách mạng năm 1917, Lenin khẳng định việc công nhận về mặt nguyên tắc rằng các dân tộc có quyền tự quyết, và tiến tới bao gồm cả quyền ly khai, ông cũng khẳng định sự cần thiết phải xây dựng một liên bang của các nước cộng hòa bình đẳng, nghĩa là duy trì tính toàn vẹn của một quốc gia đa dân tộc. Trên cơ sở này, Liên Xô được thành lập vào năm 1922, mặc dù mọi việc sẽ không thực hiện được nếu không có sự sử dụng vũ lực nhất định.

Trong những năm cai trị của mình, Stalin quyết tâm đi chệch khỏi tiến trình này. Liên Xô đã biến thành một nhà nước toàn trị chỉ làm những gì nó thích. Biên giới được vạch ra tùy tiện, quyền của dân tộc này hay khác rõ ràng đã bị xâm phạm trắng trợn, trong và ngay sau Thế chiến thứ hai nhiều dân tộc đã bị đàn áp hàng loạt. Họ bị trục xuất khỏi quê hương bản quán và tái định cư ở những nơi xa xôi của đất nước. Hàng chục ngàn người trong số đó đã phải bỏ mạng. Tuy nhiên, chính trong những điều kiện này, các mối quan hệ trở nên thân tình hơn, và những nỗ lực cùng nhau của các dân tộc ở Liên Xô đã thúc đẩy đáng kể sự phát triển của họ. Những nền văn hóa dân tộc hưng thịnh trong tất cả các nước cộng hòa, và mỗi dân tộc đều phát triển giai cấp công nhân và đội ngũ trí thức riêng của mình. Các quốc gia và dân tộc khác nhau đều lớn mạnh hơn, và ngày càng ý thức sâu sắc hơn về bản sắc riêng.

Nói cách khác, có những mâu thuẫn xảy ra trong thực tế. Tình hình này đòi hỏi sự quan tâm và phản ứng thích hợp của Trung ương. Nhưng điều đó đã không xảy ra. Những vấn đề nghiêm trọng tích tụ và không được giải quyết. Tại sao điều này xảy ra? Quan điểm chính thống lúc đó cho rằng mối quan hệ giữa các dân tộc ở nước ta đang trong tình trạng tốt, nhìn chung không có vấn đề gì nghiêm trọng. Những sai lầm trong lĩnh vực mối quan hệ giữa các dân tộc vẫn còn trong bóng tối, và thảo luận về chúng là không thể chấp nhận được.

Khi perestroika bắt đầu, chúng ta không thể không chú ý đến vấn đề cực kỳ nghiêm trọng này trong đời sống xã hội của chúng ta. Đó là lý do vì sao tại Đại hội Đảng lần thứ 28 đặt nền tảng cho giai đoạn sắp tới, có một điểm được đặc biệt nhấn mạnh: “Các thành tựu của chúng ta không thể đem lại ấn tượng rằng không có vấn đề gì với các tiến trình dân tộc. Mâu

thuần là cố hữu trong mọi quá trình phát triển, và chúng cũng không thể tránh khỏi trong lĩnh vực này. Điều quan trọng là phải xem xét mọi mặt của những mâu thuẫn liên tục xuất hiện này, tìm ra câu trả lời đáng tin cậy cho những câu hỏi được đặt ra liên tục của cuộc sống, và đưa những câu trả lời đó ra đúng lúc”.

Cách đặt vấn đề của Đại hội này là chính xác và kịp thời. Nhưng chúng ta vẫn đang phải chịu đựng nhiều bước lùi trong việc cố gắng giải quyết vấn đề dân tộc. Vì một lý do là chúng ta đã chậm trong việc xử lý vấn đề này; thêm nữa, chúng ta có một số quyết định sai lầm. Không có gì đáng ngạc nhiên. Chúng ta đã rời bỏ những quan điểm truyền thống và hướng tới chính sách cải cách Liên Xô quan liêu, độc đảng thành liên bang dân chủ của các quốc gia độc lập.

Trong khi đó, các tiến trình sự kiện và bản thân cuộc sống đã làm rõ một điều là vấn đề dân tộc cần phải được giải quyết. Tiếng còi hiệu đầu tiên thức tỉnh mọi người vang lên cùng với những cuộc đụng độ xảy ra vào tháng 3-4/1986 giữa các nhóm thanh niên Nga và sinh viên Yakut tại trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Yakutiya. Tiếp đó vào tháng 12/1986, lại xảy ra những vụ gây rối trên các đường phố của Alma-Ata, liên quan đến việc thay đổi lãnh đạo ở Kazakhstan, có thủ đô là Alma-Ata. Cuộc đụng độ xảy ra giữa các phe cánh địa phương. Tình hình căng thẳng đã buộc phải lắng dịu. Và làm được việc này chỉ có thể là người không thuộc bất cứ phe cánh địa phương nào. Rồi đề nghị thay thế D. Kunaev, cựu Bí thư thứ nhất UBTƯ Đảng của Kazakhstan và là một người gốc Kazakhstan, bằng G. V. Kolbin một người gốc Nga (người mà tình cờ lại do chính Kunaev giới thiệu), được đưa ra. Kolbin có kinh nghiệm làm việc tại Gruzia, một nước cộng hòa không phải Nga. Điều này được cho là đã

làm hạ nhiệt cuộc đụng độ, đặc biệt là khi có nhiều người Nga, Ukraina, Đức, và đại diện của nhiều dân tộc khác sống tại Kazakhstan. Đó là một sai lầm. Việc bổ nhiệm Kolbin là một dấu hiệu của sự thiếu tôn trọng và không tin tưởng vào người Kazakhstan. Những đám đông phản đối trên các đường phố thủ đô và các thành phố khác của Kazakhstan.

Chúng ta đã phản ứng thế nào với dấu hiệu rất có ý nghĩa này, nó cho thấy mối quan hệ giữa các dân tộc không hề tốt? Tôi phải thú nhận rằng chúng ta vẫn phản ứng theo cùng một cách cũ kỹ, và nếu có ai đó trách rằng tôi đã thiếu quyết đoán, thì người đó nên biết rằng tôi lấy làm tiếc cho sự quyết đoán mà mình đã thể hiện khi xảy ra các sự kiện Kazakhstan năm 1986. [Chúng ta đã kiên quyết trong việc Kolbin thay thế Kunaev]. Nhưng thật không may, đây không phải là trường hợp duy nhất. Chỉ sau này tôi mới hiểu rằng đó không phải là cách để tiếp tục, rằng chúng ta không thể sống kiểu hai mặt [kêu gọi dân chủ trong khi áp đặt giải pháp “kiên quyết”].

Nghị quyết được Bộ Chính trị thông qua tại thời điểm đó không tập trung quá nhiều vào việc khám phá nguyên nhân của những sự việc đã xảy ra và rút ra những bài học cho Kazakhstan cũng như cho những địa phương khác từ các sự kiện. Chúng ta bị dẫn dắt bởi các quan niệm đã được hình thành trước đó rất lâu, cho rằng mọi thứ đang thuận chiều mát mái trong một bầu không khí thống nhất và hữu nghị, và rằng những bột phát của chủ nghĩa dân tộc chỉ đại diện cho một mối nguy duy nhất mà thôi.

Thực tế là sau này, mãi sau này, cả quyết định của Ban Bí thư Trung ương liên quan tới Yakutiya lẫn nghị quyết của Bộ Chính trị về Kazakhstan đều bị hủy bỏ. Song, những gì xảy ra khiến tôi phải suy nghĩ rất nghiêm túc về các vấn đề dân tộc. Tại Phiên toàn thể tháng 1/1987, tôi đã nói về

các kết luận mà mình có được như là kết quả của những suy ngẫm đầu tiên về vấn đề này:

Chúng ta buộc phải thừa nhận tình hình thực tế và triển vọng thực sự đối với việc phát triển các mối quan hệ dân tộc. Ngày nay, khi dân chủ và tự trị đang mở rộng, khi tự ý thức dân tộc đang lên cao trong mọi quốc gia và dân tộc, khi tiến trình quốc tế hóa đang phát triển mạnh mẽ, việc giải quyết kịp thời và công bằng những mâu thuẫn phát sinh có một ý nghĩa hết sức quan trọng: Lợi ích của mỗi quốc gia và dân tộc phải được tăng thêm, phải giống như lợi ích của toàn xã hội chúng ta. Các sự kiện ở Alma-Ata, và tất cả những vụ việc trước đó, phải được phân tích một cách nghiêm túc và đánh giá trên cơ sở nguyên tắc.

Vào giữa tháng 2/1987, tôi tới Latvia và Estonia. Lại một lần nữa, tôi cảm nhận được sự nổi lên mạnh mẽ của vấn đề dân tộc. Vào giữa năm này, chúng tôi gặp phải vấn đề về người Tatar Krym, một trong những dân tộc buộc phải rời quê hương vào cuối Thế chiến thứ hai và định cư ở những nơi giống như trại tập trung tại Ural, Sibir và Trung Á. Kể từ những năm 1960, người Tatar Krym đã đòi công lý và quyền được trở về quê nhà ở Krym. Khi perestroika bắt đầu, họ nhận thấy có thể khôi phục được đầy đủ phẩm giá dân tộc mình, một cách thực sự chứ không phải chỉ trên lời nói. Tháng 7/1987, sự phản kháng của người Tatar Krym ngày càng trở nên dữ dội. Suốt ba ngày, họ đã biểu tình liên tục bên ngoài những bức tường Kremli, hô vang khẩu hiệu: “Quê hương hay là chết!” Vào ngày 9/7/1987, vấn đề của những người Tatar Krym được thảo luận tại một phiên họp của Bộ Chính trị. Thay vì diễn giải nội dung của buổi thảo luận, tôi xin trích dẫn một đoạn trong biên bản:

Gorbachev: Hiện nay trong chúng ta đang có một chiêu bài được sử dụng để

giảm uy tín nội bộ [ý nói đến người Tatar Krym] - những kẻ phản bội thời Chiến tranh Vệ quốc vĩ đại. Nhưng phản bội thì ở đâu chẳng có? Còn người Vlasovite [những lính Nga chiến đấu trong phe Hitler] thì sao?

Lukianov: Đang có sự chia rẽ giữa những người Tatar tại Wehrmacht[‡].

Gorbachev: Ở Kalmyk cũng có sự chia rẽ[‡]. Họ hoạt động ở vùng Stavropol. Nhưng chúng ta vẫn khôi phục được nước Cộng hòa Tự trị Kalmyk. Có điều gì đó đặc biệt trong hành vi của người Tatar? Sự thật là một số người trong họ đã cộng tác với người Đức, nhưng những người khác lại chiến đấu chống người Đức, cũng giống như những người khác trong chúng ta đã làm. Trong khoảng thời gian 44 năm, 250 tập chữ ký và bài phát biểu đã được tập hợp để kêu gọi đòi phục hồi công lý. Ngày nay, theo điều tra dân số, có 132.000 người Tatar Krym, song trên thực tế con số đó là 350.000. Không thể thu xếp tốt hơn cho họ ở Uzbekistan hay sao? Ý kiến của anh thế nào?

Câu hỏi được đặt ra cho Chebrikov [người đứng đầu an ninh quốc gia].

Chebrikov: (các nước phải đối đầu với vấn đề này đã 20 năm, và hiện vẫn tiếp tục): Có lẽ cần phải tổ chức một huyện tự trị ở Krym. Nếu không chúng ta sẽ còn phải trở lại vấn đề này nhiều lần nữa. Nhưng Shcherbitsky[‡] lại phản đối.

Gorbachev: Đó cũng là dân chủ.

Chebrikov: Và chúng ta sẽ đối phó thế nào với các vấn đề bờ biển phía nam của Krym?[‡] Người Tatar sẽ trở lại và nói: “Đây là nhà tôi, hãy trả lại đi!” đồng thời chúng ta phải giải quyết vấn đề của người Đức. Họ có hai triệu người[‡]. Chúng ta không thể không giải quyết vấn đề này, dù có trì hoãn bao lâu đi nữa. Tình hình đã đến lúc nguy kịch rồi.

Solomentsev: Đúng, vấn đề dù không đơn giản thì nó vẫn phải được giải quyết. Và nó phải được giải quyết đồng thời với việc chúng ta giải quyết vấn đề của người Đức ở Volga. Chúng ta thừa nhận rằng việc trục xuất họ là vô lý. Và chúng ta đã trả lại Ingush, Kalmyk, Karachai [các dân tộc khác đã bị trục xuất trong và ngay sau Thế chiến thứ hai]... Hầu như tất cả [các dân tộc bị trục xuất]

đã trở về quê hương họ. Nhưng người Đức ở Volga và người Tatar gốc Krym thì không. Tuy nhiên, tôi không ủng hộ một huyện tự trị. Thành phần dân tộc trong cư dân ở Krym đã thay đổi rất nhiều. Trước chiến tranh, người Ukraina chiếm 15%, hiện nay họ là 26%. Người Nga trước chiếm 49%, hiện nay là 68%... Một huyện tự trị sẽ trở thành một giải pháp trung dung. Có thể là tôi tham lam, song chúng ta có một sắc lệnh tốt do Lenin ký khi còn sống. Nếu chúng ta sống theo gương Lenin, thì chúng ta phải hành động theo sắc lệnh này. Sẽ rất khó khăn cho những ai phạm tội chống lại nó. Cả người Nga lẫn người Ukraina. Các dân tộc sẽ phải học cách sống cùng nhau.

Gorbachev: Nói cách khác, ông có nghĩ rằng Krym một lần nữa nên trở thành một phần của Cộng hòa XHCN Soviet Liên bang Nga (PCΦCP), như trong sắc lệnh của Lenin không? Ông có nhớ rằng Podgorny khẳng khái về việc Krasnodar và Kuban phải được trao trả cho Ukraina không? Bởi vì, theo ý kiến của ông ta, người Cozak thuộc về Ukraina. Nói chung, nhìn từ quan điểm lịch sử thì trao trả Krym cho Nga có vẻ là một việc làm đúng đắn. Nhưng Ukraina sẽ chống lại việc đó.

Vorotnikov: Nên hoãn vấn đề này lại. Có nguy cơ xảy ra một vấn đề lớn hơn với Ukraina không? Tôi ủng hộ huyện tự trị, nhưng lúc này cần phải cải thiện đi đầu kiện sống [tốt hơn cho người Tatar Krym] ở Uzbekistan. Tôi phản đối việc cố gắng giải quyết vấn đề người Đức ở Volga cùng lúc với việc đó.

Shevardnadze: Tôi ủng hộ việc cải thiện đi đầu kiện [tốt hơn] ở Uzbekistan và dần dần cho phép tất cả những ai mong muốn, và có khả năng, trở về Krym.

Yakovlev: Sắp xếp giai đoạn chuyển tiếp 15 đến 20 năm chẳng hạn, cho việc trở lại Krym. Và trong thời gian này, [họ vẫn] ở Uzbekistan.

Dolgikh: Tôi ủng hộ quan điểm này.

Gromyko: Tại sao chúng ta lại vội vã quá vậy. Vẫn chưa có thảm họa nào đổ xuống đầu chúng ta cả. Sẽ ra sao nếu các đoàn đại biểu liên tục tới gặp Đoàn Chủ tịch Soviet Tối cao và các tổ chức khác? Hãy để họ đi. Quyết định trực xuất

họ đã được các điều kiện thời chiến chứng minh. Chuyển [Krym từ Nga] cho Ukraina tất nhiên là tùy tiện. Nhưng làm sao chúng ta có thể làm lại được nữa? Tôi ủng hộ việc để vấn đề đó cho lịch sử phán xét. Và không thành lập một huyện tự trị. Hãy thu xếp cho người Tatar ở Uzbekistan. Nếu điều này không đem đến một giải pháp hoàn hảo, thì ít nhất nó cũng sẽ làm giảm sức ép của việc tìm giải pháp cho vấn đề Krym. Một lần nữa, tôi đề nghị là chúng ta nghĩ về việc này và không đưa ra quyết định cuối cùng.

Lukyanov phát biểu ủng hộ việc lập huyện tự trị ở Krym.

Gorbachev: Chúng ta không thể thành công trong việc tránh đưa ra quyết định. Chúng ta phải suy nghĩ mọi việc hết sức thấu đáo. Ngày nay, ý tưởng khôi phục khu tự trị ở Krym, như trong sắc lệnh của Lenin, là không thực tế. Trải qua 45 năm, nhiều thứ đã thay đổi ở Krym... Không còn có thể trao Krym cho người Tatar được nữa. Việc trả lại Krym cho PCFCP sẽ tạo nên một vết nứt ở nơi mà nó không phù hợp với mục đích của chúng ta hiện nay, tức là ở giữa hạt nhân Slav của “đế chế xã hội chủ nghĩa”. Trước Cách mạng, Nga là dân tộc ủng hộ mạnh nhất cho nền độc lập của đất nước. Giờ thì tất cả các dân tộc khác cũng vậy. Cần tạo ra một cuộc sống đầy đủ và thoải mái cho người Tatar ở Uzbekistan, quan tâm và chăm sóc họ. Những ai đã đến Krym rồi, cứ để họ sống ở đó. Họ cũng cần phải được hỗ trợ. Song phải từng bước kiên trì chế việc tái định cư ở Krym. Nên động viên để mọi người hành động trên cơ sở thực tế.

Một ủy ban được lập ra, bao gồm Gromyko, Shcherbitsky, Vorotnikov, Usmankhodzhaev, Demichev, Chebrikov, Lukyanov, Razumovsky và Yakovlev.

Gorbachev: Bây giờ chúng ta sẽ không nói về vấn đề người Đức ở Volga. Và nếu ủy ban này cho thấy khả năng của mình trong việc giải quyết vấn đề Tatar, chúng ta sẽ tiếp tục giao cho nó vấn đề người Đức. Hãy để ủy ban ra ngoài để gặp gỡ đoàn đại biểu Tatar và phát biểu với báo chí. Tóm lại, chúng ta phải tiếp cận quá trình này với một tinh thần dân chủ.

(Sau đó, sau khi làm việc một thời gian, ủy ban đã cùng với giới chức

Ukraina đạt được một kết luận: Có thể đưa một số người Tatar trở về nơi ở cũ của họ. Vậy là đã tiến được một bước trên con đường tới với người Tatar, nhưng vấn đề đã không được giải quyết. Sau đó, vào năm 1989, tất cả những người Tatar Krym được trao quyền trở về Krym, nhưng ủy ban đã tái khẳng định việc từ chối khôi phục Krym trở lại vị thế một nước cộng hòa tự trị của người Tatar Krym).

Tôi đã trích dẫn biên bản cuộc thảo luận của Bộ Chính trị để cho thấy chúng tôi đã thảo luận vấn đề này vào thời điểm đó như thế nào. Vào nửa cuối năm 1987, vấn đề về mối quan hệ giữa các dân tộc trên thực tế luôn nằm trong chương trình nghị sự của Bộ Chính trị.

Tháng 8/1987, những dấu hiệu về sự kích động tinh thần dân tộc ở các nước cộng hòa vùng Baltic đã trở nên rõ ràng. Sự kích động này luôn tồn tại ở đó, song trước đây nó chỉ ở dưới bề mặt.

Nguyên nhân chính là sự bất bình về việc Nga hóa khu vực. Nhưng đã không có kế hoạch nào nhằm đối phó với vấn đề này. Thảo luận về vấn đề chẳng đi đến đâu. Bên cạnh đó, giới chức địa phương lại tìm kiếm nguồn đầu tư cho xây dựng công nghiệp, lĩnh vực cần nhiều công nhân và chuyên gia. Và nếu ở địa phương không có những nguồn đầu tư đó, thì nghĩa là người Nga sẵn sàng đến đây, và không chỉ có người Nga. Cuộc sống thực tế là vậy.

Việc che đậy sự thật lịch sử về cái cách mà vùng Baltic được sáp nhập vào Liên Xô mang một ý nghĩa rất lớn trong toàn bộ vấn đề này. Nhu cầu đòi hỏi sự thật phải được công bố và lịch sử phải được tiết lộ bắt đầu vào năm 1987. Đầu tiên đó chỉ là vấn đề khôi phục sự thật lịch sử, nhưng sau đó lại có những đòi hỏi về việc phải phục hồi hiện trạng trước năm 1939.

Lúc đó, chúng tôi đã không nhận thấy ý nghĩa đầy đủ của các phong trào đang diễn ra. Chúng tôi đã chậm trong việc ứng phó đầy đủ với những gì đang xảy ra.

Tháng 10/1987, bắt đầu phong trào đòi hợp nhất vùng Karabakh với Armenia. Một làn sóng các cuộc hội họp công khai và biểu tình quét qua khu vực, và đi đầu này kích động cuộc di cư của người Azerbaijan từ Karabakh. Để đáp trả, một chiến dịch phản đối lan rộng ở Azerbaijan với khẩu hiệu: “Karabakh là một phần không thể tách rời của Azerbaijan”. Tại Karabakh, vấn đề tiến triển rất nhanh chóng, dẫn đến những cuộc đụng độ trực tiếp giữa các đại diện của hai cộng đồng dân tộc khác nhau, rồi ngay sau đó là cuộc chiến công khai giữa những cộng đồng này và giữa hai nước cộng hòa Armenia và Azerbaijan.

Đi đầu này buộc các nhà lãnh đạo của nước ta nhìn nhận những vấn đề dân tộc này theo một cách khác. Tại Hội nghị toàn thể UBTU tháng 2/1988, một tuyên bố đã được đưa ra: “Chúng ta sẽ xem xét vấn đề dân tộc trong thời kỳ hiện nay thật kỹ lưỡng, về cả lý thuyết lẫn thực tiễn. Đây là vấn đề sống còn có tính nguyên tắc đối với xã hội chúng ta”.

Vào ngày 26/2/1988, tôi trực tiếp kêu gọi người dân Armenia và Azerbaijan, đề nghị công dân hai nước cộng hòa này chỉ hành động trong khuôn khổ luật pháp và phạm vi tiến trình dân chủ, không để cho vấn đề về số phận dân tộc của họ rơi vào cảm xúc mù quáng và tình cảm nhất thời. Song, tôi đã không thành công trong việc ngăn chặn một núi những sự thù địch. Cuối tháng 2, nổ ra một cuộc đụng độ đẫm máu, đỉnh điểm là cuộc thảm sát tại Sumgait.

Tôi còn nhớ rất rõ sự căng thẳng khi thảo luận về những sự kiện này tại

kỳ họp ngày 3/3 của Bộ Chính trị. Khi tổng kết cuộc thảo luận, tôi yêu cầu mọi người giữ bình tĩnh và duy trì một cách tiếp cận có nguyên tắc: “Đừng tạo ra kẻ thù từ nhân dân... Hành động theo nguyên tắc chính trị. Tất nhiên, chính quyền phải là chính quyền. Luật pháp sẽ thắng”. Tôi cũng nói sẽ không thể có người chiến thắng trong cuộc đọ độ này, song phải đạt được thỏa thuận. Thời gian này cần khẳng định một cách tiếp cận chính trị và hết sức cân bằng trong việc giải quyết các vấn đề dân tộc.

Không phải chỉ trong những công dân bình thường, mà cả trong Bộ Chính trị cũng có những đề nghị sử dụng vũ lực. Ngày 4/7/1987, Andrei Gromyko nói: “Cứ để cho quân đội xuất hiện trên đường phố, và mọi sự sẽ đầu vào đấy ngay”. Chúng tôi không đồng ý với quan điểm này. Nhưng nó cứ tái xuất hiện theo thời gian. Những cách tiếp cận cũ, những thái độ cố hữu hàng thập niên, nay vẫn tiếp tục hiển hiện.

Liệu lúc đó chúng tôi có nhận ra đi đâu đang được tranh cãi phần nhiều không phải là việc giải quyết các vấn đề cấp bách nhất của chúng ta cũng như việc thay đổi cách chúng ta tiếp cận chúng, hay việc ra các quyết định liên quan tới vấn đề dân tộc hay không?

Câu trả lời là có; vào lúc đó ý tưởng cho rằng cần phải có những chính sách mới đã trở nên chín chắn hơn trong suy nghĩ của chúng tôi. Tại Hội nghị toàn thể UBTU tháng 2/1988, tôi đã đề xuất rằng một trong các hội nghị toàn thể sắp tới sẽ phải được dành hoàn toàn cho chính sách về vấn đề dân tộc.

Đương nhiên, chúng tôi phải dành nhiều sự quan tâm hơn đến các vấn đề dân tộc. Vào kỳ Đại hội Đảng lần thứ 19, tôi trình bày quan điểm của Bộ Chính trị: “Mặc dù gặp phải rất nhiều khó khăn trên con đường của mình...

Liên Xô vẫn đứng vững trước thử thách của thời gian. Đó vẫn là điều kiện tiên quyết, quyết định sự phát triển hơn nữa của tất cả các dân tộc trên đất nước chúng ta”.

Song tuyên bố đó đã đặt ra những vấn đề không giới hạn. Một chương trình gồm các biện pháp thực tế đã được hình thành về căn bản. Chúng tôi cho việc tối quan trọng là phát triển và thi hành các biện pháp trên phạm vi rộng để củng cố Liên bang chúng ta. Chúng tôi chuẩn bị các đề xuất làm rõ quyền tài phán của Liên bang và các nước cộng hòa trong Liên bang, chuyển một số chức năng hành chính cho các nước cộng hòa, quyết định các cách tối ưu để chuyển các nước cộng hòa và một số vùng thành các đơn vị tự quản lý tài chính, và phát triển những mối quan hệ trực tiếp giữa các nước cộng hòa, qua đó có thể chỉ rõ mỗi nước đã đóng góp thế nào trong việc thực hiện các chương trình trên phạm vi toàn Liên bang.

Cuộc sống bắt chúng ta đối mặt với sự cần thiết phải thực hiện những thay đổi trong các điều luật liên quan đến các nước cộng hòa của Liên bang và các nước cộng hòa tự trị, cũng như các vùng hay huyện tự trị, và mở rộng những cam kết pháp lý để đảm bảo rằng nhu cầu về văn hóa-dân tộc của những nhóm dân tộc khác nhau sinh sống ngoài lãnh thổ của họ vẫn được đáp ứng. Một bộ luật Liên bang mở rộng là rất cấp thiết, liên quan tới việc phát triển đầy đủ và sử dụng bình đẳng các ngôn ngữ của mọi dân tộc thuộc Liên Xô. Như vậy là chúng ta đã nhìn nhận vấn đề dân tộc trong khuôn khổ các chính sách của perestroika như một tổng thể. Định hướng mà chúng ta thông qua, một mặt tôn trọng quyền của các dân tộc và các nước cộng hòa khác nhau, đảm bảo cho họ sự hài lòng tối đa, mặt khác chúng ta mong muốn củng cố Liên Xô và chuyển đổi nó thành một liên bang thực sự.

Chúng ta đã tới chặng tiếp theo của cải cách chính trị. Và các phương pháp chính trị để giải quyết các vấn đề dân tộc dai dẳng của chúng ta phải được đặt lên hàng đầu.

CHƯƠNG 2

TBILISI... BAKU... VILNIUS

C húng ta có thành công trong việc gìn giữ những khuôn khổ như vậy không? Sau hết, có những sự kiện đã xảy ra ở Tbilisi và Baku, sau đó là Litva. Tôi sẽ đi sâu vào chi tiết của từng trường hợp đó, bởi vì có rất nhiều phát biểu vô nghĩa và nhiều cáo buộc sai lầm xung quanh những sự kiện đó.

Đầu tiên là Tbilisi. Bắt đầu vào ngày 4/4/1989, một số nhóm không [được công nhận] chính thức biểu tình bất hợp pháp nhiều ngày trước tòa nhà chính của chính phủ với khẩu hiệu “Độc lập cho Gruzia” và “Đả đảo đế chế Nga”. Các lãnh đạo địa phương, vốn coi những biện pháp chính trị và việc thảo luận trực tiếp với người dân là biểu hiện của sự yếu đuối (một thái độ điển hình của nhiều viên chức phái thủ cựu), ưu tiên dựa vào vũ lực. Ngày 7/4, họ tuyên bố tình trạng khẩn cấp ở Tbilisi. Cùng ngày, một cuộc họp của UBTU' KPiCC (có Ligachev, Chebrikov và những người khác) đã quyết định gửi quân đội đến đó... Lẽ ra họ đã không cần phải làm như vậy; nhưng họ có cảm giác rằng, sự hiện diện của binh lính sẽ đưa tình hình trở lại bình thường.

Vào ngày 7/4, tôi ở London. Trở về Moskva vào buổi tối muộn, tôi nhận được thông tin tại sân bay về những gì đã xảy ra. Tính đến tất cả những sự việc mà chúng tôi đã biết lúc đó, tôi lập tức phân công cho Shevardnadze và Razumovsky, Bí thư UBTU, đến ngay Gruzia. Sáng ngày 8/4, giới lãnh đạo Gruzia thông báo với chúng tôi rằng không cần phải lập tức cử đại diện từ Moskva đến nữa, rằng tình hình đã trở lại bình thường. Tôi nghĩ Dzhumber Patiashvili không muốn Shevardnadze đến đó, bởi mối quan hệ giữa họ không được tốt cho lắm. Đêm 9/4, quân đội đã được sử dụng để “quét sạch” người biểu tình khỏi quảng trường trung tâm. Trong quá trình đó có 16 người chết và nhiều người bị thương.

Nhưng ai đã ra lệnh sử dụng vũ lực? Đây vẫn là một bí ẩn mà cả những đại biểu Hội đồng Nhân dân và những ban bộ lớn đi điều tra về các sự kiện ở Tbilisi cũng không thể giải quyết nổi. Tôi tin rằng ban chỉ huy quân sự địa phương ở Gruzia, hoàn toàn không nghi ngờ gì nữa, là nạn nhân của những mưu đồ chính trị. Rõ ràng là ngay lúc đó các hành động quân sự đã chịu ảnh hưởng của những người mà sau đó, vào tháng 8/1991, đã khởi động những sự kiện trở nên nổi tiếng như cuộc đảo chính tháng 8. Gần đây, Tướng Rodionov [người chịu trách nhiệm về phía quân đội trong việc tấn công người biểu tình tại Tbilisi], khi trả lời câu hỏi của một nhà báo, đã nói rằng ông ta được Nguyên soái Yazov, khi đó là Bộ trưởng Quốc phòng Liên Xô, ủy quyền hành động. Điều này đã khẳng định những nghi ngờ của chúng tôi. Rodionov cho rằng mệnh lệnh của Yazov đã được sự chấp thuận từ lãnh đạo tối cao của Liên Xô.

Đây là một cú đâm tàn bạo từ sau lưng. Phát biểu trên đài phát thanh và truyền hình ngay sau các sự kiện, tôi nói:

Không thể phủ nhận được rằng những gì xảy ra tại Tbilisi là có hại cho lợi ích của perestroika, của công cuộc dân chủ hóa và đổi mới ở nước ta. Các quyết định và hành động của những người vô trách nhiệm đã dẫn đến việc làm tăng thêm căng thẳng tại nước cộng hòa Gruzia. Khẩu hiệu chống Liên Xô đang vang lên, cùng với những yêu cầu đòi tách Gruzia xã hội chủ nghĩa ra khỏi gia đình các dân tộc Soviet anh em. Những định hướng sai lầm đã khiến một số người lạc lối. Những vụ gây rối xảy ra. Nhiều người đã bị giết và những dòng máu vô tội đã đổ. Nỗi đau đớn của những người mẹ và những người ruột thịt của họ thật to lớn, và nỗi thương tiếc của chúng ta cũng vô cùng sâu sắc.

Vài ngày tiếp theo, sau khi Shevardnadze thăm Gruzia, một cuộc họp của Bộ Chính trị đã lên án mạnh mẽ hành động quân sự. Để minh họa, tôi sẽ trích dẫn lời của Nikolai Ryzhkov, Thủ tướng lúc đó, tại cuộc họp Bộ Chính trị:

Chúng tôi đã ở Moskva trong những ngày đó, nhưng chúng tôi đã biết những gì? Tôi là người đứng đầu chính phủ, nhưng tôi đã biết những gì? Tôi đọc trên tờ *Pravda* về cái chết của người dân ở Tbilisi. Các bí thư UBTU biết, nhưng chúng tôi, các thành viên của Bộ Chính trị và Nội các, không biết gì... Chúng ta phải có được thông tin kịp thời và chính xác. Điều gì là tốt trong tất cả những việc này? Cái gì xảy ra ở đây vậy? Chỉ huy quân sự vùng hành động, nhưng chúng ta tại Moskva lại không biết gì về điều đó. Ông ta có thể bắt tất cả các thành viên Bộ Chính trị của [Đảng Cộng sản] Gruzia, và chúng ta lại một lần nữa biết về việc đó qua báo chí. Ngay cả Mikhail Sergeyevich Gorbachev cũng không biết. Vậy đấy, có điều gì đang xảy ra trong chúng ta vậy? Quân đội được sử dụng, nhưng Tổng Bí thư chỉ biết được điều đó vào hôm sau. Chúng ta sẽ xuất hiện thế nào trước công luận Soviet và trong con mắt của thế giới đây? Các anh có thể thấy khắp nơi trong nước ta những hành động quân sự được thực hiện mà Bộ Chính trị không hề biết. Điều đó còn tồi tệ hơn cả việc Bộ Chính trị

ra quyết định sai.

Ryzhkov đã đúng.

Tại cuộc họp này của Bộ Chính trị, dưới hình thức nghiêm khắc hơn, tôi có nghĩa vụ đặt ra câu hỏi về tính chính xác, trung thực của thông tin và chỉ ra rằng các cơ quan cung cấp thông tin phải tiếp cận vấn đề với đầy đủ trách nhiệm của mình. Tất nhiên, tôi cũng đưa ra câu hỏi về vai trò của quân đội. Tôi nói với Bộ trưởng Quốc phòng Yazov: “Từ nay trở đi, nếu không có sự cho phép tư lệnh đạo tối cao của đất nước, quân đội không được tham gia vào những vấn đề như vậy nữa”.

Sau các sự kiện tại Tbilisi, Bộ Chính trị chỉ có một lần ủy quyền cho quân đội hành động, để tránh những vụ rối loạn lớn và đổ máu ở Baku. Điều này liên quan đến tình trạng xấu đi trong mối quan hệ giữa người Armenia và người Azerbaijan vào đầu năm 1990, dẫn đến cuộc tàn sát người Armenia ở Baku và đưa đến một cuộc “xuất hành” của người Armenia khỏi thành phố đó. Giới chức địa phương tìm cách lập lại trật tự. Nhưng những tranh cãi và chia rẽ nội bộ đã làm tê liệt khả năng của họ trong việc hành động và duy trì kiểm soát tình hình. Rối loạn lan sang một khu vực rộng lớn của Cộng hòa Azerbaijan, và các phần tử phá hoại xúi giục người dân phá hủy các đường ranh giới [dọc theo biên giới Azerbaijan] dài hàng trăm kilomet.

Được cử đến Baku là các đại diện cho giới lãnh đạo tối cao Liên Xô: Yevgeny Primakov - ủy viên Hội đồng Nhà nước, và A. Girenko - Bí thư UBTƯ КПСС. Họ báo cáo là tình hình rất nguy cấp. Ngày 19/1, hai tài liệu đã đồng thời được công bố - lời kêu gọi các dân tộc Azerbaijan và Armenia từ UBTƯ КПСС, Đoàn Chủ tịch Soviet Tối cao và Hội đồng Bộ

trưởng Liên Xô; cùng sắc lệnh tuyên bố tình trạng khẩn cấp ở Baku, do Đoàn Chủ tịch Soviet Tối cao ban hành. Nửa đêm 19 và rạng sáng 20/1, quân của Bộ Nội vụ và quân đội Soviet tiến vào Baku. Tất cả các hình thức khả dĩ của sự khiêu khích và chướng ngại vật được đặt trên đường tiến quân của họ. Những tay súng của Mặt trận Nhân dân Azerbaijan [Popular Front of Azerbaijan] bắt đầu tấn công các nhân viên quân sự của chúng ta, và các đơn vị quân đội của chúng ta buộc phải đáp trả tương xứng. Kết quả là, trong hai ngày 19-20/1, 83 người đã bị giết ở Baku, trong đó có 40 nhân viên quân sự và các thành viên trong gia đình họ.

Ngày 20/1, tôi xuất hiện trên truyền hình, đưa ra đánh giá tình hình và giải thích hành động của lãnh đạo. Tôi nói lãnh đạo hy vọng rằng mọi dân tộc và quốc gia ở nước ta sẽ hiểu và ủng hộ những biện pháp đã được thực hiện.

Song, các sự kiện xảy ra và những biện pháp xử lý được hiểu theo những cách rất khác nhau (đến bây giờ vẫn vậy). Một số người nói rằng lại một lần nữa chúng ta hành động chậm trễ, rằng tình trạng khẩn cấp đáng ra phải được áp đặt sớm hơn. Tuy nhiên, theo Hiến pháp Liên Xô, lãnh đạo Liên bang không thể hành động vượt quyền lãnh đạo của Cộng hòa Azerbaijan. Chính quyền trung ương chỉ can thiệp trực tiếp khi nhà cầm quyền ở cấp độ nước cộng hòa đã trở nên tê liệt và không còn khả năng hành động.

Những người khác thì đơn thuần trách cứ và tố cáo chúng tôi vì đã áp đặt tình trạng khẩn cấp. Chỉ có một câu trả lời cho tất cả những lời buộc tội đó: Nếu không có các biện pháp, thì sự việc sẽ đi theo những hướng hoàn toàn không thể đoán trước được. Tôi lấy làm tiếc vì máu đã đổ, nhưng mục đích là bằng mọi giá phải ngăn chặn đổ máu thêm.

Tôi đã suy ngẫm rất nhiều về những gì đã xảy ra. Bài học tôi đã rút ra từ toàn bộ lịch sử bi thảm này là, chính quyền không thể tồn tại được nếu không sử dụng vũ lực trong những tình huống cực đoan. Nhưng những hành động như vậy phải được chứng minh là tuyệt đối cần thiết, và phải được giữ trong giới hạn cân nhắc rất cẩn thận. Chỉ có biện pháp chính trị mới có thể đem lại giải pháp thực sự cho những vấn đề như vậy.

Cuối cùng là đến Vilnius, ở Litva. Đó là năm 1991, và một lần nữa lại là tháng 1. Tôi đã nói rằng tình hình ở khu vực Baltic, và nhất là ở Litva, bắt đầu xấu đi từ giữa năm 1987. Nhưng vào giữa năm 1989, các vấn đề bắt đầu xấu đi nhanh chóng sau khi tổ chức Sąjūdis* trên thực tế lên nắm quyền tại Cộng hòa Litva. Tôi xin lưu ý độc giả rằng, Sąjūdis hồi đầu là một tổ chức ủng hộ perestroika và bảo vệ nó chống lại các phần tử bảo thủ. Sau đó nó đã dần trở thành một thành trì cho những lực lượng ủng hộ ly khai khỏi Liên Xô. Cá nhân tôi và các đồng sự đã nỗ lực rất nhiều để cố xoa dịu những ý kiến ủng hộ ly khai, nhưng những nỗ lực của chúng tôi đã không thành công.

Những lý lẽ gì có thể biện hộ cho việc ly khai tiến triển? Một mặt, chúng lên tiếng báo động về sự thống trị được cho là của bộ phận người Nga trong dân cư. Đây rõ ràng là một sự cường điệu. Người Nga chỉ chiếm một phần ba dân số ở Litva. Song các cảnh báo cho rằng, cuối cùng người Litva sẽ thành thiểu số ngay tại chính nước cộng hòa của họ, đã ảnh hưởng đến nhiều người.

Một lập luận khác, về bản chất có vẻ thực tế hơn. Những người ủng hộ chia tách cho rằng do có ngành nông nghiệp xuất sắc mà Litva đang cung cấp phần lớn thực phẩm cho Moskva và Leningrad, nhưng chính nước cộng hòa này lại phải chịu tình trạng thiếu thốn. Đây là sự thật, hay chính

xác hơn là một phần sự thật. Họ không nói gì về số lượng khổng lồ các mặt hàng được cung ứng cho Litva từ các nước cộng hòa khác thuộc Liên Xô, mà phần lớn là từ Nga, gồm ngũ cốc, dầu, kim loại, hàng công nghiệp và hàng tiêu dùng; hoặc là ý nghĩa của những sự cung ứng này đã bị đánh giá quá thấp. Không có gì để phải phàn nàn về việc đối xử ưu đãi với Litva và tất cả các nước cộng hòa Baltic ngoài những cân nhắc chính trị. Có được sự đối xử ưu đãi đó (và tất nhiên là ưu đãi cho năng suất lao động cao hơn ở đây), mức sống ở Litva đã cao hơn mức sống trung bình ở Liên Xô, nhưng hình như không ai nghĩ đến điều này. Những sự thật nửa vời này đã phát huy tác dụng: Không phải chỉ có người Litva, mà cả người ở các quốc gia khác cũng bắt đầu nghĩ: “Nếu chúng ta tách khỏi Moskva, cuộc sống của chúng ta sẽ tốt hơn”.

Bất chấp tất cả, tình hình ngày càng trở nên nóng hơn. Vào ngày 11/5/1989, Bộ Chính trị thảo luận về tình hình ở ba nước cộng hòa Baltic. Lãnh đạo các đảng Cộng sản của ba nước đó cùng tham dự cuộc họp. Trong quá trình thảo luận, đặc biệt là sau khi các bí thư của các đảng Cộng sản Baltic rời đi, bắt đầu nghe thấy những quan điểm khác nhau về việc cần phải làm gì. Rõ ràng là một số người tham dự không muốn bị áp lực. Trong bài phát biểu kết luận, tôi nói:

Chúng ta hãy bắt đầu ý tưởng kiểu như chưa bị mất gì cả. Chúng ta phải thận trọng trong việc đánh giá sao cho không đi đến chỗ tuyệt vọng hay làm đổ vỡ các mối quan hệ... Chúng ta không thể như những kẻ cực đoan là giải tán các mặt trận dân tộc khác nhau đang được sự ủng hộ của 90% dân chúng ở các nước cộng hòa đó. Chúng ta phải nói chuyện được với họ... Chúng ta phải tin tưởng vào lương tri con người... Chúng ta không sợ phải thử nghiệm việc cho phép các nước cộng hòa trở thành các thực thể tự chủ về tài chính... Chúng ta không

sợ sự khác biệt về cấp độ chủ quyền mà các nước cộng hòa đang thi hành... Nói chung, chúng ta phải suy nghĩ, và suy nghĩ thật kỹ, về việc phải chuyển đổi Liên bang chúng ta như thế nào. Nếu không, mọi thứ sẽ thực sự sụp đổ. Sử dụng vũ lực bị loại trừ. Nó đã bị loại bỏ trong chính sách đối ngoại, và hoàn toàn không thể chấp nhận được khi dùng để chống lại chính nhân dân ta. Chúng ta hãy phân tích những gì đang xảy ra ở một cấp độ cao hơn... Và chúng ta phải thận trọng hơn bao giờ hết với những đánh giá cuối cùng hay việc sử dụng các chiêu bài. Sau tất cả, đó là vấn đề dân tộc.

Tại Đại hội Đại biểu Nhân dân lần thứ nhất (25/5- 9/6/1989), các loại vấn đề dân tộc ở Liên Xô đã được đưa ra thảo luận và xem xét theo nghĩa rộng nhất. Báo cáo tôi trình bày với Đại hội đã chỉ rõ khía cạnh quan trọng của chính sách dân tộc thời perestroika:

Trong một quốc gia liên bang, những gì thuộc thẩm quyền của toàn liên bang, và những gì thuộc quyền chủ quyền của nước cộng hòa hoặc đơn vị tự trị, phải được phân định rõ. Cơ chế pháp lý phải được lập ra để giải quyết những xung đột có thể phát sinh trong các mối quan hệ giữa liên bang và các bộ phận cấu thành.

Trong lĩnh vực kinh tế, những mối quan hệ giữa liên bang và các nước cộng hòa phải hài hòa trên cơ sở kết hợp hữu cơ giữa sự độc lập về kinh tế với sự tham gia tích cực vào việc phân công lao động của toàn liên bang. Từ quan điểm này, dẫn tới việc chúng ta cần phải xây dựng lại cách thức điều chỉnh tổ hợp kinh tế thống nhất của đất nước, bằng cách cho phép các nước cộng hòa, các vùng và các tỉnh chuyển đổi thành một cơ sở tự quản lý và tự chủ tài chính, như một bộ phận hữu cơ của toàn bộ quá trình đổi mới nền kinh tế Soviet.

... Trong lĩnh vực tinh thần, chúng ta hãy bắt đầu với việc công nhận sự phong phú, đa dạng của các nền văn hóa dân tộc như một giá trị xã hội và lịch sử to lớn, một lợi thế độc đáo của toàn liên bang chúng ta. Chúng ta không có quyền

đánh giá thấp bất kỳ một nền văn hóa nào, vì mỗi nền văn hóa đó đều không thể thay thế được.

Chúng ta đang ủng hộ sự phát triển đầy đủ và trọn vẹn của mỗi dân tộc, ngôn ngữ và văn hóa dân tộc, ủng hộ các quyền bình đẳng và quan hệ hữu nghị giữa các quốc gia, dân tộc và nhóm dân tộc.

Đại hội ủng hộ những gì tôi đề xuất như là cơ sở cho hành động. Trong hai năm 1989 và 1990, có rất nhiều việc đã được thực hiện để đưa đường lối chính sách tôi đã thảo ra đi vào thực tế. Một số luật được thông qua, ví dụ thứ nhất là luật về nguyên tắc chung của chính quyền tự trị địa phương và nền kinh tế địa phương tại Liên Xô, nó đã mở rộng quyền hạn và sức mạnh của các nước cộng hòa liên bang và các nước cộng hòa tự trị; thứ hai là luật về ngôn ngữ của các dân tộc ở Liên Xô, từ nay đảm bảo cho sự phát triển và sử dụng chúng; thứ ba là luật phân định ranh giới về quyền lực tương ứng giữa Liên Xô với các bộ phận cấu thành của Liên bang; và các luật khác nữa.

Đối với các nước cộng hòa Baltic, họ được trao quyền rộng rãi trong nền kinh tế bằng một luật đặc biệt được thông qua tại kỳ họp thứ hai của Soviet Tối cao, các quyền này cũng đã được mở rộng sang Belarus và tỉnh Sverdlovsk.

Tháng 9/1989, Phiên toàn thể của UBTV đã thông qua, như lập trường chính thức của КПСС, một văn kiện nhan đề “Chính sách dân tộc của Đảng trong điều kiện hiện nay”. Văn kiện này đã chỉ ra những nhiệm vụ chính mà chúng ta phải đối mặt, được tóm tắt như sau:

- Chuyển đổi Liên Xô thành một thực thể chính trị và kinh tế thực sự;
- Mở rộng các quyền hạn và sức mạnh của các thực thể dân tộc tự trị

- dưới mọi hình thức và kiểu loại;
- Bảo đảm quyền bình đẳng cho mọi dân tộc;
 - Tạo điều kiện cho sự phát triển tự do của các nền văn hóa và ngôn ngữ dân tộc;
 - Tăng cường đảm bảo rằng sẽ loại trừ bất kỳ một sự hạn chế nào về quyền công dân với lý do dân tộc.

Như vậy, dù muộn, chúng ta đã xây được công thức cho một nền tảng chính trị có nguyên tắc về vấn đề dân tộc. Nền tảng này tạo khả năng cho việc giải quyết các vấn đề tồn đọng đã lâu. Tuy nhiên, tại khu vực Baltic, những người hướng đến việc ly khai khỏi Liên Xô càng tích cực hoạt động. Các thành viên trong ban lãnh đạo Đảng, trong đó có tôi, đã nhiều lần gặp gỡ đại diện của ba nước, riêng có, chung có. Tôi nhấn mạnh rằng quyền tự quyết, kể cả việc ly khai, là sự thể hiện quyền chủ quyền không tách rời trong Hiến pháp Liên Xô đang có hiệu lực. Nhưng tôi đã cố thuyết phục mọi người rằng ly khai sẽ mâu thuẫn với nhu cầu thực sự của các dân tộc trong Liên bang chúng ta. Phân cấp, tự trị, phân quyền - đúng - nhưng cùng với đó là việc duy trì hợp tác và phối hợp. Thật là vô nghĩa khi phê phán ý tưởng về một liên bang. Chúng ta chưa bao giờ có một hệ thống như vậy. Chúng ta đã sống trong một quốc gia đơn nhất. Tôi lập luận, trước hết hãy để chúng ta sống với một sự thỏa thuận liên kết thực sự, và rồi sau đó sẽ quyết định phải làm gì. Kinh nghiệm tích cực của các quốc gia liên bang khác trên thế giới đã cho chúng ta thấy điều đó.

Vào ngày 29/1/1990, Bộ Chính trị cân nhắc một số dự thảo luật và các sửa đổi trong Hiến pháp Liên Xô cần phải làm với vấn đề dân tộc.

Vào ngày 3/4/1990, một điều luật về ly khai khỏi Liên Xô đã được

thông qua. Nhưng, đêm trước hôm thông qua, ban lãnh đạo mới của Litva đã tuyên bố đây cởi mở về nền độc lập của nước cộng hòa này. Ngày 22/3, trong phiên thảo luận của Bộ Chính trị về tình huống mới xảy ra, Tướng Varennikov đề nghị ban bố tình trạng khẩn cấp trong nước, áp dụng quy định của tổng thống để gửi quân đến, làm cho giới lãnh đạo của Cộng hòa Litva bị “cô lập”, và mọi việc này được thực hiện với lý do là động viên “các lực lượng yêu nước”. Tất nhiên là Bộ Chính trị từ chối xem xét “đề nghị” này. Song, chính đề nghị này của Varennikov là biểu hiện cho tâm trạng của một số nhóm nhất định trong giới quân sự Soviet, và không chỉ trong quân đội.

Tôi công khai trình bày quan điểm của mình với các đại biểu về dự Đại hội lần thứ 21 của Đoàn Thanh niên Cộng sản (Komsomol):

Phải đảm bảo quyền tự quyết theo Hiến pháp. Hiện nay đã thông qua một bộ luật về thủ tục giải quyết các vấn đề liên quan đến việc một nước cộng hòa ly khai khỏi Liên Xô, vì vậy chúng ta hãy bắt đầu “quá trình ly dị”, nhưng đối với họ, tức là những người Litva, việc thông qua một quyết định chỉ sau một đêm, không cần sự tư vấn của nhân dân, không có bất kỳ một cuộc trưng cầu ý kiến nào, đó là một sự mạo hiểm.

Như vẫn nói, bạn không thể ép ai đó thích bạn. Cứ cho là họ mong muốn ra đi nhưng trước tiên chúng ta phải nói với những người Litva rằng sẽ có hậu quả, nó liên quan đến lãnh thổ, kinh tế, quốc phòng, và sẽ ảnh hưởng đến việc sắp xếp cho những người không muốn sống trong một đất nước tách riêng. Đó là một lựa chọn. Đây là lựa chọn khác: Nếu nước cộng hòa ở lại Liên Xô, [chúng ta cần chỉ rõ] họ sẽ có những quyền và sức mạnh gì về chính trị, kinh tế, văn hóa-kỹ thuật, v.v. Và họ thích tự do và tự trị như thế nào. Trong trường hợp đó, người Litva, vốn là những người khôn ngoan, sẽ xác định cho chính mình rằng nhu cầu của Litva là nền tự trị trong khuôn khổ của những kết nối sống còn với

các nước cộng hòa khác.

Tôi muốn lưu ý độc giả rằng tất cả những sự kiện này đã bộc lộ khi cải cách chính trị ở nước ta đã trở nên rất sâu sắc. Đại hội Đại biểu Nhân dân đã hoạt động được một năm, Đại hội đã bầu ra Soviet Tối cao. Bầu cử tự do cũng được tổ chức cho các cơ quan chính quyền trong các nước cộng hòa liên bang và các cơ quan chính quyền tự quản địa phương. Một cuộc đấu tranh chính trị đang gia tăng - cái gọi là cánh cấp tiến đã hình thành trong số các nhà dân chủ, và đối lập với họ, một cánh không kém cấp tiến được gọi là những nhà yêu nước, cũng được hình thành. Những sự kiện xảy ra ở vùng Baltic kích động các phản ứng mạnh mẽ ở cả hai bên. Cả nước có cảm giác như chìm trong bão động.

Khi tôi ở thành phố Sverdlovsk vào thời điểm đó, tôi đã có dịp trả lời nhiều câu hỏi về vấn đề này. Sau đây là một trong những câu trả lời của tôi:

Chúng ta đang gặp phải sự căng thẳng ngày càng tăng trong mối quan hệ giữa các dân tộc, xung đột mạnh hơn. Một số người nói, hãy để “đế chế” này sụp đổ; những người khác thì nói, Gorbachev và các nhà lãnh đạo khác nghĩ gì vậy? Họ nên khôi phục trật tự và đưa mọi người trở lại chỗ cũ của mình. Cả hai cách tiếp cận này đều không phù hợp với một nền chính trị nghiêm túc. Là một người Nga, một công dân Soviet, và là một nhà lãnh đạo chính trị, tôi không thể chấp nhận những cách thức cực đoan như vậy trong chuyện tiếp cận những vấn đề này... Chúng ta hãy tổ chức lại Liên bang của chúng ta và suy nghĩ về việc đổi mới Liên Xô. Hãy nghĩ về tất cả những gì góp phần thực hiện ý tưởng đổi mới, phù hợp với lợi ích của người Nga và của mọi dân tộc khác ở nước ta. Chúng ta phải coi đó như là điểm xuất phát của mình.

Vào cuối tháng 4/1990, những tín hiệu bắt đầu từ giới lãnh đạo Litva cho thấy sự sẵn sàng tham gia vào một cuộc đối thoại với các đại diện của chính quyền trung ương, cho thấy rằng các quyết định của Soviet Tối cao Litva có thể được coi là một chủ đề để thảo luận. Litva sẽ không phản đối việc giải thích tuyên bố độc lập của họ như là một tài liệu, trong đó vị thế của nước cộng hòa có thể được coi là “một thành viên liên kết của một Liên Xô đổi mới và tái tổ chức”. Để thực hiện kiểu tiếp cận này, nước cộng hòa sẽ cần phải có một quá trình từng bước tham vấn và phối hợp với chính quyền trung ương của Liên bang. Đây là cơ sở để tìm kiếm một giải pháp thực tế.

Thực tế ít người biết này cho chúng ta thấy, khi đó đã thực sự có khả năng cho một giải pháp chính trị không làm hỏng ý tưởng đổi mới Liên Xô. Vậy đi đâu đã ngăn cản chúng ta đạt được sự nhất trí? Một tình huống mới nảy sinh đã thay đổi hoàn toàn bầu không khí, trên hết là các vấn đề phải làm với các dân tộc.

Ngày 12/6/1990, Soviet Tối cao Nga đã thông qua một tuyên bố về chủ quyền quốc gia của PCΦCP. Thức tỉnh trước hành động đó, các nước cộng hòa khác cũng thông qua những tuyên bố tương tự, không chỉ các nước cộng hòa liên bang, mà cả các nước cộng hòa tự trị. Một cuộc “phô trương chủ quyền” bắt đầu. Cuộc tìm kiếm con đường để đi tới một thỏa thuận với Litva cuối cùng đã thất bại và bất khả thi.

Tuyên bố chủ quyền của nước Nga trở nên nổi tiếng, nên thậm chí có những hệ quả sâu rộng hơn. Không chỉ thỏa thuận với Litva bị phá hoại. Về căn bản, các sự kiện xảy ra vào mùa hè năm 1990, cùng với tuyên bố của Nga về chủ quyền giống như ngòi nổ, đã khơi mào quá trình dẫn tới sự tan rã của Liên Xô. Điêu đó, như các bạn thấy đây, đã là nguyên nhân chủ

yếu dẫn đến sự tan rã. Tôi sẽ trở lại đề tài này dưới đây.

Vào cuối năm 1990, giới chức ở Vilnius tiếp tục hoạt động, theo từ ngữ và tinh thần trong tuyên bố độc lập của họ, và đề tài này đã dẫn đến một cuộc đấu tranh nội bộ đáng kể trong nước cộng hòa đó. Những người phản đối ly khai khỏi Liên Xô đã tạo ra các tổ chức riêng của họ. Đảng Cộng sản Litva đã tan vỡ vào thời điểm đó, và các mảnh vỡ của nó bắn đi rải rác theo các hướng khác nhau. Một bộ phận ủng hộ độc lập; bộ phận khác phản đối độc lập và còn hành động theo một cách rất cực đoan, vài lần vi phạm pháp luật. Bộ phận này của Đảng Cộng sản Litva (cũ) bắt đầu một cách có hệ thống để yêu cầu chính quyền trung ương áp đặt tình trạng khẩn cấp trong nước, đặt Litva dưới nguyên tắc theo sắc lệnh của tổng thống, v.v. Những đòi hỏi này trên thực tế đã nhận được sự thông cảm và ủng hộ của một số lực lượng tại Moskva, những lực lượng dùng sức mạnh để gây áp lực tương tự (như ví dụ đã nêu trên, phát biểu của Tướng Varennikov trong cuộc họp của Bộ Chính trị). Vào tháng 12/1990 và tháng 1/1991, các lực lượng này ở Vilnius và Moskva đã thực sự phối hợp hành động với nhau.

Mặc dù vậy, tôi cảm thấy, như trước đây, rằng tôi không có quyền tiến hành các biện pháp cực đoan. Vào ngày 10/1/1991, tôi đã kêu gọi Soviet Tối cao Cộng hòa Litva và đề nghị khôi phục đầy đủ và ngay lập tức Hiến pháp Liên Xô, bởi tình hình trở nên rất dễ bùng nổ. Các nhà chức trách Litva đã không trả lời. Kết quả là, những người yêu cầu Litva tiếp tục ở lại trong khuôn khổ của Liên Xô đã gia tăng mạnh mẽ hoạt động của họ, và thành lập một ủy ban Bảo vệ Quốc gia. Hành động vi hiến của một số người kích động hành động vi hiến ở những người khác. Cuộc đấu tranh chuyển từ kênh tuân thủ Hiến pháp sang con đường đối đầu trực tiếp.

Yazov, Kryuchkov và Pugo (theo thứ tự là các bộ trưởng Quốc phòng,

An ninh Quốc gia và Nội vụ) báo cáo với tôi rằng họ đã có biện pháp trong trường hợp tình hình vượt ngoài tầm kiểm soát, và các cuộc đụng độ trực tiếp bắt đầu giữa những người ủng hộ Sajūdis với những người cộng sản đòi hỏi phải có quy định theo sắc lệnh tổng thống. Yếu tố duy nhất được xem xét - không có gì khác - là sự cần thiết phải hành động trong trường hợp có đổ máu. Sau khi đến Vilnius, Tướng Varennikov báo cáo rằng tình hình rất nguy hiểm, và lại đề nghị áp đặt quy định theo sắc lệnh tổng thống.

Trong những điều kiện này, lại có thêm một nỗ lực nữa về giải pháp chính trị. Vào ngày 12/1, Hội đồng Liên bang thảo luận về tình hình Litva. Tôi nói rằng chúng ta đã tránh được một bước đổ máu, và đề xuất rằng phải lập tức cử đại diện của Hội đồng Liên bang đến Vilnius để đi đầu tra tại chỗ và đưa ra hành động khả thi. Nhưng trước đó, thậm chí trước khi đoàn đến Vilnius, thảm kịch đã xảy ra. Tôi yêu cầu lời giải thích từ Kryuchkov, Pugo và Yazov: Làm thế nào mà đi đầu này đã có thể xảy ra, và ai đã ra lệnh sử dụng quân đội? Cả ba người đều phủ nhận việc tham gia vào những sự kiện này.

Cho tới hôm nay, mọi chi tiết về những gì đã xảy ra ở Vilnius (và sau đó tại Riga) đều không được biết, nhưng qua thời gian, ngày càng bộc lộ nhiều thực tế. Sau khi thôi làm Tổng thống Liên Xô, tôi nhận được chút ít thông tin hé lộ về các sự kiện ngày 13/1/1990 tại thủ đô của Litva. Rất cuộc, không nghi ngờ gì nữa, chúng ta sẽ biết chính xác ai ra lệnh cho quân đội hành động, ai lãnh đạo toàn bộ “hoạt động”, và cách họ thực hiện nó.

Trong một bài phát biểu ngày 22/1/1990, tôi đã nói như sau: “Những sự kiện xảy ra ở Vilnius không hề là biểu hiện của đường lối chính sách của Tổng thống; quyền lực của Tổng thống được đặt ra không phải là cho việc này. Bởi vậy, tôi dứt khoát bác bỏ mọi suy đoán, nghi ngờ và ám chỉ trong

vấn đề này”. Tuyên bố đã nói một cách rõ ràng rằng bất kỳ tổ chức xã hội, ủy ban hay mặt trận nào, đều chỉ có thể lên nắm quyền bằng các biện pháp hợp hiến và không sử dụng vũ lực. Mọi cố gắng sử dụng vũ lực trong đấu tranh chính trị là không được chấp nhận. Các hành động tùy tiện về phía các lực lượng vũ trang cũng không thể chấp nhận được.

Rõ ràng, từ các cuộc thảo luận ở trên cho thấy ba cuộc khủng hoảng ở Tbilisi, Baku và Vilnius khá khác nhau về tính chất. Chỉ ở Baku, việc sử dụng quân đội là do kết quả của một quyết định từ chính quyền trung ương. Các hành động trong hai trường hợp khác hoàn toàn trái ngược với đường lối chính sách của lãnh đạo nước ta, được định ra để hướng tới một giải pháp chính trị hòa bình cho các tình huống nảy sinh.

CHƯƠNG 3

TIẾN TỚI MỘT HIỆP ƯỚC LIÊN BANG MỚI

Vấn đề soạn thảo và ký kết một hiệp ước liên bang mới nảy sinh trong quá trình chuẩn bị cho một hội nghị toàn thể của UBTƯ KFIICC về các vấn đề dân tộc, dù vấn đề đối mới của Liên bang chúng ta, như tôi đã nói, đã được đưa ra trước đó. Thực sự thời gian đã chín muồi để bắt đầu xây dựng cơ sở pháp lý cho việc cải cách Liên bang, nghĩa là soạn thảo một Hiệp ước Liên bang mới. Về phần chúng tôi, xây dựng ý tưởng này vào tháng 9/1989, chúng tôi đã thực sự bắt đầu tham vấn thực tế về Hiệp ước như thế này từ rất sớm.

Cương lĩnh chính trị của UBTƯ KFIICC, được soạn thảo cho Đại hội Đảng lần thứ 28, có tiêu đề “Hướng tới một Chủ nghĩa Xã hội dân chủ và nhân văn”, được Hội nghị toàn thể UBTƯ phê chuẩn vào tháng 2/1990, tuyên bố: “KFIICC coi việc phát triển hơn nữa nguyên tắc hiệp ước trong việc tái cấu trúc Liên Xô là rất cần thiết... Các nước cộng hòa liên bang, khi tự nguyện chuyển giao các chức năng đã được chỉ rõ, cho thẩm quyền của Liên bang [trong Hiệp ước Liên bang], sẽ củng cố vị thế của họ như là

các quốc gia có chủ quyền, và được Hiến pháp đảm bảo”.

Luận điểm chung này vẫn chưa được hoàn thiện bằng một bản thảo chi tiết. Các cuộc thảo luận vẫn tiếp tục bàn về vấn đề nội dung thực tế của Hiệp ước Liên bang phải thế nào. Sau đây là một đoạn trích từ biên bản cuộc họp ngày 1/3/1990 của Bộ Chính trị:

Gorbachev: Chúng ta phải xem xét và thực sự hiểu khái niệm về một liên bang. Chúng ta không thể giới hạn mình trong việc biểu lộ sự lên án và cảm nhận bị xúc phạm. Một số người thậm chí đề nghị rời khỏi Liên Xô. Dự luận đã thay đổi thái độ, từ những phản ứng đầy cảm xúc tới các lập luận theo kiểu: Tại sao chúng ta lại cần một liên bang khổng lồ như vậy? Nga cùng với Ukraina đã có 200 triệu người. Sau đó thêm Kazakhstan, nơi một nửa là người Nga nữa. Umm, cũng có thể thêm Uzbekistan tuy có vấn đề hơi khác. Nhưng đối với những người còn lại, hãy để họ rời khỏi Liên Xô.

Đó là lý do tại sao chúng ta phải giữ thế chủ động trong tay mình. Tôi nhắc lại, chúng ta cần một quan niệm rõ ràng. Và quan niệm đó là sự đổi mới Liên bang trên cơ sở một hiệp ước. Từ các cuộc thảo luận với các đại diện của vùng Baltic, Gruzia và các nước cộng hòa khác, tôi thấy họ đều có một quan niệm mới về Liên bang trong các nền cộng hòa của họ. Tuy nhiên, chúng ta lại cứ khẳng định giữ công thức cũ. Chúng ta cần soạn thảo một Hiệp ước Liên bang và công bố nó, và nó phải được thảo luận kỹ lưỡng, không vội vàng, trên báo chí và trong xã hội - ở khắp mọi nơi. Đặc biệt là để mọi người nhìn thấy những quốc gia khác nhau sẽ phải mạo hiểm những gì nếu họ rút khỏi Liên bang. Tất nhiên chúng ta không thể rơi vào khẩu hiệu cũ [thời Sa hoàng] là “[Nước Nga,] Chỉ một và không chia rẽ”. Nhưng vấn đề phải được đặt ra theo cách để vô hiệu hóa mong muốn rời khỏi Liên bang. Có thể có một liên bang với các nước cộng hòa khác nhau, có những vị thế khác nhau; theo đó, kết quả là sẽ có các mối quan hệ khác nhau giữa các nước cộng hòa và Trung ương. Sau hết, ngay cả trong đế chế Nga, vị thế của các phần khác nhau trong đế chế cũng rất khác nhau. Đã

từng có [Đại] Công quốc Phần Lan, Vương quốc Ba Lan, Khanate Bukhara[‡], v.v.

Ryzhkov ủng hộ ý tưởng thảo luận về một dự thảo hiệp ước, với mục đích và trong khuôn khổ của việc soạn thảo một hiến pháp mới. Ligachev khẳng định mạnh mẽ rằng chủ nghĩa quốc tế đang bị lãng quên.

Gorbachev (tiếp): Nếu chúng ta không xem xét và cố gắng hiểu ý tưởng về một liên bang, hỗn loạn sẽ tiếp tục. Tất cả những gì chúng ta đang làm sẽ bị ảnh hưởng. Chúng ta không thể chỉ “giữ chúng để kiểm tra”. Chúng ta phải hành động rất cẩn thận để thiết lập chuỗi hành động; nếu không, chúng ta có thể làm mất đi sự tự bảo vệ mình trước những người ủng hộ nhiệt tình nhất của chính chúng ta, những người ủng hộ liên bang 1.000%.

Làm thế nào chúng ta có thể xây dựng một cầu nối? Điểm khởi đầu là ý tưởng về liên bang. Mặc dù có thể có những dạng khác nhau hoặc các bước khác nhau, đi theo hướng này hoặc hướng khác, điểm mấu chốt vẫn là ý tưởng về một liên bang.

Hai tuần sau, tại Đại hội Đại biểu Nhân dân lần thứ ba, tôi được bầu làm Tổng thống Liên Xô. Trong bài phát biểu đầu tiên của mình ở vị trí mới này, ngay lập tức tôi đã đặt trọng tâm vào vấn đề của một Hiệp ước Liên bang:

Số phận của perestroika trên một phạm vi rộng lớn sẽ được xác định bằng việc chúng ta thực hiện chuyển đổi sang một liên bang mới thành công như thế nào. Với cương vị Tổng thống, tôi cam kết sẽ duy trì sự toàn vẹn của đất nước chúng ta. Đồng thời, tôi tiếp tục ý tưởng rằng việc phải có biện pháp để tăng cường chủ quyền của các nước cộng hòa liên bang, sự tự trị về kinh tế và chính trị của họ, việc nâng cao vị thế của các nước cộng hòa tự trị và các đơn vị lãnh thổ khác phải là một đối tượng quan tâm đặc biệt của Tổng thống.

Trong khi chia sẻ ý kiến nêu ra ở đây về những vấn đề này, tôi coi việc soạn thảo một Hiệp ước Liên bang mới, phù hợp với những thực tế và yêu cầu mới trong sự phát triển của Liên bang chúng ta và của mỗi quốc gia Soviet, là một việc hết sức cấp thiết. Trong quá trình này, chúng ta nên dự phòng cho sự khác biệt giữa những hình thức đa dạng trong các mối quan hệ liên bang, có tính đến các điều kiện độc đáo và tiềm năng của mỗi nước cộng hòa.

Nói cách khác, cơ quan quản lý cao nhất của nước ta đã trình bày công khai một tiến trình được xác định rõ ràng. Trong bài phát biểu này, khi đề cập tình hình ở Kavkaz (xung đột vẫn tiếp tục diễn ra giữa Armenia và Azerbaijan), cũng như trong khu vực Baltic, sự mở rộng của chính sách ly khai và tư tưởng chống Soviet ở các vùng khác nhau của các nước cộng hòa, tôi thấy cần tập trung vào một số vấn đề đặc trưng nhất định. Việc thảo ra và ký kết một Hiệp ước Liên bang mới sẽ góp phần vượt qua những khó khăn này.

Và tôi tiếp tục bài phát biểu của mình:

Cần phải có những biện pháp khẩn cấp để giải quyết các vấn đề đặc biệt đau đớn phát sinh từ các cuộc tranh luận hoặc thù hận giữa các dân tộc, trên hết là vấn đề về người tị nạn. Về vấn đề này, chính phủ các nước cộng hòa liên bang, hoặc khi cần thiết là cả chính phủ Liên bang, phải có các biện pháp.

Nhìn chung, ngày nay chúng ta có quyền đề xuất những điều sau đây: Các nước cộng hòa liên bang, trong khi tăng cường chủ quyền và có được quyền tự trị to lớn, cũng phải có đầy đủ trách nhiệm để đảm bảo quyền công dân cho tất cả các dân tộc trên lãnh thổ của họ - phù hợp với quy chuẩn của cả Liên Xô lẫn quốc tế. Đây là trách nhiệm chính trị, pháp lý và vật chất.

Trong thời gian gần đây, nảy sinh nguy cơ đến từ khẩu hiệu của những người theo chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa sô-vanh, và thậm chí cả chủ nghĩa phân biệt

chủng tộc. Chúng ta phải đấu tranh không khoan nhượng chống lại điểu này, sử dụng toàn bộ sức mạnh của Hiến pháp và luật pháp đất nước.

Vào ngày 12/6/1990, một phiên họp của Hội đồng Liên bang được tổ chức. Đây là một cơ quan mới được thành lập (cùng với Hội đồng Tổng thống), đồng thời với việc thành lập văn phòng Tổng thống Liên Xô. Các nhà lãnh đạo của tất cả các nước cộng hòa liên bang đều trực thuộc Hội đồng Liên bang. Phiên họp ngày 12/6 đã được dành cho các vấn đề liên quan đến cấu trúc của một chính phủ dân tộc và Hiệp ước Liên bang. Thỏa thuận là chúng ta nên thành lập một nhóm công tác gồm đại diện của tất cả các nước cộng hòa. Hội đồng Liên bang đã thể hiện sự ủng hộ việc thành lập một Liên bang các quốc gia có chủ quyền, với khả năng kết hợp giữa các thành tố của một liên bang, một liên minh, một khối thịnh vượng chung.

Giải thích động cơ dẫn đến quyết định này với các đại biểu tại Đại hội КПСС lần thứ 28, tôi đã nói như sau:

Mọi thứ chúng ta đã trải qua và nhận thức được trong quá khứ gần đây khiến chúng ta hiểu rằng, sự chuyển đổi của Liên bang không thể chỉ đơn giản giới hạn ở sự mở rộng, mà còn có ý nghĩa quan trọng ở quyền của các nước cộng hòa và các đơn vị tự trị. Một Liên bang thực sự của các quốc gia có chủ quyền là cần thiết. Chúng ta đang chủ yếu nói về việc thành lập một cơ cấu chính phủ dân tộc cho đất nước mình, thuộc kiểu có thể cho phép các mâu thuẫn được cởi bỏ, để sự hợp tác giữa các quốc gia và dân tộc Soviet được nâng lên một tầm cao mới, và để toàn bộ sức mạnh chính trị và tiềm năng kinh tế, tinh thần hợp nhất được nhân rộng, vì lợi ích của tất cả những người đã gia nhập Liên bang các quốc gia vĩ đại này. Thêm vào đó, an ninh của đất nước ta sẽ được đảm bảo chắc chắn và vị thế quốc tế của chúng ta sẽ được nâng cao.

Đồng thời, vẫn còn đó đòi hỏi về việc phải ưu tiên nhân quyền hơn bất kỳ lợi ích nào về chủ quyền quốc gia hoặc quyền tự trị. Điều kiện này nên được thể hiện một cách chắc chắn trong cấu trúc Hiến pháp của Liên bang và của mỗi nước cộng hòa. Chúng ta không thể rút lui dù chỉ một bước khỏi nguyên tắc này, bởi nó dẫn dắt chúng ta trên cấp độ quốc tế.

Tôi đã tham khảo những ý kiến này từ Đại hội Đại biểu Nhân dân Liên Xô, Hội đồng Liên bang và Đại hội Đảng lần thứ 28 để chỉ ra rằng, trong giới lãnh đạo của КПСС đã phát triển một sự hiểu biết không chỉ về sự cần thiết phải cải cách Liên bang, mà còn cả khái niệm về việc làm thế nào để thực hiện nhiệm vụ này.

Sau đó, công việc thực tế bắt đầu. Vào ngày 20/6, cuộc họp đầu tiên giữa những nhóm công tác đại diện các nước cộng hòa liên bang với nhóm công tác của Soviet Tối cao Liên Xô và Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô đã được tổ chức. Cuộc họp này đã được dành để thảo luận về các cách tiếp cận trong việc soạn thảo một Hiệp ước Liên bang mới. Sau đó, các cuộc họp bổ sung của những nhóm làm việc giữa các nước cộng hòa với nhóm công tác của Soviet Tối cao Liên Xô đã được tổ chức. Có 12 cuộc họp như vậy từ ngày 3-28/8/1990, cuộc họp đầu tiên giữa các nhóm công tác của Soviet Tối cao Liên Xô và các nhóm như vậy của Liên bang Nga.

Có một lý do đặc biệt để bắt đầu những cuộc đối thoại với Nga: Boris Yeltsin, người được bầu vào chức vụ Chủ tịch Soviet Tối cao Liên bang Nga, trong bài diễn văn đầu tiên của mình tại Đại hội Đại biểu Nhân dân, đã kêu gọi tuyên bố chủ quyền của Nga. Cách hiểu của ông ta về chủ quyền của Nga khá độc đáo: “Chủ quyền đầu tiên và quan trọng nhất ở Nga là con người và quyền con người. Tiếp đó là các doanh nghiệp, nông trang tập thể, nông trang quốc gia, và mọi tổ chức khác - những nơi chủ

quyền phải được thể hiện đầu tiên và mạnh mẽ nhất. Và dĩ nhiên chủ quyền của Soviet vùng, phải giống như bất kỳ một Soviet nào”.

Cũng tại Đại hội Đại biểu Nhân dân này, trong khi ủng hộ mong muốn tăng cường chủ quyền của mỗi nước cộng hòa trong khuôn khổ một Liên minh đổi mới, tôi lưu ý: “Boris Nikolaevich [Yeltsin] khẳng định rằng chủ quyền thuộc về cá nhân, doanh nghiệp và Soviet vùng. Nhưng tôi phải nói với các bạn rằng: Luận điểm này chưa được hoàn thiện về cả lý thuyết lẫn chính trị. Đó là một luận điểm quá mơ hồ, và ông ta đang đưa vấn đề chủ quyền tới chỗ hết sức ngớ ngẩn”. Thậm chí khi đó, tôi hiểu rằng tất cả những hành động này của tân chính phủ Nga sẽ khuyến khích ly khai trong Liên bang Nga và gây ra những cuộc đụng độ công khai giữa các dân tộc.

Tuy nhiên, Yeltsin đã không giới hạn mình trong những gì ông ta đã nói ở Moskva. Trong một chuyến đi khắp đất nước, ông ta tiếp tục “làm sâu sắc hơn” những ý tưởng này. Tại Tatarstan, ông ta nói: “Bất cứ một kiểu tự trị nào được người Tatar chọn đều không thành vấn đề, chúng tôi xin hoan nghênh”. Tại Bashkiria [Bashkortostan] ông ta nói: “Hãy nhận lấy bất cứ một sự chia sẻ quyền lực nào mà các bạn có thể nuốt trôi”. Hơn nữa, vì sau đó, khi Cộng hòa Chechnya yêu cầu chủ quyền mà nước này đã chọn và tuyên bố độc lập, một cuộc chiến bắt đầu.

Nhưng nó không chỉ là vấn đề chủ quyền cần được hiểu thế nào ở Nga, mặc dù rõ ràng đó là một vấn đề khá nguy hiểm hiện nay. Vấn đề là Yeltsin đã hiểu như thế nào về chủ quyền của Nga trong Liên Xô. Ngay sau khi được bầu làm Chủ tịch Soviet Tối cao Liên bang Nga, ông ta đã tuyên bố: “Dựa trên tuyên bố chủ quyền sẽ được thông qua và về các điều luật cần thiết, nước Nga sẽ tự trị trong mọi việc và các quyết định của Nga sẽ cao hơn các quyết định của Liên bang”. Tuyên bố này là vô trách nhiệm vì

nó vô học. Trong thực tế, nó có nghĩa là Nga sẽ không chú ý đến Liên bang hoặc chính phủ Liên bang, và sẽ không thực hiện các quyết định được đưa ra trên cơ sở Liên bang nói chung.

Các hành động của Nga đã dẫn tới một loạt các tuyên bố về chủ quyền của tất cả các nước cộng hòa liên bang và nhiều nước cộng hòa tự trị - được gọi là cuộc diễu hành của chủ quyền - và ngăn cản một cuộc đối thoại mang tính xây dựng với Litva. Trên thực tế, những hành động này đã đặt cơ sở cho sự giải thể của Liên Xô.

Như vậy, mọi lập luận cho rằng các xung đột dân tộc ở vùng Baltic, vùng Kavkaz và Trung Á đã khiến Liên Xô giải thể, không là gì khác ngoài nỗ lực biện minh cho các hoạt động vô trách nhiệm của Yeltsin và của tổ chức Nước Nga Dân chủ, nguyên nhân tan rã của Liên Xô. Cả khi đó và bây giờ, không ai có thể đưa ra các lập luận thuyết phục rằng tại sao Nga cần độc lập khỏi Liên Xô. Câu hỏi thực ra rất đơn giản: Ai là người đã đề xuất để Nga độc lập? Chính nước này ư? Câu hỏi này đã tước bỏ hoàn toàn vũ khí và truy vấn những người cho rằng hành động của chính phủ Nga là cần thiết. Tôi còn nhớ khi gặp với Yeltsin tại thời điểm sau khi luật về chủ quyền của Nga đã được thông qua, tôi nói với ông ta: “Boris Nikolaevich, nước ta, Liên Xô, bao gồm hai vành đai: Liên bang và Liên bang Nga. Nếu một trong hai vành đai đó tan rã thì mọi thứ sẽ tan biến”.

Nhìn lại mọi thứ đã xảy ra, tôi thấy rõ là định hướng chính của Yeltsin và thuộc cấp của ông ta là theo đuổi một quá trình nhằm giải thể Liên Xô, nắm quyền kiểm soát Nga, từ đó nắm lấy quyền lực. Tất nhiên vào thời điểm đó và kể cả sau đó, ngay trước vụ đảo chính năm 1991, ông ta không thể hành động công khai. Ông ta sẽ không được hỗ trợ thậm chí từ đa số những người ủng hộ ông ta lúc ấy. Nhưng những gì đang xảy ra vẫn còn là

bí mật.

Thêm một điểm nữa không kém phần quan trọng. Đường lối mà giới lãnh đạo Nga theo đuổi cũng tương tự. Cả hai phe, những người xung quanh Yeltsin và các lãnh đạo Đảng Cộng sản Liên bang Nga, mặc dù có những quan điểm trái ngược về tư tưởng, nhưng cùng chung mục tiêu là loại bỏ Gorbachev, phá hoại tiến trình đổi mới và việc cải cách chính quyền Liên bang. Vì tiến trình đó không phù hợp với mục đích của họ.

Nhưng chúng ta hãy quay lại với tiến trình đang được tiến hành - soạn thảo một Hiệp ước Liên bang.

Vào các ngày 30-31/8/1990, sau khi tham khảo ý kiến 12 nước cộng hòa Soviet (không bao gồm ba nước cộng hòa Baltic, dù vẫn có những cuộc họp dành cho ba phái đoàn từ các nước cộng hòa này), một phiên họp liên tịch của Hội đồng Tổng thống và Hội đồng Liên bang đã diễn ra. R. Nishanov, Chủ tịch Hội đồng Dân tộc thuộc Soviet Tối cao Liên Xô, đã thông báo cho những người tham gia kết quả tham vấn. Ông lưu ý có một sự trùng hợp hoàn toàn trong quan điểm về sự cần thiết phải đổi mới Liên bang một cách triệt để, nhưng ông cũng nhấn mạnh là đồng thời những ý kiến đa dạng nhất lại nói về hình thức của quốc gia thống nhất trong tương lai từ liên minh tới liên bang. Quyết định thành lập một ủy ban chuẩn bị Hiệp ước Liên bang mới được đưa ra; nó sẽ bao gồm các phái đoàn được ủy quyền từ các nước cộng hòa, đứng đầu là những người trong các vị trí hàng đầu của chính phủ và có sự tham gia của Tổng thống Liên Xô, Chủ tịch Soviet Tối cao Liên Xô, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô. Ủy ban này sẽ bắt đầu làm việc vào giữa tháng 9/1990.

Vào cuối tháng 9, Soviet Tối cao Liên Xô đã tham gia vào cuộc thảo

luận về vấn đề Hiệp ước Liên bang. Lưu ý rằng trong quá trình thảo luận và tham vấn trước đó, đôi khi có ý kiến cho rằng Liên bang đổi mới sẽ không phải là một quốc gia đơn nhất, mà chỉ là một sự kết hợp yếu ớt và không thể tồn tại được giữa các nước cộng hòa, vì vậy tôi cần phải khẳng định lại một lần nữa lập trường của đa số: “Tôi ủng hộ Liên bang các quốc gia có chủ quyền, một liên bang đổi mới, trong đó mọi người đều cảm thấy thoải mái, tất cả các dân tộc và mỗi quốc gia sẽ nhận thấy tiềm năng trí tuệ của mình và mọi thứ khác ở trong quốc gia đó. Mỗi quốc gia và dân tộc đều tuyệt vời và độc đáo theo cách riêng của mình. Và tôi coi Liên bang các quốc gia có chủ quyền như một nhà nước đa quốc gia thống nhất”.

Sau kỳ họp này của Soviet Tối cao, công việc được tiếp tục. Để viết Hiệp ước Liên bang mới, bảy dự thảo đã được sử dụng. Belarus, Kazakhstan, Uzbekistan, Azerbaijan, Kirgizia, Turkmenia và Tajikistan đã chuẩn bị những bản dự thảo này. Hai bản dự thảo có nguồn gốc từ Viện Chính quyền và Luật thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô, ba dự thảo đã được nhận giải thưởng của ban giám khảo thuộc Nhóm các Đại biểu Liên vùng, và một bản được trình bày bởi một nhóm các đảng phái chính trị. Các vấn đề phải làm về việc đổi mới Liên Xô đã được thảo luận ba lần tại Hội đồng Liên bang và hai lần tại Soviet Tối cao Liên Xô. Kết quả tạm thời của tất cả các hoạt động này đã được chuyển tới Đại hội Đại biểu Nhân dân lần thứ 4 (tổ chức từ 17-27/12/1990). Cuộc thảo luận diễn ra rất căng thẳng và đôi khi khá gượng gạo. Thay vì cố gắng nói ra điều đó, tôi sẽ trích dẫn một đoạn từ nhận xét của G. Tarazevich, đại diện Belarus, Chủ tịch ủy ban của Hội đồng Dân tộc về chính sách dân tộc và mối quan hệ giữa các dân tộc:

Nếu chúng ta phân tích những quan điểm chính trị khác nhau về các nguyên tắc đối mới Liên bang của chúng ta, sẽ có hai kiểu đối lập nhau.

Những đề xuất thứ nhất là xóa bỏ Liên bang hiện tại. (Lúc thì đi đầu này được nêu ra một cách công khai, khi lại úp mở). Nói cách khác, những người ủng hộ đề xuất này đang nói về việc loại bỏ các cấu trúc chính quyền và các cơ quan hiện tại của chính phủ Liên Xô, và làm cho Hiến pháp Liên bang hết hiệu lực. Đồng thời các nước cộng hòa (giả sử như vậy) sẽ bắt đầu một quá trình ký kết những hiệp ước với nhau, và trên cơ sở này một liên bang mới sẽ được thành lập.

Kế hoạch thứ hai không dựa trên sự xóa bỏ mà là cải cách. Một trong những đề xuất loại này là ngăn chặn sự phân ly giữa các liên kết nội bộ hiện đang ràng buộc Liên bang. Theo thỏa thuận với các nước cộng hòa, các cơ quan hành chính và quản lý của Liên bang sẽ được cải cách triệt để. Các nước cộng hòa, cùng với Tổng thống và lãnh đạo của các cơ quan chính phủ hàng đầu toàn Liên bang, sẽ tiến hành một quá trình nhằm đạt được thỏa thuận về một Liên bang mới.

Một cuộc đấu tranh cay đắng, một cuộc thi thố quyền lực, đã nổ ra chủ yếu giữa những người khởi xướng hai kế hoạch này. Kế hoạch thứ nhất thực sự là không khó thực hiện, vì thái độ tiêu cực cố hữu của một bộ phận công chúng đã được hình thành trong mối quan hệ với chính quyền trung ương cũ và chính quyền đương thời. Ở nhiều khía cạnh, thái độ này là đúng. Nhưng sự thật là trong khi phê phán Trung ương và dấn hàng loạt những lời trách cứ lên đó, chúng ta không nhận ra rằng nhiều rắc rối hiện tại của mình lại liên quan đến sự phá hoại thiếu khôn ngoan trước một Trung ương bị chỉ trích khá nhiều này.

Nhưng chúng ta hãy trở lại với vấn đề thực hiện kế hoạch thứ nhất. Như chúng tôi đã nói, dư luận nói chung là chống lại Trung ương. Giờ là lúc lãnh đạo của một số nước cộng hòa, đặc biệt là Nga nếu có, để cho Nghị viện của họ đưa ra những ý tưởng chính thức bằng cách tung chăn ra và cất lên tiếng nói, từ các cơ quan quản lý bên dưới của Liên bang. Theo ý kiến tôi, quá trình đó đã thực sự

bắt đầu. Đó chẳng phải là nguyên nhân tại sao chúng ta vẫn chưa thể cân nhắc một kế hoạch và một ngân sách cho toàn thể Liên bang vào năm tới hay sao? Với các sự kiện phát triển theo cách này, một số lực lượng chính trị và các nhà lãnh đạo của họ sẽ thắng cuộc, nhưng liệu xã hội chúng ta và người dân của Liên bang chúng ta có được lợi gì từ việc này không? Tôi tin là không. Ngược lại, sự xóa bỏ Liên bang sẽ mang lại những thảm họa mới cho người dân của Liên bang đó...

Sự xóa bỏ Liên Xô trong hoàn cảnh lịch sử hiện tại chắc chắn sẽ dẫn đến những hậu quả thảm khốc cho xã hội chúng ta. Những chính khách có ảnh hưởng đến các quá trình theo hướng này hay khác cần hiểu rõ trách nhiệm của họ đối với nhân dân và lịch sử. Chừng nào ý tưởng về sự đổi mới Liên Xô còn được quan tâm, thì theo ý kiến tôi, chừng đó quan điểm của Tổng thống [Gorbachev] cần được ủng hộ, vì nó không đưa đến sự xóa bỏ mà là sự cải cách chính quyền trung ương.

Vào ngày 24/12/1990, Đại hội thông qua một nghị quyết có tựa đề “Khái niệm chung về Hiệp ước Liên bang mới và thủ tục ký kết Hiệp ước”. Thể hiện sự ủng hộ việc chuyển đổi Liên bang hiện tại thành một “Liên bang tự nguyện và bình đẳng của các nước Cộng hòa có Chủ quyền - một quốc gia liên bang và dân chủ”, Đại hội ghi nhận:

Một Liên bang mới dựa trên ý chí của các dân tộc khác nhau và dựa trên những nguyên tắc được thiết lập từ nay về sau trong tuyên bố của các nước cộng hòa và các đơn vị tự trị về chủ quyền quốc gia - một Liên bang đổi mới như thế sẽ kêu gọi đảm bảo những điểu sau đây: bình đẳng cho mọi công dân của đất nước, không phân biệt dân tộc hoặc nơi cư trú; bình đẳng giữa các dân tộc, quy mô dân số không thành vấn đề, quyền tự quyết bất khả xâm phạm của các dân tộc, sự phát triển dân chủ tự do, cũng như quyền của các hợp phần của Liên bang về toàn vẹn lãnh thổ; đảm bảo các quyền của mọi dân tộc thiểu số; tăng cường

thẩm quyền của Liên bang như một sự bảo đảm cho hòa bình và an ninh quốc tế.

Đại hội cũng chỉ ra rằng, công việc tiếp theo về dự thảo Hiệp ước và tiến hành các thủ tục ký kết Hiệp ước này phải được tổ chức và thực hiện bởi một ủy ban dự trù, gồm các quan chức cấp cao của các hợp phần Liên bang - các nước cộng hòa và các đơn vị tự trị, Tổng thống Liên Xô, Chủ tịch Soviet Tối cao Liên Xô, Chủ tịch Hội đồng Dân tộc thuộc Soviet Tối cao Liên Xô. Trong quá trình chuẩn bị dự thảo Hiệp ước Liên bang, ủy ban phải “dựa vào khái niệm chung được đưa ra trong Đại hội, cũng như những khái niệm do các hợp phần của liên bang đưa ra, có tính đến những ý kiến và đề xuất của Đại biểu Nhân dân Liên Xô và dư luận”.

Nghị quyết Đại hội đã nêu ra một điểm đặc biệt sau: Đại hội nhấn mạnh rằng điều kiện chính để đạt được thỏa thuận là đối với tất cả các cơ quan chính phủ, cho đến khi ký kết Hiệp ước Liên bang mới, phải tuân theo Hiến pháp hiện hành của Liên Xô và pháp luật toàn Liên bang, không cho phép thông qua các nghị quyết hạn chế quyền chủ quyền và lợi ích hợp pháp của các đơn vị thành viên Liên bang.

Điều khoản này là hoàn toàn cần thiết, vì vào đầu năm 1991, các trường hợp vi phạm Hiến pháp Liên Xô đã tăng nhanh chóng theo cấp số nhân. Nó không chỉ là vấn đề của khu vực Baltic, mà còn liên quan đến một số nước cộng hòa khác. Về mặt này, Nga cũng là một ví dụ điển hình, không chỉ một lần.

Vào đầu năm 1991, việc xây dựng dự thảo Hiệp ước Liên bang mới bắt đầu tăng tốc. Nhưng nó đã được tiến hành trong những hoàn cảnh cực kỳ phức tạp: Cả hai phe dân chủ cấp tiến và bảo thủ chống lại việc đổi mới Liên bang đều tăng cường hoạt động, tìm cách ngăn chặn việc thực hiện

các kế hoạch do Đại hội Đại biểu Nhân dân đưa ra và thông qua.

Những người dân chủ cấp tiến đã chứng tỏ là nhiệt tình nhất. Họ cố gắng tận dụng các sự kiện ở Vilnius và Riga, mô tả chúng như một “âm mưu của những người bảo thủ ở Kremli”. Họ giải thích mọi hành động của giới chức chính quyền trung ương theo tinh thần đó.

Vào thời điểm đó, Yeltsin có một chuyến đi đến Latvia và Estonia. Phát biểu tại một cuộc họp báo sau chuyến đi, ông ta tuyên bố: “Dường như không thể” bảo vệ chủ quyền của Nga mà không có quân đội Nga. Như vậy, quân đội Nga được cho là cần phải bảo vệ chủ quyền của Nga chống lại quân đội Liên bang mà 80% là người Nga. Thật vô lý! Hơn nữa, đây là một sự vi phạm trắng trợn Hiến pháp Liên Xô. Tôi đã có dịp nói đi đâu này trực tiếp từ diễn đàn của Soviet Tối cao Liên Xô.

Về phát biểu của Yeltsin tại cuộc họp báo này, tôi xin trích từ bài tường thuật trên tờ *Izvestia* như sau:

Yeltsin nói đến thực tế là các nhà lãnh đạo của bốn nước cộng hòa lớn nhất - Nga, Ukraina, Belarus và Kazakhstan - đã quyết định không chờ có Hiệp ước Liên bang, mà sẽ ký kết một thỏa thuận bốn bên giữa họ về mọi vấn đề, và vì mục đích này, họ sẽ gặp nhau trong tương lai gần tại thành phố Minsk. Không có ngày chính xác.

Yeltsin nói: “Dường như với chúng ta, một hành động như vậy sẽ là một yếu tố tốt giúp ổn định toàn xã hội. Thỏa thuận của chúng ta có thể được các nước cộng hòa khác và chính quyền trung ương tham gia sau này, nếu họ muốn”.

Ý tưởng này đã không được thực hiện vào thời điểm đó. Tuy nhiên, những gì đã thực sự xảy ra lại là một nỗ lực công khai, không chỉ phá hoại

Hiệp ước Liên bang, mà còn để mời gọi chính phủ hiện tại tham gia vào vấn đề

Hoàn toàn không ngẫu nhiên khi trong giai đoạn đó, vào đầu năm 1991, Yeltsin bắt đầu một chiến dịch căng thẳng chống lại tôi với tư cách Tổng thống Liên Xô. Ngày 19/2, trong một cuộc phỏng vấn dành cho truyền hình trung ương, ông ta nói rằng ông ta không đồng tình với các chính sách của Tổng thống Liên Xô và yêu cầu Tổng thống từ chức. Soviet Tối cao Liên Xô giải thích phát biểu này của Yeltsin như một sự mâu thuẫn với Hiến pháp và gây ra một tình trạng bất thường.

Vào cuối tháng 2, tôi đến Belarus. Trong bài phát biểu tại đó, tôi đưa ra những đánh giá dưới đây về mọi thứ đã xảy ra, tất nhiên không bị sa vào giọng lười mà những kẻ phản đối tôi thường dùng. Tôi cảm thấy có nghĩa vụ trích dẫn một cách bao quát bài phát biểu của mình tại cuộc họp đó vào ngày 26/2 với giới khoa học và giới trí thức đầy sáng tạo của Belarus:

Ngày nay, quyền tự quyết và tự trị của các dân tộc đã được pháp luật công nhận. Chúng ta đã bước vào giai đoạn chuyển đổi Liên Xô thành một liên bang của các nước cộng hòa có chủ quyền...

Tuy nhiên, cần phải nói rằng, trong điều kiện một nền dân chủ mong manh và lỏng lẻo của chúng ta, một số nhóm chính trị nhất định đã toan tính thực hiện các kế hoạch của họ không theo khuôn khổ Hiến pháp, cũng không theo luật pháp hiện hành, mà bằng sự chống đối trực tiếp. Mọi kịch tính của tình hình hiện tại và nguồn gốc của những khó khăn mà chúng ta đang phải trải qua chủ yếu xuất phát từ đó...

“Cuộc chiến pháp lý” [mà Liên bang Nga dùng nó để thông qua những điều luật mâu thuẫn với luật của toàn Liên bang] đã được tiến hành theo kiểu ý thức hệ nhất định, trên nhiều khía cạnh đã làm tê liệt chính quyền, xé nát thị trường, phá

vỡ các mối quan hệ sống còn đã hình thành hàng thập niên. Những cuộc tấn công gia tăng, chống lại Đại hội Đại biểu Nhân dân, Soviet Tối cao Liên Xô và Tổng thống. Một tình huống nghịch lý phát sinh khi nhân dân cáo buộc chính quyền trung ương đã đặt dấu chấm hết cho cải cách và chuẩn bị cho một chế độ độc tài, nhưng chính họ đã đi khá xa khỏi đường lối của perestroika, và trên thực tế đang tìm cách thay đổi mục tiêu và định hướng của nó. Sự thật là một cuộc đấu tranh vì quyền lực đang diễn ra, nó gây nên bất ổn xã hội, đe dọa làm chúng ta đi chệch con đường cải cách và rơi vào đối đầu. Nếu chúng ta không chấm dứt tình trạng không thể chịu đựng nổi này theo quan điểm của xã hội chúng ta và sự sống còn của chính quyền chúng ta, cuộc khủng hoảng này sẽ trở nên sâu sắc hơn, đe dọa phát triển thành một cuộc nội chiến làm suy yếu nghiêm trọng nước ta, nếu không nói là kéo nó lùi lại hàng thập niên...

Kết luận chung của các học giả có uy tín và các nhà khoa học đến từ nhiều nước là: Không thể thực hiện được một sự chuyển đổi thành công sang thị trường trong điều kiện hỗn loạn và vô tổ chức như vậy. Chúng ta muốn đạt tới các hình thức mới của cuộc sống và đảm bảo một động lực khác cho sự phát triển quý giá của đất nước chúng ta bằng việc cải cách các quan hệ sở hữu, hướng tới một nền kinh tế thị trường và chuyển đổi Liên bang. Nếu không có sự gắn kết, không có sự đoàn kết của đại đa số nhân dân, chúng ta sẽ không thể gánh vác được những nhiệm vụ này. Đó là bản chất của toàn bộ tình huống phức tạp và kịch tính này...

Các nhóm chính trị diễu hành dưới ngọn cờ dân chủ là một mớ hỗn độn, nhưng vị trí của các nhà lãnh đạo của họ đã được sắp xếp khá rõ ràng. Họ muốn dẫn chúng ta tới đâu, tới các dịch vụ mà họ cung cấp, “những người bạn dân” mới lạ này? Điểm đầu tiên trong chương trình của họ là chia rẽ, và họ dùng nó để ám chỉ sự tan rã của quốc gia đa dân tộc vĩ đại của chúng ta. Một nhà tư tưởng trong số những nhà dân chủ, Chủ tịch Soviet Moskva, Gavriil Popov, nói một cách thẳng thắn, vô cảm, về khả năng tách Liên Xô thành 40 hay 50 quốc gia mới, tái định cư toàn bộ dân cư và vạch ra biên giới mới giữa các nước cộng hòa khác nhau. Kế hoạch này vừa chống lại Liên bang vừa chống lại nhân dân, được đề

xuất như là cốt lõi trung tâm của chế độ dân chủ, và những hành động chính trị theo sau khuấy động những định hướng chương trình này. Tôi còn nhớ rất rõ các cuộc tấn công điên cuồng nhằm vào chính quyền trung ương, đó là những nỗ lực gieo rắc sự nghi ngờ về Liên bang chúng ta, về cuộc trưng cầu dân ý liên quan đến tương lai quốc gia đa dân tộc của chúng ta...

Và không chỉ tung ra nghi ngờ, mà còn cố bóp méo mục tiêu của chúng ta. Hãy xem cuộc trưng cầu dân ý của chúng ta đã phải chịu đựng những sự tấn công như thế nào tại một số diễn đàn nhất định. Không hề ngạc nhiên khi những người mệnh danh là dân chủ lại tham gia vào một liên minh chính trị với những người dân tộc chủ nghĩa ly khai. Họ có một mục đích chung: làm suy yếu, và nếu có thể là phá hủy Liên bang. Và đối với những người dân chủ, sẽ không có vấn đề gì khi sự tôn trọng mà nhóm Sajūdis hoặc Rukh* dành cho những kẻ cực đoan không hơn gì sự sỉ nhục. Họ có thể tha thứ cho các đồng minh này về những “tội lỗi” như việc tổ chức khủng bố tinh thần, và trong một số trường hợp là khủng bố có vũ trang, chống lại những người nghĩ khác hoặc nói một ngôn ngữ khác, tàn phá các tượng đài người lính Soviet, và cổ vũ những quan điểm ủng hộ phát xít...

Phe đối lập cho rằng sẽ không có lợi cho họ nếu người khác, chứ không phải họ, thực hiện cải cách. Đó là lý do tại sao họ không chỉ cố gắng làm mất uy tín các chính sách của chính quyền trung ương, mà trong mức độ có thể của mình, còn tấn công các biện pháp được chính quyền trung ương thực hiện. Toàn bộ đi đầu này có ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế, bất chấp những nỗ lực đầy tâm huyết của chúng ta. Hoạt động của nhiều cơ quan chính quyền ở cấp độ nước cộng hòa đã gây được ảnh hưởng, như việc tìm kiếm các mối quan hệ phù hợp và có lợi giữa chính quyền trung ương với các nước cộng hòa. Chúng ta có thể thấy những nơi mà phong trào ly khai đang dẫn đầu. Nếu chúng ta không ngăn chặn chúng, và nếu chúng ta không duy trì các mối quan hệ kinh tế đã bị phá vỡ ở một mức độ đáng kể, chúng ta sẽ phải đối mặt với một sự suy giảm trong sản xuất sẽ đến ngay sau đó với mọi hậu quả của nó, mà trên hết là hậu quả xã hội. Và từ hậu quả xã hội sẽ dẫn đến hậu quả chính trị, vì người dân không thể chịu

đựng được tình cảnh này lâu hơn nữa...

Cho nên, vấn đề phải được giải quyết trong khuôn khổ tiếp tục perestroika - nếu không, với sự tan rã và phân hủy của các quan hệ kinh tế và sự gián đoạn sản xuất, sẽ chẳng còn cần đến các biện pháp khắc nghiệt làm gì nữa. Chúng ta không muốn đi đầu này xảy ra, vì sự hỗn loạn chỉ có thể làm phát sinh các phương pháp độc tài và các hình thức cai trị.

Khi đó tôi thấy cần phải gọi đúng tên sự việc để chỉ ra mối nguy hiểm của những thách thức do các nhà dân chủ cấp tiến đặt ra, và sự nhùng nhịu mà họ thể hiện. Nhưng các cuộc tấn công còn đến từ những lực lượng phản đối cải cách, tại Hội nghị Đại biểu Nhân dân Liên Xô tháng 12/1990, họ đã cố gắng loại bỏ Tổng thống khỏi vị trí. Và mặc dù những người ủng hộ hai luồng tư tưởng cực đoan cấp tiến khác biệt đầu thù ghét nhau, nhưng về mặt khách quan, lợi ích của họ lại cùng hội tụ xung quanh mục đích chung là phá hoại chính quyền trung ương trong cải cách.

CHƯƠNG 4

TRUNG CẦU DÂN Ý VỀ LIÊN BANG

Tôi hiểu khá rõ là đấu tranh chính trị chủ yếu diễn biến xoay quanh số phận của Liên bang, liệu nó có tiếp tục tồn tại hay không, và nếu có thì trong hình thức nào (Số phận của những cải cách kinh tế, chính trị và pháp lý cũng phụ thuộc vào câu trả lời cho câu hỏi này). Hiểu rõ đi đầu này, tôi có quan điểm rằng tất cả những vấn đề ảnh hưởng tới số phận của nhân dân không thể được quyết định mà không có sự tham gia của họ. Tôi tin rằng nếu một cuộc trưng cầu dân ý được tổ chức, đại đa số công dân nước ta sẽ thể hiện sự ủng hộ bảo tồn Liên bang với diện mạo đã được cải cách của nó.

Tôi đã đề trình vấn đề này lên Đại hội Đại biểu Nhân dân. Ngày 24/12/1990, Đại hội đã thông qua nghị quyết tổ chức một cuộc trưng cầu dân ý về số phận của Liên Xô. Vào ngày 16/1 năm đó, Soviet Tối cao Liên Xô đã ra sắc lệnh tổ chức một cuộc trưng cầu dân ý trên toàn lãnh thổ Liên Xô vào ngày 17/3/1991. Câu hỏi được đưa ra trong cuộc trưng cầu là: “Bạn có thấy cần thiết phải bảo tồn Liên Xô như một liên bang đã đổi mới của các quốc gia bình đẳng, có chủ quyền - các nước cộng hòa mà trong đó các quyền và sự tự do của mỗi cá nhân ở mọi quốc gia đều được đảm bảo đầy

đủ không?”

Lực lượng ly khai ở tất cả các nước cộng hòa đã tiến hành một chiến dịch ráo riết kêu gọi cử tri trả lời phủ định cho câu hỏi này. Tôi sẽ đưa ra một ví dụ. Vào cuối tháng 1/1991, Hội nghị thành lập của cái gọi là Khối Đại hội Dân chủ đã được tổ chức tại Kharkov. Khối này bao gồm Đảng Dân chủ Nga và một số đảng phái khác tương tự từ các nước cộng hòa khác nhau. Hội nghị thể hiện sự chống đối việc duy trì Liên Xô, và hội đồng tư vấn được Đại hội đó lập ra đã kêu gọi hành động dưới khẩu hiệu “Không bàn về vấn đề trung tâm dân ý Liên bang” và “Ủng hộ Yeltsin, Chủ tịch Soviet Tối cao РСФСР”.

Bằng cách này, nhà lãnh đạo của Nga đã phản đối ý tưởng phục hồi Liên bang. Hơn nữa, ông ta cũng không che giấu quan điểm của mình. Tôi đã nhắc tới bài phát biểu của ông ta ngày 19/2, trong đó kêu gọi Tổng thống Liên Xô từ chức. Ba tuần sau, ông ta còn phát biểu hung hăng hơn, kêu gọi những người ủng hộ mình “tuyên chiến với lãnh đạo của đất nước vì đã dẫn chúng ta vào một bãi lầy” và tuyên bố rằng “Gorbachev đang lừa dối nhân dân và dân chủ.”

Vào đầu tháng 2, ba nước cộng hòa Baltic, cùng với Armenia, Moldavia và Gruzia, thông báo rằng họ sẽ không tham gia cuộc trưng cầu dân ý ngày 17/3. Nhưng những công dân của các nước cộng hòa đó nếu có mong muốn thì đều được tạo cơ hội để tham gia.

Vào đêm trước cuộc trưng cầu, phe đối lập trở nên căng thẳng hơn bao giờ hết. Vào ngày 9/3, Yeltsin tuyên bố: “Chúng ta không cần một chính quyền trung ương như thế này - quá lớn và quan liêu... Chúng ta phải thoát khỏi nó”. Ở đây, như người ta thường nói, ông ta đã vội vã xông vào qua

một cánh cửa mở. Sau hết, vấn đề đang được thảo luận là làm mới Liên bang không phải để có một chính quyền trung ương to lớn và quan liêu, mà là để tạo ra một Liên bang thực sự dân chủ của các quốc gia có chủ quyền; tuy nhiên, điều đó lại không liên quan đến Yeltsin.

Rõ ràng ngay từ dự thảo đầu tiên của Hiệp ước Liên bang, được Hội đồng Liên bang phê chuẩn ngày 6/3 (với sự tham gia của đại diện Soviet Tối cao PCΦCP) và được công bố ngày 9/3, Yeltsin đã biết vấn đề thực sự là gì. Ông ta không muốn dự thảo này được phê chuẩn. Cố gắng củng cố quan điểm của mình, ông ta vội vàng tuyên bố, khiếu nại thì ông ta và cả PCΦCP cũng chẳng có nghĩa vụ gì đối với chữ ký của hai đại diện từ Soviet Tối cao PCΦCP trong dự thảo Hiệp ước. Vào đêm trước cuộc trưng cầu, khi phát biểu trên đài phát thanh Rossiya, ông ta bổ sung: “Cuộc trưng cầu dân ý được tổ chức để giành sự ủng hộ cho các chính sách hiện thời của giới lãnh đạo đất nước. Mục đích của nó là để bảo tồn bản chất uy quyền độc tôn của Liên bang và hệ thống”.

Trên truyền hình vào đêm trước cuộc trưng cầu, tôi cũng đã nói:

Chúng ta đang ở ngưỡng cửa của một cuộc trưng cầu dân ý toàn Liên bang. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử nước ta, một sự kiện như vậy diễn ra. Khi chúng ta tham gia trưng cầu, mỗi chúng ta phải nhận thức đầy đủ rằng mình đang giúp cho việc quyết định một vấn đề trọng đại, liên quan tới cả hiện tại và tương lai của quốc gia đa dân tộc chúng ta. Về vấn đề số phận của đất nước chúng ta, số phận quê hương, ngôi nhà chung của chúng ta, về việc chúng ta và con cháu chúng ta sẽ sống thế nào với nhau.

Đây là một vấn đề trọng yếu và rất có ý nghĩa, nó đứng trên lợi ích của các đảng phái riêng biệt, các nhóm xã hội và các phong trào chính trị xã hội. Chỉ bản thân người dân mới có quyền giải quyết vấn đề này. Tôi kêu gọi tất cả các bạn,

những công dân - bạn thân mến của tôi, hãy tham gia vào cuộc trưng cầu dân ý toàn Liên bang và trả lời “có” cho câu hỏi đặt ra trước các bạn.

Từ “có” của chúng ta sẽ giữ gìn sự toàn vẹn của một đất nước đã hàng ngàn năm tuổi, được tạo ra bằng lao động, trí thông minh, và bằng những hy sinh không đo đếm được của rất nhiều thế hệ - một đất nước mà số phận của nhiều dân tộc đã đan xen bền chặt, số phận của hàng triệu triệu người, số phận của bạn và của chúng ta.

Từ “có” của chúng ta là biểu hiện sự tôn trọng đối với sức mạnh của chính phủ, đã hơn một lần chứng minh được khả năng bảo vệ nền độc lập và an ninh của các dân tộc liên minh trong đất nước.

Từ “có” của chúng ta đảm bảo để những ngọn lửa chiến tranh không bao giờ còn có thể cháy thêm một lần nữa trên nước ta, đất nước mà số phận đã bắt phải hứng chịu nhiều thử thách cam go.

Từ “có” của chúng ta không hề có ý nghĩa là giữ gìn trật tự cũ, với sự thống trị của chính quyền trung ương và sự thiếu vắng quyền dành cho các nước cộng hòa. Kết quả tích cực của cuộc trưng cầu dân ý sẽ mở đường cho sự đổi mới triệt để của chính phủ Liên bang, chuyển đổi nó thành một Liên bang của các nước Cộng hòa có Chủ quyền, nơi mà các quyền và sự tự do của công dân các quốc gia chắc chắn sẽ được đảm bảo.

Từ “có” của chúng ta trong cuộc trưng cầu và việc ký kết một Hiệp ước Liên bang sẽ có thể đặt dấu chấm hết cho quá trình phá hoại xảy ra trong xã hội chúng ta, tạo ra bước ngoặt quyết định để khôi phục các điều kiện bình thường của cuộc sống và lao động...

Sẽ khó khăn, nếu không muốn nói là không thể, để giải quyết những vấn đề mà chúng ta phải đối mặt, nếu thiếu đi sự hòa thuận và hợp tác trong xã hội. Do đó, trong khi chưa quá muộn, cần phải chấm dứt sự phát triển của việc bất khoan dung và cay đắng, trong một số trường hợp là hận thù. Chúng ta cũng có thể làm việc này với nhau, tất cả cùng nhau - như trong một ngôi làng, như người ta

thường nói. Một kết quả tích cực từ cuộc trưng cầu sẽ đặt cơ sở cho việc củng cố xã hội.

Tôi tin chắc là, nếu xảy ra một sự chia rẽ sâu sắc trong xã hội, sẽ không có người chiến thắng. Mọi người đều thua. Tất cả chúng ta, cả bạn và tôi, sẽ là những kẻ thua cuộc. Thật khó, dù chỉ để tưởng tượng, xem có bao nhiêu bất hạnh mà sự tan rã của đất nước có thể mang lại trong tiếng vọng của nó, với các dân tộc và các quốc gia khác nhau được xếp đặt để chống lại nhau. Và nó sẽ là một bất hạnh không chỉ cho bạn và tôi. Sự sụp đổ của một cường quốc mà hôm nay đang là một trong những tấm lá chắn bảo vệ hòa bình trong thế giới đầy rẫy những nguy hiểm và biến động khó lường này, sẽ là một sự chia cắt chưa từng có...

Mỗi chúng ta giờ đây phải đối mặt với một sự lựa chọn lịch sử...

Tôi kêu gọi tất cả các bạn, những người đồng hương yêu quý của tôi, nam và nữ - hãy nói “có” tại cuộc trưng cầu liên quan đến quốc gia vĩ đại của chúng ta, Liên bang của chúng ta, giữ gìn nó cho chính mình và cho con cháu chúng ta.

Số công dân tham gia vào cuộc trưng cầu dân ý ngày 17/3/1991 là 148.574.606, đạt 80% số cử tri đã đăng ký. Trong số này, 113.512.812 tương đương 76,4% lựa chọn “có”. Lựa chọn “không” là 32.303.977 tương đương 21,7%. Số phiếu hồng hoặc không hợp lệ là 2.757.857 tương đương 1,9%. Những kết quả này đã nói lên tất cả: đa số công dân (một đa số áp đảo) đã ủng hộ bảo tồn Liên bang như một liên bang được đổi mới.

Tôi không thể không xét lại quan điểm về vấn đề bảo tồn Liên bang của những người bảo thủ. Với những người thiếu kinh nghiệm thì có vẻ như những người bảo thủ này rất hăng hái bảo vệ Liên bang. Ngoài mặt họ nói về việc bảo vệ nó, và thậm chí nhóm của họ trong Nghị viện còn được gọi là Soyuz (Liên bang). Nhưng họ ủng hộ kiểu Liên bang nào? Họ nói

ủng hộ bảo tồn Liên bang cũ và không muốn nhìn thấy nó được cải cách dưới bất kỳ cách nào. Họ đại diện cho các lực lượng quan tâm đến việc bảo tồn trật tự cũ từ những ngày trước perestroika.

Tôi đã chỉ ra rằng các nhà dân chủ cấp tiến bắt đầu tấn công chống lại Tổng thống ngay sau ngày đầu năm mới 1991. Lúc đó, các lực lượng bảo thủ đẩy mạnh các hoạt động của họ. Việc thành lập Phong trào “Vì một nước Nga vĩ đại và thống nhất” được công bố. Các nhân vật hàng đầu trong tổ chức này sẽ là những kẻ âm mưu trong tương lai [tham gia cuộc đảo chính tháng 8]: Vasily Starodubstev, nhà văn Aleksandr Prokhanov, và Ivan Polozkov - người đứng đầu Đảng Cộng sản Liên bang Nga.

Ngay sau cuộc trưng cầu dân ý, một trong những nhà lãnh đạo của nhóm Liên bang trong Nghị viện, V. Alksnis, trả lời phỏng vấn tuần báo Anh *New Statesman*, trong đó về căn bản ông ta đã công bố chương trình của các nhóm bảo thủ. Ông ta bác bỏ ý tưởng về Hiệp ước Liên bang, ủng hộ sử dụng vũ lực để bảo tồn Liên bang, và ủng hộ việc thành lập một ủy ban Cứu quốc sẽ nắm giữ mọi quyền lực trong nước được chuyển giao.

Vào ngày 9/4, một phiên họp thường niên của Hội đồng Liên bang đã được tổ chức. Tôi đứng trên sân và nói về tình hình hiện thời:

Quan điểm của chúng tôi là chúng ta phải nhận thức được mối nguy hiểm lớn đang treo trên đất nước ta. Đó là một mối nguy hiểm cho hệ thống quốc gia của chúng ta, Liên Xô, mà việc bảo tồn nó đã được đa số người dân nói ra; một mối nguy đối với sự tan rã về kinh tế, với mọi hậu quả có thể có đối với khả năng bảo vệ lợi ích của nhân dân và thành quả của nước ta; một nguy cơ phá hủy các tổ chức chính quyền, tòa án, luật pháp của chúng ta...

Giờ đây chúng ta cần phải hành động - hơn nữa, hành động không chậm trễ và

không cô lập, mà trong sự thống nhất với tất cả các lực lượng lành mạnh của xã hội, bỏ qua một bên những hận thù và căi vã. Chúng ta phải hành động sao cho nước ta không trượt vào thảm họa.

Đồng thời, tôi đề xuất các biện pháp nhất định, có thể liên kết ý chí của nhân dân về mặt pháp luật, như đã thể hiện trong cuộc trưng cầu dân ý, nhằm khôi phục sự phụ thuộc lẫn nhau của tất cả các cơ quan chính quyền, quyết liệt ngăn chặn sự leo thang xung đột giữa các quốc gia, và tổ chức đàm phán để tìm ra những giải pháp được đôi bên cùng chấp nhận.

Diễn biến tiếp theo của các sự kiện đã khẳng định rằng tôi đã đưa ra cách tiếp cận vấn đề chính xác. Vấn đề là sau cuộc trưng cầu dân ý mở ra cánh cửa hướng tới việc ký kết một Hiệp ước Liên bang mới, các lực lượng bảo thủ trong КПСС đã ráo riết tăng cường hoạt động, tiến hành cuộc tấn công phá hoại. Tại một cuộc họp ở Smolensk, một số nhà lãnh đạo Đảng từ Nga, Ukraina và Belarus đã công khai kêu gọi áp dụng các biện pháp khẩn cấp. Và tại các cuộc họp của những nhóm nhỏ hơn, họ tìm cách làm cho Gorbachev phải đối mặt với những đòi hỏi khó khăn, đó là triệu tập một đại hội bất thường của КПСС và thay đổi hàng ngũ lãnh đạo của Đảng. Những hoạt động tương tự cũng được thực hiện tại các hội nghị toàn thể của tổ chức Đảng tại Đảng bộ Moskva và Leningrad. Khẩu hiệu là: “Hãy để cho Tổng Bí thư từ chức!” Tôi nhớ là chính vào lúc đó, tổ chức Nước Nga Dân chủ giương cao khẩu hiệu yêu cầu Tổng thống nên từ chức.

Tình hình đã trở nên rất nóng. Các sự kiện đang tạo ra đối đầu. Phải làm gì đó để giữ mọi thứ trong tầm kiểm soát. Vào đầu tháng 4, trong cuộc họp giữa một nhóm nhỏ các nhà lãnh đạo đất nước về tình hình hiện tại, có đề xuất cho rằng Tổng thống Liên Xô phải gặp lãnh đạo của các nước cộng

hòa ủng hộ việc bảo tồn một Liên bang đổi mới, để định ra một chương trình hành động chung. Và tất nhiên là có thể bao gồm cả lãnh đạo của Nga.

Ngày 23/4, một cuộc họp đã được tổ chức giữa Tổng thống Liên Xô với lãnh đạo của các cơ quan chính phủ hàng đầu của Nga, Ukraina, Belarus, Uzbekistan, Kazakhstan, Azerbaijan, Kirghizia, Turkmenia, và Tajikistan. Cuộc họp diễn ra tại vùng ngoại ô Novo-Ogarevo gần Moskva (vì thế sau đó có cụm từ “tiến trình Novo-Ogarevo”). Mở đầu cuộc họp, tôi nói về đặc điểm tình hình hiện tại, về cả tính chất nguy hiểm lẫn phức tạp của nó, và nói rằng cần phải hành động thật hiệu quả để giải quyết vấn đề, rằng đó không thể là những hành động thường lệ, mà phải là những hành động được sự thống nhất của tất cả các nhà lãnh đạo hiện thời. Bất đồng là vấn đề thứ yếu và phải gác sang một bên, đặc biệt là những tình cảm yêu ghét cá nhân. Lợi ích của đất nước phải được đặt lên hàng đầu, trên tất cả mọi thứ. Đó là nhiệm vụ và là gánh nặng trách nhiệm của chúng ta. Đi đầu căn bản bây giờ là phải đưa ra một văn bản ngắn gọn để người dân có thể hiểu được, và từ đó thấy được là lãnh đạo sẽ hành động rất kiên quyết và hoàn toàn thống nhất. Đi đầu này ngay lập tức sẽ có tác dụng làm ổn định xã hội và xoa dịu bầu không khí đe dọa.

Sau khi trao đổi ý kiến, tất cả những người tham gia tại cuộc họp đã ủng hộ đề nghị trên. Một văn bản chung đã được soạn thảo và thông qua có tên gọi “Tuyên bố chung về Các biện pháp khẩn cấp để ổn định tình hình trong nước và vượt qua khủng hoảng”. Văn bản này tuyên bố rằng phương thức căn bản để ổn định tình hình đất nước là ký kết một Hiệp ước Liên bang mới càng sớm càng tốt. Văn bản cũng chỉ ra rằng các quốc gia trong Liên bang sẽ trao cho nhau quy chế tối huệ quốc, và rằng những mối quan

hệ với các nước cộng hòa khác thuộc Liên Xô cũ sẽ được thiết lập trên cơ sở tái tổ chức chung của thông lệ quốc tế. Ý định tiếp tục thực hiện cải cách được tái khẳng định. Tổng thống Liên Xô và những người đứng đầu các nước cộng hòa kêu gọi công nhân ngừng bãi công và mọi lực lượng chính trị phải hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp.

Tất cả những đi đầu này xảy ra vào ngày 23/4. Hôm sau, một hội nghị toàn thể thường kỳ của UBTU KPICC bắt đầu. Được biết là lực lượng bảo thủ trong Đảng đã quyết định sẽ lái kỳ họp này sang một kiểu đi đầu tra về “trường hợp của Tổng Bí thư Gorbachev”. Một dự thảo nghị quyết thậm chí đã được chuẩn bị để công bố một bản án tử hình dành cho toàn bộ tiến trình cải cách.

Biết rõ đi đầu đó, tôi quyết định làm cho rõ ràng đối với người phản đối tôi, rằng tôi không có ý định đầu hàng, rằng tôi sẽ bảo vệ chính sách cải cách chứ không thỏa hiệp. Mở đầu hội nghị, tôi nói:

Không chỉ ở lời nói mà cả trong hành động, những nỗ lực đang được thực hiện để chuyển hướng đất nước chúng ta ra khỏi con đường cải cách, bằng việc đẩy nó vào một sự mạo hiểm cách mạng cực đoan hơn, đe dọa tiêu diệt hệ thống quốc gia chúng ta hoặc quay lại quá khứ, về với kịch bản yếu ớt của chế độ toàn trị. Tôi không nghĩ là cần phải giải thích việc tôi đang muốn đề cập các kế hoạch của cánh tả và cánh hữu cấp tiến. Cả hai đều có xu hướng phá hoại. Và đi đầu nguy hiểm nhất tại thời điểm hiện nay là họ không thể hợp lực, bất chấp việc họ dường như có cùng một mối hận thù không thể hòa giải được.

Ngay cả trong tình huống như vậy, tôi vẫn tìm cách giữ cho mình và những người ủng hộ mình đứng vững trên nền tảng dân chủ. Những gì tôi nói dưới đây minh chứng cho đi đầu này:

Mỗi đảng phái và phong trào đều có quyền cố gắng đạt được mục tiêu bằng cách sử dụng... các thiết chế dân chủ và pháp luật của Liên Xô. Một cách tự nhiên, điều này bao gồm việc đấu tranh giành lấy quyền lực và sự lãnh đạo chính trị. Mọi nỗ lực được vận hành bằng các phương pháp Pugachov [ý nói đến cuộc nổi dậy mạnh mẽ của nông dân trong thế kỷ XVIII do Yemelyan Pugachov lãnh đạo] hoặc bằng các phương pháp tổng tiếm bên ngoài nghị trường, cho đến và bao gồm cả việc nghiền nát nền kinh tế của đất nước thành tro bụi - tất cả những điều này phải bị loại bỏ một cách dứt khoát.

Tôi coi việc ngăn chặn sự vi phạm quá trình dân chủ và sử dụng mọi biện pháp pháp lý để củng cố trật tự hiến pháp của đất nước là nhiệm vụ tối cao của mình. Rõ ràng là nếu không có trật tự hiến pháp đó thì ngay cả các chương trình hoàn hảo nhất cho việc khắc phục khủng hoảng kinh tế cũng sẽ chỉ là những ý định tốt. Tất nhiên, phục hồi và tăng cường năng lực về trật tự hiến pháp là một nghĩa vụ trực tiếp của tất cả các cơ quan chính phủ và mọi người trong đó. Nhưng đó là cũng là một nhiệm vụ cho cả xã hội ta và cho tất cả những nhóm, lực lượng và tổ chức thực sự dân chủ.

Đương nhiên, tôi đã đặc biệt chú ý đến cuộc họp được tổ chức vào ngày hôm trước tại Novo-Ogarevo. Đây là ngữ cảnh mà trong đó tôi thảo luận về những gì đã được nói ở đó:

Tình hình đòi hỏi tất cả các lực lượng và phong trào chính trị có quan điểm yêu nước - và không chỉ bằng lời nói - phải từ bỏ tham vọng và gác lại những lời phàn nàn lẫn nhau ít nhất là trong thời gian này, để giúp nước ta đoàn kết tại thời điểm đặc biệt khó khăn. Tôi phải nói rằng ở cuộc họp hôm qua, Tổng thống, các Chủ tịch các Soviet Tối cao, và các nhà lãnh đạo chính phủ chín nước cộng hòa Liên bang đã bày tỏ sự hiểu biết về sự cần thiết này. Tuyên bố được thông qua tại cuộc họp đã được công bố. Nếu các biện pháp được đề xuất trong văn bản đó chắc chắn được thực hiện - và chúng ta sẽ làm tất cả để đảm bảo

rằng chúng sẽ được thực hiện - thì đó sẽ là khởi đầu cho việc đảo ngược tình thế hiện nay... Điều quan trọng nhất và trước hết để vượt qua khủng hoảng là chúng ta phải thực hiện nhiệm vụ ký kết Hiệp ước Liên bang mới, và ghi nhớ trong tâm trí kết quả của cuộc trưng cầu dân ý toàn Liên bang vừa qua.

Tiếp theo là một cuộc tranh luận bão táp, trong đó cánh bảo thủ trong UBTU liên tục cố gắng để “loại bỏ” Tổng Bí thư và chôn vùi cải cách (một trong những người phát biểu, Gurenko, Bí thư UBTU Đảng Cộng sản Ukraina, đã thẳng thừng đề nghị rằng “vị thế của КПСС với tư cách một đảng cầm quyền nên được thể hiện trong luật”, rằng nên khôi phục hệ thống trước kia vốn đã phân công cho cán bộ lãnh đạo Đảng những vị trí chính quyền, và rằng phải tái lập sự kiểm soát của Đảng đối với truyền thông đại chúng). Bất chấp tất cả, Hội nghị này cũng đã kết thúc với một lưu ý mang tính xây dựng. Tuyên bố của chín lãnh đạo các nước cộng hòa Soviet và Tổng thống Liên Xô đã được ủng hộ, theo đó khẳng định: “Để khắc phục các thảm họa sắp xảy ra, phải tiến hành những việc tối cần thiết như sau: (1) ký kết Hiệp ước Liên bang mới dựa trên kết quả của cuộc trưng cầu dân ý toàn quốc về bảo tồn Liên Xô; và (2) tái lập trong cả nước trật tự hiến pháp và pháp luật”.

Như vậy, cố gắng tuyệt vọng để lái nước ta ra khỏi con đường cải cách, trong đó có cải cách chính Liên bang, đã thất bại. Chúng ta đã qua được một giai đoạn nguy kịch.

Cuộc đấu tranh cho diễn trình chính trị của chúng ta nói chung và cho Hiệp ước Liên bang nói riêng đã không dừng ở đó. Các cuộc tấn công chống lại ý tưởng về Hiệp ước Liên bang còn tiếp tục. Chiến dịch gây áp lực chống lại Tổng thống và những người ủng hộ vẫn không dừng lại.

Nhưng mọi hình thức hoạt động đã khác. Tôi cần nhấn mạnh là khi đó lực lượng bảo thủ hoạt động tích cực nhất. Có bằng chứng rõ ràng về việc khi đó mọi người đã biết một phần, và sau đó biết rất rõ, rằng lực lượng bảo thủ đang bắt đầu chuẩn bị cho cuộc đảo chính khai màn vào ngày 19/8. Vào tháng 6, họ cố gắng thực hiện một cuộc “đảo chính bằng biện pháp pháp lý”, tức là thông qua Nghị viện để giới hạn quyền của Tổng thống, chuyển giao một phần đáng kể những quyền này cho Thủ tướng Valentin Pavlov (người sau này trở thành một trong những lãnh đạo của cuộc đảo chính). Nỗ lực này cũng đã thất bại.

Đối với Hiệp ước Liên bang, công việc chuẩn bị cho ký kết được tiến hành hết tốc lực. Không có thời gian để trì hoãn. Ngày 24/5, ủy ban trừ bị, được thành lập theo quyết định của Đại hội Đại biểu Nhân dân Liên Xô lần thứ 4, đã tổ chức một cuộc họp bàn về dự thảo Hiệp ước Liên bang mới và các thủ tục thông qua Hiệp ước. Cuộc họp đã nhấn mạnh rằng, theo kết quả trưng cầu dân ý ngày 17/3, các quốc gia và dân tộc của nước ta đã bày tỏ sự ủng hộ chắc chắn đối với việc bảo tồn và đổi mới chính phủ Liên bang. Một cuộc trao đổi ý kiến rộng rãi mang tính xây dựng liên tục được tổ chức để xem xét ý kiến của các nước cộng hòa, sau khi dự thảo Hiệp ước được công bố trên báo chí.

Những người tham gia đã nhất trí ủng hộ nguyên tắc xây dựng Liên bang mới như một liên bang của các nước cộng hòa bình đẳng. Việc thảo luận mở rộng sang thủ tục ký kết Hiệp ước với sự tham gia của đại diện các quốc gia có chủ quyền cấu thành Liên bang, và về cấu trúc cũng như quyền lực của các cơ quan chính quyền trong Liên bang. Đặc biệt lưu ý việc đảm bảo sự tham gia của tất cả các nước cộng hòa trong việc hình thành và hoạt động của các cơ quan chính phủ thuộc Liên bang mới. Mục

tiêu mà ủy ban trù bị nhắm tới là đệ trình một dự thảo thống nhất về Hiệp ước để các Soviet Tối cao của các nước cộng hòa phê chuẩn sớm vào tháng 6.

Ngày 3/6, ủy ban trù bị lại gặp nhau một lần nữa tại Novo-Ogarevo. Nhất định phải đạt được một sự tiến bộ nào đó. Để minh họa cho toàn bộ các vấn đề mà chúng tôi phải đối mặt, tôi sẽ trích dẫn một đoạn trong biên bản của phiên thảo luận:

M. S. [Mikhail Sergeevich Gorbachev]: Tôi nghĩ là việc thảo luận căng thẳng về tính chất chung của Hiệp ước đáng ra phải được kết thúc từ cuộc họp trước. Tính đến nay đã bao nhiêu tháng chúng ta cứ quanh quẩn mãi trong đó? Hãy thực hiện từng trang một, từng khoản một. Đầu tiên là tên Hiệp ước.

Lukyanov báo cáo rằng ý kiến của Soviet Tối cao Liên Xô gọi nó là một “Hiệp ước Liên bang”, chứ không phải một “Hiệp ước về một Liên bang các quốc gia có chủ quyền”.

Các nguyên tắc căn bản của Hiệp ước đã được đề xuất rất dễ dàng đạt đến sự nhất trí, nếu chúng ta bỏ đi lập luận của Kravchuk, cứ nhất định đòi phải có điều khoản về chủ quyền quốc gia.

Sau đó thảo luận chuyển sang một vấn đề phụ: Lukyanov đòi hỏi Hiệp ước phải được ký tại một hội nghị. Tiếp sau đó, những nguyên tắc căn bản một lần nữa lại được thảo luận.

Lukyanov: Chúng ta cần phải tuân theo ý chí của Đại hội đã thông qua quyết định bảo tồn cái tên Liên Xô.

Karimov, và sau đó là Kravchuk, phản ứng lại phát biểu của Lukyanov, (“Nếu mỗi chúng ta bắt đầu nói về ý chí của Soviet Tối cao của chính ông ta...”). Lukyanov nhượng bộ phần nào, nhưng ông ta lại tiếp tục tranh luận về trật tự từ trong hình thức tên đã sửa đổi: nên để là Liên bang các Cộng hòa có chủ

quyền Soviet, hay là Liên bang các Cộng hòa Soviet có chủ quyền[#].

M.S.: Nếu cứ tiếp tục kiểu bất đồng như thế này, chúng ta sẽ không bao giờ ngừng tranh cãi. Nếu các quá trình tan rã cứ tiếp tục với tốc độ này, tất cả các dân tộc của nước ta sẽ bị đặt vào một tình huống tuyệt vọng; chúng ta sẽ tạo ra sự hỗn loạn...

Nghỉ giải lao.

Nazarbaev: Các vấn đề cấp bách nhất là:

1. Ai sẽ là chủ thể [thực thể thành phần] của Liên bang?
2. Sẽ có bình đẳng giữa các nước cộng hòa Liên bang và các nước cộng hòa tự trị cũ không?
3. Hội đồng Liên bang.

Chúng ta hãy để những vấn đề này cho các chuyên gia và tiếp tục chuyển qua các điều khoản và mục khác.

Yeltsin: Hãy để các chuyên gia vào dự họp!

M.S.: Các chuyên gia không thể thay thế cho ý chí của các nước cộng hòa. Chúng ta phải trình bày các ý tưởng này với họ.

Tiếp theo là một cuộc tranh luận dài và căng thẳng về điều khoản đầu tiên, thành viên trong Liên minh, và sau đó là về các loại thuế. Yeltsin, người đang trong cao trào của chiến dịch tranh cử, định rời đi. Shaimiyev không cho Yeltsin đi, vội vã đưa ra một điều nhạy cảm: Trên lãnh thổ chúng ta, 80% doanh nghiệp phụ thuộc vào Liên Xô. Nhưng nước Nga không trả tiền cho Liên bang, vì vậy những doanh nghiệp này không được nhận bất cứ khoản nào từ ngân sách Liên bang”.

Yeltsin rời đi. Thảo luận chuyển sang kênh khác. Nazarbaev đề nghị Gorbachev “dùng vũ lực ít nhất một lần”.

Lukyanov: Và anh, Nursultan Abishevich [Nazarbaev], anh sẽ công nhận quyền hạn này cho Tổng thống chứ?

Im lặng thay cho câu trả lời.

Nazarbaev: Vị trí của Nga sẽ là gì sau cuộc bầu cử ngày 12/6 [bầu Tổng thống PCΦCP]?

Cuộc thảo luận trở lại điều khoản về thành viên, sau đó bỗng nhảy qua vấn đề về thành phần của Soviet Tối cao.

Tiếp theo là giải lao.

Sau đó, chúng tôi bàn về điều 2, công dân. Shaimiyev lại quay lại Điều 1. Chúng tôi kết thúc việc thảo luận về điều 2. Tiếp đến là Điều 3, lãnh thổ.

M. S.: Chúng ta sẽ tìm ra ai đó trong số chúng ta có đòi hỏi về lãnh thổ.

Bên ngoài trời tối dần, và cuộc thảo luận diễn ra nhanh hơn. M. S. kể một câu chuyện từ Stavropol, “Bài phát biểu tốt nhất là bài không được thực hiện”, sau đó mọi người nói ít đi.

Tiếp đó là thảo luận về Điều 5, phân bổ quyền lực giữa Liên bang và các nước cộng hòa. Tranh cãi về tên của điều khoản diễn ra trong hơn một giờ. Rồi vì lý do nào đó, mọi người đều đồng ý về toàn bộ điều khoản này.

Nảy sinh một cuộc thảo luận về tài sản, và có một cuộc tranh cãi. Lukyanov phản đối Điều 10 của Hiến pháp Liên Xô. Nazarbaev đề xuất một sự thỏa hiệp, được Karimov ủng hộ.

Tạm nghỉ. Cuộc họp tiếp tục với câu hỏi: Chúng ta có nên hoãn đến ngày mai không?

M. S.: Không. Hãy tiếp tục làm việc cho tới khi có một kết cục thắng lợi...

Sau đó chúng tôi chuyển qua điều khoản về thuế chỉ trong hai phút. Chúng tôi bị tắc ở điều khoản tiếp theo, hiến pháp. Ai sẽ thông qua hiến pháp? Lúc đó đã gần nửa đêm. Chúng tôi thảo luận rất nhanh về các điều khoản còn lại. Nazarbaev có một vài phản đối.

M. S.: Tại sao anh cứ càu nhàu như một ông già vậy? Chúng tôi đã chấp nhận các đề xuất của anh... (sau đó với mọi người). Cảm ơn các đồng chí. Tôi xin

chúc mừng mọi người. Chúng ta đã làm việc cùng nhau rất tốt. Hiệp ước sắp được hoàn tất.

Việc thảo luận về mọi vấn đề đặt ra tại kỳ họp này không chỉ diễn ra giữa những người đứng đầu các nước cộng hòa, mà cả các Soviet Tối cao và toàn bộ đất nước cũng tham gia. Phải giải thích rất nhiều cho những quan điểm khác nhau được đưa ra. Tôi tích cực tham gia vào mọi việc này.

Những ý kiến đầu cho rằng Hiệp ước Liên bang mới sẽ mâu thuẫn với cuộc trưng cầu dân ý. Nhưng Hiệp ước định nghĩa Liên bang tương lai là một quốc gia liên bang dân chủ có chủ quyền. Đó là những gì mà người dân đã bỏ phiếu. Là một Liên bang mới, trên hết, nó phải được thể hiện ở sự khẳng định chủ quyền của các nước cộng hòa, sự mở rộng các quyền, quyền lực và trách nhiệm của họ. Các nước cộng hòa về căn bản phải được tái sinh như các quốc gia có chủ quyền. Và nếu như đã có ai đó nghĩ rằng đây là ý tưởng mới, chỉ vừa được đưa ra khi đó, thì dĩ nhiên là không phải thế. Những ý tưởng tương tự như vậy đã được đưa vào Hiệp ước năm 1922, mà theo đó Liên Xô đã được thành lập; nhu cầu của thời đại chúng ta hiện nay và ước vọng của nhân dân đã được thể hiện như vậy.

Tiếp theo là vấn đề về sự phân bổ quyền hạn và chức năng giữa Liên bang với các nước cộng hòa có chủ quyền - sự phân chia này phải đảm bảo có cả các nước cộng hòa mạnh và một trung tâm mạnh. Đây là một điểm quan trọng: Trong các vấn đề quốc tế, Liên bang phải hành động như một quốc gia có chủ quyền, người thừa kế hợp pháp của Liên Xô.

Những người tham gia cuộc trưng cầu dân ý đã bỏ phiếu cho một kiểu Liên bang sẽ đảm bảo các quyền, tự do và an ninh của công dân tất cả các quốc gia trên toàn lãnh thổ, ở bất cứ nơi nào họ cư trú. Ý tưởng này được

cố định dưới dạng nguyên tắc và được thể hiện trong những phần riêng biệt của Hiệp ước Liên bang mới.

Đã có những cuộc tranh luận về việc có nên đề từ *xã hội chủ nghĩa* trong tên của Liên bang mới không, và hội nghị đã bày tỏ sự ủng hộ việc này. Nhưng những cuộc tranh luận vẫn tiếp tục ở các Soviet Tối cao của các nước cộng hòa. Trước tiên là đề nghị cái tên “Liên bang các nước Cộng hòa có Chủ quyền”, vì nhiều người chỉ đơn giản là muốn đổi tên các nước cộng hòa, chẳng hạn như Moldova và Kyrgyzstan, và vì mọi thứ phải làm với chính sách dân tộc, các mối quan hệ giữa các quốc gia và dân tộc, toàn bộ đều là những chủ đề nhạy cảm, nên chúng ta phải có thái độ tôn trọng với đề nghị này. Nhưng hóa ra chúng ta đã đạt được thỏa thuận về việc đề từ *Soviet* trong tên - là Liên bang các Cộng hòa có Chủ quyền Soviet. Điều này sẽ nhấn mạnh đến tính liên tục. Cái tên này sẽ kết nối với toàn bộ giai đoạn trước, nó là sản phẩm, và có thể nói đây là sự sáng tạo của quần chúng. Sau tất cả, các cấu trúc “Soviet” vẫn tồn tại như vậy, cho dù có sự xuất hiện của văn phòng thị trường và các cấu trúc khác của quyền hành pháp.

Vào ngày 12/6, sau khi thảo luận về đối tượng của Hiệp ước Liên bang mới, Soviet Tối cao Liên Xô đã thông qua một nghị quyết với tiêu đề “Dự thảo Hiệp ước Liên bang các quốc gia có chủ quyền”. Nghị quyết có đoạn viết:

Hoàn toàn ủng hộ về nguyên tắc dự thảo Hiệp ước Liên bang các quốc gia có chủ quyền, được Tổng thống Liên Xô, thay mặt cho ủy ban trừ bị, thành lập theo tinh thần Đại hội Đại biểu Nhân dân lần thứ 4, đưa ra ngày 18/6/1991. Thừa nhận khả năng có thể ký kết Hiệp ước, sau những công việc và sự thỏa thuận phù hợp tiếp theo giữa các nước cộng hòa, với sự tham gia của phái đoàn được

ủy quyền từ chính phủ Liên bang.

Các điểm tiếp theo gồm những điều khoản về thành phần phái đoàn từ Soviet Tối cao Liên Xô tham gia ký kết Hiệp ước, và những nhiệm vụ cho phái đoàn này đã được đề ra.

Ngày 23/6, tại một phiên họp thường kỳ có sự tham dự của lãnh đạo các phái đoàn từ các nước cộng hòa, công việc về dự thảo Hiệp ước Liên bang đã hoàn thành. Tôi sẽ trích dẫn một đoạn ngắn trong biên bản của phiên họp đó:

Novo-Ogarevo, ngày 25/7

(Cùng có mặt là Lukyanov, Laptev, Nishanov, Pavlov, Yazov, Bessmertnykh, và Shcherbakov. Nhiệm vụ trong ngày là giải quyết năm vấn đề rất quan trọng: thành viên trong Liên bang; ngân sách Liên bang và thuế; tài sản; Soviet Tối cao; và tòa án hiến pháp).

M. S. [Gorbachev]: Có một số xu hướng đang xuất hiện trong các cuộc thảo luận của chúng ta. Thứ nhất. Chúng ta dường như đạt được thỏa thuận, nhưng sau đó, khi chúng ta họp lại, thì chúng ta bắt đầu làm hỏng mọi thứ mà mình đã đồng ý. Đã đến lúc phải làm cho thật rõ ràng.

Thứ hai. Tuân thủ Liên minh như một liên bang.

Thứ ba. Số phận của Nga, ở một mức độ quan trọng, sẽ quyết định tương lai của Liên bang.

Tôi cảm thấy có những khuynh hướng nguy hiểm. Chúng ta phải hoàn thành Hiệp ước nhanh hơn nữa.

Karimov phản đối văn bản đã được thảo ra, như thường lệ bởi một nhóm chuyên gia tại Volynskoe (một vùng ngoại ô Moskva như Novo-Ogarevo, được sử dụng như một khu vực làm việc của các nhóm chính thức). Các chuyên gia

này lưu tâm tới tất cả những bình luận và quan sát đã được thực hiện.

Karimov: Văn bản này từ đâu ra? Vào ngày 17/6 chúng ta đã nhất trí về một cái gì đó khác cơ mà.

M. S.: Ý anh là gì, nó ở đâu ra à? Anh nhớ rằng tôi luôn yêu cầu phải tính đến mọi giả thiết...

(Sau đó phải trở lại với văn bản ngày 17/6, trong đó có nhiều khiếm khuyết hơn, cùng vài bình luận và quan sát của các nước cộng hòa đã không được đề ý đến).

(Sau đó nảy sinh một cuộc thảo luận kéo dài và khó khăn về các quan hệ cần được sửa đổi giữa một nước cộng hòa tự trị cũ với một nước cộng hòa mà nó đã từng là một bộ phận. Tiếp theo là thảo luận về thuế).

Dementei: Nếu tôi không tham gia vào sự hình thành tài sản của toàn Liên bang, ít nhất là thông qua 2% của tôi, với 2 kopeck của tôi như là phần đóng góp của một công dân, thì khi tới Kazan, tôi sẽ có cảm giác như một người nước ngoài, khi tới Krym, tôi thấy mình như người ngoài. Nếu ai đó đến thăm tôi tại Belarus, người đó cũng cảm thấy mình là người ngoài.

Nghỉ giải lao.

M. S.: Anh đã được ăn uống, còn chúng tôi thì làm việc. Đề nghị như sau: Anatoly Ivanovich [Lukyanov], Boris Nikolaevich [Yeltsin], và Ivan Stepanovich [Silayev, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng của PCFCP] làm việc về chính sách thuế, trong đó cần nêu rõ rằng vấn đề này sẽ được giám sát và được đề mở ở tất cả các giai đoạn, cho đến khi mọi trường hợp đều được ấn định tỉ lệ phần trăm.

(Sau đó là phần thảo luận sâu hơn: về cuộc chiến pháp lý [những bộ luật được các nước cộng hòa thông qua mâu thuẫn với những bộ luật Liên bang], về cơ cấu và thành phần của Soviet Tối cao. Cuối cùng, Tatar đã làm nên một điểm khác biệt: “Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Soviet tự trị Tatar, với tư cách một nước Cộng hòa có Chủ quyền, đã thông qua nghị quyết chính thức về việc tự

mình ký kết Hiệp ước Liên bang, tuyên bố về quyền có đủ số ghế đại biểu trong Hội đồng Các nước cộng hòa của Soviet Tối cao Liên bang các quốc gia có chủ quyền”. Shaimiyev trả lời: “Quan điểm của chúng ta không thay đổi”. Một cuộc tranh cãi nổ ra giữa Shaimiyev, Gorbachev, Plyushch, Nazarbaev và Revenko).

M. S.: Revenko trong trường hợp này đã bộc lộ những phẩm chất điển hình tuyệt vời của người Ukraina. Toàn bộ vấn đề này nên được dành cho Boris Nikolaevich [Yeltsin] và đồng chí Shaimiyev. Sẽ có cách thực hiện bất cứ điều gì họ tán thành. Có phải không?

Một lần nữa trở lại tranh cãi về mối quan hệ giữa các nước cộng hòa.

M. S.: Vâng, thưa các đồng chí, tôi biết rằng không có Solomon giữa chúng ta. Nhiệm vụ của tôi là giữ cho các vị khỏi bị mất đi thái độ các vị đã có ngày hôm nay. Chúng ta đang rất gần với việc ký kết Hiệp ước; chỉ còn một bước nữa... Cuối cùng, thủ tục cho việc ký kết đã được thảo luận.

Thủ tục này do hai nhóm làm việc dưới sự lãnh đạo của Georgy Kh. Shakhnazarov và Grigory I. Revenko đề xuất. Mọi thứ đều được nêu ra một cách chi tiết, từ chỗ ngồi của người đứng đầu các phái đoàn đến các loại giấy sẽ dùng để in văn bản của Hiệp ước, từ việc phát hành tem bưu chính đặc biệt đến quà lưu niệm cho những người tham dự.

Vào ngày 2/8/1991, tôi xuất hiện trên truyền hình và thông báo rằng vào ngày đó sẽ có thư gửi lãnh đạo các phái đoàn được ủy quyền của các Soviet Tối cao các nước cộng hòa, đề nghị phải có sẵn văn bản Hiệp ước để ký kết vào ngày 20/8. Thư này cũng được gửi đến các nước cộng hòa chưa thể hiện rõ quan điểm của họ. Những người đầu tiên ký Hiệp ước sẽ là các phái đoàn của Liên bang Nga, Kazakhstan và Uzbekistan.

Trong bài phát biểu, tôi đã nói những điều sau:

Chúng ta đang bước vào giai đoạn quyết định trong việc chuyển đổi quốc gia đa dân tộc của mình thành một liên bang dân chủ gồm các nước cộng hòa Soviet bình đẳng. Việc ký kết một Hiệp ước Liên bang mới có ý nghĩa gì trong đời sống của nước ta? Trên hết, đó là sự hiện thực hóa ý chí mà nhân dân đã thể hiện trong cuộc trưng cầu dân ý ngày 17/3. Hiệp ước này đề xuất việc chuyển đổi Liên bang, trên cơ sở của cả sự kế tục lẫn đổi mới.

Hệ thống nhà nước của Liên bang chúng ta, trong đó thể hiện quá trình lao động của nhiều thế hệ nhân dân, của mọi dân tộc và quốc gia trên quê hương chúng ta, sẽ được bảo tồn. Đồng thời, sẽ có một sự hợp nhất tự nguyện và mới mẻ của các quốc gia có chủ quyền, và trong sự hợp nhất đó, mọi dân tộc và quốc gia sẽ đều khiến các công việc của mình một cách riêng biệt, và tự do phát triển các nền văn hóa, ngôn ngữ, truyền thống riêng...

Tất nhiên không nên đơn giản hóa các vấn đề Hiệp ước chuẩn bị cho một việc tái cấu trúc quan trọng đối với các cơ quan chính quyền. Một hiến pháp mới cần được soạn thảo và thông qua, luật bầu cử cần được đổi mới, bầu cử cần được tổ chức, và hệ thống tòa án phải được tổ chức lại. Khi phong trào này mở ra, sẽ đòi hỏi sự tham gia tích cực của Đại hội Đại biểu Nhân dân, Soviet Tối cao Liên Xô, các chính phủ và cơ quan khác của Liên bang...

Chúng ta đã lựa chọn con đường cải cách, đó là con đường cần thiết cho cả đất nước. Và Hiệp ước Liên bang mới sẽ giúp chúng ta vượt qua khủng hoảng nhanh hơn, đưa cuộc sống trở lại bình thường. Hôm nay - tôi nghĩ các bạn sẽ đồng ý với tôi - đó là điều ưu tiên cao nhất.

CHƯƠNG 5

ĐẢO CHÍNH: MỘT CÚ ĐÂM SAU LƯNG VÀ NHỮNG MƯU ĐỒ CỦA YELTSIN

Vào ngày 4/8, tôi đi nghỉ. Ngày 23/7 và 15/8 dự thảo Hiệp ước Liên bang đã được công bố. Nhưng từ ngày 19-21/8, việc thông qua Hiệp ước mới đã bị ngăn trở thô bạo bởi cuộc đảo chính bất thành. Xin để tôi nhắc lại về những gì đã xảy ra.

Sau khi những người phản đối cải cách thất bại trong nỗ lực lôi kéo Tổng thống Liên Xô về phe họ, cuộc đảo chính bắt đầu. Vào 6 giờ sáng 19/8, một bài phát biểu của Anatoly Lukyanov, Chủ tịch Soviet Tối cao Liên Xô đã được phát đi trên sóng phát thanh và truyền hình. Nó chứa đựng sự phản đối Hiệp ước Liên bang mới. Theo ý kiến của ông ta, việc xem xét lại Hiệp ước trước hết là nhiệm vụ của Soviet Tối cao và sau đó là của Đại hội Đại biểu Nhân dân. Điều này có nghĩa là trên thực tế, việc ký kết Hiệp ước vào ngày 20/8 sẽ trở nên bất khả thi. Tuyên bố của Lukyanov được đưa ra ngày 16/8, nhưng như người đứng đầu Ban Bí thư của Soviet Tối cao sau đó báo cáo lại, nó được viết vào ngày 19/8, trước bình minh.

Một sắc lệnh do Phó Tổng thống Gennady Yanaev ban hành, cũng được

phát đi. Sắc lệnh nói rằng ông ta đang đảm đương các chức năng của Tổng thống, “vì lý do sức khỏe”, Gorbachev không thể làm được các chức năng này. Một bản kêu gọi của “lãnh đạo Soviet” (có chữ ký của Yanaev, Pavlov và Baklanov) cũng được phát đi, công bố việc thành lập một ủy ban Nhà nước về tình trạng khẩn cấp (GKChP) “để quản lý đất nước và để giải quyết có hiệu quả tình trạng khẩn cấp”; họ còn phát đi “Lời kêu gọi Nhân dân Soviet” và Sắc lệnh số 1 của GKChP “Về việc áp đặt tình trạng khẩn cấp quốc gia”. Tất cả những điều này đều dựa trên sự gian lận và lừa dối. Tất nhiên là cuộc đảo chính không thành công, và chỉ kéo dài ba ngày. Sau thất bại của cuộc đảo chính, trong những giờ đầu tiên của ngày 22/8, tôi trở lại Moskva. Một sắc lệnh về việc bãi bỏ “các hành động vi hiến của những người tổ chức cuộc đảo chính” lập tức được công bố.

Trong bài phát biểu trên truyền hình vào cùng ngày, 22/8, tôi nói:

Những gì đã xảy ra trong mấy ngày vừa qua, có thể nói rằng ít nhất cũng là “một bài học lớn cho tất cả chúng ta”. Đó là một bài học đau đớn, một kiểu giáo dục đáng sợ. Và cần rút ra những kết luận không chỉ trong lĩnh vực cấu trúc chính quyền, mà còn trong mối quan hệ giữa các nước cộng hòa, giữa các đảng phái và phong trào xã hội khác nhau, giữa các dân tộc, và dĩ nhiên, cả trong chính sách kinh tế cũng như trong lĩnh vực tinh thần, đạo đức...

Chúng ta phải tiến hành cải cách triệt để, nhanh hơn và thống nhất hơn. Ngày mai tôi sẽ gặp lãnh đạo của chín nước cộng hòa. Chúng tôi sẽ thảo luận và cân nhắc mọi thứ, xem xét các biện pháp khẩn cấp cần được thực hiện cũng như các viễn cảnh ngắn hạn... Và chúng tôi sẽ nói với đất nước và toàn thế giới về vấn đề này...

Tôi đã nói chuyện với lãnh đạo các nước cộng hòa về kế hoạch hành động, và có vẻ như trong tương lai gần sẽ có một thời điểm mới được sắp xếp cho việc

ký kết Hiệp ước Liên bang. Sau đó sẽ thông qua Hiến pháp Liên bang mới, luật bầu cử mới, các cuộc bầu cử Nghị viện toàn Liên bang và bầu Tổng thống. Những công việc này phải được thực hiện trong khung thời gian đã được thiết lập, không được chậm trễ, bởi sự chậm trễ trong giai đoạn chuyển tiếp, như chúng ta đã thấy, rất nguy hiểm cho một sự thay đổi dân chủ.

Như các bạn đã thấy, ý định của tôi khá rõ - đẩy nhanh việc ký kết Hiệp ước. Nhưng đi đầu này hóa ra không phải là một nhiệm vụ đơn giản, theo mọi nghĩa.

Cuộc đảo chính tháng 8 đã gây ra một sự đổ vỡ trong quá trình hình thành các mối quan hệ Liên bang mới giữa các quốc gia có chủ quyền, làm phức tạp thêm tình hình và đẩy nhanh quá trình tan rã - không còn là của riêng chính phủ mà là của toàn xã hội. Ngày 22/8, Boris Yeltsin ban hành sắc lệnh “về đảm bảo cơ sở kinh tế thuộc chủ quyền của PCFCP”. Nó đã tạo đi đầu kiện cho tất cả các doanh nghiệp và tổ chức trực thuộc Liên Xô như một tổng thể chuyển thành trực thuộc thẩm quyền của PCFCP, trừ bộ máy hành chính đã được chuyển giao cho các cơ quan chính phủ Liên Xô, trên cơ sở các điều luật đã được Nga thông qua. Ngày 24/8, Soviet Tối cao Ukraina tự công bố về một nhà nước dân chủ độc lập, và thông báo từ thời điểm đó chỉ có hiến pháp, pháp luật, các sắc lệnh chính phủ và hành động pháp lý khác của Cộng hòa Ukraina mới có hiệu lực trên lãnh thổ của đất nước này. Sắc lệnh nói rằng, cần tiến hành bước đi này vì “mối nguy hiểm chết người liên quan đến cuộc đảo chính ngày 19/8/1991 đang đe dọa Ukraina”. Vào ngày 25/8, Belarus tuyên bố độc lập, theo sau là Moldova, Azerbaijan, Kyrgyzstan, và Uzbekistan. Vào ngày 28/8, giới lãnh đạo của Liên bang Nga thông báo rằng Nga sẽ thiết lập sự kiểm soát của mình đối với Ngân hàng Nhà nước Liên Xô và Ngân hàng Ngoại thương Liên Xô.

Những sự kiện này đã xác định vị trí mà tôi nắm giữ và toàn bộ hành động của tôi trong phiên họp khẩn cấp của Soviet Tối cao Liên Xô, được triệu tập ngay sau cuộc đảo chính bất thành, và không chậm trễ kêu gọi ngay một cuộc họp bất thường của Đại hội Đại biểu Nhân dân Liên Xô. Phát biểu trước Soviet Tối cao, tôi nói rằng một mối đe dọa thực sự đối với Liên Xô đang tan rã đã nảy sinh. Nếu điều này xảy ra, mọi lời nói về cải cách sẽ là nhảm nhí rỗng tuếch. Cần phải có những sửa đổi trong Hiệp ước Liên bang, nhưng không nên từ bỏ nó hoàn toàn.

Hiểu được toàn bộ sự nguy hiểm của tình huống mới đối với triển vọng cải cách dân chủ, tôi xem sự nối lại công việc về Hiệp ước Liên bang như ưu tiên hàng đầu.

Tại Đại hội Đại biểu Nhân dân Liên Xô bắt đầu vào ngày 2/9, Tổng thống Liên Xô và các lãnh đạo cấp cao của các nước cộng hòa Liên bang đã ra một tuyên bố. (Nó đã được 10 nước cộng hòa ký kết, và Cộng hòa Gruzia đã giúp soạn thảo bản tuyên bố). Nó đề xuất một chương trình hành động cấp bách để giải phóng đất nước khỏi một cuộc khủng hoảng chính trị gay gắt. Nó lưu ý đến nhu cầu cấp bách về một hiệp ước thành lập Liên bang các quốc gia có chủ quyền phải được soạn thảo và ký kết, bởi tất cả các nước cộng hòa muốn làm như vậy. Trong Liên bang này, mỗi nước cộng hòa sẽ tự quyết định hình thức tham gia của mình.

Trên quan điểm dân chủ, không phải mọi thứ tại Đại hội đã hoàn toàn suôn sẻ, nhưng thực tế là không thể mong đợi điều đó. Một số quan điểm căn bản nhất định đã được phát triển tại Đại hội đó - rằng một Hiệp ước Liên bang là cần thiết, và một hiệp định kinh tế là điều bắt buộc. Một quan điểm ủng hộ các lực lượng vũ trang thống nhất và sự phối hợp của một chính sách đối ngoại chung đã được thông qua.

Sau một cuộc thảo luận sôi nổi và hỗn loạn, Đại hội đã thông qua một nhóm các nghị quyết, quy định những nhiệm vụ của *giai đoạn chuyển đổi*, trong đó có một bộ luật liên quan tới các cơ quan chính phủ của Liên Xô trong giai đoạn ấy. Để đạt tới những giải pháp thống nhất cho các vấn đề về chính sách đối nội và đối ngoại, ảnh hưởng tới lợi ích của tất cả các nước cộng hòa, một Hội đồng Nhà nước đã được thành lập, bao gồm Tổng thống Liên Xô và các quan chức hàng đầu của các nước cộng hòa. Một trong những quyết định đầu tiên của Hội đồng Nhà nước là công nhận nền độc lập của các nước cộng hòa Baltic.

Ngay sau Đại hội, công việc được tiến hành theo hai hướng: Một nhóm công tác bắt đầu với dự thảo Hiệp ước Liên bang mới, và một ủy ban quản lý hoạt động của nền kinh tế Liên Xô bắt đầu soạn thảo một hiệp ước liên minh kinh tế. Mục đích chính của liên minh này là thống nhất những nỗ lực của các quốc gia có chủ quyền để thiết lập một thị trường chung, thực hiện một chính sách kinh tế phối hợp như điều kiện bắt buộc cho việc khắc phục cuộc khủng hoảng hiện tại. Dự thảo hiệp ước này quy định rằng việc ký hiệp ước thành lập Liên bang các quốc gia có chủ quyền không phải là một điều kiện để tham gia liên minh kinh tế.

Ngay từ ngày 16/9, Hội đồng Nhà nước đã xem xét lại dự thảo hiệp ước liên minh kinh tế. Ngày 1/10 tại Alma-Ata đã có một cuộc họp của các lãnh đạo 13 nước cộng hòa tham gia thảo luận hiệp ước này. Vào ngày 4/10, các nước cộng hòa ký tất hiệp ước. Vào ngày 18/10, hiệp ước thành lập cộng đồng kinh tế của các quốc gia có chủ quyền đã được Tổng thống Liên Xô và lãnh đạo tám nước cộng hòa ký tại Kremli. Vài ngày sau, Ukraina bổ sung tên mình vào hiệp ước này. Sau đó, hiệp ước đã được gửi đến Nghị viện của các nước cộng hòa để thông qua.

Cùng lúc này, cơ cấu chính phủ mới của Liên bang được thiết lập để phù hợp với tình hình nhiều biến động, các nhà lãnh đạo mới được bổ nhiệm, việc tái tổ chức được bắt đầu với Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ, Ủy ban An ninh Quốc gia (KGB). Ủy ban Kinh tế liên cộng hòa cũng được thành lập.

Ngày 1/10, Boris Yeltsin gửi ý kiến bổ sung cho dự thảo Hiệp ước Liên minh vốn đã được phân phát trước đó cho các thành viên của Hội đồng Hiệp thương Chính trị (một cơ quan được Tổng thống lập ra sau cuộc đảo chính). Liên bang tương lai được định nghĩa trong văn bản như “Liên bang các nước Cộng hòa có Chủ quyền tự do - một nhà nước dân chủ thống nhất, thực thi quyền quản lý trong khuôn khổ thẩm quyền được các bên tham gia Hiệp ước tự nguyện giao cho nó”. Như vậy, vực dậy từ cú sốc do cuộc đảo chính tháng 8 gây ra, ban lãnh đạo Liên bang và các nước cộng hòa tiếp tục công việc của họ, chuyển đổi Liên bang về cả đường lối chính trị lẫn kinh tế. Đó là cơ sở để tin rằng tiến trình Novo-Ogarevo đã được phục hồi. Nhưng những cố gắng đó luôn được thực hiện với rất nhiều khó khăn, những gián đoạn và cả những bước thụt lùi có chu kỳ, trong suốt mấy tháng mùa thu năm 1991.

Trong khi công việc về phiên bản mới của một Hiệp ước Liên bang đang được tiến hành tại Moskva, thì Boris Yeltsin, đang ở Sochi, nhận được một tài liệu nhan đề “Chiến lược của nước Nga trong giai đoạn chuyển đổi” kèm dòng chữ “Tuyệt mật”. Dưới đây là một vài đoạn từ tài liệu này, được một nhóm “cố vấn” của tổ chức Nước Nga Dân chủ thảo ra.

Trước khi xảy ra những sự kiện tháng 8, giới lãnh đạo Nga, đối lập với Trung ương toàn trị cũ, đã có thể dựa vào sự ủng hộ của lãnh đạo đa số các nước cộng

hòa thuộc Liên bang, những người đang tìm cách tăng cường địa vị chính trị riêng của họ.

Việc loại bỏ Trung ương cũ chắc chắn sẽ mang đến những mâu thuẫn khách quan ở phía trước, giữa lợi ích của Nga với lợi ích của các nước cộng hòa khác. Đối với trường hợp sau, việc giữ gìn những nguồn lực và các quan hệ kinh tế-tài chính trong giai đoạn chuyển đổi là cơ hội duy nhất để tái cấu trúc các nền kinh tế khiến Nga phải trả giá. Đối với PCΦCP đang phải trải qua một cuộc khủng hoảng nghiêm trọng, thì đây là một gánh nặng bổ sung đáng kể cho cơ cấu kinh tế và làm xói mòn khả năng phục hồi nền kinh tế riêng của họ...

Khách quan mà nói, Nga không cần một Trung ương kinh tế đứng trên nó và tham gia vào việc tái phân phối các nguồn lực của nó. Nhưng nhiều nước cộng hòa khác lại quan tâm đến một Trung ương như vậy. Có được sự kiểm soát thiết lập trên chính lãnh thổ của mình, họ tìm cách sử dụng các cơ quan chính phủ Liên bang để phân phối lại tài sản và các nguồn lực của Nga cho lợi ích riêng của họ. Vì một Trung ương như vậy chỉ có thể tồn tại với sự ủng hộ của các nước cộng hòa, và sẽ theo đuổi những chính sách đối lập với lợi ích của Nga.

Các tác giả của bản ghi nhớ này đã đưa ra hai công thức khả dĩ thể hiện hai hình thức hợp nhất (liên minh kinh tế cộng với sự độc lập tức thì về chính trị, hay độc lập kinh tế cộng với thỏa thuận chính trị tạm thời), và họ khuyến cáo rằng là nên chọn công thức thứ hai. Theo đó, họ khẳng định rằng, “Nga phải tránh gia nhập một liên minh toàn diện, dài hạn và cứng nhắc”, rằng nước này “không có lợi ích gì trong việc lập ra các cơ quan quản lý kinh tế chung, hoạt động thường xuyên và đứng trên các nước cộng hòa”, rằng nước này nên “dứt khoát từ chối nộp thuế cho ngân sách liên bang”, rằng “nước này phải có cục hải quan riêng của mình”, v.v.

Về căn bản, quan điểm này có nghĩa rằng Nga phải từ bỏ vai trò là “hạt nhân” của Liên bang. Động lực nằm ở chỗ, bằng cách bảo tồn nguồn lực

riêng của mình, Nga có thể nhanh chóng trở nên giàu có. Hiển nhiên là các tác giả bản ghi nhớ này đã coi sự tan rã của Liên Xô (một sự kiện có thể là kết quả của một cuộc đảo chính) không phải là một thảm kịch, mà như một kiểu “chiến thắng”.

Yeltsin và tôi đã có một cuộc nói chuyện nghiêm túc về quan điểm được thể hiện trong bản ghi nhớ này. Ông ta đồng ý với lập luận phản đối nó của tôi, và lúc đó ông ta dường như khá chân thành. Nhưng đó là trước kia. Có thể bạn nói chuyện với ông ta và đã đạt được thỏa thuận về một đi đâu gì đó, nhưng hôm sau ông ta sẽ làm đi đâu ngược lại. Và đó là những gì xảy ra trong trường hợp này. (Thật bất ngờ là ông ta tiếp tục cách cư xử như vậy không phải một lần, trong những năm từ 1992 đến 1998).

Vào ngày 23/10, tại Đại hội Đại biểu Nhân dân của PCFCP, Yeltsin đã trình bày một loạt các biện pháp mà ông ta đề xuất thực hiện. Trên thực tế, các biện pháp này sẽ phá hoại hiệp ước thành lập một cộng đồng kinh tế vừa được ký kết, hoặc ít nhất là chống đối nó. Yeltsin nói: “Các cơ quan chính phủ liên cộng hòa chỉ được yêu cầu đóng vai trò phối hợp-tư vấn. Quyên lực thực sự đang được các nước cộng hòa thực thi. Và do đó Liên bang Nga phải theo đuổi một chính sách độc lập và hoạt động trên cơ sở mối quan tâm quốc gia, chứ không phải trên cơ sở một mô hình nào đó áp đặt từ bên ngoài”.

Ngay sau bài phát biểu của Yeltsin, tôi đã được Tổng Biên tập tờ *Moskva News* là Len Karpinsky phỏng vấn. Cuộc phỏng vấn diễn ra như sau:

Karpinsky: Vì một lý do nào đó, trong tình hình mới lại có một công thức cũ mà giờ đây đã là sai lầm, bị lặp lại một cách máy móc. Người ta nói rằng nếu có

Trung ương, sẽ không thể tránh khỏi đây là cái kiêu mà chúng ta đã phải đối phó hàng thập niên, và thậm chí, than ôi, cho đến tận gần đây, cái kiêu ấy đại diện cho một mối nguy dai dẳng đối với các quốc gia và dân tộc yêu chuộng tự do của nước ta, đối với hệ thống nhà nước của quốc gia. Hai phương án được trình bày đầu là sai lầm, cả phương án các nước cộng hòa độc lập và như vậy có thể sẽ không có Trung ương, lẫn phương án Trung ương được bảo tồn để rồi nói lời từ biệt độc lập. Nhưng tại sao lại không hình dung về một kiểu Trung ương mà trong quá khứ chúng ta đã biết chút ít, một cấu trúc sẽ khác biệt về mặt nguyên tắc, thể hiện và kết hợp lợi ích của các nước cộng hòa, một bộ máy nhằm đạt tới sự đồng thuận?

Gorbachev: Tôi hoàn toàn đồng ý với cách lập luận của anh. Anh đã đụng đến vấn đề trung tâm. Trong nhiều khía cạnh, những gì chúng ta mong chờ ở tương lai phụ thuộc vào cách chúng ta giải quyết vấn đề này.

Giải pháp thay thế không phải là, một mặt, liệu các nước cộng hòa có trở thành các quốc gia có chủ quyền không (họ đã như vậy rồi), hoặc mặt khác, liệu Trung ương toàn Liên bang có được bảo tồn không. Câu hỏi thực sự là liệu chúng ta có tìm được một lối thoát khỏi khó khăn chung và cùng tiến về phía trước, hay sẽ đâm sầm vào mớ bong bóng ở mọi hướng khác nhau. Đó không chỉ là hành lang quyên lực kết nối các nước cộng hòa với nhau, không chỉ là tay chân giả, có thể nói vậy, của một đảng phái và một bộ máy chính quyền quan liêu. Sự gắn kết giữa các nước cộng hòa đã tăng lên trong những năm qua và giờ đây thấm vào mọi lĩnh vực đời sống của tất cả các nước cộng hòa. Như vậy là tương tác của chúng ta vừa thông qua sự bất đồng và mâu thuẫn, vừa thông qua sự hợp tác văn minh. Trung ương quan liêu toàn trị, hiện thân của một chính sách và tư tưởng sô-vanh nước lớn cưỡng ép liên minh, đã hoàn toàn tan rã. Đó là điều tốt cho mọi người, nhưng thực tế đó không nên bị lẫn lộn với việc để cho các gắn kết khác ràng buộc Liên minh chúng ta sụp đổ. Cho nên chúng ta đang nói về một kiểu Trung ương mới, với một khuôn mẫu khác, không phải một bạo chúa ra lệnh cho các nước cộng hòa xung quanh, mà là một cơ quan đi đầu phối hợp ủy quyền, đóng vai trò trung gian và cung cấp nguồn lực để các nước cộng hòa

tự làm những điều đó...

Trong số các nhóm chính trị nhất định ở Nga, có cả nhóm của Boris Yeltsin, có những người nghĩ rằng Nga nên ly khai “như mọi nước khác”. Nước này nên rũ khỏi gánh nặng phải có “trách nhiệm đặc biệt” với những quốc gia khác, và thay vào đó nên dựa vào nguồn lực tự nhiên riêng, tiềm năng kinh tế và trí tuệ của riêng mình, và bắt đầu sống một cách độc lập. Đây là một điều không tưởng chỉ có trong học thuật, và là một điều rất nguy hiểm. Tôi xin nói thẳng: Nga không thể một mình tự giải thoát, vì nó còn phụ thuộc vào các nước cộng hòa khác. Sự nguy hiểm của kế hoạch phân lập cực đoan xuất phát từ chính tình hình hiện tại. Có lẽ vài năm nữa Nga mới có thể đối phó được với những vấn đề của nó trong sự cô lập. Nhưng điều đó chỉ có thể xảy ra sau vài năm nữa. Đối với các nước cộng hòa khác, trong đó có Ukraina, chủ nghĩa cô lập sẽ là một thảm họa.

Karpinsky: Mặt khác, tại sao Nga không thể, với vai trò là “người thừa kế hợp pháp” của Liên Xô, nhận lấy tất cả những quan tâm và lo lắng mà Liên Xô cũ đã để lại cho chúng ta? Đặc biệt, trung ương đầy sức hút đối với việc thống nhất ấy được đặt ở đâu, có thực sự thành vấn đề không?

Gorbachev: Có thể nói, ngay khi Nga thử trực tiếp ra lệnh cho các nước Cộng hòa, các nước Cộng hòa có Chủ quyền sẽ lập tức nổi xung: Cái gì thế này, định phục hồi chế độ chăng? Đa số các quốc gia và dân tộc sẵn sàng thừa nhận sự lãnh đạo của Nga, nhưng phải dưới hình thức của một Liên bang mới và thông qua các thiết chế toàn Liên bang, trong đó Nga sẽ thực sự có vai trò. Các thiết chế toàn Liên bang như thế rất cần thiết, trước hết là cho chính Nga. Có như vậy, tự nhiên Nga sẽ được coi là có vai trò và hình ảnh của một đối tác bình đẳng.

Karpinsky: Với những gì ông đã nói, rõ ràng là ông rất hiểu ý nghĩa vị trí của Nga và mối nguy hiểm mà nó đại diện, thực tế là vị trí này đã tạo ra những trở ngại nghiêm trọng cho sự tiếp tục các công việc về Hiệp ước Liên bang. Tuy nhiên, ông vẫn khẳng định rằng Hiệp ước cần được ký kết càng sớm càng tốt. Đây không phải là một ảo tưởng sao?

Gorbachev: Vâng, tôi hiểu tất cả những điều này. Nhưng như trước đây, quan điểm của tôi dựa trên thực tế rằng một liên bang là rất cần thiết cho tất cả các nước cộng hòa, trong đó có Nga. Tôi cho rằng chúng ta cần kiên trì trong công việc mà chúng ta đã bắt đầu, và tiến được khá xa.

Trong thời gian này tôi đã có một chuyến đi ngắn đến Madrid, liên quan đến việc khai mạc một hội nghị về Trung Đông. Ở đó, vào các ngày 29-30/10, tôi đã gặp gỡ các nhà lãnh đạo của Hoa Kỳ và Tây Ban Nha (George Bush, Juan Carlos, Felipe Gonzalez), và sau đó, ở miền Nam nước Pháp, với François Mitterrand. Những người mà tôi gặp đầu tỏ ra tin rằng vấn đề mấu chốt là ký Hiệp ước Liên bang nhanh nhất như có thể. Họ không thể hiểu những gì đang xảy ra với chúng ta. Khi đánh giá những cuộc thảo luận này, tôi nhận ra rằng vì lợi ích cao nhất của chúng ta và của phương Tây, chủ đề căn bản nhất được đưa ra thảo luận là chúng ta phải trải qua cải cách và đổi mới nhưng không được thất bại, phải bảo tồn Liên bang như là một trong những cấu trúc hỗ trợ nền tảng cho hòa bình trong thế giới ngày nay.

Xem xét mọi khía cạnh của vấn đề, tôi đã cố gắng thúc đẩy các nỗ lực này. Ngày 4/11, tại phiên họp thường kỳ của Hội đồng Nhà nước, tôi đã đưa ra một tuyên bố mạnh mẽ: trì hoãn việc ký kết Hiệp ước dù chỉ một chút thôi sẽ là không thể dung thứ.

Bản ghi bài phát biểu của tôi lúc đó hiện vẫn được lưu giữ. Dưới đây là những điểm căn bản tôi đã nói:

Chúng ta đang ở trong một tình huống nghiêm trọng, một tình huống thực sự dữ dội. Tôi tin rằng với tiềm năng chúng ta giành được sau cuộc đảo chính, với tư cách là kết quả của những quyết định dựa trên Tuyên bố chung của lãnh đạo các

nước cộng hòa, chúng ta đã xử lý vấn đề này một cách quá nhẹ so với những gì nó đáng phải chịu. Tại thời điểm đó, chúng ta đều hy vọng rằng chúng ta có thể đối phó được với tình hình, rằng chúng ta có thể tóm lấy nó trong tay và lãnh đạo đất nước tự tin đi trên con đường cải cách, ra khỏi cuộc khủng hoảng.

Vào thời điểm đó, chúng ta cảm nhận rõ ràng rằng sự tan rã của quốc gia chúng ta là điều không được phép xảy ra. Có thể nói chúng ta đang ở bên bờ vực thẳm, và nhìn thấy cái hố sâu mà chúng ta có thể lao vào nếu điều đó xảy ra.

Vài tuần nỗ lực hợp tác đầu tiên đã củng cố thêm những suy nghĩ của chúng ta về điều đó. Người dân và đất nước ủng hộ cách tiếp cận của chúng ta. Nhưng sau vài tuần đầu tiên đã có sự chậm trễ trong phản ứng của chúng ta, và mưu đồ chính trị lại tiếp tục. Hiệp ước kinh tế đang trải qua một cơn sinh nở đau đớn. Đất nước chúng ta đang thờ hờn hển, không có bất kỳ một sự sáng sủa nào trong hầu hết những vấn đề quan trọng này. Điều đó hết sức nguy hiểm.

Vào đêm trước phiên họp ngày 4/11 của Hội đồng Nhà nước, tôi đã gặp Yeltsin một lần nữa. Cuộc đối thoại rất gay gắt. Tôi thẳng thừng đặt ra các câu hỏi, đặc biệt câu hỏi về đường lối mà Nga sẽ theo đuổi, liên quan đến hiệp ước về một khối thịnh vượng chung trong kinh tế. Yeltsin bảo đảm rằng Nga sẽ hoạt động trong khuôn khổ của một hiệp ước kinh tế, và rằng thậm chí Nga sẽ đóng vai trò mở đầu. Tại cuộc họp của Hội đồng Nhà nước, Yeltsin trung thành với quan điểm đó và nhấn mạnh rằng định hướng của ông ta là ủng hộ một “hiệp ước mới - một Liên bang các quốc gia có chủ quyền”.

Vào ngày 14/11, Hội đồng Nhà nước cân nhắc dự thảo hiệp ước về Liên bang các quốc gia có chủ quyền, vốn đã được cập nhật dựa trên các ý kiến hoặc sự phản đối của các nước cộng hòa khác nhau. Dưới đây là biên bản tóm tắt về diễn biến phiên họp đó.

Hội đồng Nhà nước. Novo-Ogarevo. Ngày 14/11. Quyết định được thực hiện để thông qua văn bản. Lời mở đầu được đồng ý nhanh chóng. Có một cuộc tranh cãi về tên - Liên bang các nước Cộng hòa có Chủ quyền hay Liên bang các quốc gia có chủ quyền.

Yeltsin: Liên bang các quốc gia có chủ quyền.

M. S.: Vậy hãy để là Liên bang các quốc gia có chủ quyền. Chúng ta vẫn phải giải quyết một vấn đề quan trọng nữa: Chúng ta sẽ tạo ra một liên bang, đó có phải là một thực thể nhà nước (государство) hay không?*

Yeltsin: Mục đích là để tạo ra một liên bang.

Nazarbaev: Chúng ta muốn loại liên bang nào?

M. S.: Ý kiến của ông là gì?

Nazarbaev: Rất phức tạp khi nói về một liên bang. Có lẽ một liên minh chẳng?

M. S.: Một thực thể nhà nước liên bang. Tôi khẳng định dứt khoát. Nếu chúng ta không tạo ra một thực thể nhà nước, tôi đoán sẽ có thảm họa, tôi xin nói với các vị...

Yeltsin: Chúng ta sẽ tạo ra một liên bang của các quốc gia.

M. S.: Nếu nó không phải là một thực thể nhà nước, tôi sẽ không tham gia vào quá trình này. Tôi có thể rời đi ngay bây giờ. (M. S. đứng dậy và bắt đầu thu thập các giấy tờ của ông). Đây là quan điểm có tính nguyên tắc của tôi. Nếu không có một thực thể nhà nước, tôi cho rằng nhiệm vụ của tôi đã hết. Tôi không thể ủng hộ một cái gì đó vô định hình.

Shushkevich [người đứng đầu nước cộng hòa Belarus] cố gắng thuyết phục Gorbachev ở lại.

M. S.: Tôi muốn các vị tin rằng tôi không có bất kỳ tham vọng nào và tôi không khao khát bất kỳ một địa vị mới nào.

Yeltsin: Hãy gọi nó đơn giản là một liên minh.

M. S.: Ông quyết định. Tôi không thể ép buộc ông. Trách nhiệm của ông không ít hơn của tôi. Thực tế trách nhiệm của ông còn nhiều hơn.

Yeltsin: Nó phải được thực hiện sao cho Ukraina không rời đi.

Shushkevich: Tôi nghĩ họ sẽ gia nhập một liên minh.

Giải lao.

M. S.: Tốt rồi, có vẻ như chúng ta đã tìm thấy một sự thỏa hiệp: “một nhà nước dân chủ liên minh thực thi quyền lực...”

Sau đó, phiên họp nhất trí rằng hiệp ước sẽ được ký tắt vào ngày 25 tháng 11.

Sau phiên họp, một cuộc họp báo đã được tổ chức. Đây là lời Yeltsin nói: “Khó có thể nói được số các quốc gia sẽ gia nhập Liên bang là bao nhiêu, nhưng tôi tin chắc rằng Liên bang sẽ tồn tại”. Shushkevich nói: “Theo ý kiến tôi, khả năng hình thành một Liên bang mới đã tăng đáng kể. Tôi nghĩ sẽ có một Liên bang”. Các nhà lãnh đạo của Kazakhstan, Kyrgyzstan, Turkmenistan và Tajikistan cũng lên tiếng ủng hộ một Liên bang.

Tôi tranh luận cuối cùng và nói rằng hiệp ước về một Liên bang các quốc gia có chủ quyền đơn giản là cần thiết, như một cơ sở để cải cách quốc gia dân tộc đơn nhất của chúng ta. Đó cũng là điều cần thiết để giải quyết những vấn đề cấp bách nhất của chúng ta. Nếu không có sự đồng ý giữa các nước cộng hòa, cải cách sẽ không đi đến đâu. Chúng ta phải có sự thỏa thuận và phối hợp, vì đó là cách mà số phận của chúng ta được hình thành và không thể khác được. Hiện giờ đối với chúng ta, việc tách ra và cố gắng đoán xem liệu làm như thế có tốt không, đơn giản là không thể. Nếu chúng ta đi theo những con đường riêng rẽ giống như các quốc gia khác biệt về dân tộc, thì khi đó thậm chí trong khuôn khổ một khối thịnh

vượng chung, quá trình phối hợp và hợp tác sẽ trở nên vô cùng phức tạp.

Dường như chúng ta đã tiến được một bước đáng kể về phía trước. Tất nhiên có những khoảnh khắc khiến người ta ngẩng dậy và chú ý. Đó là trường hợp đặc biệt đã xảy ra với quan điểm của Kravchuk nhà lãnh đạo Ukraina. Ông ta không tham gia vào cuộc họp của Hội đồng Nhà nước ngày 14/11. Nhưng ngày 8/11, khi từ Moskva trở về Kiev, ông ta đã tổ chức một buổi họp báo và đưa ra những điều sau đây:

- Điều quan trọng nhất là cuộc trưng cầu dân ý về độc lập của Ukraina (dự kiến vào ngày 1/12).
- Khủng hoảng kinh tế phải được khắc phục.
- Ukraina cần phải lập quân đội quốc gia riêng.
- Ukraina cũng cần tiền tệ riêng.
- Quan hệ đối ngoại độc lập là cần thiết; không cần có sự tồn tại của một Bộ Ngoại giao Liên bang.

Về Hiệp ước Liên bang, Kravchuk đưa ra quan điểm sau:

Hãy dừng tất cả các cuộc nói chuyện về tiến trình Novo-Ogarevo. Và hãy làm cho rõ ràng, chính xác, Liên bang là gì. Và chính xác thì Soviet Tối cao Liên bang đại diện cho ai? Sẽ là 15 nước cộng hòa như trước đây, hay sẽ là một Liên bang của bảy nước như bây giờ? Và chính xác thì quan điểm của Gorbachev sẽ là gì? Tiến trình Novo-Ogarevo đã là thời quá khứ rồi [nghĩa là một thứ thuộc về quá khứ]. Chúng tôi sẽ chống lại bất cứ nỗ lực nào nhằm lập ra các cơ quan chính quyền trung ương. Chúng tôi sẽ không thông qua Hiệp ước, nếu bất kỳ kiểu nào của các cơ quan chính quyền trung ương ẩn sau nó. Quả thực là không có bất kỳ một loại Trung ương nào nên tồn tại, ngoài những cơ quan phối hợp được lập nên bởi các quốc gia tham gia vào tiến trình của Hiệp ước.

Rõ ràng Kravchuk không muốn một Liên bang thực sự. Ông ta chỉ ủng hộ một cái gì đó, vô định hình và không xác định. Nhưng tại thời điểm đó ông ta là người duy nhất có quan điểm như vậy, mặc dù - rõ ràng là trong biên bản phiên họp Hội đồng Nhà nước đã được trích dẫn ở trên - những ý kiến và đề xuất của Yeltsin rất hòa hợp với quan điểm của Kravchuk.

Theo thỏa thuận, phiên họp tiếp theo của Hội đồng Nhà nước được tổ chức vào ngày 25/11. Sau đây là biên bản diễn biến cuộc họp đó:

M. S.: Như chúng ta đã thống nhất tại kỳ họp trước của Hội đồng Nhà nước, vấn đề được xem xét tại phiên họp hôm nay là việc ký tắt Hiệp ước Liên bang.

Yeltsin: Thật không may là có một số công thức cho thấy chúng ta chưa đi đến thỏa thuận.

M. S.: Chúng ta hãy xem văn bản. Về lời mở đầu, không có sự phản đối. Về các nguyên tắc. Đầu tiên...

Yeltsin: Chúng ta phải xem lại cái này.

M. S.: Nhưng chúng ta đã đạt được thỏa thuận ở đây. Chúng ta đã tranh cãi tới bốn tiếng.

Yeltsin: Tôi hiểu. Nhưng chúng tôi đã tổ chức các cuộc thảo luận thăm dò trong một số ủy ban của Soviet Tối cao. Kết quả là đa số đầu đầu ý rằng không nên có Liên bang, tức không phải một quốc gia dân chủ liên minh, mà là một liên minh của các quốc gia dân chủ.

Một cuộc tranh cãi nổ ra.

Yeltsin: Một khi tôi vẫn còn có sự phản đối, tôi sẽ đệ trình một tuyên bố dài hàng phút trong khi ký tắt Hiệp ước.

Một lần nữa, một cuộc thảo luận gay gắt bùng nổ giữa Yeltsin và Gorbachev.

Niyazov (người đầu tiên xen vào): Tôi nghĩ chúng ta phải xem xét đề xuất của

Boris Nikolaevich [Yeltsin]. Đường như với tôi thì bản chất của vấn đề không thay đổi.

M. S.: Nó có thay đổi. Không có thực thể nhà nước.

Karimov: Nghị viện của chúng tôi cũng bày tỏ ý kiến rằng không nên ký tắt dự thảo Hiệp ước trước khi nó được thảo luận trong ủy ban.

Yeltsin: Có một khía cạnh quan trọng khác. Ký Hiệp ước mà không có Ukraina là vô ích. Sẽ không có Liên bang. Hãy chờ Ukraina. Điều đó sẽ cho Ukraina thấy sự tôn trọng của chúng ta.

M. S.: Như ai đó đã nói, “Gorbachev đã trở nên lỗi thời”. Rõ ràng đó cũng là ý kiến của các vị. Vậy thì hãy thỏa thuận giữa các vị với nhau đi. Tôi không muốn chính mình lại phải kết nối với những sự hỗn loạn đằng sau quan điểm mờ hồ, không ra hình thù gì của các vị. Nếu mục đích không phải là thành lập một Liên bang, thì hãy nói không.

Hội đồng Nhà nước đã quyết định gửi nội dung của Hiệp ước tới Soviet Tối cao các nước cộng hòa. Tiếp theo là một tranh cãi về việc thảo ra bản đề trình thế nào.

M. S.: Chúng ta nên nói rằng chúng ta xem xét chính mình trong việc thỏa thuận về nội dung của Hiệp ước, và rằng chúng ta đệ trình nó để các Soviet Tối cao xem xét.

Yeltsin: Tôi nghĩ chúng ta nên ngắn gọn hơn: “Dự thảo hiện đang được đệ trình để xem xét...”

M. S.: Có gì khác nhau?

Yeltsin: Khác là ở cụm từ “thỏa thuận về...”

M. S.: Nhưng nếu không được thỏa thuận, thì không cần gửi nó đi.

Một lần nữa, một cuộc tranh cãi lại nổ ra.

M. S.: Tôi cho rằng lãnh đạo các nước cộng hòa tại thời điểm đòi hỏi trách nhiệm lớn lao, lại đang tham gia vào sự vận động không cần thiết.

Shushkevich: Tôi không chấp nhận rằng đi đâu đó có liên quan đến mình. Quan điểm của tôi là chúng ta sẽ ký tất Hiệp ước trong 10 ngày kể từ bây giờ, chứ không phải hôm nay.

M. S.: Nghe này, hãy cứ làm như vậy đi. Các vị ở lại đây và đi đến một thỏa thuận giữa các vị với nhau, không có ai làm chứng; chúng tôi sẽ rời khỏi các vị. Tôi yêu cầu những người còn lại trong các vị hãy ở lại.

Gorbachev bỏ đi và xuống cầu thang. Sau 25 phút, Yeltsin và Shushkevich cũng xuống. Họ cùng nhau vạch ra một cách thức. Sau khi nghỉ ngơi, họ tiếp tục.

Văn bản đề xuất như sau: “Theo quyết định của Hội đồng Nhà nước Liên Xô, xin đề trình lên Soviet Tối cao của các nước Cộng hòa có Chủ quyền và Soviet Tối cao Liên Xô bản dự thảo Hiệp ước về một Liên bang các quốc gia có chủ quyền, và đề nghị các Soviet Tối cao cân nhắc dự thảo này, cùng với kế hoạch chuẩn bị để dự thảo được ký kết trong năm nay”.

M. S.: Cũng nên thêm: “Dự thảo sẽ được công bố trên báo chí”.

Tuyên bố dài hàng phút của Yeltsin đã đi từ trang này đến trang khác. Những ý chính trong tuyên bố này được chấp nhận.

Và như vậy, dự thảo Hiệp ước không được ký tất. Tại sao Yeltsin và những người theo ông ta lại không muốn có hành động này? Tôi nghĩ rằng các cố vấn của ông ta đã thuyết phục rằng ông ta cần có một tay rảnh rang để lo “chuyện hậu trường”, trong khi công việc về Hiệp ước vẫn được tiếp tục. Tuy nhiên, tôi không loại trừ khả năng khi đó Tổng thống Nga đã biết rằng văn bản này sẽ không có hiệu lực, vì thế ông ta đã không ký vào đó.

Ngay sau phiên họp này của Hội đồng Nhà nước, một cuộc họp báo khác đã được tổ chức. Lần này đại diện các nước cộng hòa không muốn tham gia. Tôi tóm tắt việc trao đổi ý kiến đã diễn ra thế nào cho các nhà báo. Tôi nhấn mạnh rằng mọi đi đâu khoản trong dự thảo chính của Hiệp ước

vẫn không thay đổi. Tôi kết luận bài phát biểu của mình như sau:

Chúng tôi một lần nữa trở lại thảo luận về vấn đề liên minh, liệu đó là một Liên bang hay một thực thể nhà nước? Công thức được thống nhất tại phiên họp trước của Hội đồng Nhà nước vẫn được giữ nguyên, cụ thể là Liên bang các nước Cộng hòa có Chủ quyền là một Nhà nước Liên bang Dân chủ. Quan điểm này được thể hiện ở tất cả các phần của dự thảo Hiệp ước. Như vậy, công việc khó khăn, đòi hỏi trách nhiệm cao trong giai đoạn quan trọng này, thể hiện qua sự cân nhắc của Hội đồng Nhà nước về Hiệp ước, đã hoàn thành... Lãnh đạo các nước cộng hòa ở một chừng mực nào đó đã rời bỏ tháp ngà và chuyển động, và họ đã đúng khi bắt đầu tiến trình mà Soviet Tối cao của các nước cộng hòa phải hoàn thành.

Ngày 27/11, dự thảo Hiệp ước được công bố.

Cuộc thảo luận tại Hội đồng Nhà nước ngày 25/11, và những gì xảy ra tại cuộc họp đó nói chung, để lại cho tôi cảm giác về một điềm gở. Không phải bỗng dưng mà Boris Yeltsin bác bỏ những gì chúng tôi đã đồng ý, liên quan đến những điểm chính trong Hiệp ước mới, và đột nhiên ông ta đã công khai cho toàn thế giới nhìn thấy các luận điểm này trong quá khứ, hoàn toàn lật ngược những điểm mà chúng tôi đã thỏa thuận. Rõ ràng là khi đó ông ta thậm chí đã có kế hoạch khác trong đầu.

Bây giờ chúng ta biết rằng Yeltsin đã thực sự ấp ủ một kế hoạch nhằm giải thể Liên bang, và trên thực tế ông ta đã làm xong việc đó rất lâu, trước ngày 25/11. Leonid Kravchuk, trong cuốn *The Last Days of the Empire* (Những ngày cuối cùng của đế chế), nói rằng đã có những thỏa thuận bí mật và những hành động phối hợp giữa Yeltsin và các lãnh đạo của Ukraina và Belarus, và sự hợp tác đó đã được thiết lập từ lâu, ngay tại thời điểm

công việc chuẩn bị cho Hiệp ước bắt đầu. Theo Kravchuk, có “ba người nào đó” cố gắng “không thu hút sự chú ý quá mức” mà “đã được đảm bảo bởi vòng tròn rất hẹp có liên quan”. Như tôi đã nói, mãi sau này những điều ấy mới được biết đến. Tại thời điểm đó, vào ngày 25/11, tôi đã thấy nghi ngờ quan điểm của Yeltsin, nhưng tất cả chỉ có thế. Tôi băn khoăn liệu có phải ông ta chơi trò hai mặt.

Vào ngày 1/12, cuộc trưng cầu dân ý về độc lập của Ukraina được tổ chức. Kết quả là 90,32% số người bỏ phiếu ủng hộ độc lập. Kravchuk được bầu làm Tổng thống của nước cộng hòa này. Và ngày 2/12, Yeltsin công nhận nền độc lập của Ukraina.

CHƯƠNG 6

HIỆP ĐỊNH BELOVEZH: SỰ TAN RÃ CỦA LIÊN XÔ

Vào ngày 3/12, Soviet Tối cao Liên Xô đã thông qua dự thảo Hiệp ước về Liên bang các quốc gia có chủ quyền. Lúc đó tôi đã gửi một bức thư cho các nghị sĩ thuộc Soviet Tối cao của các quốc gia có chủ quyền. Thư viết như sau:

Tôi bị thôi thúc bởi cảm giác báo động ngày càng tăng về sự tồn tại của quê hương chúng ta khi gửi thông điệp này đến quý vị. Trong khá nhiều cuộc khủng hoảng của chúng ta, nguy hiểm nhất là sự phá vỡ hệ thống nhà nước. Đó cũng là cuộc khủng hoảng đau đớn nhất, vì nó cản trở khả năng của các cơ quan chính quyền ở tất cả các cấp trong việc hoàn thành bốn phận với công dân. Hơn nữa, nó sẽ phá vỡ nền kinh tế, làm chậm lại và đe dọa phá sản tiến trình cải cách, làm hư hỏng đạo đức và phong tục, làm quốc gia này chống lại quốc gia kia, và cuối cùng là dẫn tới phá hủy nền văn hóa của chúng ta.

Trong mỗi quốc gia có chủ quyền của quý vị, đã hình thành các cơ quan lập pháp và hành pháp được lựa chọn dân chủ. Những cơ quan này được giao trách nhiệm về những chính sách phục vụ lợi ích của nhân dân. Nhưng mọi thứ đang trở nên tồi tệ hơn. Rõ ràng lý do chính của tình hình hiện thời là tiến trình tan

rã, vi phạm logic lịch sử t ần tại của một quốc gia hợp nhất khổng lồ và vượt ra ngoài giới hạn hợp lý tới chỗ trở thành phá hoại.

Dự thảo Hiệp ước Liên bang đã được đệ trình để chính quý vị thông qua. Quyết định của quý vị hoặc sẽ mang xã hội lại gần hơn với những hình thức t ần tại mới, hoặc sẽ bắt nhân dân ta phải chịu đựng một con đường dài và khó khăn mà họ sẽ phải tìm kiếm trong vô vọng cách giải thoát cá nhân mình trong sự cô lập. Điều gì đặc biệt sẽ đợi chúng ta phía trước trong sự kiện đó - cho mỗi cá nhân chúng ta, cho tất cả chúng ta, cho toàn bộ thế giới bên ngoài - đó là điều không thể dự đoán được. Tuy nhiên, chỉ có một điều chắc chắn: Hậu quả sẽ đau đớn...

Mỗi người trong số quý vị đều có quyền từ bỏ Liên bang. Nhưng điều này đòi hỏi những người do nhân dân lựa chọn cần phải xem xét mọi hậu quả.

Tiếp theo, thư tóm tắt những hậu quả có thể xảy ra khi Liên bang tan rã, và ở phần kết luận, tôi quay lại vấn đề Hiệp ước:

Hai hệ tư tưởng căn bản được hàm chứa trong quan niệm của Hiệp ước Liên bang, trong đó xác định đặc tính của hệ thống nhà nước mới và chưa từng có: đó là v ề tự quyết, chủ quyền quốc gia dân tộc, độc lập; và đó là v ề tình trạng Liên bang, hợp tác, phối hợp, giúp đỡ lẫn nhau.

Quan điểm của tôi là rất rõ ràng. Tôi ủng hộ Liên bang mới, một Liên bang các quốc gia có chủ quyền, một quốc gia liên bang dân chủ. Trước khi quý vị quyết định, tôi chỉ muốn chắc chắn rằng quý vị hiểu rõ quan điểm của tôi. Không thể trì hoãn thêm được nữa. Thời gian bị mất có thể gây ra những hậu quả thảm khốc.

Vì vậy tôi yêu cầu quý vị, với tư cách những đại diện có thẩm quyền của quốc gia mình, thảo luận dự thảo Hiệp ước về một Liên bang các quốc gia có chủ quyền trong những ngày sắp tới và phê chuẩn nó.

Tôi hy vọng rằng các Soviet Tối cao sẽ phê chuẩn Hiệp ước. Người ta nói với tôi là những khó khăn lớn nhất có thể phát sinh ở Nghị viện Nga. Nhưng tôi biết rằng, khi một vài ủy ban trong Soviet Tối cao Nga xem xét Hiệp ước thì nó sẽ giành được sự ủng hộ. Tuy nhiên, trong thực tế, đơn giản là các đại biểu Soviet Tối cao của các quốc gia có chủ quyền đã không được trao cho cơ hội, dù chỉ là xem xét Hiệp ước.

Ngày 4/12, tờ báo ở Kiev - *Rabochaya Gazeta* đăng tin là Leonid Kravchuk, trong một cuộc thảo luận với Tổng thống Mỹ vào hôm trước, đã thông báo với ông này rằng Thứ bảy tới, ông ta, Yeltsin và Shushkevich người đứng đầu Nghị viện Belarus, sẽ họp tại Minsk để thảo luận “những vấn đề về chính sách đối nội và đối ngoại của các quốc gia mà họ đứng đầu”.

Trước chuyến đi của mình đến Minsk, Yeltsin đã gặp tôi để nói rằng mục đích chuyến đi của ông ta đến Belarus là để đàm phán song phương Nga - Belarus. Kravchuk được mời để lôi kéo ông ta vào tiến trình Hiệp ước. Yeltsin nói rằng “một Liên bang mà không có Ukraina là không thể tưởng tượng được” và nói thêm: “Phải làm tất cả để thuyết phục Ukraina thêm tên của họ vào Hiệp ước Liên bang”. Ông ta đưa ra một điều kiện: “Nếu điều đó không có kết quả, chúng ta phải nghĩ ra những phương án khác”. Tôi lấy điểm này để ép Yeltsin: Có thể lôi kéo Ukraina vào tiến trình Hiệp ước, nhưng cách tốt nhất để làm việc đó là Liên bang Nga nên là người đầu tiên thảo luận và ký Hiệp ước. Sau đó, Ukraina sẽ tìm một chỗ đứng cho mình trong tiến trình đó. Sẽ chẳng còn chỗ nào mà đi nữa, nếu tám nước cộng hòa khác đã ký. Nhưng nếu không thể đạt được thỏa thuận, chúng tôi sẽ tiếp tục thảo luận tại Moskva.

Vào ngày 8/12, có ba người gặp nhau. Họ đưa ra một tuyên bố: “Liên

Xô với tư cách một thực thể theo luật pháp quốc tế và một thực thể về địa chính trị đã không còn tồn tại”. Họ đã ký một thỏa thuận để thành lập một Cộng đồng các Quốc gia Độc lập (CIS).

Năm 1993, trong một cuộc họp với các đại biểu nhóm Smena của Nghị viện, một trong số họ nói với tôi như sau. (Đại biểu này từng là một người ủng hộ mạnh mẽ cho Yeltsin vào năm 1991): Sau khi trở về từ Minsk, Tổng thống Nga quy tụ một nhóm các đại biểu đã liên hệ chặt chẽ với ông ta để tranh thủ sự ủng hộ của họ cho việc phê chuẩn thỏa thuận Minsk. Ông ta được hỏi rằng những thỏa thuận đó có hiệu lực đến mức độ nào về pháp lý. Thật bất ngờ là ông ta đã đưa ra một bài diễn thuyết dài 40 phút, hào hứng nói về việc đã xoay sở thế nào để “kéo miếng len che mắt Gorbachev” trước khi ông ta đi Minsk, thuyết phục Gorbachev rằng ông ta sẽ theo đuổi một mục tiêu, trong khi thực tế ông ta đang chuẩn bị làm đi ngược lại. “Gorbachev phải được giữ ở ngoài trò chơi”, Yeltsin bổ sung.

Những lời nhận xét, như vẫn thường nói, là thừa ở đây. Tổng thống Nga và đoàn tùy tùng của ông ta trên thực tế đã hy sinh Liên bang cho nỗi khao khát cháy bỏng của ông ta là lên ngai vàng tại Kremli.

Vào ngày 9/12, tôi đưa ra tuyên bố về thỏa thuận có chữ ký của ba nguyên thủ quốc gia tại Belovezh:

Trong tư cách Tổng thống của đất nước, đối với tôi, tiêu chí chính trong việc đánh giá văn bản này là nó phù hợp đến mức nào với lợi ích an ninh của công dân chúng ta, và với nhiệm vụ vượt qua khủng hoảng hiện tại, bảo tồn hệ thống nhà nước, trong khi vẫn tiếp tục cải cách dân chủ.

Thỏa thuận này có những khía cạnh tích cực.

Giới lãnh đạo Ukraina, vừa rồi không tỏ ra tích cực trong tiến trình Hiệp ước,

nay đã tham gia vào thỏa thuận.

Văn bản này nhấn mạnh sự cần thiết phải tạo ra một không gian kinh tế duy nhất, hoạt động trên nguyên tắc thống nhất, với một đồng tiền duy nhất, một hệ thống tài chính và ngân hàng duy nhất. Việc sẵn sàng hợp tác trong các lĩnh vực khoa học, giáo dục, văn hóa và các lĩnh vực khác đã được thể hiện. Một công thức nhất định cho sự phối hợp chiến lược quân sự cũng được đề xuất.

Tuy nhiên, văn bản này có một ý nghĩa quan trọng và ảnh hưởng sâu sắc tới lợi ích của nhân dân, của các quốc gia và dân tộc ở nước ta cũng như toàn bộ cộng đồng quốc tế, nó đòi hỏi một sự đánh giá toàn diện về chính trị và pháp luật.

Dù sao, đi đâu sau đây là hết sức rõ ràng: Thỏa thuận thẳng thắn tuyên bố kết thúc sự tồn tại của Liên Xô. Không thể phủ nhận mỗi nước cộng hòa đều có quyền rút khỏi Liên bang, nhưng số phận của quốc gia đa dân tộc không thể được xác định chỉ bởi ý chí của các nhà lãnh đạo của ba nước cộng hòa. Vấn đề này chỉ nên được quyết định bằng các biện pháp hợp hiến, với sự tham gia của tất cả các quốc gia có chủ quyền và có tính đến ý chí của tất cả công dân của họ.

Tuyên bố rằng các quy phạm pháp luật chung của toàn Liên bang không còn hiệu lực cũng là bất hợp pháp và nguy hiểm; nó chỉ có thể làm trầm trọng hơn sự hỗn loạn và tình trạng vô chính phủ trong xã hội.

Sự xuất hiện quá hấp tấp của văn bản này cũng là điều đáng phải quan tâm. Nó đã không được cả dân chúng lẫn các Soviet Tối cao của các nước cộng hòa đã ký tên thảo luận. Thậm chí tệ hơn nữa, nó xuất hiện vào thời điểm khi dự thảo Hiệp ước Liên bang các quốc gia có chủ quyền, do Hội đồng Nhà nước Liên Xô soạn thảo, đang được Nghị viện các nước cộng hòa thảo luận.

Trong tình huống mới nảy sinh, tôi có niềm tin sâu sắc rằng tất cả các Soviet Tối cao của các nước cộng hòa và Soviet Tối cao Liên Xô cần phải thảo luận cả dự thảo Hiệp ước Liên bang các quốc gia có chủ quyền lẫn Hiệp ước được ký kết tại Minsk.

Trong chừng mực mà một hình thức khác của hệ thống nhà nước được đề xuất

trong Hiệp ước - một vấn đề thuộc phạm vi quyền hạn của Đại hội Đại biểu Nhân dân Liên Xô - cần phải triệu tập Đại hội đó. Ngoài ra, tôi sẽ không loại trừ việc tổ chức một cuộc trưng cầu dân ý trên toàn quốc (một cuộc bỏ phiếu toàn dân) về vấn đề này.

Vào ngày 10/12, Soviet Tối cao Belarus và Soviet Tối cao Ukraina, bỏ qua vấn đề về Liên bang các quốc gia có chủ quyền, đã thông qua thỏa thuận liên quan đến sự ra đời của CIS. Hai ngày sau, một quyết định tương tự đã được Soviet Tối cao PCPSU thực hiện.

Trong số những người bỏ phiếu hoàn toàn đồng lòng ủng hộ cho Hiệp định Belovezh, có những đại biểu thuộc các nhóm hoàn toàn đối lập nhau.

Vào ngày 13/12, lãnh đạo các quốc gia Trung Á và Kazakhstan đã gặp nhau tại Ashkhabad, thủ đô của Turkmenistan. Về căn bản, họ đã thông qua sáng kiến thành lập CIS, nhưng họ nhấn mạnh rằng sự tham gia bình đẳng của tất cả các nước cộng hòa cũ thuộc Liên Xô cần được đảm bảo trong quá trình xây dựng văn kiện và quyết định tính chất của cơ cấu mới. Một hội nghị của 11 nước cộng hòa được tổ chức vào ngày 21/12. Tôi đã gửi một thông điệp đến những người tham gia hội nghị đó.

Những cân nhắc sau đây đã xác định quan điểm của tôi. Nếu những nước cộng hòa khác đã đạt đến quan điểm chung là họ muốn hình thành một cộng đồng như vậy, thì tôi, với tư cách một cá nhân ủng hộ các nguyên tắc của dân chủ và hiến pháp, xuất phát từ những niềm tin vững chắc và trên quan điểm của tôi với tư cách Tổng thống, tôi tôn trọng lựa chọn đó. Nhưng tôi ủng hộ một quá trình diễn ra tuần tự, không góp phần vào sự hỗn loạn và xáo trộn. Theo đúng những suy nghĩ đó, tôi đã viết thông điệp sau:

Việc phê chuẩn thỏa thuận thành lập CIS của PCФCP, Ukraina, Belarus, và sự tự nguyện tham gia với tư cách những sáng lập viên của cộng đồng này là Kazakhstan, Kyrgyzstan, Tajikistan và Turkmenistan, đã làm tình hình thay đổi một cách căn bản. Cuộc sống của nhiều quốc gia và dân tộc trên một đất nước tuyệt vời, liên quan đến hình thức chính quyền nơi họ sinh sống, đang bắt đầu một trang sử mới. Trên lãnh thổ đất nước này một số quốc gia độc lập đang được hình thành. Thay cho kỷ nguyên lịch sử lâu dài và khó khăn của việc hình thành một quốc gia, hiện đang có một quá trình phân lập và chia rẽ. Quá trình đó sẽ không hề dễ dàng. Không nên ảo tưởng. Xã hội rõ ràng vẫn chưa nhận ra rằng sự biến chuyển này của các sự kiện có ảnh hưởng rất lớn tới chính nền tảng đời sống của các dân tộc và công dân chúng ta.

Ngay từ khi bắt đầu perestroika, chúng ta đã tiến hành từng bước để hướng tới việc tất cả các nước cộng hòa đều có được một nền độc lập đích thực. Nhưng từ đầu đến cuối, tôi vẫn nhấn mạnh rằng không được để đất nước bị tan rã. Điều đó đã và đang là nhận thức của tôi về ý chí của mọi quốc gia và dân tộc đã thể hiện trong cuộc trưng cầu dân ý [vào ngày 17/3/1991] - họ mong muốn độc lập, trong khi vẫn giữ được sự toàn vẹn của Liên bang lịch sử này. Ý tưởng này và mối quan tâm này đặt nền tảng cho công thức của tôi về một Liên bang các quốc gia có chủ quyền, mà ban đầu đã nhận được sự ủng hộ của quý vị.

Tôi viết như vậy không phải để quay lại bàn luận về chủ đề đó. Ý tưởng về CIS giờ đây đang trở thành hiện thực, và điều quan trọng, cực kỳ quan trọng, là quá trình rất phức tạp này không làm gia tăng những xu hướng phá hủy có thể nhìn thấy trong xã hội. Rốt cuộc, mọi người đều thấy rõ ràng là quá trình chuyển đổi sẽ diễn ra trong hoàn cảnh khủng hoảng về kinh tế, chính trị và giữa các dân tộc, với một sự sụt giảm đáng kể về mức sống.

Tôi có một thái độ hoàn toàn nghiêm túc đối với nội dung của các văn kiện được thông qua tại Brest [tức Hiệp định Belovezh] và tại Ashkhabad, và với các sắc lệnh do Soviet Tối cao của ba nước cộng hòa phê chuẩn. Trong khi xem xét các điểm tôi muốn thực hiện, tôi đã tính đến phản ứng của xã hội cả trong lẫn ngoài

đất nước chúng ta và những vấn đề còn đang để ngỏ.

Mục đích của các cân nhắc nêu ra ở đây là xác định những điều kiện tối thiểu, mà dường như với tôi, nếu thiếu chúng, Cộng đồng sẽ không thể tồn tại được trong hoàn cảnh hiện tại. Tôi xin đưa ra một nhận xét ngay lập tức: Trong số những điều kiện này, có một số điều hiển nhiên mà mọi người đều thừa nhận, nhưng tôi không thể bỏ sót chúng trong thông điệp này.

Thứ nhất, cần phải ghi nhận là mọi người đều hiểu một cách sâu sắc rằng cộng đồng là một hình thức đa quốc gia với sự bình đẳng tuyệt đối không chỉ giữa các quốc gia, mà còn giữa mọi dân tộc, tôn giáo, truyền thống và phong tục, bất kể vị trí của họ. Vì vậy, một cái tên thích hợp hơn, có lẽ với tôi sẽ là Cộng đồng các Quốc gia Âu và Á.

Thứ hai, mọi việc không đơn giản tới mức có thể đưa ra sự công nhận chính thức đối với Tuyên bố về Nhân quyền và Tự do dân chủ. Với hoàn cảnh độc đáo của những người đã định cư trên một không gian cực kỳ rộng lớn, nơi mà qua nhiều thế kỷ số phận của hàng triệu gia đình đã đan xen, nơi đã có hàng chục triệu cuộc hôn nhân hỗn hợp, thì vấn đề về biên giới mở và quyền công dân phải được giải quyết một cách đặc biệt.

Tôi chắc chắn rằng trong mỗi người không bị chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa phân lập làm hỏng, có nghĩa là hàng trăm triệu người, sẽ xuất hiện cảm giác rõ rệt về sự mất mát một đất nước vĩ đại. Và thực tế khi bắt đầu công việc xác định các tiến trình quản lý và lãnh đạo, các vấn đề phân chia ranh giới và các điều khoản về quyền công dân, khá nhiều người sẽ bị ảnh hưởng trực tiếp - trong đời sống hằng ngày, trong sản xuất, trong những mối quan hệ con người của họ. Do đó, có thể trong một thời gian dài, sẽ cần phải tán thành quyền công dân của Cộng đồng, song song với quyền công dân trong một đất nước riêng biệt.

Tôi sợ rằng, nếu tất cả những điều này không được trù tính, giải quyết và được đảm bảo một cách đáng tin cậy, ý tưởng về một Cộng đồng sẽ bị bác bỏ ở cấp quốc gia.

Thứ ba, tầm quan trọng mang tính quyết định để đảm bảo sự ổn định của cộng đồng là việc tạo ra một nền kinh tế thị trường định hướng xã hội và bảo vệ mọi hình thức sở hữu. Tôi có chung quan điểm với những người cho rằng đi đầu cần bản là khẳng định lập trường cương quyết của những bên tham gia cộng đồng trong việc tuân thủ hiệp ước cộng đồng kinh tế và hoàn thành công việc trên một loạt đề xuất cung cấp các điều kiện cần thiết để thiết lập một “thị trường Á - Âu” chung. Điều này bao gồm các biện pháp phối hợp những vấn đề quan trọng như tiền tệ, hệ thống tài chính ngân hàng, phương pháp hình thành giá cả và thuế, thuế quan, phân bổ ngân sách cho quốc phòng, và các mục đích chung khác.

Tôi tin rằng các cấu trúc phù hợp để đi đầu phối nền kinh tế trong khuôn khổ Cộng đồng sẽ được cần đến. Tôi cũng chắc chắn rằng tất cả những điều này có thể làm được và sẽ góp phần vào phúc lợi của nhân dân ở tất cả các quốc gia và dân tộc của chúng ta, với điều kiện duy nhất là phải có những sự đảm bảo hiệu quả về các quyền và tự do kinh tế cho cá nhân, cũng như sự bảo vệ vô điều kiện cho họ về cả luật pháp lẫn thực tế.

Thứ tư, tôi tin rằng tôi có thể nói, với đầy đủ trách nhiệm và kiến thức về vấn đề liên quan đến một hệ thống hợp nhất về chiến lược an ninh-quân sự cho nước ta, rằng những nỗ lực nhỏ nhất để làm tan rã hệ thống đó chứa đầy nguy cơ về thảm họa quốc tế.

Từ viễn cảnh về việc thiết lập chủ quyền thực sự của những thành viên Cộng đồng, không cần phải phân chia hệ thống phức tạp và đắt giá này bằng mọi cách. Các bên tham gia thỏa thuận có thể, *trên cơ sở cấp bách*, xác định các cấu trúc nhất định để kiểm soát và chỉ huy thống nhất các lực lượng chiến lược, bao gồm mọi thành phần bảo vệ căn bản về quân đội, kỹ thuật và khoa học. Có thể giám sát tình trạng và thành phần của các lực lượng vũ trang bằng tập thể, và do đó có thể theo đuổi một chính sách quân sự phối hợp. Nhưng khái niệm chỉ huy tập thể là một điều vô lý.

Vấn đề cải cách và thu hẹp quy mô của quân đội cũng yêu cầu phải ra quyết

định chung. Đây là một vấn đề *xã hội* rất lớn hiện nay. Đây cũng là một vấn đề về an ninh chính trị cho toàn đất nước mà trong nhiều thế kỷ đã có những lực lượng vũ trang thống nhất.

Thứ năm, hành động mang tính độc lập và có chủ quyền của mỗi thành viên Cộng đồng trên trường quốc tế là hợp lệ. Nhưng nếu có một Cộng đồng và đó lại là một hệ thống chính trị, thì nó phải có sự đại diện chính trị trong cộng đồng quốc tế. Điều này có thể theo mô hình cộng đồng châu Âu, có vị thế như một *thực thể theo luật pháp quốc tế*. Một vị thế như vậy đối với Cộng đồng là không thể bị loại bỏ, vì nó thừa kế từ Liên Xô vị thế của một siêu cường hạt nhân. Không dễ gì thoát khỏi một di sản như vậy. Nếu không, sự tin cậy quốc tế có thể bị giảm sút, và hiệp ước không phổ biến vũ khí hạt nhân có thể bị vi phạm, một hiệp ước mà tất cả các thành viên có chủ quyền của cộng đồng có lẽ phải khẳng định lại.

Tôi không thể hình dung làm thế nào mà một hệ thống phòng thủ chiến lược vẫn là của chung mà lại không có một chính sách chung tối thiểu. Giải pháp hợp lý nhất sẽ là có một cấu trúc đối ngoại được điều chỉnh phù hợp với nhu cầu và nguyên tắc của Cộng đồng, bao gồm cả vấn đề là thành viên trong Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc.

Chữ ký của Liên Xô đã được gắn với những văn bản quan trọng nhất của thời đại chúng ta, trong cả các tuyên bố lẫn các hiệp ước. 15.000 hiệp định kinh tế với nước ngoài vẫn đang còn hiệu lực. Việc đơn giản xóa đi mọi thứ này sẽ làm tổn thương uy tín quốc tế của Cộng đồng và lợi ích chính đáng của nó ngay từ điểm vừa khởi đầu.

Vì tất cả các thành viên của cộng đồng rõ ràng đã xác nhận cam kết của họ đối với các nguyên tắc của nền dân chủ đương đại (bài cử tự do; phân chia quyền lực; đa nguyên về chính trị, ý thức hệ và tôn giáo; một chính quyền dựa trên luật pháp, xã hội dân sự và nhân quyền), họ cũng nên thông qua một tiến trình chính sách đối ngoại dựa trên tư duy mới, đã được toàn thế giới văn minh công nhận.

Thứ sáu, tổn hại không thể khắc phục được sẽ xảy ra với sự phát triển tinh thần

của tất cả các quốc gia và dân tộc chúng ta, nếu các thành viên của Cộng đồng không đạt được thỏa thuận về sự phối hợp (và các cơ quan phối hợp) trong các lĩnh vực khoa học, văn hóa, ngôn ngữ giao tiếp giữa các quốc gia, bảo tồn các tượng đài, nguồn lực để duy trì các bảo tàng, rạp hát đẳng cấp thế giới, thư viện, cơ sở lưu trữ, viện nghiên cứu lớn, phòng thí nghiệm, đài quan sát, và v.v.

Thứ bảy, liên quan đến các thủ tục cho việc tiếp nối hợp pháp, một kỷ nguyên mới trong lịch sử đất nước nên bắt đầu bằng phẩm giá, bằng sự quan sát những tiêu chí hợp lệ. Thật vậy, một trong những lý do xảy ra những rủi ro lịch sử cho các quốc gia và dân tộc chúng ta chính là những sự gián đoạn thô thiển, những cuộc nổi dậy có tính phá hoại, và các phương pháp cướp bóc hoặc xâm lăng trong quá trình phát triển của xã hội.

Cả những điều kiện tiên quyết lẫn kinh nghiệm cần thiết đều tồn tại để giúp chúng ta hoạt động trong khuôn khổ dân chủ. Do đó tôi đề nghị rằng, sau khi văn bản về Cộng đồng được thông qua và các văn bản phê chuẩn được trao đổi, phải tổ chức một phiên họp cuối cùng của Soviet Tối cao Liên Xô, và tại đó một sắc lệnh sẽ được phê chuẩn để kết thúc sự tồn tại của Liên Xô, chuyển giao những quyền và nghĩa vụ hợp pháp sang cho Cộng đồng các Quốc gia Âu và Á.

Đây là những cân nhắc chung nhất mà tôi muốn đưa ra. Chúng xuất phát từ ý thức trách nhiệm về một thành tựu cuối cùng cho công việc vĩ đại bắt đầu từ năm 1985.

Một hội nghị trong kế hoạch của những người đứng đầu các chính phủ độc lập đã được tổ chức tại Alma-Ata ngày 21/12/1991, và có một tuyên bố ủng hộ việc ký kết Hiệp định Belovezh. Tuyên bố viết: “Với sự hình thành CIS, Liên Xô ngừng tồn tại”. Các cân nhắc tôi đã đưa ra trong thông điệp gửi những người tham gia hội nghị vẫn không có kết quả. Tại Alma-Ata, không ai quan tâm đến số phận của nước ta. Tất cả đều trong tình trạng hưng phấn, bận rộn phân chia của thừa kế. Hôm qua hầu như không ai biết

đến họ, nhưng ngày mai họ sẽ là những người đứng đầu các quốc gia độc lập. Có vấn đề gì không trong việc họ đang chuẩn bị số phận nào cho dân tộc mình? Tất nhiên, số phận bất hạnh này trở nên rõ ràng về sau này. Và rồi họ bắt đầu tìm kiếm kẻ giơ đầu chịu báng.

7 giờ tối ngày 25/12, tôi đưa ra tuyên bố cuối cùng trên truyền hình:

Xét thấy tình hình đã phát triển như vậy - sự hình thành của CIS - tôi xin ngừng hoạt động của mình trong chức vụ Tổng thống Liên Xô. Tôi đưa ra quyết định này dựa trên những cân nhắc có tính nguyên tắc.

Tôi đã là một người ủng hộ kiên định nền độc lập của các quốc gia và dân tộc trên đất nước ta và chủ quyền của các nước cộng hòa. Nhưng đồng thời, tôi cũng muốn bảo tồn một chính phủ Liên bang và tính toàn vẹn của đất nước.

Các sự kiện đã phát triển theo một cách khác. Đường lối ủng hộ việc phân chia đất nước và phá hủy nhà nước đã chiến thắng, có cái gì đó mà tôi không thể đồng ý...

Tuy nhiên, tôi sẽ làm mọi thứ trong phạm vi khả năng để các thỏa thuận... dẫn đến sự hòa hợp đích thực trong xã hội và tạo điều kiện cho tiến trình cải cách, cũng như sự bứt phá của chúng ta khỏi khủng hoảng.

Như vậy, Liên Xô đã ngừng tồn tại, và perestroika đã bị gián đoạn. Từ đầu năm 1992, người ta đã không còn có thể nói về perestroika, một chính sách khác đã bắt đầu. Thay vì bảo tồn Liên bang dưới một hình thức mới và với nội dung mới, thì sự tan vỡ của đất nước đã được đẩy nhanh. Thay vì làm sâu sắc hơn cuộc cải cách theo một cách thức tiến triển dần dần - thì “liệu pháp sốc” đã trở thành quy tắc, cùng với sự sụp đổ của sản xuất và mức sống của người dân. Thay vì sử dụng kiên định các biện pháp dân chủ, thì vũ lực đã tham gia vào cuộc chơi, trong đó có việc pháo kích tòa nhà

Nghị viện vào tháng 10/1993, và việc dùng vũ lực đã được nâng lên thành một nguyên tắc trong chính sách của chính phủ. Tất cả những điều này kết hợp với nhau không còn được gọi là perestroika nữa.

Sau tất cả những gì tôi đã nói, câu hỏi đặt ra là: Liệu Liên bang đã có thể được bảo tồn không? Có, chắc chắn rồi. Việc ký kết Hiệp ước Liên bang mới đã bị ngáng trở bởi cái gọi là ủy ban Nhà nước về tình trạng khẩn cấp. Tuy nhiên, ngay cả sau cuộc đảo chính bất thành hồi tháng 8/1991, như tôi đã nêu, lẽ ra tiến trình cải cách nhà nước Soviet đã có thể được tiếp tục. Nhưng sau đảo chính tháng 8, âm mưu tại Belovezh đã giáng một đòn cuối cùng vào Liên Xô.

Ngày nay, ta thường nghe thấy lời khẳng định rằng Hiệp ước Liên bang lẽ ra đã được ký kết vào tháng 8/1991 có thể được hiểu như là sự phá hủy Liên bang. Không! Việc ký kết Hiệp ước đó có thể là một sự thay thế thực sự cho sự tan vỡ của Liên bang. Nó sẽ đồng nghĩa với việc bảo vệ quyền công dân toàn Liên bang, đã được công nhận ở một điểm riêng trong văn bản đó. Công dân của bất kỳ quốc gia nào thuộc Liên bang cũng đồng thời là công dân của Liên bang. Đó là Điều 2 của Hiệp ước. Hiệp ước Liên bang mới lẽ ra đã đồng nghĩa với việc bảo tồn, giữ gìn và phát triển một thị trường thống nhất toàn Liên bang. Các lực lượng vũ trang dưới một sự chỉ huy thống nhất (không phải là “chỉ huy hợp nhất”) lẽ ra đã được bảo tồn. An ninh quốc gia của toàn Liên bang và một chính sách đối ngoại thống nhất đáng ra đã được đảm bảo.

Bảo tồn, đổi mới và cải cách Liên bang là mục đích chính trị chính của tôi, và có thể nói, đó là một nhiệm vụ đạo đức theo quan điểm của tôi với tư cách Tổng thống Liên Xô. Đó là nỗi buồn và sự bất hạnh lớn nhất của tôi, khi mà tôi đã không thành công trong việc bảo tồn đất nước như một tổng

thể toàn vẹn. Mọi nỗ lực của tôi đã tập trung vào việc cố gắng bảo tồn sự thống nhất đó.

Tình cờ, người ta ngày càng nghe thấy nhiều lời phát biểu, trong đó có cả những người tham dự trong Hiệp định Belovezh, rằng “hình thức mới của Liên bang do Gorbachev đề xuất” lẽ ra có thể đã bảo vệ được các quốc gia và dân tộc chúng ta tránh khỏi những trải nghiệm đau đớn. Tuy nhiên, như thường nói, đoàn tàu đã rời ga.

Một câu hỏi căn bản cho đến nay vẫn còn chưa rõ: Tại sao Soviet Tối cao của các nước cộng hòa lại ủng hộ Hiệp định Belovezh? Tôi đã suy nghĩ nhiều về vấn đề này. Tôi tin rằng các Soviet Tối cao, tuy có vẻ nghịch lý, nhưng đã hành động trên cơ sở mong muốn bảo tồn đất nước. Nhưng trên thực tế họ đã góp phần giải thể nó. Cụ thể ra thì họ đã tính sai: Họ nghĩ rằng chỉ có bảy hoặc tám nước cộng hòa sẽ ký Hiệp ước do Gorbachev đề xuất, trong khi 11 nước cộng hòa đã sẵn sàng ký ngay Hiệp định Belovezh. Và do đó họ bỏ phiếu ủng hộ Hiệp định.

Các lực lượng khác cũng đang hoạt động. Trong Soviet Tối cao Nga, hầu như mọi người đầu nhất trí bỏ phiếu cho Hiệp định Belovezh, chỉ có sáu người phản đối. Trong Soviet Tối cao Belarus chỉ có một đại biểu (Lukashenko, hiện là Tổng thống Belarus) đã lên tiếng chống lại nó. Tất cả những điều này có nghĩa gì? Giới nomenklatura [hay bộ máy quan liêu] trong Đảng đã hỗ trợ cuộc đảo chính tháng 8 để ngăn chặn việc ký kết Hiệp ước Liên bang - được cho là để bảo tồn Liên bang - giờ đây bỏ phiếu để giải thể nó.

Có một động cơ khác. Một đại diện Cộng sản tên là Sevastyanov, nổi tiếng với những quan điểm chính thống, đã lập luận như sau khi tranh cãi

về Hiệp định Belovezh: Tôi bỏ phiếu cho Belovezh, và tôi thúc giục mọi người làm như vậy - để chúng tôi có thể thoát khỏi Gorbachev. Và trên cơ sở này, cực tả và cực hữu đến cùng nhau.

Tôi thường bị hỏi câu này: Ông có chắc chắn rằng ông đã dùng mọi quyền hạn của một tổng thống để bảo tồn Liên bang sau Hiệp định Belovezh? Vâng, hoàn toàn chắc chắn. Tôi đã sử dụng mọi biện pháp chính trị sẵn có. Tôi cũng thường bị hỏi tại sao tôi không dùng vũ lực, tại sao tôi không cho bắt những người tham gia Hiệp định Belovezh. Nhưng đi đâu đó sẽ đồng nghĩa với việc chọn một con đường rồi đây có thể trở nên đẫm máu. Đối với tôi, một con đường như vậy đã đóng lại rồi, nhưng tôi đã nhàn khi trông đợi những quan điểm mà Soviet Tối cao của các nước cộng hòa có thể đưa ra.

Về căn bản, những quyết định của các Soviet Tối cao và những kỳ vọng của các công dân Liên Xô bị đánh lừa đã không cho tôi quyền thực hiện các biện pháp cứng rắn để bãi bỏ Hiệp định Belovezh. Điều này vừa kỳ lạ vừa đáng ngạc nhiên; dường như trong tháng 12/1991, chỉ có Tổng thống của đất nước muốn bảo tồn Liên bang. Nhưng ngày nay, hóa ra hầu hết mọi người hối tiếc về sự tan rã của Liên Xô. Ai cũng thấy rõ ràng là đã có một sai lầm khủng khiếp. Vào lúc đó tôi cũng đã rõ, và tôi đã nói chuyện nhiều lần với các công dân Liên Xô.

Trên hết, những người khởi xướng sự tan rã của Liên bang cho rằng, mọi người sẽ sống tốt hơn khi đi theo những con đường riêng. Nhưng những năm sau đó đã phản bác lập luận này. Nền kinh tế và văn hóa của “không gian hậu Soviet” khắp nơi đều suy tàn, còn phần lớn dân cư thì rơi vào nghèo đói. Thực tế đã xác nhận rằng không có những phương pháp kinh tế mang lại hiệu quả trong điều kiện các hệ thống hợp nhất đang đổ

võ: giao thông vận tải, điện, thông tin liên lạc, chăm sóc sức khỏe, khoa học, giáo dục, an sinh xã hội. Ngay cả Nga, nước có tiềm năng kinh tế và nguồn lực tự nhiên lớn nhất, cũng không thể tự bảo vệ mình tránh khỏi sự sụp đổ to lớn của nền sản xuất chưa từng thấy trong thời bình, và một sự suy giảm thực sự trong tất cả các lĩnh vực hoạt động.

Hơn nữa, vào thời điểm mà việc ký kết Hiệp ước Liên bang mới được đề xuất, một nền tảng dân chủ đã hình thành ở nước ta. Xã hội dân sự và một chính phủ dựa trên quy định của pháp luật đã bắt đầu thành hình. Sự tan rã của Liên bang không chỉ làm gián đoạn tiến trình này mà còn dẫn đến việc làm tuyệt mìn các thiết chế dân chủ. Các thiết chế này ngày càng được sử dụng như một cái phông mà đằng sau nó giới tư bản nomenklatura quan liêu thống trị đất nước. Nước Nga, vốn từng đưa ra giọng điệu dân chủ hóa xã hội Soviet, đã nêu một tấm gương xấu cho cộng đồng. Việc giải tán và pháo kích Soviet Tối cao Nga, việc áp đặt hiến pháp chống dân chủ trên đất nước bằng vũ lực vào năm 1993, việc chính phủ xâm phạm vào ngành lập pháp, vào tự do báo chí, vào tự do lương tâm, và sự thống trị quan liêu - tất cả đều là những dấu hiệu đáng lo ngại cho thấy đất nước đang rơi vào tình trạng cai trị chuyên chế.

Những năm kể từ 1991 đã phá hủy hy vọng rằng Nga sẽ trở thành một người thừa kế xứng đáng của Liên Xô và thừa hưởng cả uy tín quốc tế. Bị suy yếu do bất ổn kinh tế và bất ổn chính trị, Nga đã để mất nhiều vị trí trước đây mà nó đã nắm giữ trên trường quốc tế. Ngày càng ít người quan tâm đến ý kiến của Nga. Cũng không thể nói là các nước cộng hòa cũ của Liên bang đã có được lợi thế lớn từ việc có chủ quyền hiện tại. Một số nước đang bị đe dọa với số phận trở thành đối tượng của mưu đồ địa chính trị và sự cưỡng đoạt dưới hình thức thực dân mới.

Sự giải thể Liên bang đã làm phức tạp thêm tiến trình hình thành một bầu không khí quốc tế mới mà đáng ra đã có thể duy trì sau Chiến tranh Lạnh. Liên Xô đã từng là nơi gắn kết một không gian Âu Á khổng lồ. Nga không thể tự đảm nhận được nhiệm vụ kiểu này. “Không gian hậu Soviet” đã nhiều lần trở thành bối cảnh của các cuộc xung đột vũ trang và hành động khủng bố, với tội phạm và buôn bán ma túy diễn ra như phát cuồng.

Bên ngoài, CIS có vẻ đang hoạt động, các cuộc họp cấp cao diễn ra ở cấp bộ trưởng và các phiên họp Nghị viện được tổ chức. (Nghị viện có lẽ là nhân tố hoạt động tích cực nhất trong Cộng đồng). Các thỏa thuận về hải quan và thuế quan cũng như các vấn đề khác đã được ký kết. Nói chung, trong khuôn khổ Cộng đồng, hàng trăm văn bản đã được thông qua. Nhưng trong đại đa số trường hợp, những thỏa thuận này không có hiệu lực; chúng chỉ tồn tại trên danh nghĩa. Một cơ sở hạ tầng cho toàn Cộng đồng không tồn tại và cũng không hiệu quả. Như vậy đến nay vẫn không có đầu tàu làm gia tăng sức mạnh cho sự hợp nhất của CIS.

Song, tôi muốn nhắc độc giả rằng một số mục tiêu sâu rộng đã được long trọng tuyên bố trong Hiệp định Belovezh. Nó cung cấp cho sự bảo tồn và hỗ trợ một không gian chiến lược quân sự hợp nhất, với một sự chỉ huy thống nhất. Nó nói về sự phối hợp trong chính sách đối ngoại và sự hợp tác trong việc thiết lập và phát triển một không gian kinh tế chung, một chính sách tài chính phối hợp, phát triển hệ thống giao thông và thông tin liên lạc, bảo vệ môi trường, chính sách di cư. Trong một tuyên bố bổ sung cho Hiệp định Belovezh, chính phủ của ba nước tham gia ký (Nga, Ukraina, Belarus) cam kết phối hợp chính sách kinh tế, để theo đuổi cải cách kinh tế triệt để theo con đường phối hợp, để ký kết các hiệp định ngân hàng giữa các thành viên của Cộng đồng nhằm hạn chế việc in tiền giấy,

và v.v. Điều gì đã xảy ra với những mục tiêu này? Chúng không đi xa hơn những tờ giấy mà chúng đã được viết lên.

CHƯƠNG 7

NHỮNG GÌ ĐANG Ở PHÍA TRƯỚC?

Ngày nay, với lợi thế của việc nhận thức lại, tôi tin rằng những người ký kết Hiệp định Belovezh thậm chí ngay từ đầu đã không có ý định thực hiện cam kết của họ. Họ cố tình lừa dối người dân mình, bởi sau tất cả, họ thấy rõ ràng rằng họ có thể giành được sự ủng hộ chỉ khi họ ra vẻ có quan tâm đến việc duy trì Liên bang - đi đâu đã được thừa nhận trong hình thức của một cộng đồng. Phải làm ra vẻ là họ không rút khỏi sự lựa chọn mà công dân đã xác lập vào tháng 3/1991.

Để lừa dối công chúng, để dẫn họ đi lạc lối nhằm làm tê liệt bất kỳ sự phản kháng nào chống lại hành động mà họ đã bắt đầu, đó là mục tiêu của họ. Như thế họ đã nói: “Nhìn đây, chúng tôi đang bảo tồn mọi thứ mà Gorbachev muốn bảo tồn với Hiệp ước của mình, nhưng trong phiên bản của chúng ta hầu hết các nước cộng hòa sẽ đoàn kết, trừ các nước cộng hòa Baltic. Phiên bản của Gorbachev sẽ chỉ hợp nhất được sáu, bảy, có thể là tám nước cộng hòa, bỏ mất Ukraina”.

Nói chung - và tôi nghĩ đi đâu này là hiển nhiên từ tất cả những gì tôi đã nói ở trên - các nhà lãnh đạo Nga, cùng với hai đối tác của họ, có ý định

lừa dối công chúng ngay từ đầu. Họ tuyên bố với đất nước chúng ta và với cộng đồng quốc tế một đằng, nhưng họ lại làm một nẻo.

Chương trình của Cộng đồng không có bất kỳ một sự thúc đẩy thực sự nào đối với việc hợp tác. Mọi vấn đề hiện nay đều xuất phát từ đó. Tất nhiên, cùng chia sẻ trách nhiệm là những chính khách ở các nước CIS. (Tôi sẽ miễn trách nhiệm này cho Nazarbaev, Tổng thống Kazakhstan, người khá cứng đầu, và đến hôm nay vẫn khẳng khái về sự phát triển của các tiến trình hợp nhất). Họ không muốn từ bỏ một chút nào quyền lực. Không có loại hợp nhất nào là khả thi, trừ phi tự họ làm. Tóm lại, lợi ích của giới tinh hoa chính trị được đặt trên lợi ích của toàn thể công dân.

Đặc biệt đáng chú ý là trách nhiệm của lãnh đạo Nga trong tất cả những điều này. Không có gì là tình cờ khi tại một hội nghị thượng đỉnh của CIS, được tổ chức tại Chişinău vào mùa thu năm 1997, tất cả những người tham gia đã chỉ trích Nga và giới lãnh đạo nước này vì tình trạng tê liệt của chính quyền Cộng đồng. Tổng thống Yeltsin thậm chí thừa nhận rằng những lời chỉ trích đó là đúng: Sau tất cả, trong nhiều năm ông ta đã là Chủ tịch của Hội đồng các Nguyên thủ quốc gia, nhưng trong thời gian đó chẳng có gì động cựa từ cái trung tâm chết đó. Hiện còn chưa rõ ông ta đã (hoặc sẽ) rút ra những kết luận gì từ những lời chỉ trích mạnh mẽ nhằm vào ông ta hoặc từ sự tự phê bình của ông ta. Sự thực là gần đây dường như đã có một số bước đi hướng tới sự hợp tác tốt hơn giữa các thành viên Cộng đồng. Một khi sự hưng phấn về độc lập đã qua đi, sự điếm tĩnh đã được phục hồi, thì ý kiến dư luận - và kể cả quan điểm của một số tầng lớp tinh hoa chính trị - cũng thay đổi một cách đáng kể.

Trong các điều kiện này, những thái độ mới đã được phát triển liên quan đến mối quan hệ giữa các thành viên của CIS - trên tất cả, đó là thái

độ giữa Nga và các quốc gia thành viên khác. Ở đây có sự xung đột về những lợi ích khác nhau, và nhiều quân bài khác nhau được đi đầu khiến bởi Nga, các quốc gia mới trên lãnh thổ Liên Xô cũ, hàng xóm của họ, Tây Âu, và Hoa Kỳ. Tất cả những đi đầu này xứng đáng được phân tích riêng. Ở đây tôi sẽ chỉ xem xét những gì áp dụng cho chủ đề đang được nói tới.

Vấn đề này, trên tất cả, là các quá trình hợp nhất tự nhiên, tăng thêm sức mạnh ở nhiều vùng trên thế giới và trên quy mô thế giới. Đối với “không gian hậu Soviet” vấn đề này cực kỳ cấp bách. Mọi người đều biết những hậu quả to lớn dẫn đến sự phá vỡ các mối quan hệ khác nhau được thiết lập trong lịch sử. Nhưng nếu hiểu rõ những hậu quả này, sẽ thấy cần phải tìm kiếm các hình thức hợp tác và hợp nhất mới mẻ. Tuy nhiên, cả ở Nga lẫn ở các quốc gia gọi là “gần biên giới” [các quốc gia không phải Nga thuộc Liên Xô cũ] đều không có sự rõ ràng cần thiết trong vấn đề này.

Các đề xuất hợp tác chặt chẽ hơn với các nước “gần biên giới” bị nhiều người Nga nghi ngờ. Lý do là chính trị, bởi câu hỏi đặt ra là ai chịu trách nhiệm về sự phá hủy Liên bang cũ. Và động cơ kinh tế cũng có mặt, liên quan đến những khó khăn tài chính mà Nga đang trải qua hiện nay.

Một yếu tố khác cũng tồn tại, dù không được thảo luận công khai, có thể luận ra từ những quan điểm của chính quyền Nga. Họ thấy tình hình hiện tại là thuận lợi hơn cho Nga, vì khi không có các cơ chế hiệp ước đa phương về hợp nhất, Nga có thể dễ dàng theo đuổi một chính sách phân biệt trên cơ sở song phương để thực hiện những mưu đồ riêng của mình, theo đuổi những lợi ích nhỏ hẹp của chính mình khiến lợi ích của những nước khác phải trả giá, và áp đặt ý chí của mình. Tôi nghĩ, hoạt động theo cách này có nghĩa là chỉ nhìn không xa hơn mũi của mình. Nó chỉ ra sự thất bại trong việc hiểu về những lợi thế mà một hình thức hội nhập mới có thể

mang lại.

Thái độ của những người Nga bình thường thể hiện một hình ảnh khá khác biệt. Các nghiên cứu xã hội học mới nhất cho thấy ngày càng có nhiều người Nga hiểu họ bị lừa dối. Nhưng cho đến nay họ không thể, hoặc không muốn, buộc các nhà lãnh đạo của họ phải có một cách tiếp cận nghiêm túc đối với các vấn đề hợp nhất trong khuôn khổ của CIS. Hơn nữa, báo chí và truyền hình tại Nga cố gắng thuyết phục người dân rằng những gì cần thiết hôm nay, trên tất cả, là suy nghĩ về việc “làm thế nào để sống ở Nga” còn những thứ khác là không quan trọng. Nhưng trên thực tế, câu hỏi “làm thế nào để sống ở Nga” liên quan đến câu hỏi phải làm gì về hội nhập, làm thế nào để sắp xếp các mối quan hệ với những quốc gia thành viên khác của CIS. Đây thực sự là hai mặt của một đồng xu - tất nhiên trừ phi một mặt có chứa việc xây dựng chương trình học thuật và chơi trò chơi trí tuệ, trong khi thiếu can đảm để đánh giá tình hình một cách tỉnh táo, đánh giá thái độ của người dân và mong muốn của họ về việc hợp tác giữa các quốc gia của Liên Xô cũ.

Tình hình tương tự cũng chiếm ưu thế ở các nước cộng hòa thuộc Liên Xô cũ. Trong vài năm qua, tất cả các quốc gia độc lập mới đã đi qua một chặng đường đáng kể, đã củng cố được chủ quyền của họ. Nhưng trong số các dân tộc của những quốc gia này, mối quan tâm đến một cộng đồng lịch sử đã tồn tại, đến những mối quan hệ kinh tế, văn hóa và khoa học, với một thực tế là qua nhiều thế kỷ tất cả chúng ta đã ở trong cùng một cái nồi nấu chảy - mối quan tâm đó vẫn tồn tại. Quốc gia đại diện bởi Liên Xô không tồn tại nữa, nhưng cho đến thời điểm hiện tại quốc gia đó vẫn sống. Nó đã vỡ ra thành nhiều mảnh, nhưng có thể nói là những mảnh vỡ đó đang cố gắng tạo thành một mạng lưới mao mạch, để dòng chảy của máu sẽ

không bị dừng lại hoàn toàn. Và, tôi xin nhắc lại, mối quan tâm đến cộng đồng đã từng tồn tại này, đang được thể hiện bởi chính những người dân, đó mới là điều quyết định.

Một khía cạnh khác của vấn đề là những quan điểm vẫn được duy trì ở phương Tây. Trong những thủ đô phương Tây, các phán quyết thường được thực hiện dưới thành kiến cực đoan chống lại các quá trình hợp nhất trong không gian hậu Soviet. Các quá trình như vậy được coi không là gì ngoài những nỗ lực để khôi phục đế chế Nga hay Liên Xô. Không chỉ không cần che giấu thái độ này, họ còn hăng hái phản đối việc nối lại quan hệ hữu nghị giữa các quốc gia độc lập mới. Hoa Kỳ đã tỏ ra rất quan tâm. Họ làm mọi thứ có thể, tận dụng các khó khăn tạm thời để ngăn chặn hợp nhất nói chung, đặc biệt là đối với Nga, Ukraina và Kazakhstan. Nhưng một chính sách như vậy, chí ít, là rất ngắn hạn. Nó sẽ dẫn đến những đi ngược lại với những gì được dự định, bằng cách khuyến khích Nga tiến tới các hành động theo tinh thần của chính sách nước lớn.

Trái với quan điểm này, một tiến trình hợp nhất nếu được thực hiện trong khuôn khổ pháp lý của các luật lệ nhất định, tôn trọng các nguyên tắc về bình đẳng, hành động đơn thuần là tự nguyện, và tạo điều kiện cho việc lập ra các cơ chế đa phương có hiệu quả, thì có thể dựng nên những rào cản chống lại bất kỳ biểu hiện nào của tham vọng đế chế - loại hội nhập đó (và đó là loại duy nhất mà chúng ta đang nói đến) sẽ là lợi ích tốt nhất có thể có của Nga, phương Tây, toàn thể cộng đồng quốc tế - nghĩa là lợi ích của họ được hiểu đúng. Nhưng để việc này xảy ra, có nhiều điều phải thay đổi: các chính sách của bản thân Nga, quan điểm của các quốc gia CIS khác, và những định hướng cùng các phương pháp tiếp cận được phương Tây chấp nhận.

Theo tôi, sự hội nhập giữa các nước CIS là cần thiết và có thể thực hiện được. Như tôi đã chỉ ra, các yếu tố chiến lược, kinh tế và văn hóa đều nói về tái hòa nhập. Trên hết, có những yếu tố con người ủng hộ tái hòa nhập. Nhưng để giải quyết vấn đề này, một số câu hỏi phải được trả lời.

Thứ nhất là, liệu có thể có một phong trào cho một Liên bang mới không? Nếu hầu hết những người đứng đầu nhà nước ở các nước CIS chính là những chính khách đã ký các Hiệp định Belovezh và Alma-Ata, và nhìn cái cách mà họ hành động trong CIS cho đến giờ, thẳng thắn mà nói, tôi không thấy lạc quan. Tôi không nghĩ rằng họ sẽ thể hiện ý chí và sáng kiến cần thiết cho quá trình này.

Theo quan điểm của tôi, đầu tàu cho sự hồi sinh của Liên bang, động cơ thúc đẩy quá trình tái hòa nhập, có thể sẽ là Nghị viện, cơ quan có sự ủy thác từ người dân.

Thứ hai là, những gì đang ở phía trước? Một sự trở lại với Liên Xô chăng? Ngày nay đó sẽ là một ý tưởng phản động. Tất nhiên, tất cả chúng ta đều cảm thấy một cảm giác mất mát và tổn thương đối với đất nước mà chúng ta đã sống và chúng ta phải chịu trách nhiệm. Nhưng ở đó có những thực tế và hoàn cảnh khác biệt, và một bối cảnh cụ thể mà trong đó cuộc thảo luận đang diễn ra. Ngày nay bối cảnh này chứa đựng thực tế là dù chúng ta có thích hay không, các quốc gia độc lập vẫn tồn tại. Điều đó dĩ nhiên rất quan trọng và không thể bỏ qua.

Vì vậy tôi không tin rằng sự trở lại với Liên Xô là khả thi. Nếu có một nhu cầu như thế được nêu ra, và đặc biệt nếu một chính sách phù hợp với nhu cầu đó được theo đuổi, thất bại sẽ không thể tránh khỏi. Và nó sẽ là một thất bại cho tất cả những ai quan tâm đến đất nước chúng ta và về

những gì đang xảy ra với chúng ta hiện nay, khi chúng ta đang sống ở các quốc gia riêng biệt.

Câu trả lời của tôi là mối quan hệ của Nga với các nước cộng hòa độc lập hiện nay cần phải được cải thiện. Tôi tin rằng các nước cộng hòa sẽ công nhận những mối quan hệ dựa trên sự bình đẳng, và bằng cách cải thiện quan hệ theo cách đó, các quốc gia này có thể đi tới một giai đoạn hợp tác mới.

Cũng có những người Nga nói rằng phải phục hồi lại nước Nga đã tồn tại trước Cách mạng tháng Mười, trước khi Liên Xô hình thành. Nhưng đi đâu đó có nghĩa gì? Liệu họ có muốn bỏ qua gần 70 năm tồn tại của Liên Xô, khi thực tế là đã có các nước cộng hòa Liên bang? Tuy các nước cộng hòa này đã phát triển trong những điều kiện khó khăn, nhưng chúng đã thực sự tồn tại. Có ai nghĩ rằng đi đâu này không quan trọng đối với Ukraina hôm nay, đối với Kazakhstan, hoặc đối với bất kỳ quốc gia CIS nào khác? Liệu đi đâu này có nghĩa là chúng ta nên bắt đầu một chiến dịch toàn diện để tái thống nhất những nước này không? Tôi nghĩ rằng một cách tiếp cận như vậy sẽ kéo người Nga, và không chỉ người Nga, vào đổ máu. Con người có thể bị đặt vào một tình huống như vậy bao nhiêu lần? Tôi luôn quan tâm xác đáng đến vấn đề này, sự quan tâm ấy luôn chi phối tôi, và tôi vẫn hoàn toàn tin chắc rằng một cách tiếp cận như vậy không phải là câu trả lời.

Như vậy, câu hỏi đặt ra là: Kiểu Liên minh mới là gì? Một liên bang, một liên kết, một liên minh kinh tế như Cộng đồng Kinh tế châu Âu? Thành phần của nó sẽ là gì? Một liên minh chỉ có các quốc gia Slav [tức là Nga, Belarus, và Ukraina] hoặc một liên minh Slav cộng với Kazakhstan? Và khi còn có câu hỏi, thì phải có câu trả lời, nếu chúng ta thảo luận nghiêm túc, nếu chúng ta phải đi đến một chính sách nghiêm túc.

Tôi tin rằng hôm nay cần thúc đẩy ý tưởng về một Liên bang vững chắc của bốn quốc gia: ba quốc gia Slav cộng với Kazakhstan. Hãy để CIS sống theo các nguyên tắc và luật pháp của họ. Nhưng chúng ta nên nhấn mạnh một cách dứt khoát, như sau: “Đây là khả năng về một Liên bang thực sự, một hình thức hiện đại của sự hợp tác gần gũi”.

Bất kỳ sự đầu cơ chính trị nào về chủ đề này đều phải bị phản đối quyết liệt. Nếu chúng ta vẫn ở trong khuôn khổ của lối tư duy cũ, triết lý cũ, chúng ta sẽ không tiến thêm được một bước nào trong việc tìm kiếm một chính sách phù hợp với thời đại của chúng ta.

Chúng ta không nên hưng phấn quá. Tôi đã đi qua nhiều vùng của Nga, và giới tinh hoa chính trị ở những khu vực này chưa vội vàng hành động về vấn đề Liên bang. “Mọi thứ thật khó khăn”, họ nói, “chúng tôi không biết làm thế nào để giải quyết những vấn đề chúng tôi đang có, đặc biệt là các vấn đề kinh tế và xã hội. Toàn bộ trách nhiệm đã chuyển giao cho các khu vực; mọi thứ đang ở trên vai chúng tôi. Liệu Liên bang có đồng nghĩa với việc một lần nữa chúng tôi sẽ phải chia sẻ tài chính và nguồn lực với các nước cộng hòa khác?”

Các nhà khoa học chính trị mà tôi gặp hằng tháng - những người khác biệt về niềm tin ý thức hệ - không ngừng nhấn mạnh khía cạnh này của vấn đề. Khi mọi người được hỏi liệu họ có đồng ý với một sự giảm sút trong mức sống của mình để tái hợp một lần nữa và cung cấp sự hỗ trợ cho các nước cộng hòa khác đang ở tình huống thậm chí còn tồi tệ hơn không, câu trả lời thường là (gần 2/3 số người được hỏi): “Không, chúng tôi không muốn đi đầu đó”. Tuy nhiên, trong các cuộc thăm dò diễn ra ở ba nước cộng hòa Slav và Kazakhstan qua một giai đoạn kéo dài, 72-75% số người được hỏi ủng hộ sự phục hồi của một Liên bang trong một hình thức

mới nào đó.

Cần nhắc lại, chúng ta không nên hưng phấn quá. Vì như vậy sẽ làm cho tình hình tồi tệ hơn và chỉ làm mất uy tín của ý tưởng tái hợp. Nó sẽ làm cho việc bắt đầu quá trình này, giờ đây là từ phía dưới, trở nên khó khăn hơn.

Bước đầu tiên, chúng ta cần một tuyên bố chính trị để thiết lập mục tiêu: tạo ra một Liên bang của bốn quốc gia. Trên con đường hướng đến mục tiêu này, rất nhiều thứ phải được thực hiện. Có một số mục tiêu cục bộ mà chúng ta phải đạt được: hình thành một liên minh kinh tế, phối hợp các vấn đề quốc phòng và hợp tác trong các lĩnh vực nhân đạo. Một tuyên bố như vậy ngay lập tức sẽ loại bỏ nhiều vấn đề trong quan hệ với Ukraina, và nó sẽ có hiệu ứng xoa dịu tại Kazakhstan cũng như tại Nga. Quá trình này sẽ bắt đầu chảy trong một kênh thông thường.

Đây là các đề xuất thiết thực và là quan niệm chung của tôi về những gì cần phải làm. Tôi muốn thêm một lời nhắc nhở: Nếu không có một kế hoạch tổng thể, chúng ta sẽ liên tục va mũi của mình vào vấn đề chính còn chưa được giải quyết.

Vấn đề không phải là khôi phục lại quốc gia thống nhất. Các dân tộc của Cộng đồng sẽ không từ bỏ nền độc lập của mình. Các quốc gia và dân tộc của Nga cũng sẽ chẳng đạt được điều gì từ những nỗ lực áp đặt sự thống trị về chính trị. Vấn đề là thiết lập một sự cân bằng hợp lý giữa nền độc lập của những nước tham gia trong Liên bang và các quyền hạn được trao cho các thiết chế chung của Liên bang.

Liên bang lẽ ra đã có thể được bảo tồn. Một Liên bang mới đã có thể được lập ra.

02

**TƯ DUY MỚI:
HÔM QUA, HÔM NAY, NGÀY MAI**

Sự thăng trầm của nền chính trị thế giới trong thập niên qua, theo nhiều cách, có liên quan đến cái mà chúng ta gọi là tư duy mới. Đúng là tư duy mới ít khi được nhắc tới, đặc biệt là ở Nga nơi nó được sinh ra. Đôi khi mọi người thậm chí còn hỏi xem liệu tư duy mới này có thực sự tồn tại, và nó là cái gì? Nó là một cấu trúc khái niệm, một tập hợp các nguyên tắc chính trị và các giá trị đạo đức, là biến thể mới nhất của ý thức hệ nào đó, hoặc có lẽ đơn giản là sự tuyên truyền phục vụ lợi ích của chính phủ?

Nhiều ý kiến đã lên tiếng về chủ đề này, tất cả đều cho thấy những quan điểm nặng về ý thức hệ. Điều này là dễ hiểu. Tất cả chúng ta đều rất khó khăn trong việc giải phóng mình khỏi những công cụ ý thức hệ - cả ở Nga lẫn phương Tây. Mọi người khắp nơi đều thấy khó nói được lời tạm biệt với những lối suy nghĩ cũ, rập khuôn.

Trong tiến trình xây dựng những mối quan hệ quốc tế mới, đường đi từng rất gập ghềnh gian khổ, và nay vẫn vậy. Tất nhiên, không ai mơ tới một con đường thẳng tắp và êm ả. Song, hôm nay đang báo động để chúng ta nhìn thấy thế giới vốn đang bắt đầu chuyển từ đối đầu sang thống nhất, lại một lần nữa bị đẩy vào một con đường nguy hiểm. Xu hướng này biểu hiện trong các chính sách thực tế và dẫn đến những sự phân chia mới, với một số quốc gia bị đặt vào sự đối đầu thù địch với các nước khác. Đây đơn giản là kết quả của việc thiếu các chính sách mới phù hợp với những nhiệm vụ mà thế giới phải đối mặt trong thời khắc quyết định này. Trách nhiệm của những người tham gia vào nền chính trị quốc tế tăng lên với

mỗi ngày trôi qua. Nền chính trị thế giới bắt buộc phải có một chất lượng mới và cao hơn. Vào thời điểm tư duy mới bắt đầu hình thành, chúng tôi coi perestroika như một cơ hội không chỉ để vượt qua cuộc khủng hoảng ở chính quốc gia của chúng ta, mà còn là cơ hội để góp phần xóa bỏ mối đe dọa hạt nhân đối với hành tinh và tiến bộ trên toàn thế giới, thúc đẩy việc tìm kiếm các câu trả lời đầy đủ cho những thách thức của thời đại chúng ta.

Vậy, tư duy mới có đại diện cho tất cả những gì đã xảy ra không? Có phải nó bị giới hạn trong một giai đoạn lịch sử? Có lẽ thời gian quy định của nó đã hết chăng? Có phải nó chỉ phù hợp để chấm dứt sự đổi đầu toàn cầu? Có phải nó không thể được áp dụng như một phương tiện để giải quyết vấn đề trong tình hình mới của chúng ta? Hoặc bây giờ chính xác là thời điểm mà nhu cầu về tư duy mới trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết? Tất cả những vấn đề này đáng được xem xét, đó là mục đích chính của phần cuối trong cuốn sách này.

CHƯƠNG 8

NHỮNG NGUỒN TƯ DUY MỚI

Như tôi đã mô tả trước đó, vào giữa những năm 1980, nguy cơ chiến tranh hạt nhân đã trở thành hiện thực. Các quốc gia trên thế giới đang ở vào thế bế tắc, và không nước nào có thể tìm thấy một lối thoát. Dường như cuộc đối đầu giữa Đông và Tây sẽ tiếp tục mãi mãi. Các quốc gia ở cả hai bên Bức màn Sắt chuẩn bị cho một tương lai như vậy. Không ai muốn chiến tranh hạt nhân, nhưng không ai có thể đảm bảo rằng nó sẽ không xảy ra, ngay cả khi nó chỉ đơn giản là kết quả của một tai nạn không may nào đó.

Liên Xô và Hoa Kỳ liên tục có nhau “trong t ãn nhìn”, cũng giống như các nước phương Đông và phương Tây khác. Sự tích tụ và cải tiến liên tục vũ khí hạt nhân và vũ khí thông thường đã trở thành một phần quen thuộc và dường như là một phần không thể tách rời trong sự tồn tại của thế giới hiện đại. Châu Âu đã được chuyển đổi thành một vũ đài cho cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân. Với mỗi năm qua đi, thực ra là mỗi tháng, châu Âu ngày càng trở nên tràn ngập tên lửa thuộc các chủng loại và khả năng công phá khác nhau. Đại dương thế giới tràn ngập các tàu mang tên lửa, cả trên và dưới mặt nước. Không chỉ khoảng không bên trên chúng ta, mà cả không

gian bên ngoài cũng đã trở thành một phần của cuộc xung đột. Và các mâu thuẫn khu vực vẫn tiếp tục, rồi biến thành cơn thịnh nộ ở châu Á, châu Phi, Mỹ Latin.

Vào giữa những năm 1980, quan hệ của Liên Xô với nhiều nước trên thế giới khá căng thẳng. Và hoàn thành bức tranh đó là (1) cuộc chiến ở Afghanistan; (2) sự phức tạp trong quan hệ của Liên Xô với người láng giềng khổng lồ, Trung Quốc; và (3) sự kình địch kéo dài hàng thập niên giữa Đông và Tây trong việc cung cấp vũ khí cho một số nước châu Á và châu Phi (đã trở thành những nơi thử vũ khí ngoại biên cho Chiến tranh Lạnh).

An ninh của nước ta đã không hề được đảm bảo chắc chắn hơn - mặc dù sự thật là một phần quá lớn của nguồn lực đã được chi cho việc sản xuất vũ khí. Cuộc đua giành ưu thế quân sự tương đối trước bất kỳ đối thủ nào (và đó đã là định hướng) dẫn đến chi tiêu cho quân sự trong một vài năm đạt 25-30% tổng sản phẩm quốc gia của chúng ta - nghĩa là cao gấp năm lần hoặc sáu lần chi tiêu quân sự tương tự ở Hoa Kỳ và các nước NATO ở châu Âu.

Rõ ràng quá trình này không thể tiếp diễn được. Chuyện lao đầu về phía vực thẳm đã kết thúc. Việc phải chú ý nghiêm túc đến các vấn đề về chính sách đối ngoại đã trở nên cấp thiết.

Vấn đề chủ yếu không phải là do bản thân chính sách đối ngoại Soviet hay hành động của các nhà ngoại giao Liên Xô, mà là những khái niệm mà họ dựa vào. Những khái niệm này dựa trên một thế giới quan giáo điều, chứ không dựa trên thực tế, không dựa trên một sự phân tích tình hình đầy tinh tế, cũng không dựa trên việc đáp ứng các lợi ích quan trọng thiết thực

của đất nước và nhân dân ta. Thay vào đó, chính sách đối ngoại của chúng ta được định hướng tới sự đối đầu khắc nghiệt với toàn bộ thế giới bên ngoài (tất nhiên, không bao gồm những ai mà chúng ta coi là đồng minh, cho dù họ ở vị thế khá phụ thuộc vào học thuyết chính trị tổng thể của chúng ta).

Đó là di sản trong chính sách đối ngoại của chủ nghĩa toàn trị. Với bản chất của nó, ở bất cứ nơi nào nó có thể nảy sinh và trong bất kỳ loại trang phục nào nó có thể được khoác cho, chủ nghĩa toàn trị không thể tồn tại nếu không có một hệ thống chính trị và tư tưởng khắc nghiệt, một tập hợp các khuôn mẫu làm biến dạng thực tế và chỉ có một mục đích: phục vụ cho lợi ích của chế độ, tạo điều kiện cho sự cố thủ lâu hơn nữa của nó, và thiết lập cách tư duy trong số các “chủ thể trung thành” hoàn toàn với những gì có lợi cho chế độ.

Động lực thứ nhất của tư duy mới là một sự phân tích khách quan, thậm chí không nể nang các khái niệm trong chính sách đối ngoại của chúng ta và những thực tế mà chúng gây ra.

Điều cần thiết là đánh giá theo một cách mới mẻ, không thiên vị, về vị trí của Liên Xô trên vũ đài thế giới; xác định rõ lợi ích quốc gia thực sự của đất nước ta, tính cấp bách và các tham số thực đối với an ninh của chúng ta; phân tích nghiêm túc về tình hình hiện tại của cộng đồng quốc tế và xu hướng phát triển chủ yếu của nó; và cuối cùng, chuẩn bị kỹ càng trên cơ sở một chương trình được suy nghĩ cẩn thận về hành động cụ thể trong các lĩnh vực chính của việc thực hành chính sách đối ngoại.

Thậm chí trước perestroika, chúng tôi đã có phản hồi về những vấn đề này. Trong khuôn khổ của việc nghiên cứu mọi vấn đề quan trọng đã tích

lũy được kể từ đầu những năm 1980, các vấn đề quốc tế đã nhận được rất nhiều sự quan tâm. Với sự bắt đầu của perestroika, nỗ lực này đã trở nên mạnh mẽ hơn và không cần giữ bí mật với công chúng nữa. Các trung tâm nghiên cứu khoa học của chúng ta đã cung cấp rất nhiều tài liệu có giá trị. (Trong các trung tâm này trước tiên là Viện Kinh tế Thế giới và Quan hệ quốc tế, Viện Hoa Kỳ và Canada, và Viện Kinh tế học của Hệ thống Xã hội Chủ nghĩa thế giới, và các trung tâm khác). Ngoài ra, các nhà khoa học và chuyên gia cũng đưa ra những đánh giá cá nhân.

Việc xem xét lại các khái niệm chính sách đối ngoại không hề dễ dàng, phần lớn bởi các khái niệm về chính sách đối ngoại trong thời kỳ Soviet, có thể nói, đã được áp đặt từ trước. Chúng đã được tiếp thu như những khái niệm tư tưởng được mặc định là đúng, và đã được khắc sâu trong chúng ta từ rất lâu. Việc kiểm tra lại những khái niệm này rất cuộc đòi hỏi phải sửa đổi những sự thừa nhận về mặt tư tưởng và những nền móng có nguồn gốc sâu xa của ý thức hệ đang thịnh hành.

Khó khăn bắt đầu nảy sinh trước hết là với những người đồng ý xem xét lại những quan điểm đã hình thành. Xét cho cùng, họ cũng là con đẻ của thời đại mình. Từ những ngày đầu tiên của họ, bắt đầu từ nhà trường, họ đã hấp thụ các nền tảng của ý thức hệ chính thống. Chắc chắn họ đã bị ảnh hưởng sâu sắc bởi việc Nikita Khrushchev bác trần chủ nghĩa Stalin tại Đại hội Đảng lần thứ 20. Đây là giới trẻ của những năm 1960, nhưng họ không thể thoát khỏi sợi xích ý thức hệ của những năm 1950. Một cuộc đấu tranh đã diễn ra trong tâm can họ - chẳng hạn, quá trình tự giải phóng mình khỏi những xiềng xích ý thức hệ.

Mặt khác, cũng có những khó khăn bên ngoài. Xã hội là một tổng thể, bao gồm một số lượng đáng kể các đảng viên tích cực, thấy khó mà chấp

nhận được những lối tư duy mới. Đối với nhiều người, nó dường như là một hình thức “nổi loạn” không chấp nhận được, thậm chí là một sự từ bỏ cái tôi của chính mình. Vậy chúng ta đã chiến đấu vì cái gì? Đây là một câu hỏi mà nhiều người đã hỏi, họ vốn không suy nghĩ đặc biệt sâu sắc về ý nghĩa của ý thức hệ chính thống, nhưng họ đã làm việc, đã suy nghĩ và đã sống một cách trung thực. Đối với công dân nước ta, để hiểu và chấp nhận những ý tưởng mới, họ cần có thời gian cũng như những lời giải thích nhất quán và thuyết phục, những bằng chứng thực tế về lợi thế mà các cách tiếp cận mới có thể mang lại cho họ. Một số công dân của chúng ta không bao giờ hiểu hoặc chấp nhận những ý tưởng mới, như có thể dễ dàng thấy được hiện nay.

Động lực thứ hai cho tư duy mới là phân tích một cách sâu sắc về nền chính trị thế giới và cách tốt nhất để thực hiện nó. Điều này liên quan đến việc khắc phục lối tư duy cũ của chúng ta, lối tư duy đã trở thành điển hình cho chúng ta như là một kết quả không chỉ của lịch sử Soviet, mà còn của lịch sử thế giới. Một sự phân tích chính trị thế giới trước hết liên quan đến vai trò của bạo lực trong lịch sử, tức là việc sử dụng quân đội như một thông lệ, đồng nghĩa với việc không chỉ bảo vệ quốc gia mà còn phải thực hiện những ý đồ chính trị của nó nữa.

Từ trước đến nay, chiến tranh đã được thừa nhận như là một công cụ chính trị hợp lệ theo luật quốc tế. Đúng vậy, vào nửa sau của thế kỷ XIX, các biện pháp hạn chế về mặt pháp lý đã được thực hiện để giảm những tác động có hại của chiến tranh lên dân cư. Các quy tắc cũng được thiết lập để đối xử phù hợp với tù binh. Sau Thế chiến thứ nhất, việc sử dụng vũ khí hóa học đã bị cấm. Các nỗ lực cũng được thực hiện để hạn chế sản xuất một số loại vũ khí khác. Nhưng không một điều gì trong số này thay đổi

được thực tế là chiến tranh đã được coi như một cách hợp pháp để thực hiện chính sách.

Tình hình đã thay đổi căn bản với sự xuất hiện của vũ khí hạt nhân. Loài người giờ đây đã sở hữu thứ vũ khí có thể dùng để tự sát tập thể, và do đó mọi người buộc phải từ bỏ những cách tiếp cận được chấp nhận trước đó, hoặc có vẻ như vậy. Như tất cả chúng ta đều biết, điều này đã không xảy ra. Ngược lại, toàn bộ thời kỳ cho đến cuối những năm 1980 là một cuộc chạy đua vũ trang liên tục, chủ yếu liên quan đến vũ khí hạt nhân. Các kịch bản khác nhau chuẩn bị cho việc sử dụng vũ khí hạt nhân hoặc đe dọa sử dụng chúng về căn bản đã trở thành cơ sở cho học thuyết quân sự của mọi quốc gia sở hữu bom nguyên tử hoặc bom nhiệt hạch, và cho liên minh quân sự mà quốc gia đó tham gia.

Dư luận thế giới, đặc biệt là trong cộng đồng khoa học, ngày càng có nhiều người lên tiếng báo động và yêu cầu phải áp dụng các biện pháp để ngăn chặn một vụ thảm sát hạt nhân. Một số bước đi nhằm hạn chế chạy đua vũ trang hạt nhân đã được thực hiện vào những năm 1960. Rồi một lệnh cấm thử hạt nhân (đối với các phép thử trên mặt đất, trong không trung và trên biển) đã được ký, sau đó là một hiệp định không phổ biến các loại vũ khí hủy diệt hàng loạt này. Đồng thời, cũng đạt được các thỏa thuận về việc hạn chế hoặc cấm các vũ khí hủy diệt hàng loạt khác (ví dụ vũ khí hóa học và sinh học). Nhưng không có gì trong đó ngăn nổi cuộc chạy đua sản xuất và cải tiến vũ khí hạt nhân, việc sản xuất và tích tụ loại vũ khí hủy diệt hàng loạt bị cấm và bị hạn chế này vẫn được bí mật tiếp tục.

Nghiên cứu khoa học - nhất là của các nhà khoa học Liên Xô và Mỹ - vào những năm 1970 và 1980 cho thấy đầy thuyết phục những điều con người phải đối mặt trong sự kiện thảm họa hạt nhân. Bằng chứng hùng hồn

cho những gì có thể xảy ra đã được diễn tả trong phần mô tả về khả năng của một “mùa đông hạt nhân”.

Rõ ràng là cần phải có sự thay đổi triệt để trong các quan điểm căn bản của các chính phủ, phải thay đổi sự tiếp cận thực tế của họ đối với chính sách và cách họ theo đuổi chính sách. Các chính phủ phải từ bỏ những phương pháp liên quan đến việc sử dụng bạo lực, chứa đầy nguy cơ tiêu diệt hàng triệu người, nếu không muốn nói là toàn thể nhân loại.

Sự đảo ngược như thế rõ ràng sẽ không đơn giản hay dễ dàng. Truyền thống lịch sử, vốn trở nên lỗi thời trong điều kiện mới, đã ăn sâu bắt rễ cả trong ý thức người dân lẫn trong việc hoạch định chính sách. Hơn nữa, tình trạng chung trong mối quan hệ giữa Đông và Tây thời Chiến tranh Lạnh là không tin tưởng lẫn nhau, thâm đậm ý tưởng rằng bất cứ ai không chia sẻ quan điểm riêng của họ đều là “kẻ thù” và luôn là một mối đe dọa chết người. Cuối cùng, lợi ích vật chất và chính trị cũng là một vấn đề khác. Một số đã trở nên giàu có từ việc sản xuất vũ khí hủy diệt hàng loạt hoặc từ công nghiệp quân sự nói chung; những người khác nhìn thấy trong các vũ khí này một đòn bẩy chắc chắn để đảm bảo cho ưu thế của mình, một công cụ đáng tin cậy để khẳng định chính sách nhằm đạt được và duy trì quyền bá chủ.

Tuy nhiên, bắt buộc phải có một sự đảo ngược triệt để về tình huống bất ổn này.

Cuối cùng là động lực thứ ba, đưa đến tư duy mới trong sự phân tích của chúng ta về những thay đổi lớn đã xảy ra ở các lĩnh vực căn bản nhất của đời sống hằng ngày trên toàn thế giới trong những năm sau Thế chiến thứ hai. Sự chuyển dịch cơ sở kỹ thuật của nền kinh tế thế giới, sự tiến bộ

nhanh chóng trong công nghệ máy tính, sự xuất hiện của các phương pháp mới được nâng cao về trao đổi thông tin trên toàn thế giới, và sự xuất hiện của các phương tiện giao thông mới - tất cả những thay đổi mang tính cách mạng này đã và đang ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa các quốc gia-dân tộc và giữa cư dân của mỗi quốc gia. Một nền kinh tế thế giới mới cùng hệ thống thông tin và văn hóa toàn cầu đã được hình thành trên thực tế.

Trong những điều kiện này mọi thứ trở nên kết nối với nhau; mọi vấn đề- cả trong lẫn ngoài nước - đã được buộc vào cái nút duy nhất cần phải tháo gỡ. Và điều này phải được thực hiện dưới danh nghĩa lợi ích quốc gia của một nước (trùng hợp với lợi ích của tất cả các nước) và vì sự sống còn của loài người.

Những thay đổi đã diễn ra không được phản ánh trong các mối quan hệ quốc tế hoặc chính sách của chính phủ. Hoặc nếu chúng được phản ánh, thì đó cũng chỉ là theo cách phiến diện. Các cường quốc đã sử dụng những khả năng mới có để bóc lột các nước yếu hơn, kém phát triển hơn. Sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia-trở thành một công cụ quyền lực cho những ai tìm cách theo đuổi chính sách bá quyền trong các vấn đề quốc tế.

Giới lãnh đạo Soviet tìm cách phân tích những vấn đề mới này dựa trên nghiên cứu do cộng đồng khoa học và văn hóa trên toàn thế giới tiến hành. Đây là một sự phát triển mới, không phải là thông thường đối với Liên Xô. Thật vậy, cho đến những năm 1980, chế độ Soviet vẫn thường coi những nghiên cứu như vậy là thù địch, không thể chấp nhận và sai lầm. Trước đó, trong thời Stalin, di truyền học, di truyền học, khoa học chính trị, địa chính trị,... đã bị lên án là “ngụy khoa học tư sản” (dẫn đến việc chúng ta bị tụt hậu đáng kể trong các lĩnh vực khoa học và công nghệ cũng như trong các lĩnh vực khác). Kể cả sau thời kỳ “tan băng” Khrushchev, kể

cả sau thời kỳ thoái trào trong những năm 1970, những ý kiến cất lên từ “các nhà bất đồng chính kiến” (cho dù trong khoa học hay đặc biệt trong chính trị) đều bị từ chối thẳng thừng.

Dần dần, trong suốt perestroika, những ý tưởng cực kỳ thú vị của các nhà khoa học và chính khách, những tác phẩm của các nhà văn và nhà thơ lớn, vốn từng bị bỏ quên, bắt đầu được phục hồi trên đất nước ta. Một liên kết sống động với khoa học thế giới, với văn hóa quốc tế, với kho tàng tư tưởng khổng lồ trên toàn thế giới cũng được tái lập. Như vậy, những ý tưởng của riêng chúng ta về thế giới xung quanh, những khái quát lý thuyết của chúng ta liên quan đến tình hình thế giới hiện đại và triển vọng tương lai, đã trở nên phong phú hơn.

Trong số những người dự báo về tương lai mới, và khá nhiều người là đồng tác giả, có các nhà khoa học lớn của Nga như Vladimir Vernadsky, Pyotr Kapitsa, Andrei Sakharov, và các nhà tư tưởng nước ngoài như Albert Einstein, Bertrand Russell, Giorgio La Pira. Bên cạnh đó còn rất nhiều người khác.

Một câu hỏi thường được đặt ra cho chúng tôi: Có phải ý ông nói rằng trước perestroika không một ai ở Liên Xô công nhận sự cần thiết phải thay đổi trong lĩnh vực chính sách đối ngoại, cả về lý thuyết lẫn thực hành? Tất nhiên những ý tưởng đó đã từng xuất hiện. Chúng tôi vẫn không biết mọi chi tiết của quá khứ, nhưng khi xem xét các thông tin chúng tôi có được, ngay cả trong những năm sau thời Stalin và trước khi Stalin mất, nỗi lo lắng về tiến trình các sự kiện và mong muốn mơ hồ về việc thay đổi mọi thứ trong lĩnh vực chính sách đối ngoại đã xuất hiện trong vòng tròn quyền lực của chúng ta.

Sau cái chết của Stalin là tới lần “tan băng” đầu tiên trong Chiến tranh Lạnh. Bình thường hóa các mối quan hệ với nhiều nước, tổ chức hội nghị thượng đỉnh đầu tiên, và ký kết các hiệp ước đầu tiên nhằm làm giảm bầu không khí căng thẳng chung trên thế giới. Kết thúc chiến tranh Triều Tiên và giai đoạn đầu tiên của cuộc chiến ở Đông Dương. Nhưng thời kỳ này với các mối quan hệ được cải thiện kéo dài không lâu. Khủng hoảng Hungary và cuộc chiến kênh đào Suez đã hãm lại tiến trình phát triển này.

Những nỗ lực thay đổi được thực hiện vào thời điểm đó không mang tính nhất quán, và chúng xảy ra trong bối cảnh cuộc đấu tranh nội bộ. Georgy Malenkov không được ủng hộ, và trên thực tế đã bị lên án sau bài phát biểu của ông với cử tri ở Moskva, trong đó ông tuyên bố rằng chính sách Chiến tranh Lạnh là “một chính sách chuẩn bị cho một cuộc chiến tranh thế giới mới, với vũ khí của hôm nay, sẽ đồng nghĩa với sự hủy diệt nền văn minh thế giới”. Vào tháng 1/1955, tại một hội nghị toàn thể UBTU КПСС, Vyacheslav Molotov đã tuyên bố rằng người Cộng sản không nên nói về sự “hủy diệt nền văn minh thế giới” hay loài người, mà nên nói đến việc “chuẩn bị và huy động tất cả lực lượng để tiêu diệt giai cấp tư sản”.

Tất nhiên, một thời gian ngắn sau đó, Nikita Khrushchev (bị ảnh hưởng bởi những sự kiện đương thời, đặc biệt là cuộc khủng hoảng tên lửa Cuba) đã có quan điểm tương tự và được Malenkov đồng tình. Do sự kiện định của Khrushchev, các văn bản chính thức của Đảng và chính phủ tuyên bố rằng cùng tồn tại hòa bình là đường lối chung cho chính sách đối ngoại của Liên Xô. Nhưng đến đầu năm 1964, sau khi Khrushchev bị cách chức Bí thư thứ nhất UBTU КПСС, công thức này đã bị loại bỏ, được thay thế bằng sự trở lại với chính sách đối ngoại dựa trên cơ sở tọa độ của đầu những năm 1950.

Năm 1971, tại Đại hội Đảng lần thứ 24, một nỗ lực khác đã được thực hiện, không có tính cách mạng nhưng đáng kể, đưa ra các biện pháp khắc phục trong thực tiễn và đường lối đi đầu hành chính sách đối ngoại đang được theo đuổi. Tôi đang đề cập đến Chương trình Hòa bình được thông qua tại Đại hội đó. Trên hết, nó chứa đựng một số đề xuất nhạy cảm liên quan đến sự cần thiết của việc giảm thiểu nguy cơ chiến tranh hạt nhân. Đúng vậy, với một sự cân nhắc nhất định, chương trình này đã được thông qua bởi mong muốn cải thiện hình ảnh của Liên Xô trong con mắt thế giới, một hình ảnh đã trở nên khá tiêu cực - kết quả của những hành động kiểu như đàn áp Mùa xuân Praha và triển khai tên lửa tầm trung mới ở châu Âu.

Nhưng Chương trình Hòa bình sớm chết yểu. Sự can thiệp của Liên Xô vào Afghanistan đã chôn vùi khả năng cải thiện quan hệ quốc tế suốt một thời gian dài. Hành động này là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến một phiên bản mới và nguy hiểm hơn của Chiến tranh Lạnh.

Vì vậy, đã có những nỗ lực ban đầu nhằm cải thiện hoặc hiện đại hóa chính sách đối ngoại của Liên Xô, có tính đến những thực tế của thế giới. Nhưng những nỗ lực này không kiên định, và quan trọng nhất là không được tăng cường bằng những thay đổi thích hợp trong chính quan niệm về các nguyên tắc căn bản của chính sách quốc gia.

Nói chung, nhu cầu thay đổi chính sách đối ngoại được đề cập trong chuyến thăm Anh của một phái đoàn Nghị viện Liên Xô do tôi dẫn đầu vào tháng 12/1984. Khi đó, tôi đã nói rằng thời đại hạt nhân chắc chắn đòi hỏi tư duy chính trị mới, rằng “hiện nay hơn bao giờ hết” cần phải đối thoại có tính xây dựng để tìm kiếm giải pháp cho các vấn đề quốc tế quan trọng, phải nỗ lực để tìm ra các lĩnh vực thỏa thuận có thể dẫn đến sự tin tưởng cao hơn giữa các quốc gia khác nhau, tạo ra bầu không khí quan hệ quốc tế

được giải phóng khỏi những đe dọa hạt nhân, nghi ngờ, sợ hãi và thù địch; đã đến lúc mọi người phải dần học cách sống cùng nhau, dựa trên thực tế của một thế giới hiện đại thay đổi liên tục theo những quy định căn bản vốn có.

Đây là một tuyên bố rõ ràng, nhưng những ý tưởng thể hiện trong đó chỉ được thực hiện trong thực tế khi tôi được bầu vào chức vụ Tổng Bí thư UBTU' КПСС hồi tháng 3/1985 và một ban lãnh đạo Soviet mới được hình thành, một ban lãnh đạo có thể vạch ra được tiến trình hướng tới sự thay đổi sâu sắc.

CHƯƠNG 9

NHỮNG BƯỚC ĐI ĐẦU TIÊN

Đầu này có đồng nghĩa với việc mọi thứ đã được suy nghĩ rõ ràng trước thời điểm diễn ra Hội nghị toàn thể UBTƯ KPICC tháng 3/1985 - điểm khởi đầu cho sự thay đổi trong chính sách của Đảng và nước ta không? Tất nhiên là không.

Một số suy nghĩ của chúng tôi đã trưởng thành sau đó, trong đó có những cân nhắc rất quan trọng về mặt nguyên tắc, nhưng chúng tôi đã không thể giải quyết tất cả. Nói chung, các nguyên tắc của tư duy mới, và những “chuyển động” tương ứng đã được thực hiện, trải qua sự tiến triển liên tục. Chúng phát triển như một phần của một tiến trình - một tiến trình suy nghĩ, thảo luận, tranh luận và xây dựng lý thuyết - liên tục trong suốt thời kỳ perestroika.

Bây giờ tôi muốn đặc biệt chú ý đến giai đoạn ngắn từ tháng 3-12/1985, một khoảng thời gian mà các nhà nghiên cứu thường ít quan tâm. Đó là một giai đoạn vô cùng quan trọng, được đánh dấu bằng một sự tìm kiếm sôi nổi những cách tiếp cận chính sách mới đưa đến các kết luận trở thành cốt lõi của tư duy mới. Những kết luận này chỉ được rút ra trong hai

năm 1986-1987, khi chúng đã được phát triển hơn nữa, còn việc tìm kiếm các phương pháp tiếp cận mới đã bắt đầu từ năm 1985.

Lúc đầu, với tư cách là Tổng Bí thư UBTV KPICC, tôi có nói về quá trình không thay đổi chính sách đối ngoại của nước ta, chỉ ra rằng nó đã không cần thay đổi. Quan điểm này đã được chứng minh: Bất kỳ sự đổi mới nào cũng phải được kết hợp với tính liên tục. Nhưng bản thân tính liên tục từng được hiểu (như đã được tuyên bố tại Hội nghị toàn thể UBTV tháng 4/1985) như là một “phong trào tiến bộ ổn định, khám phá và giải quyết các vấn đề mới và xóa bỏ mọi thứ cản trở tiến bộ”.

Hoạt động của chúng ta trong lĩnh vực chính sách đối ngoại bắt đầu mở ra theo tinh thần này, bắt đầu theo nghĩa đen với ngày làm việc đầu tiên của đội ngũ lãnh đạo mới của Đảng và đất nước.

Ngày 11/3/1985, Hội nghị toàn thể UBTV đã tái khẳng định “Một tiến trình hướng tới hòa bình và tiến bộ” vạch ra phương hướng căn bản trong chính sách đối ngoại của đất nước. Tôi nói: “Trước đây, chưa bao giờ có một mối nguy hiểm khủng khiếp như vậy treo trên đầu nhân loại như trong thời đại chúng ta. Cách hợp lý duy nhất để thoát khỏi tình hình hiện nay là các lực lượng đối lập đồng ý ngay lập tức dừng chạy đua vũ trang, trên hết là chạy đua vũ trang hạt nhân trên bề mặt trái đất, và không cho phép đi đầu đó diễn ra ở không gian bên ngoài. Thỏa thuận này phải dựa trên cơ sở trung thực và bình đẳng, trong đó không bên nào được ‘qua mặt’ bên nào, hoặc ra đi đầu kiện”.

Vào ngày 13/3, tôi đã tổ chức một loạt cuộc họp với các trưởng phái đoàn từ nước ngoài đến dự lễ tang của Chernenko^{*}. Biên bản của những cuộc thảo luận đó không được công bố, nhưng không thể phủ nhận rằng

chúng rất được quan tâm. Vì chính xác là trong những cuộc thảo luận đó, các nhà lãnh đạo phương Tây ở cấp cao nhất lần đầu tiên được nghe nói về những nguyên tắc mà các hành động của ban lãnh đạo mới sẽ dựa vào để giải quyết các vấn đề thế giới, những nguyên tắc dự báo ý tưởng về tương duy mới.

Trong cuộc thảo luận với Tổng thống Pháp François Mitterrand, những điều sau đây đã được ghi nhận: “Chúng tôi đã đi tới chỗ nảy sinh câu hỏi: Từ đây chúng ta có thể đi tới đâu? Đây không phải là lúc để đưa ra những quyết định phù hợp với lợi ích của mọi quốc gia và dân tộc, những quyết định mà sẽ không cho phép thế giới trượt vào vực thẳm của thảm họa hạt nhân, với hậu quả thậm chí khó đoán”.

Nhu cầu về một sự đảo ngược lớn trong nền chính trị thế giới sau đó lại được thảo luận với các nhà lãnh đạo nước ngoài khác, bao gồm các nhà lãnh đạo Hoa Kỳ, Anh, Tây Đức, Nhật Bản, Ấn Độ và Trung Quốc.

Có lẽ đặc biệt đáng quan tâm là tại cuộc họp với Phó Tổng thống Hoa Kỳ George Bush và Ngoại trưởng George Schultz, chúng tôi đã trình bày quan điểm của chúng ta về chính sách đối ngoại Soviet. Tôi sẽ trích dẫn vài đoạn từ cuộc họp đó:

Liên Xô sẽ theo đuổi một chính sách tích cực và xây dựng dựa trên sự hiểu biết về vai trò và trách nhiệm của mình như một cường quốc. Ở cấp độ toàn cầu, chúng tôi hiểu nhiệm vụ của mình là thúc đẩy mọi mối quan hệ của chúng tôi với các chính phủ khác, nhằm tạo ra một tình hình quốc tế lành mạnh hơn và tạo điều kiện mở rộng quan hệ quốc tế, giao lưu văn hóa, trao đổi trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, v.v.

Chúng tôi rất coi trọng mối quan hệ của mình với Hoa Kỳ. Chúng tôi không có

mong muốn đạt được ưu thế quân sự trước Hoa Kỳ, và chúng tôi không có ý định xâm phạm lợi ích hợp pháp của Hoa Kỳ. Theo quan điểm của chúng tôi, có rất nhiều khả năng hợp tác hiệu quả giữa chúng ta.

Chúng ta phải học cách xây dựng các mối quan hệ quốc tế trong thế giới thực. Việc hình thành chính sách và thực hiện nó trong thực tế có thể sẽ phụ thuộc vào cách hiểu những thực tế đó... Mỗi quốc gia đều có những lợi ích trước mắt hoặc lâu dài. Theo đó, trong khi thực hiện chính sách đối ngoại của mình, chúng ta phải tính đến lợi ích của mỗi quốc gia. Chúng ta không thể tiếp tục trên cơ sở sức mạnh tạo nên lẽ phải... Chúng tôi không thể hiểu được các chính sách hiện thời của Hoa Kỳ. Nó đơn giản là không phù hợp với khái niệm về quan hệ quốc tế thông thường.

Một thời gian ngắn sau đó, vào ngày 10/4/1985, với cương vị Tổng Bí thư UB TƯ КПСС, tôi đã tiếp đón Thomas ("Tip") O'Neill, Phát ngôn viên của Hạ viện Hoa Kỳ, đến thăm, và có một cuộc họp với ông ta. Cuộc họp này cũng trên tinh thần cuộc họp trước, nhưng với mức độ thẳng thắn hơn. Trong nỗ lực truyền đạt đến vị nghị sĩ Mỹ quan điểm của mình về tính nghiêm trọng ở thời điểm này, với những khả năng mới xuất hiện, các mối quan hệ và điều kiện cần được quan tâm nếu muốn những khả năng đó trở thành hiện thực, tôi đã nói như sau:

Mối quan hệ giữa hai nước hiện đang trong một kỷ băng hà. Chúng tôi ủng hộ việc khôi phục mối quan hệ Xô - Mỹ với các kênh thông thường. Từ đáy lòng, chúng tôi hiểu rằng một sự xung đột chí tử về lợi ích giữa hai nước chúng ta không phải là không thể tránh khỏi. Hơn nữa, chúng ta có một mối quan tâm chung trong việc tránh khỏi chiến tranh hạt nhân, đảm bảo an ninh cho cả hai nước chúng ta, bảo vệ cuộc sống cho người dân của chúng ta... Chúng tôi không muốn làm biến dạng hình ảnh Hoa Kỳ trong mình, dù chúng tôi thích hay không thích quốc gia này. Tuy nhiên, Hoa Kỳ cũng không nên làm chuyện viển

vòng là tái tạo Liên Xô sao cho phù hợp với khẩu vị riêng của mình. Điều đó sẽ chỉ dẫn đến chiến tranh... Nhiêu vấn đề còn tồn tại trên thế giới - chính trị, kinh tế, xã hội - nhưng có một lối thoát, đó là cùng tồn tại hòa bình, thừa nhận rằng mỗi quốc gia có quyền sống như mình muốn. Không có lựa chọn nào khác... Chúng ta phải xây một cây cầu hướng đến sự hợp tác. Nhưng để xây một cây cầu như thế, như mọi người đều biết, việc xây dựng phải tiến hành từ cả hai phía.

Trong hai cuộc thảo luận này - đầu tiên với George Bush và George Schultz, sau đó là với Tip O'Neill - để bổ sung cho các ý tưởng đã được chính phủ Liên Xô hình thành trước đó, những ý tưởng mới đã được trình bày, không phải với tư cách là một phần của chính sách Liên Xô trong quá khứ. Tôi đang đề cập đến nguyên tắc cân bằng các lợi ích (và do đó, từ bỏ kiểu ngoại giao "tổng bằng không")*, nghĩa là cần phải tìm kiếm những thỏa hiệp có thể chấp nhận được với cả hai bên, thừa nhận quyền tự do lựa chọn của mỗi quốc gia, và thừa nhận rằng bất kỳ hệ thống nào cũng đều có giá trị nếu được nhân dân lựa chọn.

Những nguyên tắc tương tự cũng được đặt ra trong các cuộc họp với Margaret Thatcher và Helmut Kohl. Tại các cuộc họp này cũng đề cập những vấn đề cụ thể về quan hệ song phương và toàn châu Âu.

Một bước quan trọng đối với sự phát triển nhận thức trong quan điểm mới của chúng ta về chính sách đối ngoại đã diễn ra tại Hội nghị toàn thể UBTV tháng 4/1985, cũng tại Hội nghị này đã có một báo cáo về những thay đổi sắp tới trong chính sách đối nội của chính phủ ta từ nay về sau. Sau đây là trích dẫn từ báo cáo của Tổng Bí thư:

Chúng ta ủng hộ những hoạt động đúng đắn, chính xác, êm ả và những mối quan

hệ văn minh giữa các quốc gia dựa trên sự tôn trọng thực sự đối với các chuẩn mực pháp lý quốc tế. Nhưng có một điều cần phải rõ ràng: Chỉ khi nào chủ nghĩa đế quốc từ bỏ mọi nỗ lực giải quyết bằng biện pháp quân sự những tranh cãi lịch sử giữa hai hệ thống xã hội, thì chúng ta mới thành công trong việc đưa các mối quan hệ quốc tế trở lại kênh hợp tác bình thường.

Đây là khuôn khổ chung xác định những gì chúng ta đã thấy vào thời điểm đó như là giới hạn của những gì có thể.

Sau đó, trong báo cáo có hai điểm khác đã được chỉ ra: Thứ nhất, “các vấn đề tranh chấp và các tình huống mâu thuẫn phải được giải quyết bằng các biện pháp chính trị, chúng tôi tin tưởng vững chắc như vậy”; và thứ hai, “КПСС và nhà nước Soviet ủng hộ quyền tự quyết của mọi dân tộc, nghĩa là quyền tự do quyết định tình hình kinh tế xã hội và xây dựng tương lai của mình mà không bị can thiệp từ bên ngoài. Việc phủ nhận quyền chủ quyền của bất cứ quốc gia nào là một việc làm vô vọng, thất bại ngay từ đầu”.

Đây là nguyên tắc phổ quát trong chính sách Soviet dưới hình thức đối mới. Nó được áp dụng cho tất cả các chính phủ và quốc gia, bao gồm cả các quốc gia thuộc cái gọi là hệ thống xã hội chủ nghĩa. Điều này đã được nhấn mạnh trong hai cuộc họp diễn ra vào năm 1985 với các nhà lãnh đạo của các nước tham gia Hiệp ước Warszawa, một vào ngày 13/3, một vào ngày 26/4. Dưới đây là tóm tắt những gì đã được nói tới tại các cuộc họp đó:

Quan hệ giữa các nước đồng minh (nghĩa là giữa Liên Xô và các đồng minh của nó) phải được định hình lại. Các mối quan hệ được phát triển dựa trên những nguyên tắc độc lập, bình đẳng và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

Mỗi quốc gia phải chịu trách nhiệm về những quyết định của mình. Nói cách khác, và điều này được nhấn mạnh, chúng ta đã kết thúc cái gọi là học thuyết Brezhnev; chúng ta đã sang một trang mới, để lại đằng sau cái cũ mà trên đó in dấu sự can thiệp của Liên Xô vào công việc nội bộ của đồng minh.

Không phải mọi lãnh đạo tham dự các cuộc họp Hiệp ước Warszawa đều có thể đánh giá đầy đủ ý nghĩa của những gì đã được nói tới. Bởi những từ ngữ tương tự cũng từng được nói trong quá khứ, và chúng không hề cản trở chúng ta đưa quân vào Tiệp Khắc. Nhưng mọi người đã sớm nhận ra chúng ta đang nói về một định hướng nghiêm túc và chắc chắn.

Vào ngày 8/5, tại lễ mít-tinh kỷ niệm 40 năm chiến thắng phát xít, một đề xuất khác đã được đưa ra, tuyên bố một bước quan trọng hướng tới việc mở rộng khuôn khổ của chính sách đối ngoại mới. Tuyên bố được đưa ra như sau: “Giải pháp hợp lý duy nhất hiện nay là thiết lập sự hợp tác tích cực giữa tất cả các chính phủ vì lợi ích của một tương lai hòa bình cho tất cả; đó là việc tạo lập, sử dụng và phát triển các cơ chế và thiết chế quốc tế về hợp tác, để có thể tìm ra mối tương quan tối ưu giữa lợi ích quốc gia và lợi ích toàn nhân loại”. Nét tiến bộ của luận điểm này chỉ ra rằng quan niệm trong chính sách đối ngoại của Liên Xô, trái ngược với quan niệm quá khứ, đang bắt đầu dịch chuyển khỏi những quan điểm giai cấp hạn hẹp để bao gồm những thực tế mới trong thế giới mới.

Chủ đề này đã được phát triển xa hơn trong chuyến thăm Pháp của tôi, tại những cuộc thảo luận với Tổng thống Mitterrand và tại những cuộc họp với các nghị sĩ, được chứng minh bởi tuyên bố được đưa ra vào thời điểm đó như sau:

Có sự kết nối và phụ thuộc lẫn nhau ngày càng gần gũi hơn giữa các quốc gia

và châu lục. Đây là một điều kiện tất yếu đối với sự phát triển của nền kinh tế thế giới, với tiến bộ khoa học và kỹ thuật, với việc tăng cường trao đổi thông tin, với sự di chuyển của con người và hàng hóa trên bề mặt trái đất và kể cả ngoài không gian - nói ngắn gọn, với tất cả sự phát triển của nền văn minh con người. Thật không may, những tiến bộ của nền văn minh không phải lúc nào cũng được sử dụng để nâng cao hạnh phúc của người dân. Thành tựu khoa học và công nghệ thường được sử dụng để tạo ra các phương tiện phá hủy, để sản xuất và dự trữ những thứ vũ khí ngày càng đáng sợ hơn.

Trong tình hình đó, câu hỏi của Hamlet - To be, or not to be? (Tồn tại, hay không tồn tại?) - không chỉ đặt ra trước mỗi cá nhân, mà còn là những thách thức cho nhân loại. Thật vậy, điều đó đang trở thành một vấn đề toàn cầu. Chỉ có thể có một câu trả lời: Nhân loại và nền văn minh phải tồn tại. Nhưng điều này chỉ có thể được đảm bảo bằng việc học cách sống cùng nhau, để có thể sát cánh bên nhau trên hành tinh nhỏ bé này, bằng việc làm chủ được nghệ thuật khó khăn trong việc quan tâm đến lợi ích của nhau.

Tôi nhận thấy trong con người Mitterrand là đối tác tiếp nhận vấn đề này một cách nghiêm túc.

Trong cuộc họp với Mitterrand, phía chúng ta đưa ra thêm một đề xuất phát triển hơn nữa chủ đề đang được thảo luận: “Chúng tôi nghĩ rằng trong hoàn cảnh hiện tại, điều đặc biệt quan trọng là không nên bắt chước những kẻ cuồng tín thời Trung cổ, mang những bất đồng tư tưởng vào trong lĩnh vực quan hệ giữa các quốc gia”.

Dựa trên tất cả những ý tưởng này, và như một biện pháp để đổi mới các mối quan hệ quốc tế, một cuộc họp giữa Tổng Bí thư UBTV KPICC và Tổng thống Hoa Kỳ Ronald Reagan đã được tổ chức vào tháng 11/1985. Tổng kết về kết quả cuộc họp, được đánh dấu trước hết bằng sự tiến bộ trong những vấn đề rất quan trọng về sự sống còn của nhân loại và sự công

nhận của cả hai bên về việc không thể chấp nhận chiến tranh hạt nhân hoặc chính sách nhằm đạt được ưu thế quân sự, tôi đã nói như sau:

Vâng, tôi tin rằng trong giai đoạn hiện nay, các mối quan hệ quốc tế, được đặc trưng bởi sự kết nối chặt chẽ giữa các quốc gia và bởi sự phụ thuộc lẫn nhau, đòi hỏi phải có một chính sách mới. Chúng tôi tin rằng cách tiếp cận mới đòi hỏi các chính sách hiện hành của tất cả các quốc gia phải được nuôi dưỡng bằng thực tế của thế giới hôm nay. Đây là điều kiện tiên quyết cần thiết cho bất kỳ quốc gia nào trong việc xây dựng chính sách đối ngoại của mình, và cũng sẽ góp phần cải thiện tình hình thế giới.

Tôi hy vọng độc giả sẽ có một thái độ hiểu được việc tôi sử dụng thường xuyên các trích dẫn mà tôi cảm thấy cần phải làm để chứng minh một cách thuyết phục cho đường lối tranh luận được thực hiện vào năm 1985. Chỉ trong chín tháng của năm đó, các bước đi quan trọng đã được tiến hành để hình thành và phát triển thế giới quan mới của Moskva, theo sau đó là quan điểm về chính sách đối ngoại mới của nước ta. Các đặc tính căn bản của quan điểm này sẽ được thảo luận trong chương tiếp theo. Với bây giờ, quan trọng là phải nhấn mạnh những điều sau đây: Sự phát triển các quan điểm lý thuyết phải lập tức được củng cố bằng các biện pháp thực tiễn phù hợp. Tất nhiên đây là điều căn bản. Do tình trạng không tin nhau đang phổ biến giữa Đông và Tây, nên chỉ các biện pháp cụ thể mới có thể góp phần tạo dựng lòng tin. Và thiếu sự tin cậy thì sẽ không thể đạt được kể cả những cải thiện nhỏ nhất trong các vấn đề quốc tế.

Khi lãnh đạo Liên Xô tuyên bố cách tiếp cận mới của mình đối với các cuộc đàm phán về vũ khí hạt nhân và vũ khí đặt ngoài không gian, họ đã có một bước đi ngay sau đó và cụ thể theo hướng này. Vào ngày 8/4, trong

một cuộc phỏng vấn của tờ *Pravda*, tôi đã nói rằng từ hôm đó tại Liên Xô sẽ tạm dừng việc triển khai tên lửa tầm trung, và sẽ ngừng thực hiện một số biện pháp ở châu Âu vốn là phản ứng trước đây của Liên Xô với những hành động cụ thể của Hoa Kỳ. Việc tạm dừng sẽ kéo dài đến tháng 11/1985. Quyết định tiếp theo sẽ phụ thuộc vào phản ứng của Hoa Kỳ. Vào đầu tháng 10, một tuyên bố đã được đưa ra tại Paris về việc cắt giảm các loại vũ khí tầm trung của Liên Xô ở châu Âu. Đồng thời, chúng ta nêu ra ý tưởng xây dựng một “ngôi nhà chung châu Âu” - phát triển những mối quan hệ láng giềng hợp tác toàn diện và thực sự hòa bình giữa tất cả các nước châu Âu.

Để chấm dứt cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân, vào ngày 30/7, chúng ta tuyên bố tạm ngừng việc thử hạt nhân, bắt đầu từ ngày 6/8/1985 (và việc này đã được gia hạn vài lần). Chúng ta kêu gọi chính phủ Hoa Kỳ theo gương chúng ta.

Đồng thời, một thông điệp đã được gửi tới Tổng thống Reagan, đề xuất việc cắt giảm đáng kể vũ khí hạt nhân chiến lược, tất nhiên có liên quan đến việc từ bỏ chạy đua vũ trang hạt nhân trong không gian.

Vào ngày 17/9, chúng ta đã công bố với Liên Hợp Quốc những đề xuất của Liên Xô, liên quan đến các phương hướng và nguyên tắc căn bản về hợp tác quốc tế trong việc sử dụng hòa bình và phi quân sự hóa không gian bên ngoài trái đất .

Trên đây là một danh sách chưa đầy đủ các sáng kiến được thực hiện trong năm 1985. Tuy nhiên, nó đã đủ để chỉ ra rằng các đề xuất mà chúng ta giới thiệu là khá cụ thể, và dễ kiểm chứng việc thực hiện chúng. Đây là những biện pháp thực tế nhằm ngăn chặn việc mở rộng chạy đua vũ trang

hạt nhân.

Cần lưu ý rằng các biện pháp do lãnh đạo Liên Xô thực hiện trong một số trường hợp là đơn phương, trong khi ở những thời điểm khác các đề xuất được gửi đồng đều cho cả hai bên. Điều liên quan ở đây là mong muốn cung cấp nội dung thực chất cho ý tưởng đổi mới quan hệ quốc tế, dựa trên nguyên tắc an ninh bình đẳng cho cả hai bên và giải phóng nhau khỏi cách tiếp cận đối đầu.

Ý tưởng chính xác là để cho tất cả có được một nền an ninh bình đẳng. Ví dụ, khi Liên Xô ngừng áp dụng các biện pháp trả đũa để đối phó với các hành động của Hoa Kỳ ở châu Âu, mức độ đảm bảo an ninh tăng lên cho toàn lục địa; đồng thời không có gì phương hại đến lợi ích của chính Liên Xô, vì khi đó Liên Xô có ưu thế hơn về tên lửa tầm trung ở châu Âu. Dĩ nhiên, mọi biện pháp thích hợp đã được tính toán cẩn thận, với sự tham gia tích cực của cả lãnh đạo chính trị lẫn lãnh đạo quân sự.

Liệu những ý tưởng mới của Liên Xô và các biện pháp thực tiễn tương ứng có được đánh giá một cách công bằng ở phương Tây? Câu trả lời là có hoặc không. Giới quan sát phương Tây khi đó lưu ý rằng rõ ràng là có cái gì đó mới trong các đề xuất của Liên Xô, nhưng họ vẫn coi đây chỉ là một thủ đoạn tuyên truyền.

Các hành động cụ thể của Liên Xô được đánh giá về căn bản là tích cực, nhưng không có nghĩa là có một phản ứng tương xứng nào được thực hiện ngay. (Sự thật là Hoa Kỳ, bắt đầu từ cuối năm 1985, trên thực tế đã triển khai chậm lại tên lửa tầm trung ở châu Âu). Việc ngừng thử hạt nhân từ phía chúng ta, nhận được sự phản ứng rộng rãi và tích cực từ hầu hết các chính phủ và dư luận thế giới, đã không được Hoa Kỳ đáp lại, mà vẫn tiếp

tục việc thử nghiệm của mình.

Rõ ràng là công việc khó khăn đang ở phía trước, và có khả năng diễn ra trong một thời gian dài. Tại Hội nghị toàn thể UBTƯ KPICC ngày 15/10/1985, khi xem xét các sự kiện đã xảy ra, chúng tôi chú ý đến “sự chống đối của các lực lượng đế quốc hung hăng đáp lại những thay đổi tích cực trên thế giới” tăng lên. Các lực lượng này mong muốn một sự bảo thù có tính xã hội, và vì mục đích đó, đã tìm cách duy trì căng thẳng quốc tế.

Trong tất cả các cuộc họp và thảo luận giữa Tổng Bí thư UBTƯ KPICC với những đại diện của các chính phủ phương Tây, những ý tưởng mang tính xây dựng đã có tiến triển nhưng thường đi kèm với sự chỉ trích nghiêm khắc, cụ thể và đôi khi khá sắc bén, theo quan điểm chính sách đối ngoại do các đối tác đàm phán của chúng ta nắm giữ, nhất là người Mỹ. Trong tất cả các trường hợp, người ta nhận thấy rằng những bước đi hướng đến quan hệ thế giới mới phải được tiến hành cùng nhau từ cả hai phía, nếu không sẽ chẳng đạt được kết quả gì.

Tại Đại hội KPICC lần thứ 27 vào tháng 2-3/1986, một bản tổng kết đã được rút ra về những công việc đã hoàn thành. Đó là tại nhiệm kỳ này chúng ta lần đầu tiên đã hình thành được các kết luận căn bản, tổng quát, có thể trở thành khuôn khổ mang tính quyết định của tư duy mới. Không gì có thể làm giảm tầm quan trọng của những bước đi đầu tiên này - về cả lý thuyết lẫn thực tiễn - được thực hiện trong năm 1985 nhằm thúc đẩy hợp tác thế giới. Tất cả những đi đầu này là sự khởi đầu đáng kể cho việc thúc đẩy một cách tích cực, kiên định các nguyên tắc và phương pháp mới trong các vấn đề thế giới.

CHƯƠNG 10

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH TƯ DUY MỚI (1985-1991)

Như đã nói, những ý tưởng về tư duy mới không được định sẵn cho mọi thời đại. Chúng liên tục phát triển. Có thể xác định được ba giai đoạn chính trong sự phát triển của chúng.

Giai đoạn thứ nhất đã kết nối, trước hết với quan điểm được đưa ra tại Đại hội КПСС lần thứ 27, và việc làm sâu sắc thêm quan điểm đó trong giai đoạn tiếp theo. Nó được đặc trưng bởi một sự phân tích chính trị trên lý thuyết về những thay đổi to lớn đã diễn ra trên thế giới kể từ Thế chiến thứ hai, và bởi các yêu cầu chính trị mà những thay đổi đó đặt ra. Nhiệm vụ thực tế là tìm kiếm một con đường hiệu quả để kết thúc Chiến tranh Lạnh và vạch ra một lối thoát khỏi cái vòng luẩn quẩn xấu xa của ngờ vực, thù địch và đối đầu.

Giai đoạn thứ hai được thể hiện, trước hết trong bài phát biểu của Tổng Bí thư UBTU' КПСС tại Đại hội đồng Liên Hợp Quốc vào ngày 7/12/1988, tại thời điểm khi lần đầu tiên những thay đổi tốt hơn trong các vấn đề quốc tế đang trở nên rõ ràng. Giai đoạn này được đánh dấu bởi sự tiến bộ

của các ý tưởng lớn liên quan đến triển vọng phát triển của cả hành tinh. Chúng ta không còn nói về “cuộc đấu tranh giữa hai phe”, mà về những lợi ích toàn cầu của nhân loại, về các nguyên tắc của một trật tự thế giới mới, và về những nhu cầu cấp thiết cho một tương lai dựa trên sự phát triển chung của mọi thành viên trong cộng đồng quốc tế.

Giai đoạn thứ ba đã đạt tới trong hai năm 1990-1991. Nó là hiện thân của ý tưởng rằng chỉ riêng những thay đổi trong lĩnh vực quan hệ quốc tế là chưa đủ, rằng tương lai nhân loại chỉ có thể được đảm bảo chắc chắn nếu tuân theo một hệ khái niệm mới về văn minh, trong một tiến trình mà ở đó đang xuất hiện hình thức mới của nền văn minh.

Các định đề căn bản của tư duy mới là gì? Điểm xuất phát của nó là công nhận rằng, bất chấp những điểm không giống nhau giữa họ, các quốc gia trên thế giới vẫn phụ thuộc lẫn nhau. Chúng ta nói về sự công nhận, vì sự phụ thuộc lẫn nhau này, một dạng của thống nhất hoặc đồng nhất, đã được hình thành trong nhiều thập niên. Động lực này đã được các nhà khoa học và học giả bên ngoài Liên Xô nghiên cứu, được lưu ý trong chính sách đối ngoại của phương Tây. Chẳng hạn, ngay từ năm 1975, Henry Kissinger đã tuyên bố rằng sự phụ thuộc lẫn nhau trên toàn cầu đã trở thành một nhân tố trung tâm của ngoại giao Hoa Kỳ. Mặt khác, ở Liên Xô, quan điểm liên quan đến sự phụ thuộc lẫn nhau này được coi như một quan niệm của “lớp người ngoại lai”. Tuy nhiên, sự phụ thuộc lẫn nhau là một thực tại hữu hình, không thể bỏ qua, và đến giữa những năm 1980 nó đã trở thành khuynh hướng nổi bật nhất trong các mối quan hệ thế giới.

Một mặt, sự quốc tế hóa đời sống kinh tế, sự tác động qua lại hoặc ảnh hưởng lẫn nhau giữa những quyết định chính trị của các quốc gia khác nhau, và sự hình thành một mạng lưới văn hóa thông tin - tất cả những điều

này đã và đang tạo ra một bức tranh hoàn toàn mới của thế giới. Mặt khác, nhiều vấn đề toàn cầu phức tạp và cấp bách đã tích tụ lại, như các vấn đề về sinh thái, nhân khẩu học, nguyên liệu thô và các nguồn năng lượng - không thể giải quyết trong khuôn khổ của một quốc gia đơn nhất hoặc kể cả một vùng.

Cùng với những vấn đề toàn cầu này, các khó khăn trong nước và khu vực vẫn tiếp tục nảy sinh, bao gồm các vấn đề xã hội và giai cấp. Quan trọng nhất là việc giải quyết những vấn đề này tỏ ra rất hạn chế hoặc hoàn toàn không thể thực hiện được, trừ phi quan tâm đến những thực tế toàn cầu mới của một thế giới đang trở thành một tổng thể duy nhất.

Hình hài mới của những lợi ích chính trị có tính dẫn dắt đã và đang hình thành. Đây không phải lợi ích quốc gia, địa phương, hoặc trên cơ sở giai cấp, mà mang tính phổ quát và đang trở nên nổi bật. Đó chính là sự thỏa mãn những nhu cầu trở thành điều kiện tiên quyết để thỏa mãn mọi nhu cầu khác. Kết luận là trong thời đại chúng ta, những lợi ích và giá trị phổ quát của con người phải được ưu tiên và trở thành cốt lõi của tư duy mới.

Đề xuất thứ nhất này về việc phải ưu tiên các giá trị nhân văn phổ quát, phần lớn mâu thuẫn với những quan điểm đã được thiết lập vững chắc gần như khắp nơi. Việc chấp nhận những thực tại mới này ở Liên Xô đã được chứng minh là đặc biệt khó khăn, vì quan niệm về sự phát triển của thế giới vốn đã trở nên vững chắc ở nước ta sau Cách mạng năm 1917 là dựa trên định đề về sự phân chia sâu sắc và không thể tránh khỏi trên thế giới. Bất chấp những thay đổi quan trọng đã diễn ra, quan điểm cũ và cách tiếp cận vấn đề cũ vẫn là vũ khí của chính quyền Soviet.

Tôi xin trở lại vấn đề về tính nhất thể và sự phụ thuộc lẫn nhau của thế giới. Thừa nhận sự phụ thuộc lẫn nhau là tình trạng thực sự trên thế giới đồng nghĩa với xu hướng phát triển quan trọng nhất không phải là một sự chia rẽ ngày càng trở nên sâu sắc, mà là một sự thống nhất hơn bao giờ hết trong hệ thống toàn thế giới. Và Liên Xô - một bộ phận của hệ thống này - nên nghiên cứu và tìm ra vị trí mới của mình trong khuôn khổ đó.

Một hội nghị quốc tế của các đảng phái và phong trào chính trị được tổ chức tại Moskva tháng 11/1987 đã đưa ra kết luận rằng, không thể tiếp tục xem xét sự phát triển của thế giới chỉ từ quan điểm của cuộc đấu tranh giữa hai hệ thống xã hội đối lập. Từ đó kéo theo quan hệ quốc tế phải được giải phóng khỏi các ý thức hệ. Tại Đại hội đồng Liên Hợp Quốc vào tháng 12/1988, tôi lập luận rằng cần phát triển sự hợp tác thành “đồng sáng tạo” và “đồng phát triển”.

Đề xuất căn bản thứ hai của tư duy mới là chúng ta phải cho phép sự đa dạng giữa các quốc gia, cũng như sự phụ thuộc lẫn nhau và các lợi ích chung của họ. Có như vậy, sự biện chứng giữa tính nhất thể và tính đa dạng, giữa tính thống nhất và cá tính, giữa các quốc gia và khu vực, mới trở thành một lực lượng chính thúc đẩy tiến bộ hiện đại. Thế giới không đồng nhất, mà thể hiện tính thống nhất trong sự đa dạng, sự kết hợp và hài hòa của những khác biệt.

Những đề xuất này dĩ nhiên không mới. Vậy tư duy mới đã có đóng góp gì mới cho sự hiểu biết về thực tế này? Nó đưa việc thừa nhận tính đa dạng tới một kết luận logic cần thiết: trên hết, cần thừa nhận thực tế là mọi dân tộc có quyền không thể phủ nhận trong việc tự do lựa chọn con đường phát triển và cách sống riêng của họ.

Mọi quốc gia và dân tộc đều có các quyền, lợi ích quốc gia và nguyện vọng riêng. Đây là một thực tế quan trọng nhất trong thời đại chúng ta. Nhưng việc khẳng định về các quyền và quyền tự do này rõ ràng đã vượt quá khả năng để một số nhà lãnh đạo chính trị ở các cường quốc phương Tây có thể hiểu và nắm bắt được tầm quan trọng của những thay đổi không thể đảo ngược đang diễn ra. Từ đó tái diễn những nỗ lực áp đặt quyền bá chủ, bắt các quốc gia khác phải phụ thuộc vào lợi ích của các cường quốc phương Tây, và sai khiến các nước khác bằng những biện pháp chính trị, kinh tế hoặc quân sự. Bất kỳ nỗ lực nào can thiệp vào công việc nội bộ của một quốc gia khác phải được loại bỏ. Công bằng mà nói, không thể chấp nhận được chuyện cố gắng gây bất ổn cho các chính phủ hợp pháp từ bên ngoài. Kiểu tiếp cận này là đi ngược lại nguyên tắc cần thiết cho dân chủ hóa thực sự trong nền chính trị thế giới. Nhiều người nói về dân chủ hóa, nhưng họ lại rất hay quên: Đây không phải là chỉ nói suông; nó phải được thực hiện trong thực tiễn chính trị - trước hết là thực tiễn chính trị của những quốc gia lớn nhất và mạnh nhất. Hành vi của các quốc gia này quyết định đặc tính và các hình thức phát triển của quan hệ quốc tế. Liệu các chính khách có tiêu hóa được thực tế này? Ở cấp độ hùng biện, có. Nhưng vẫn còn quá nhiều tình huống ngăn cản chúng ta đưa ra câu trả lời tích cực cho câu hỏi này.

Một câu hỏi lớn là liệu có mâu thuẫn giữa việc tăng cường sự thống nhất của thế giới và việc đảm bảo sự tự do lựa chọn thực sự không? Chắc chắn là có mâu thuẫn. Khi thế giới trở nên tích hợp và phụ thuộc lẫn nhau hơn, nói một cách hình ảnh, nó sẽ co lại, nhưng đồng thời ngày càng trở nên đa dạng. Theo một nghĩa nào đó, nó đang mở rộng. Chúng ta không thể bỏ qua một trong hai xu hướng này, vì chúng là hai mặt của cùng một quá

trình phát triển biện chứng.

“Chống lại quyền tự do lựa chọn là đặt mình vào sự đối lập với tiến trình khách quan của lịch sử”. Đây là một tuyên bố từ bản báo cáo của tôi tại Hội nghị lần thứ 19 КПСС hồi tháng 6/1988. Tôi kết luận rằng quan niệm của chúng ta về tự do lựa chọn chiếm một vị trí quan trọng trong tư duy mới. Khi xem xét tình hình mới trên thế giới, vấn đề lợi ích phải được đề cập theo một cách thức mới. Thay vì một số nước áp đặt lợi ích của họ lên những nước khác, cần phải tìm được sự cân bằng lợi ích thực sự trong các mối quan hệ quốc tế.

Để chắc chắn, điều quan trọng là mọi quốc gia phải xác định đúng lợi ích của mình. Đây là trách nhiệm của giới chính khách ở mọi nước, và là thước đo độ trung thực trong các dự định của họ.

Cuối cùng là nhóm các vấn đề thứ ba, đã được giải quyết bằng tư duy mới, liên quan đến bản chất của vũ khí hiện đại và việc con người đã bước vào thời đại tên lửa hạt nhân.

Albert Einstein là một trong những người đầu tiên nói về sự cần thiết phải có tư duy mới trong thời đại hạt nhân. Nhưng không ai nghe những lời cảnh báo của ông. (Nói chung, ngay cả hiện nay, các kết luận khoa học cũng thường không được để ý đến). Tuy nhiên, vụ nổ bom nguyên tử đầu tiên tại Hiroshima và Nagasaki chứng minh rằng chúng ta đã bước vào một giai đoạn mới trong lịch sử nhân loại. Lần đầu tiên trong lịch sử của mình, loài người có những loại vũ khí có thể hủy diệt toàn bộ sự sống trên trái đất. Ngày Phán xử, thay vì là một câu chuyện ẩn dụ trong Kinh thánh, có thể trở thành hiện thực, một bi kịch được thực hiện bởi bàn tay con người. Nhận thức này khiến tôi, với tư cách Tổng Bí thư КПСС, đã phải đưa ra

một tuyên bố vào ngày 15/11/1986. Điểm chính của tuyên bố đó là đề xuất về việc chúng ta cần hướng tới một thế giới phi hạt nhân trong thế kỷ XXI.

Nhận thức sâu sắc về tình hình, về những hậu quả có thể xảy ra nếu vũ khí hủy diệt hàng loạt được sử dụng, buộc chúng ta phải rút ra ba kết luận mang tính lý thuyết-chính trị quan trọng hàng đầu.

Thứ nhất là bản chất của vũ khí hiện đại không để cho bất kỳ quốc gia nào có được niềm hy vọng bảo vệ mình bằng các biện pháp quân sự và kỹ thuật thuần túy, kể cả khi nó có thể tạo ra hệ thống phòng thủ mạnh nhất. Các vấn đề đảm bảo an ninh ngày càng trở nên rõ ràng hơn, giống như một vấn đề chính trị có thể và phải được giải quyết, trên hết là bằng các biện pháp chính trị. Mà các biện pháp chính trị thì hàm ý về sự thương lượng - và thương lượng nhiều hơn. Các thương lượng bao hàm trong đó sự kiên nhẫn, lòng khoan dung, và việc tìm kiếm kiên trì những thỏa hiệp mà cả hai bên có thể cùng chấp nhận.

An ninh không thể tiếp tục được xây dựng trên sự sợ hãi về một vụ trả đũa không thể tránh khỏi, nghĩa là các học thuyết về ngăn chặn hoặc hủy diệt lẫn nhau đã lỗi thời. Cách duy nhất để đảm bảo an ninh là loại bỏ vũ khí hạt nhân, giảm và hạn chế sản xuất vũ khí nói chung. Xuyên suốt lịch sử của chúng ta, sự biện hộ cho chiến tranh, cho “mục đích chính nghĩa” của nó, là khả năng đạt được các mục đích chính trị nhất định bằng các biện pháp quân sự. Nhưng chiến tranh hạt nhân là phi nghĩa, là vô nghĩa. Hơn, kể cả kiểu chiến tranh chỉ liên quan tới vũ khí thông thường, vẫn có thể có những hậu quả tương đương với một cuộc chiến tranh hạt nhân, khi nhìn thấy sự tồn tại lan rộng của vô số các cơ sở điện hạt nhân, những nhà máy sản xuất nhiên liệu hạt nhân và các cơ sở lưu trữ hạt nhân, cũng như các nhà máy hóa dầu và hóa chất nói chung - sự hư hại của bất kỳ cái nào

trong số đó cũng gây ra những thảm họa lớn. Như vậy, một bối cảnh hoàn toàn mới đã nảy sinh: Không thể đạt được mục tiêu chính trị bằng việc sử dụng vũ khí hiện đại, trên hết là vũ khí hạt nhân. Mặt khác, đi đâu này hoàn toàn có thể đẩy cả nhân loại xuống vực thẳm hủy diệt.

Kết luận thứ hai, thực ra là một hệ quả của kết luận đầu tiên, chính trị dựa trên việc sử dụng vũ lực đem lại kết cục tồi tệ.

Tất nhiên, có những nỗ lực cho thấy rằng đi đâu này không phải như vậy, mà những cuộc chiến tranh - dù nhỏ - vẫn có thể xảy ra như một sự tiếp nối của chính trị bằng các biện pháp khác và có thể tạo ra những kết quả nhất định. Nhưng kinh nghiệm của mọi thời đại kể từ Thế chiến thứ hai cho thấy không một xung đột vũ trang đơn lẻ nào lại đem đến cho những người tham gia, trên hết là những người khởi xướng nó, bất kỳ khoản cổ tức chính trị thực sự nào.

Một nền hòa bình dựa trên quan điểm về sức mạnh sẽ hàm chứa sự bất ổn bên trong, còn việc có thể tranh luận về trường hợp này thế nào thì không thành vấn đề. Về bản chất, một nền hòa bình dựa trên sự đối đầu bí mật hoặc công khai như vậy sẽ liên tục có nguy cơ bị gián đoạn bởi chiến tranh, liên tục cám dỗ việc dùng bạo lực để đạt mục đích. Loại hòa bình này chỉ đem lại lợi thế (nếu theo tiêu chí ngày nay thì một đi đâu như vậy có thể được coi là một lợi thế) cho các nhà sản xuất vũ khí.

Đúng với hôm nay, và đặc biệt sẽ đúng trong tương lai, rằng uy quyền hoặc uy tín của một chính phủ và vị trí của nó trong cộng đồng quốc tế sẽ ngày càng được xác định không phải bởi quy mô quân đội, mà bởi hành vi văn minh của nó, bởi cách nó cam kết với lợi ích phổ quát của con người, bởi sự tự do và thịnh vượng của công dân, bởi khả năng bảo tồn và làm

phong phú tính độc đáo của nó không phải bằng sự trả giá của chính phủ khác mà thông qua sự trung thực và hợp tác cùng có lợi với họ.

Chúng ta phải là những người thực tế. Con đường tới một thế giới như vậy sẽ dài và khó khăn. Xóa bỏ việc sử dụng vũ lực trong chính trị, từ bỏ việc đánh giá an ninh của một quốc gia bằng sức mạnh vũ trang của nó - những mục đích này sẽ không thể đạt được ngay lập tức.

Với sự thỏa thuận tối thiểu giữa các quốc gia, lĩnh vực hoạt động của nền chính trị vũ lực có thể được hạn chế hoặc thu hẹp. Việc sử dụng vũ lực trái phép trên phạm vi quốc tế ngay lập tức sẽ phải chịu sự phản ứng tập thể nghiêm khắc.

Một kết luận thứ ba, như sự tiếp nối logic của hai kết luận đầu tiên, đó là an ninh trong điều kiện hiện tại (đặc biệt nếu chúng ta nói về các cường quốc hạt nhân lớn) chỉ có thể là an ninh chung. Nếu coi các mối quan hệ thế giới như một tổng thể, thì an ninh chỉ có thể là an ninh toàn cầu.

Đây là những cân nhắc đã đem lại cảm hứng cho chính sách của Liên Xô, dẫn chúng tôi tới việc thúc đẩy một chương trình vào năm 1986 để tạo ra một hệ thống toàn cầu về an ninh quốc tế, nó sẽ bao gồm không chỉ quân sự mà còn cả chính trị, kinh tế và các lĩnh vực nhân đạo.

Lý thuyết và phương pháp luận của tư duy mới dựa trên mong muốn kết hợp chính sách quân sự với cách tiếp cận đạo đức các vấn đề thế giới. Đây là một nhiệm vụ rất phức tạp; nhiều điều đã được nói và viết về nó trong quá khứ cũng như hiện tại, nhưng chưa có giải pháp nào được tìm ra. Chúng ta khó mà nói là đã đạt được một giải pháp đầy đủ trong thời kỳ perestroika. Tuy nhiên, không thể phủ nhận rằng những quyết định quốc tế căn bản được đưa ra trong kỷ nguyên đó đã phù hợp với các nguyên tắc

đạo đức. Những phản ứng đối với các vấn đề nghiêm trọng của thế giới hiện đại, những cách thức phát triển của thế giới và những nguyên tắc về mối quan hệ giữa các quốc gia, đã dần đưa chúng ta đến kết luận sau: Không thể chuẩn bị cho sự đảm bảo những chân trời mới trong tương lai nếu không cải thiện các mối quan hệ quốc tế - tức là những sự gắn kết hiện thời giữa các quốc gia. Những giải pháp tối hậu nằm ngay trong các yếu tố căn bản về sự tồn tại của con người, những quá trình diễn tiến sâu sắc quyết định cuộc sống của cộng đồng người.

“Một cuộc cách mạng mới trong nhận thức là cần thiết”, tôi đã nói ở Roma ngày 30/11/1989, vào đêm trước cuộc họp với Tổng thống Bush. “Chỉ trên cơ sở này mới có một nền văn hóa và một nền chính trị mới, phù hợp với thách thức mà thời đại đã tạo ra”. Điểm chính hỗ trợ cho thử nghiệm hoặc nỗ lực này khi giải quyết vấn đề lịch sử đó trên thế giới là những giáo huấn luân lý vĩnh cửu, hay như Marx gọi chúng là những đạo luật đơn giản về đạo đức và nhân văn.

Tôi dành nhiều chú ý cho chủ đề này trong bài phát biểu của mình ngày 31/5/1990, tại một cuộc gặp với các trí thức Hoa Kỳ:

Dường như với tôi, trong thời gian gần đây có một ý tưởng rất chung, nổi bật và rõ ràng hơn bao giờ hết đã chiếm giữ tâm trí người dân vào đêm trước của thế kỷ XXI. Đó là ý tưởng thống nhất toàn cầu. Việc thể hiện ý tưởng này trong thực tiễn là nhiệm vụ mở ra một kỷ nguyên mới... Để nhân loại phát triển tới mức có thể nhận ra ý nghĩa của lịch sử của mình, điều này phải xảy ra mà không đem lại những tác hại không thể khắc phục được đối với môi trường, không có sự bóc lột của một số quốc gia này với những quốc gia khác và chắc chắn không phải với mọi quốc gia, không có những mất mát không thể thay đổi được về tinh thần và đạo đức.

Những ý tưởng này vẫn chưa hoàn thiện cho đến trước cuối năm 1991. Nhưng chúng đã thể hiện như là đỉnh cao tinh thần trong các cuộc thăm dò được kết nối với sự xuất hiện của tư duy mới.

Như vậy, chúng ta đã nói về những kết luận căn bản của tư duy mới dưới dạng đã được vạch ra và áp dụng trong những năm 1985-1991. Những kết luận này sau đó đã được phát triển hơn nữa trên những bình diện lý thuyết, nhưng chúng ta sẽ thảo luận về điều đó trong chương sau. Bây giờ, chúng ta phải thử trả lời một câu hỏi quan trọng: Kết quả thực tế của việc áp dụng các nguyên tắc của tư duy mới là gì?

CHƯƠNG 11

VƯỢT QUA CHIẾN TRANH LẠNH

Tư duy mới đã tạo ra một cơ sở mới cho hoạt động thực tiễn trong lĩnh vực chính sách đối ngoại của Liên Xô.

Thứ nhất, nó loại bỏ những mâu thuẫn nội bộ đặc trưng của các khái niệm trước đây về chính sách đối ngoại. Rốt cuộc, bất kể bạn có thể nói thế nào về việc cùng tồn tại hòa bình, thì khi bạn hành động với giả định rằng sự phân chia thế giới thành hai phần là không thể tránh khỏi, liên quan đến chiến thắng của bên này đối với bên kia, chính sách của bạn chắc chắn sẽ mang tính đối đầu.

Tư duy mới đã khẳng định một sự thống nhất thực sự giữa lợi ích của nước ta, như được hiểu đúng, với lợi ích của toàn nhân loại. Như vậy, cơ hội hợp tác hiệu quả với tất cả các quốc gia đã được tạo lập.

Cuối cùng, phương pháp luận của một nền chính trị dựa trên tư duy mới, bao hàm sự tin cậy vào lý trí chứ không phải là việc sử dụng vũ lực một cách phi lý, vào sự tôn trọng quyền và lợi ích của nhau mà không áp đặt quan điểm của nước này lên nước khác, vào lòng khoan dung và việc tìm kiếm những giải pháp mà các bên đều có thể chấp nhận thông qua đàm

phán - phương pháp này trên thực tế đã mở ra con đường giải quyết hòa bình cho bất kỳ vấn đề nào, kể cả vấn đề rối rắm và phức tạp nhất.

Văn bản đầu tiên trong đó các khái niệm và ý tưởng thực tiễn mới đã được thể hiện một cách toàn diện là tuyên bố ngày 15/11/1986 của Tổng Bí thư, như được mô tả ở trên. Tuyên bố này chỉ ra con đường hướng tới một thế giới không hạt nhân.

Ở phương Tây, và một mức độ nào đó ở Liên Xô cũng vậy, những đề xuất trong tuyên bố này ban đầu bị coi là không tưởng và không thể thực hiện được. Cùng lắm nó cũng chỉ được cho là một sự thực hành tuyên truyền tốt. Đồng thời, ngoại giao Liên Xô kiên trì tìm cách đưa những ý tưởng này vào thực tiễn, từng bước xây dựng các sáng kiến cụ thể và khả thi. Trong quá trình này, rõ ràng việc vạch ra các bước như vậy đơn giản là không thể, nếu không để tâm lời kéo không chỉ các nhà ngoại giao và nhà khoa học vào công việc này, mà là cả những người trong quân đội, những nhà quản lý kinh tế, những đại diện của các tổ hợp công nghiệp-quân sự, và đại diện của giới có học nói chung. Ngẫu nhiên, phương pháp thực hiện các biện pháp thực tế trong chính sách đối ngoại đã trở thành tiêu chuẩn thực tiễn và cứu chúng ta khỏi nhiều sai lầm, dù một số tính toán sai đã xảy ra.

Một bước đột phá thực sự đã diễn ra trong cuộc họp thượng đỉnh tại Reykjavik với Tổng thống Reagan. Trong cuộc họp đó, chúng tôi chưa đi tới chỗ ký kết được các văn kiện, nhưng chúng tôi đã tiến được một bước đáng kể từ vấn đề này tới vấn đề kia trong các vấn đề an ninh chính. Tiếp đó, sau khi kết quả của cuộc họp này đã được thông qua, chúng tôi bắt đầu nghiên cứu các bước đi cụ thể hướng đến việc giải trừ hạt nhân.

Kết quả là vào tháng 12/1987, một hiệp ước Xô - Mỹ về việc loại bỏ và

tiêu hủy tên lửa tầm trung và tầm ngắn đã được ký kết. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử một hiệp ước về việc phá hủy toàn bộ một loại vũ khí hạt nhân đã được hai bên thông qua. Khó mà đánh giá được hết ý nghĩa của bước tiến này.

Tháng 7/1991, một hiệp ước Xô - Mỹ về việc cắt giảm đáng kể vũ khí tấn công chiến lược đã được ký kết. Rất nhiều việc đã phải làm để đạt được thỏa thuận này. Ngoài ra, trong năm 1992 đã đạt được về mặt nguyên tắc thỏa thuận tiếp tục cắt giảm vũ khí hạt nhân chiến lược. Một hiệp ước về chấm dứt hoàn toàn việc thử hạt nhân đã được thông qua vào năm 1996 (thực hiện một cam kết có trong hiệp ước không phổ biến vũ khí hạt nhân, đã được gia hạn vô thời hạn vào năm 1995).

Chúng ta có thể nhìn lại tất cả những đi đầu này với sự hài lòng tuyệt vời - những đề xuất vào ngày 15/1/1986, sau cùng đã chẳng hề là không tưởng! Và mặc dù đường đến một thế giới phi hạt nhân có thể trở nên dài hơn đi đầu ta mong muốn, nhưng mục tiêu cao quý và tốt lành này là có thể đạt được, với thiện chí của tất cả các thành viên trong cộng đồng quốc tế, trên hết là các cường quốc hạt nhân, và sau đó là những quốc gia đang ở ranh giới trở thành cường quốc hạt nhân.

Bản tuyên bố của tôi ngày 15/1/1986, cùng với đề xuất hướng tới một thế giới phi hạt nhân, cũng có cả những đề xuất cắt giảm vũ khí thông thường ở châu Âu. Các cuộc đàm phán về vấn đề này vẫn được tiếp tục vào năm 1990. Cuối cùng, vào tháng 11 của năm đó, hiệp ước đã được ký kết ở Paris. Việc cắt giảm vũ khí thông thường ở châu Âu đã trở thành hiện thực - cho thấy rằng hóa ra đây là một quá trình phức tạp, không phải không có xung đột, và rằng các thay đổi địa chính trị trong những năm 1990 đã buộc những nhân tố mới phải xuất hiện.

Việc thực hiện các hiệp ước này, liên quan đến cả vũ khí thông thường lẫn vũ khí hạt nhân, đã được tiến hành dưới sự kiểm tra quốc tế nghiêm ngặt, bao gồm chính sách “bầu trời mở” và thanh tra tại chỗ. Các quyết định về giám sát (cũng đạt được thông qua các cuộc đàm phán khó khăn) tự chúng đã chứng tỏ hai bên ngày càng tin tưởng nhau hơn. Đồng thời, những quyết định này cũng kích thích các tương tác rộng lớn hơn giữa giới lãnh đạo quân sự ở cả hai bên, từ đó có thể tạo cơ sở để tăng cường hơn nữa sự hiểu biết lẫn nhau.

Trong quá trình perestroika, chúng ta đã đạt được một tiến trình đáng chú ý và những kết quả cụ thể trong các cuộc đàm phán về việc cấm vũ khí hóa học, vi trùng và sinh học. Việc sản xuất vũ khí hóa học đã kết thúc và đi tới thỏa thuận về việc phá hủy vũ khí hóa học dự trữ.

Nếu tư duy mới đã không thúc đẩy những việc nào khác, ngoài những việc đã nêu ở trên - ngừng chạy đua vũ trang hạt nhân, cắt giảm việc sản xuất vũ khí hạt nhân và vũ khí thông thường ở châu Âu, và loại bỏ các kho vũ khí hóa học - thì bản thân những việc này đã tạo nên các thành tựu lịch sử to lớn. Dĩ nhiên, chạy đua vũ trang vừa là nguyên nhân vừa là kết quả của Chiến tranh Lạnh, vì nó liên tục cung cấp những kích thích mới để tiếp tục sự ganh đua. Các quyết định cắt giảm việc sản xuất vũ khí, trên thực tế đã trở thành một bước đi quan trọng trên con đường kết thúc sự đối đầu và tạo ra các mối quan hệ lành mạnh hơn giữa Đông và Tây.

Trong khi đó, Liên Xô tiếp tục đưa ra những đề xuất về việc tạo ra một hệ thống toàn diện về an ninh quốc tế. Những đề xuất này được chuyển hóa thành các văn kiện ngoại giao và các sáng kiến cụ thể, một số trong đó đã được gửi đến Liên Hợp Quốc để xem xét. Trong những năm cho đến 1991, tổ chức thế giới này nhận được bốn văn kiện thể hiện quan điểm của

lãnh đạo Liên Xô, và Liên Hợp Quốc đã đưa ra những đề nghị cụ thể cho việc thực hiện những đề xuất đó. Thật không may là không phải mọi việc đều được thực hiện; nhiều việc đơn giản bị lãng quên do những thay đổi trong bối cảnh quốc tế sau khi Liên Xô giải thể.

Dù sao đi nữa, ý tưởng tổng quát về an ninh toàn diện từ sau năm 1986 đã biến thành hai đề xuất hướng đến các khu vực cụ thể. Đề xuất thứ nhất liên quan đến việc tạo ra cái mà chúng ta gọi là “ngôi nhà chung châu Âu của chúng ta”. Ý tưởng này, như chúng tôi đã nói, lần đầu tiên được đề xuất tại Paris vào năm 1985 và được trình bày dưới hình thức đầy đủ hơn trong bài phát biểu của tôi tại Hội đồng châu Âu năm 1989. Mục đích trung tâm đằng sau ý tưởng này tiếp tục được phát triển và mở rộng.

Trong giai đoạn 1989-1990, các hiệp ước có ý nghĩa quan trọng trong việc hợp tác trên nhiều lĩnh vực đã được ký kết giữa Liên Xô với Pháp, Italia, Tây Ban Nha và Tây Đức. Các mối quan hệ giữa Moskva và Liên minh châu Âu đã được thiết lập (dù khi đó chưa được chính thức hóa đầy đủ).

Một khi đối đầu chấm dứt, giai đoạn tiếp theo có mục đích hoàn toàn khác trong việc thực hiện chuyển đổi ở châu Âu hướng tới một hệ thống phát triển đầy đủ về hợp tác ổn định và hòa bình lâu dài.

Những ý tưởng này được đón nhận rất tích cực ở các nước châu Âu, Hoa Kỳ, Canada, và vào tháng 11/1990, chúng đã được thể hiện trong *Hiến chương Paris vì một châu Âu mới*. Văn bản này chứa đựng những nguyên tắc và tiêu chuẩn đã được thảo ra một cách đầy đủ cho quan hệ quốc tế ở châu Âu, bao gồm các đòi hỏi của một kỷ nguyên mới đã bắt đầu. Thật không may, dù sau đó đã triển khai một số bước, nhưng về tổng thể thì

những nhiệm vụ vạch ra đã không được thực hiện. Ở một mức độ đáng kể, đây là kết quả của việc giải thể Liên Xô.

Đề xuất thứ hai liên quan đến châu Á, nhằm cụ thể hóa các ý tưởng chung về một hệ thống bao trùm toàn bộ an ninh khu vực. Năm 1986, và một lần nữa vào năm 1989, lãnh đạo Liên Xô đã đưa ra sáng kiến đề xuất một hệ thống an ninh và hợp tác ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Trong suy nghĩ của chúng tôi, không chỉ đơn giản là chuyển những gì đã được đề xuất cho châu Âu sang lục địa châu Á. Không có chuyện về một “ngôi nhà chung châu Á”, vì các điều kiện chính trị ở đây không giống với những điều kiện đó ở châu Âu. Tuy nhiên, khu vực này rõ ràng là cần một loạt các nỗ lực tập thể, bởi những hang ổ nguy hiểm của xung đột cũng tồn tại ở châu Á.

Ban đầu, tiến trình của những ý tưởng này ở châu Á đã bị chậm trễ. Thậm chí đến hôm nay vẫn còn cả một chặng đường dài để tạo ra một hệ thống hữu cơ các mối quan hệ hòa bình trên quy mô toàn châu Á. Tuy nhiên, một số thay đổi tích cực đã xuất hiện trong những năm sau đó. Những ý tưởng mà chúng tôi thể hiện ở Vladivostok và Krasnoyarsk bắt đầu có hiệu quả, những cuộc thảo luận về chúng đã bắt đầu. Tại Nhật, một hội nghị bàn tròn được thiết lập để thảo luận thường xuyên về các đề xuất chúng tôi đã đưa ra tại Vladivostok và Krasnoyarsk. Đồng thời, sự hợp tác giữa các quốc gia của khu vực đó bắt đầu phát triển mạnh mẽ hơn.

Từ quan điểm này, việc bình thường hóa quan hệ giữa Liên Xô và Trung Quốc có ý nghĩa rất quan trọng. (Quan hệ này hiển nhiên đã khá căng thẳng kể từ cuối những năm 1950 và đầu những năm 1960). Một số bất đồng đã được giải quyết, trong đó có tranh chấp biên giới. Sự phục hồi đối thoại bình thường giữa Liên Xô và Nhật Bản vào năm 1991 cũng

quan trọng, giống như việc thiết lập quan hệ bình thường giữa Liên Xô và Hàn Quốc. Những mối quan hệ như vậy trước đây đã không tồn tại.

Ngay từ năm 1985, phía Liên Xô đề nghị bắt đầu phối hợp các hành động của Liên Xô, Hoa Kỳ và các quốc gia khác trong cộng đồng quốc tế để giải quyết những xung đột khu vực bằng các biện pháp chính trị. Nhu cầu xung đột trong số này, nếu không phải là biểu hiện trực tiếp của sự cạnh tranh giữa Liên Xô và Hoa Kỳ, thì cũng được mỗi bên sử dụng để cố gắng làm suy yếu vị thế của bên kia.

Rõ ràng là trong quá trình này, những lợi ích thực sự của cư dân các quốc gia liên quan chỉ ít cũng bị xem nhẹ. Đôi khi những lợi ích đó còn hoàn toàn không được tính đến. Chính sách dựa trên tư duy mới cần phải bao gồm những nỗ lực nhất định để khôi phục hòa bình ở bất cứ nơi nào nó đã bị phá vỡ, và để tôn trọng vô điều kiện quyền của các quốc gia trong việc lựa chọn con đường phát triển riêng của họ, không có sự can thiệp từ bên ngoài.

Ngay từ năm 1985, trong các cuộc thảo luận ở Bộ Chính trị, vấn đề chấm dứt chiến tranh ở Afghanistan đã được nói tới. Tháng 2/1986, tại Đại hội Đảng lần thứ 27, Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã công khai tuyên bố rằng phải kết thúc chiến tranh. Ngay sau đó, một số binh lính Soviet đã được rút về Rỗi tiếp tục, Liên Xô rút hết quân khỏi lãnh thổ Afghanistan. Quá trình này hoàn thành vào ngày 15/2/1989. Một trang không vui và đáng xấu hổ trong lịch sử đã được lật sang một bên.

Ngày nay, tôi thường được hỏi lý do tại sao tôi không nhanh chóng kết thúc chiến tranh vào năm 1985?

Trước tiên, cần phải đi đến một quan điểm thống nhất trong giới lãnh đạo Soviet, đảm bảo phối hợp các hành động của chúng ta với giới lãnh đạo Afghanistan (điều này tỏ ra là nhiệm vụ khó khăn nhất); và cuối cùng, thiết lập các điều kiện bên ngoài cần thiết cho việc rút quân của chúng ta, bởi các nước khác cũng đã bị cuốn vào cuộc chiến ở Afghanistan, nhất là Pakistan và Iran. Ngoài ra, Hoa Kỳ đã và đang cung cấp vũ khí cho quân *mujaheddin* [Hồi giáo chính thống] của Afghanistan và tích cực hỗ trợ cho Pakistan. Hơn nữa, cần có các cuộc đàm phán ngoại giao kéo dài, và chúng ta đã lên tới cực điểm trong việc chấp nhận các thỏa thuận cần thiết và phù hợp, nhưng không phải là đến ngày 15/5/1988. Ngay sau đó, việc rút quân của Liên Xô đã bắt đầu.

Tại cuộc họp đầu tiên giữa các nhà lãnh đạo Liên Xô và Mỹ tại Geneva vào tháng 11/1985, đã đạt được thỏa thuận về việc cần khuyến khích chấm dứt các xung đột khu vực. Ít lâu sau đó, các hành động chung của hai chính phủ bắt đầu, phối hợp với những quốc gia quan tâm khác, hướng đến giải quyết các vấn đề ở châu Phi (Namibia, Angola, Mozambique), châu Á (trên hết là ở Campuchia) và Trung Mỹ. Những nỗ lực chung này đã tạo ra các kết quả rất khả quan ở Namibia và Trung Mỹ. Các vấn đề còn tồn tại trong các khu vực khác về sau này vẫn chưa được giải quyết. Tuy nhiên, tiến trình hòa bình đã bắt đầu ở khắp nơi.

Một trường hợp đặc biệt là xung đột khu vực ở Nam Tư, nổ ra vào cuối thời kỳ perestroika. Lúc đó, với tư cách Tổng thống Liên Xô, tôi đã rất quan tâm đến diễn biến của sự kiện đó, dù đó là một khoảng thời gian khó khăn đối với tôi, sau cuộc đảo chính tháng 8 và không lâu trước sự tan rã của Liên Xô.

Quan điểm của Tổng thống Liên Xô, như đã được thể hiện với Tổng

thống Bush, Thủ tướng Áo Vranicky, và sau đó là các nhà lãnh đạo Croatia và Serbia được mời đến Moskva, như sau: Hãy để các bên đối lập ngồi xuống bên bàn đàm phán và sắp xếp vấn đề, nhưng mọi thứ không được phép đi đến chỗ bi kịch. Theo quan điểm của chúng tôi, xung đột quân sự là không thể chấp nhận; nó sẽ làm phương hại cho mọi quốc gia và dân tộc có liên quan, và sẽ diễn ra trong một thời gian dài. Kết quả cuộc họp ở Moskva là cả Tudjman (nhà lãnh đạo Croatia) lẫn Milosevic (nhà lãnh đạo Serbia) đã ký thỏa thuận đồng ý chấm dứt hành động quân sự và giải quyết các vấn đề một cách hòa bình. Nhưng sau khi Liên Xô giải thể, sáng kiến này đã không được tiếp tục.

Cũng trong khoảng thời gian hoạt động cuối cùng của tôi với tư cách Tổng thống Liên Xô, vào ngày 1/10/1991, một hội nghị quốc tế đã được tổ chức tại Madrid để giải quyết vấn đề Trung Đông. Liên Xô và Hoa Kỳ đồng chủ trì hội nghị với những cuộc đàm phán kéo dài.

Liên Xô đã từng đề nghị về một hội nghị như vậy suốt một thời gian dài, nhưng Hoa Kỳ giữ quan điểm “cứ chờ xem”. Hoa Kỳ cuối cùng đã đồng ý với đề nghị đó, khi quan hệ giữa Moskva và Washington bước vào giai đoạn bình thường hóa thực sự, và sau khi Chiến tranh vùng Vịnh đã chứng tỏ rằng không thể trì hoãn lâu hơn nữa việc giải quyết vấn đề Trung Đông.

Hội nghị Madrid bắt đầu một quá trình thương lượng cực kỳ phức tạp, một cuộc đụng độ kéo dài nhất trong thời kỳ sau Thế chiến thứ hai. Các cuộc đàm phán vẫn tiếp diễn cho đến hôm nay và mang lại những kết quả hữu hình. Một số trở ngại đã xảy ra, chủ yếu do lỗi của người Israel đã bác bỏ những đề xuất thỏa hiệp của người Palestine về các vùng đất với lý do chúng không bảo đảm an ninh của Israel. Tuy nhiên, tôi nghĩ rằng quá trình

này sẽ tiếp tục, vì một lựa chọn khác sẽ chỉ làm trầm trọng thêm xung đột Israel - Palestine và các mối quan hệ với thế giới Arab nói chung, nó cũng sẽ đe dọa an ninh của cả hai bên. Có lẽ cả hai bên sẽ cảm thấy tin tưởng hơn, nếu việc bảo đảm an ninh bao gồm một hệ thống an ninh cho toàn Trung Đông. Cần phải có những sáng kiến mới, có lẽ là của Hoa Kỳ và Nga, những đồng chủ tịch của Hội nghị Madrid.

Một trường hợp đặc biệt khác liên quan đến mối quan hệ giữa Liên Xô với các nước Trung và Đông Âu. Cho đến nay, câu hỏi này vẫn tiếp tục được đặt ra: Tại sao Liên Xô không hòa giải với “cách mạng hòa bình” ở những nước đó? Tại sao Liên Xô không làm mọi thứ có thể để giữ những quốc gia đó trong phạm vi ảnh hưởng của mình?

Những câu hỏi như vậy cho thấy sự thất bại trong việc hiểu chính sách perestroika, hoặc có lẽ chỉ đơn giản là một sự miễn cưỡng hay từ chối nhìn thấy sự chuyển hướng sâu sắc trong các vấn đề thế giới mà perestroika thực hiện; nói cách khác, đó là mong muốn duy trì những thái độ và chính sách hống hách cũ, từ chối như trước đây việc thừa nhận quyền của tất cả các quốc gia về tự do lựa chọn.

Việc đổi mới chính sách đối ngoại của chúng ta, như tôi đã nói, đã ảnh hưởng đến toàn bộ hình ảnh quan hệ của Liên Xô với các nước khác. Lãnh đạo Liên Xô hiểu rằng nội dung và bản chất của các mối quan hệ giữa Liên Xô với các quốc gia xã hội chủ nghĩa sẽ là phép thử bằng giấy quỳ nhằm chứng minh ý định của mình. Không chỉ đơn giản là vấn đề giành được sự tin tưởng của phương Tây (cũng như các nước xã hội chủ nghĩa) vào chính sách Soviet, mà chủ yếu là việc giành được lòng tin của chính người dân Soviet vào những chính sách mới này.

Khi chúng ta bắt đầu perestroika, ý nghĩa của nó là mang lại sự tự do cho người dân chúng ta, giới lãnh đạo Liên Xô không thể áp dụng bất kỳ một tiêu chuẩn nào khác cho những mối quan hệ với các nước Trung và Đông Âu. Sự can thiệp của chúng ta vào công việc nội bộ của hàng xóm đã kết thúc. Không còn lời khuyên hay những mệnh lệnh độc đoán từ Moskva. Mặc dù perestroika đang diễn ra, và người ta tin rằng cần phải giải phóng chính nó khỏi di sản của chủ nghĩa Stalin ở khắp nơi, tuy nhiên giới lãnh đạo Liên Xô lại không muốn xuất khẩu những mục đích, ý định và kinh nghiệm riêng của mình.

Giới lãnh đạo Liên Xô đã làm cho các kế hoạch và hành động của mình được biết đến trong những chuyến thăm viếng các nước Hiệp ước Warszawa. Nhưng không có dấu hiệu của bất kỳ kiểu áp lực nào. Đôi khi một số chính khách ở các quốc gia đó thậm chí còn thấy mất lòng vì đi đầu này, đặc biệt là những người đã hiểu sự cần thiết phải thay đổi và muốn Moskva thúc đẩy giới lãnh đạo ở những nước này đi theo hướng đó. Nhưng Moskva vẫn trung thành với quan điểm của mình. Khi những thay đổi đã bắt đầu ở các nước Đông Âu, thì các kết quả trong việc biểu thị ý chí này của nhân dân đã lập tức được công nhận là hợp pháp và thể hiện quyền tự do của bất kỳ dân tộc nào trong việc lựa chọn con đường phát triển riêng của họ.

Các nguyên tắc và cách tiếp cận mới của chính sách đối ngoại Soviet trong perestroika đóng một vai trò quyết định trong sự thống nhất nước Đức. Liên Xô hiểu được sự bất thường của việc chia đôi nước Đức. Hơn một lần trong quá khứ, tính đến năm 1959, Liên Xô đã đệ trình những đề xuất để các đối tác phương Tây xem xét tạo điều kiện cho sự thống nhất nước Đức. Phương Tây đã bác bỏ những điều này, coi chúng đơn thuần là

sự tuyên truyền. Ở một mức độ nhất định, các đề xuất đó có mục đích tuyên truyền. Nhưng các đối tác của chúng ta chưa bao giờ cố gắng tin vào lời nói của Moskva.

Trong những năm đầu tiên của perestroika, vấn đề tái thống nhất nước Đức đã không nổi lên như một vấn đề cụ thể. Các diễn biến tiếp theo phần lớn được xác định bởi tình hình ở Đông Đức. Đây là một quốc gia mà con người có cuộc sống vật chất tốt hơn so với dân chúng của các nước “xã hội chủ nghĩa” khác thuộc Trung và Đông Âu, nhưng về tự do chính trị thì tình hình khá tệ. Quá trình dân chủ hóa ở Liên Xô làm cho sự bất mãn của người dân Đông Đức với chế độ áp chế trong quốc gia của họ ngày càng trở nên rõ ràng.

Mặc dù vậy, chính phủ Tây Đức không bao giờ trực tiếp đưa ra vấn đề tái thống nhất trong các cuộc thảo luận với Moskva, các nhà lãnh đạo ở Bonn theo thói quen chỉ chăm chăm đưa ra lời bình luận về sự phân chia bất thường của đất nước họ. Quan điểm của chúng ta là sự phân chia nước Đức là một sản phẩm của lịch sử, và sẽ phản lại nó một ngày nào đó. Nếu không có sự từ chối quyết liệt về khả năng tái thống nhất, thì phía Liên Xô đã đề xuất giải quyết vấn đề vào thời gian đó. Ý tưởng tương tự cũng được lặp lại nhiều lần trong chuyến thăm của tôi đến Bonn vào tháng 6/1989.

Tuy nhiên, vào mùa thu năm 1989, các sự kiện bắt đầu tiến triển với một tốc độ nhanh hơn, kết quả là cuộc di cư hàng loạt của các công dân Đông Đức sang Tây Đức, đầu tiên là qua Hungary và sau đó qua Tiệp Khắc. Một số người rời đất nước bằng bất cứ phương tiện nào sẵn có, thậm chí mạo hiểm cuộc sống của họ bằng cách vượt qua bức tường phân chia Tây Berlin và Đông Berlin. Trong lòng Đông Đức có sự bùng nổ các

cuộc biểu tình bất mãn của quần chúng. Công dân Đông Đức hiểu rằng vào thời điểm đó Liên Xô sẽ không sử dụng vũ lực để ngăn chặn việc thống nhất. Đối với họ, đây là một tín hiệu cho thấy rằng mong muốn của họ về sự thống nhất có thể thành hiện thực. Áp lực đối với giới lãnh đạo Đông Đức tăng lên, kết quả là những lãnh đạo cũ dưới thời Erich Honecker từ chức, cổng Brandenburg được mở, và bức tường Berlin sụp đổ - biểu trưng không chỉ của sự phân chia nước Đức, mà còn của sự phân chia toàn châu Âu thành phía Đông và phía Tây.

Trong hoàn cảnh đang diễn biến trên, Moskva kiên chế bản thân đến mức tối thiểu: Họ loại trừ việc sử dụng vũ lực, trong đó có việc sử dụng quân đội Liên Xô được triển khai trên lãnh thổ Đông Đức. Họ đã làm mọi thứ có thể để làm cho tiến trình được phát triển theo con đường hòa bình mà không vi phạm các lợi ích thiết yếu của Liên Xô, của Đông Đức hoặc Tây Đức, và không phá hoại hòa bình ở châu Âu.

Vào đầu tháng 11/1989, Moskva vẫn hy vọng rằng giới lãnh đạo mới của Đông Đức sẽ có thể đối phó với tình hình, và nếu có sự tái thống nhất thì sẽ thực hiện nó trong nhiều giai đoạn, trong khi vẫn bảo tồn Đông Đức lâu nhất như có thể. Nhưng các sự kiện đã diễn biến theo một cách phức tạp hơn nhiều. Vào tháng 11, bắt đầu một tiến trình mà trong đó các cấu trúc chính quyền của Đông Đức bắt đầu tan rã.

Trong hoàn cảnh này, vào cuối tháng 11/1989, Thủ tướng Tây Đức Helmut Kohl trình bày kế hoạch 10 điểm của mình về việc tái thống nhất nước Đức theo từng bước. Lúc đầu Moskva bác bỏ nó, xem đây như là một cố gắng không phù hợp của vị Thủ tướng nhằm lợi dụng tình hình và hành động đơn phương. Các đồng minh của Tây Đức cũng cho thấy sự không hài lòng. Tổng thống Bush trực tiếp nói về việc này với lãnh đạo Liên Xô.

Có thể thấy rõ những phản hồi tương tự trong các cuộc tiếp xúc với lãnh đạo các nước khác, trong đó có Pháp. Nhưng Thủ tướng mới của Đông Đức, Hans Modrow, vào đầu những năm 1990 đã đề xuất kế hoạch của riêng mình để thúc đẩy việc tái thống nhất.

Vào cuối tháng 1/1990, các thành viên trong giới lãnh đạo Liên Xô đã tổ chức một hội nghị tại Moskva về vấn đề nước Đức. Sau cuộc thảo luận mở rộng và thẳng thắn (báo cáo của hội nghị này không được công bố), quan điểm sau đã hình thành:

- Chính phủ Liên Xô sẽ đề xuất việc thành lập một nhóm sáu thành viên (bốn nước chiến thắng trong Thế chiến thứ hai - Liên Xô, Hoa Kỳ, Anh, Pháp - cộng với Đông Đức và Tây Đức) để thảo luận về tất cả các khía cạnh bên ngoài liên quan đến sự thống nhất.
- Chính sách đối với Tây Đức sẽ được định hướng tới Kohl, chú ý đến Đảng Dân chủ Xã hội của Tây Đức.
- Thủ tướng mới của Đông Đức sẽ được mời tới Moskva cùng với nhà lãnh đạo mới của Đảng Cộng sản Đông Đức, Gregor Gysi.
- Sẽ duy trì liên lạc chặt chẽ hơn với London và Paris về vấn đề Đức.
- Nguyên soái Akhromeyev chuẩn bị rút quân đội Liên Xô khỏi Đông Đức.

Tại một hội nghị “bầu trời mở” ở Ottawa, tháng 2/1990, đã đạt được một thỏa thuận về sự thành lập nhóm sáu thành viên, và ba vòng thảo luận sau đó đã được tổ chức để đưa ra các thủ tục phải tuân theo.

Đáng chú ý là các nhà lãnh đạo mới của Đông Đức bắt đầu hành động vội vã mà không tính đến các kết quả có thể xảy ra. Ngày 13/2, các cuộc đàm phán giữa Đông và Tây Đức bắt đầu ở Bonn, bàn về sự hình thành hệ

thống tài chính và tiền tệ thống nhất. Sau khi các cuộc đàm phán đã hoàn thành, Thủ tướng Modrow của Đông Đức tuyên bố rằng hai quốc gia sẽ sớm thống nhất, và vào ngày 24/6 cái gọi là Phòng Nhân dân ở Đông Đức đã nhanh chóng xác nhận một dự thảo hiệp định được chuẩn bị gấp rút liên quan đến liên minh kinh tế, tài chính và xã hội với Tây Đức. Và ngày 1/7, hiệp định này đã có hiệu lực.

Trong khi đó, tại các cuộc thảo luận về nhóm sáu thành viên và trong suốt các cuộc đàm phán song phương giữa Liên Xô và Tây Đức, những khía cạnh của chính sách đối ngoại trong việc tái thống nhất nước Đức đã được xem xét. Các cuộc thảo luận bao gồm những vấn đề như việc công nhận một nước Đức thống nhất với các đường biên giới hiện thời (trên hết là với Ba Lan), thỏa thuận rằng quân đội NATO sẽ không được triển khai trên lãnh thổ Đông Đức cũ sau khi thống nhất (mặc dù nước Đức thống nhất sẽ là một thành viên của NATO), lịch trình cho việc rút quân của Liên Xô ra khỏi lãnh thổ Đức, và sự trợ giúp của Tây Đức (bao gồm cả trợ giúp tài chính) trong quá trình rút quân. Những thỏa thuận đạt được hiện diện trong một hiệp định về việc bình thường hóa cuối cùng các quan hệ với Đức. Hiệp định được ký tại Moskva vào ngày 12/9/1990, và vào ngày 3/10, sự thống nhất nước Đức đã thành hiện thực.

Hôm nay, tôi tự tin khẳng định rằng chừng nào vẫn còn thù hằn thuốc súng là một nước Đức bị chia cắt ở trung tâm châu Âu, chừng đó nền hòa bình giữa các cường quốc châu Âu còn bất ổn, và chúng ta không thể hoàn toàn vượt qua được sự nguy hiểm của cuộc đối đầu Đông - Tây. Sự tái thống nhất đã diễn ra êm thấm, không có những phức tạp và gián đoạn đối với sự ổn định của châu Âu. Đây lại là một minh chứng nữa cho thành tựu cũng như tính hiệu quả của tư duy mới và cách tiếp cận mới của Liên Xô

đối với chính sách đối ngoại trong thời kỳ perestroika.

Khi thảo luận cách tiếp cận mới này, chúng ta không thể không đề cập một sự kiện xảy ra vào đầu những năm 1990 - khủng hoảng vùng Vịnh Ba Tư. Không đi vào chi tiết của những sự kiện đã nổi tiếng, tôi chỉ xin đưa ra vài nhận xét: Liên Xô đã ký kết một số hiệp ước và thỏa thuận với Iraq, khiến nước này trở thành đồng minh thực sự của chúng ta. Nếu cuộc khủng hoảng đó xảy ra trước khi tư duy mới được thông qua và sự đổi đầu kết thúc, Liên Xô sẽ ở trong một vị thế khó khăn. Nhưng chính xác là định hướng chính sách đối ngoại mới đã cho phép chúng ta đứng trên quan điểm có tính nguyên tắc khi nhấn mạnh rằng sự hiếu chiến là không thể chấp nhận, cho dù người khiêu chiến là ai đi nữa. Từ đầu đến cuối của những sự kiện này, Moskva vẫn trung thành với đường lối ấy.

Cuộc khủng hoảng vùng Vịnh Ba Tư đã chứng tỏ một cách căn bản rằng đây là thử nghiệm nghiêm túc đầu tiên với các mối quan hệ mới vừa được thiết lập giữa Liên Xô và Hoa Kỳ. Và chúng ta đã vượt qua được thử nghiệm này, mặc dù tình hình không phải là lý tưởng.

Một số sắc thái của quan điểm Soviet khác với các sắc thái của Liên Hợp Quốc. Chỉ là những sắc thái thôi, cho dù chúng rất quan trọng. Moskva đã không nghĩ rằng cuộc chiến chống Iraq lại được tiến hành. Chúng ta nghĩ rằng tốt nhất là sử dụng các biện pháp chính trị hòa bình để buộc Iraq hoàn thành nghĩa vụ của mình đối với cộng đồng quốc tế, trước hết là rút khỏi Kuwait.

Các bước đi ngoại giao phù hợp đã được thực hiện để đạt tới điều này. Nhưng các bước đi này đã bị phá hoại bởi quan điểm của giới lãnh đạo Iraq, đã tính toán sai khi nỗ lực gây ra một sự chia rẽ trong quan điểm của

cả trong nội bộ Liên Hợp Quốc lẫn dư luận thế giới.

Kết quả là chúng ta đã không thành công trong việc ngăn ngừa Chiến tranh vùng Vịnh. Chúng ta đã không thành công trong việc duy trì biện pháp chính trị để chấm dứt xung đột này, dù rõ ràng là biện pháp này đã có thể được thực hiện. Tuy nhiên, việc sử dụng vũ lực đã trở thành phương thức giải quyết tranh chấp được chấp nhận trong suốt thời kỳ Chiến tranh Lạnh. Tại Hoa Kỳ, cách tiếp cận này vẫn tồn tại cho đến tận ngày nay. Nó vẫn là một tiền lệ rất quan trọng trong nền chính trị thế giới, khi mà mọi hành động nhằm ngăn chặn sự xâm lược và trừng phạt kẻ xâm lược đều được thực hiện với sự chấp thuận và phê chuẩn của Liên Hợp Quốc, phù hợp với các nghị quyết của Hội đồng Bảo an.

Đến đây, chúng tôi cần nhắc độc giả rằng sự đảo chiều trong chính sách ngoại giao đã làm cho perestroika không đạt được đến mức độ dân chủ hóa ở Liên Xô, để từ đó tiêu diệt hệ thống toàn trị, khiến nước ta không đi theo con đường cởi mở và tự do.

Một mặt, nếu trong nước không có perestroika, thì không thể có được sự thay đổi về chính trị trong chính sách ngoại giao. Mặt khác, perestroika đã chứng tỏ một cách thuyết phục với phần còn lại của thế giới rằng giới lãnh đạo Liên Xô đã có những ý định trung thực. Sự tiêu diệt hệ thống toàn trị Soviet và loại bỏ những giáo điều của chủ nghĩa Stalin trong cả lý thuyết lẫn thực tiễn đã chứng minh cho thế giới thấy rằng giới lãnh đạo mới đang tìm kiếm hòa bình.

Perestroika về căn bản đã dân chủ hóa không chỉ chính sách đối ngoại của chúng ta, mà còn dân chủ hóa cả những phương pháp soạn thảo chính sách và ra quyết định. Ở phương diện này, Hội nghị Đảng lần thứ 19 đã

đóng một vai trò quan trọng khi đề xuất việc dân chủ hóa các quyết định về chính sách đối ngoại, loại bỏ những hành động được chỉ đạo bí mật (như trong quyết định đưa quân đội Liên Xô vào Afghanistan), và kêu gọi sự tham gia tích cực của Nghị viện vào việc quyết định chính sách ngoại giao. Đồng thời, chính sách đối ngoại trở thành một vũ đài của đấu tranh chính trị nội bộ, đặc biệt là những ép buộc đã được nói lỏng, những thảo luận chính trị nội bộ và những bất đồng đã được cho phép. Tinh thần mới này sau đó còn được mở rộng đến việc biểu lộ các quan điểm và các luồng ý kiến khác nhau. Điều này dẫn đến các chỉ trích ngày càng tăng về chính sách đối ngoại của chúng ta, đến từ những lực lượng bảo thủ - những người thuộc trường phái Stalin bám chặt lấy tính chính thống về tư tưởng, và từ những nhà dân chủ cấp tiến. Tuy nhiên, bất chấp những khó khăn bên trong và bên ngoài, chính sách đối ngoại của perestroika đã tạo ra các kết quả hữu hình và không thể chối cãi, dựa trên những ý tưởng của tư duy mới.

Kết quả căn bản và quan trọng là Chiến tranh Lạnh đã kết thúc nhờ perestroika và tư duy mới. Một giai đoạn tị ềm ảm chết chóc kéo dài trong lịch sử thế giới, trong đó loài người phải sống dưới sự đe dọa thường xuyên của thảm họa hạt nhân, đã chấm dứt. Trong nhiều năm, người ta đã tranh cãi về việc ai thắng ai thua trong Chiến tranh Lạnh. Theo quan điểm của chúng tôi, câu hỏi trên là vô nghĩa bởi nó tán dương quá khứ và lối suy nghĩ đối đầu xưa cũ. Từ quan điểm lý luận, rõ ràng là toàn nhân loại - mọi quốc gia, mọi người - đều thắng. Mỗi đe dọa về một vụ thảm sát hạt nhân hàng loạt đã trở thành lịch sử - dĩ nhiên là trừ phi chúng ta tái phạm.

Sự kết thúc của Chiến tranh Lạnh mang lại quyền tự do lựa chọn cho nhiều quốc gia ở châu Âu và Thế giới Thứ ba, mở đường cho một phong

trào dân chủ toàn thế giới vốn đã bị cố tình kìm nén hàng thập niên. Đây là kết quả quan trọng thứ hai của perestroika trên cấp độ quốc tế. Phạm vi hoạt động của chủ nghĩa toàn trị đã giảm mạnh. Phạm vi mở cửa cho phát triển dân chủ được mở rộng.

Kết quả thứ ba của perestroika trên cấp độ quốc tế là perestroika đã góp phần cải thiện và nhân văn hóa các mối quan hệ quốc tế.

Cuối cùng, an ninh của Liên Xô về căn bản đã được củng cố. Các mối quan hệ với những quốc gia khác, cả Đông lẫn Tây, trở nên bình thường và không đối đầu. Các cơ sở cho quan hệ đối tác bình đẳng phù hợp với lợi ích của tất cả các bên liên quan đã được thiết lập. Có thể thực hiện được việc cắt giảm một cách đáng kể sản xuất và chi tiêu cho vũ khí. Mối đe dọa chiến tranh kéo dài hàng thập niên đã biến mất và không còn quấy rầy công dân chúng ta nữa.

Tuy nhiên, sự chỉ trích chủ nghĩa thực dụng về chính sách đối ngoại của chúng ta trong giai đoạn 1985-1991 vẫn tiếp tục cho đến ngày nay, và đôi khi chỉ là sự vu khống. Ví dụ, các chỉ trích ở nước ta nói rằng chúng ta đã hành động quá vội vàng khi cắt giảm số lượng tên lửa tầm trung và tầm ngắn, mà có thể nói là nhiều hơn những gì người Mỹ đã làm. Điểm cuối cùng này thì đúng. Nhưng có phải không cần cắt giảm bất kỳ loại nào để tránh một mối nguy hiểm thực sự và rất lớn không? Tên lửa Mỹ có độ chính xác cao nhắm vào chúng ta có khả năng chạm tới lãnh thổ của chúng ta, đến tận dãy Ural, trong vòng vài phút - trong khi chúng ta không có thời gian để đưa ra các biện pháp đối phó. Điều quan trọng nhất chẳng phải là cứu lấy mạng sống của người dân chúng ta hay sao? Khi hy sinh về mặt số lượng, chúng ta đã gặt hái vô cùng nhiều về mặt chất lượng. Điều đó đã và vẫn còn được ưu tiên.

Các nhà phê bình ở quê nhà cũng cáo buộc rằng chúng ta đã đánh mất các đồng minh của mình ở Đông Âu, rằng chúng ta đã từ bỏ những nước này mà không được bồi thường. Nhưng chúng ta đã giao lại những nước đó cho ai? Cho chính người dân của họ. Các quốc gia Đông Âu, trong tiến trình tự do thể hiện ý chí của nhân dân, đã chọn con đường phát triển riêng của mình dựa trên nhu cầu quốc gia. Chế độ từng tồn tại ở Đông và Trung Âu đã bị lịch sử lên án, giống như chế độ ở nước ta. Nó đã sống quá lâu và là một gánh nặng cho người dân. Bất kỳ nỗ lực nào để bảo vệ hệ thống này đều sẽ tiếp tục làm suy yếu vị thế đất nước, làm mất uy tín Liên Xô trong con mắt của nhân dân ta và toàn thế giới. Hơn nữa, chế độ này đã có thể được “cứu” chỉ bằng một cách - xe tăng, như chúng ta đã làm ở Tiệp Khắc năm 1968. Hậu quả của hành động bất công ấy có thể gây ra cuộc chiến tranh tổng thể ở châu Âu.

Sự nhục cười của những lời chỉ trích này được minh họa bởi các sự kiện dẫn đến việc tái thống nhất nước Đức. Cột chống cho chế độ Đông Đức đã nhanh chóng sụp đổ. Đông đảo công dân Đông Đức đã rời khỏi đất nước này, thậm chí mạo hiểm với cái chết. Chế độ này có thể được cứu bằng cách nào? Bằng cách cho động cơ xe tăng gài lên một lần nữa chăng? Xét về tầm quan trọng của nước Đức đối với cả Đông và Tây, xét về sự tập trung của các lực lượng vũ trang đóng tại Đức, thì bất kỳ việc sử dụng vũ lực nào để chống lại ý chí thống nhất đất nước của người Đức sẽ chứa đầy nguy cơ chiến tranh, có lẽ là chiến tranh thế giới.

Như tôi đã chỉ ra ở trên, trong lĩnh vực chính sách đối ngoại thì không phải mọi thứ trong thời kỳ perestroika đều là lý tưởng, hoàn toàn không. Một số thứ có thể đã được thực hiện hiệu quả hơn hoặc theo một cách tinh vi hơn. Nhưng tôi có thể nói không ngần ngại: Trong tất cả các lĩnh vực

căn bản và quyết định, những chính sách mà chúng ta đã nhận thức rõ và thực hiện là vì lợi ích của đất nước ta, chúng tăng cường an ninh và vị thế của chúng ta trên thế giới. Cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng, chúng đã góp phần củng cố nền tảng của hòa bình trên toàn thế giới.

CHƯƠNG 12

TRẬT TỰ THẾ GIỚI THỜI CHUYỂN ĐỔI

Những chân trời mới được mở ra vào lúc kết thúc Chiến tranh Lạnh và cuộc đối đầu quân sự giữa hai phe, cũng như vào lúc cuộc chạy đua vũ trang nói chung và sự chấm dứt hoàn toàn cuộc chạy đua này trong một số khu vực nói riêng được giới hạn, và việc bình thường hóa các vấn đề quốc tế. Có vẻ như một hệ thống quan hệ quốc tế mới có thể được tạo ra dựa trên nguyên tắc bình đẳng trong mọi giao dịch giữa các quốc gia. Tất nhiên đi đầu này sẽ không loại trừ ở một mức độ nhất định sự cạnh tranh hoặc xung đột lợi ích, nhưng nó sẽ cho phép giải quyết mọi vấn đề chính chỉ bằng các phương pháp chính trị văn minh. Cũng có vẻ như một bầu không khí mới cho sự phát triển kinh tế có thể được tạo ra. Những đi đầu kiện tiên quyết cho sự trao đổi thực sự tự do, cởi mở và rộng rãi hơn về các giá trị văn hóa đang xuất hiện. Nói tóm lại, tình hình mới đã đặt nền móng cho mọi quốc gia tham gia vào sự phát triển thực sự của toàn thế giới. Ở một mức độ đáng kể, dường như những triển vọng mở ra khi đó đã vượt xa các cơ hội xuất hiện sau năm 1945 trong thời hậu Thế chiến thứ hai, các cơ hội đã bị bỏ lỡ.

Sau năm 1945, bất chấp sự kết thúc của Thế chiến thứ hai, những cuộc

chiến tranh vẫn tiếp tục (hoặc phục hồi) ở một số nơi trên thế giới, bao gồm những cuộc chiến liên quan đến các cường quốc. Nhiều điểm nóng khu vực xuất hiện. Nhưng trong thời kỳ perestroika, khi cuộc đối đầu trên toàn thế giới vừa kết thúc, tiến trình loại bỏ những mâu thuẫn này liên bắt đầu. Không phải ngẫu nhiên mà sau năm 1989, có một tư tưởng bắt đầu được phổ biến rộng rãi trên thế giới, đó là việc thiết lập một trật tự thế giới mới sẽ loại trừ được chiến tranh và đối đầu, tạo ra sự hợp tác hòa bình giữa tất cả các quốc gia.

Nhưng thời gian đã trôi qua, và thay cho sự phấn chấn của những năm 1989-1990, sự bi quan đã len vào. Trật tự thế giới mới đang được xem như câu chuyện thần thoại hoặc một ý tưởng không tưởng. Những gì đã xảy ra có thể được giải thích bởi một số yếu tố. Những vấn đề bị chèn ép hoặc bị đẩy vào phía sau của thời kỳ đối đầu, giờ đây đã đi lên phía trước. Các nguồn phát sinh căng thẳng mới xuất hiện. Những nhà lãnh đạo chính trị phải đối mặt với những vấn đề mới mà họ không chuẩn bị và không có giải pháp.

Hơn nữa, bản đồ địa chính trị của thế giới về căn bản đã thay đổi. Cuộc đối đầu của các khối thù địch đã kết thúc, Tổ chức Hiệp ước Warszawa đã tan rã, và nhiều quốc gia độc lập mới đã xuất hiện. Hệ quả là cấu trúc lưỡng cực của cộng đồng quốc tế biến mất. Thế giới trở nên đa nguyên thực sự. Nó mất đi hệ thống các mối quan hệ trước đây đã liên kết và tổ chức nên nó, tuy rằng hệ thống đó có khiếm khuyết.

Được giải thoát khỏi mối đe dọa về một cơn ác mộng hạt nhân treo trên đầu tất cả trong Chiến tranh Lạnh, và được giải phóng khỏi kỷ luật do mỗi khối đối thủ áp đặt trong suốt thời gian đó, mọi quốc gia đều nhận thấy rằng giờ đây họ sở hữu một quyền tự do hành động mới. Mỗi nước đều

tìm cách thấy được vị trí riêng của mình trong thế giới luôn thay đổi này, và xác định những lợi ích thực sự của mình trên cơ sở mới.

Đối với các yếu tố của sự thay đổi địa chính trị, cần bổ sung một yếu tố nữa: Sự giải thể của Liên Xô, làm thay đổi về mặt “hình dạng” các mối quan hệ, đặc biệt ở châu Âu, mà không chỉ riêng châu Âu. Trong những năm perestroika, Liên Xô đã trở thành một đối trọng vững chắc đối với bất kỳ cố gắng nào nhằm áp đặt quyền bá chủ, nhưng bây giờ nó đã biến mất. Theo đó, tất cả những người mà trong trái tim họ đã ấp ủ bất cứ kế hoạch vị kỷ nào, giờ đây đã có mục tiêu hoạt động lớn hơn nhiều. Thế giới trở nên bất ổn và khó dự đoán hơn.

Các quốc gia độc lập trong đó có cả Nga, được hình thành thay thế cho Liên Xô, đã trở thành đối tượng trong những kế hoạch vị kỷ của các cường quốc nước ngoài. Điều này về căn bản trở nên khá rõ ràng ngay khi Belovezh đưa ra các quyết định. Một cuộc đuổi bắt lớn bắt đầu để giành quyền sở hữu các phần thuộc di sản Liên Xô. Điều này được thể hiện trong những chính sách chọn lọc mà các chính phủ phương Tây theo đuổi, liên quan đến mỗi quốc gia mới của Liên Xô cũ.

Sự giải thể của Liên Xô đã góp phần vào việc phục hưng các lực lượng dân tộc và ly khai ở châu Âu cũng như các khu vực khác. Trên thực tế, những chính sách phương Tây đã giúp kích hoạt các lực lượng này, mở đầu bằng sự vội vàng công nhận Slovenia và Croatia, tiếp tục thúc đẩy sự tan rã của Nam Tư cũ và hủy hoại một cuộc ly hôn hòa bình giữa các cựu thành viên của Cộng hòa Liên bang Xã hội Chủ nghĩa Nam Tư (ngay khi cuộc ly hôn này trở nên khó tránh khỏi).

Không thể phủ nhận là tất cả các diễn trình và sự kiện được đề cập ở

trên đã làm phức tạp một cách đáng kể tình hình quốc tế. Theo như tôi biết, đó vẫn không phải là vấn đề chính. Vấn đề chính là các chính sách và các nhà lãnh đạo chính trị - ở cả quy mô quốc gia lẫn thế giới - không nhận thức được hoặc không có kế hoạch cho các quá trình diễn ra, hoặc tệ hơn, không có chương trình hành động để vô hiệu hóa hậu quả tiêu cực của các quá trình đó và đảm bảo một sự chuyển đổi êm ả sang những quan hệ mới, sang trật tự thế giới mới mà người ta đang nói rất nhiều về nó.

Liệu thực sự chúng ta có khả năng tìm ra được đường đến một trật tự thế giới mới sau khi kết thúc Chiến tranh Lạnh? Các điều kiện tiên quyết có tính khách quan cho một quá trình chuyển đổi sang những quan hệ thế giới mới chắc chắn đã được hình thành vào cuối những năm 1980. Nhưng chỉ có các điều kiện tiên quyết thì không tạo ra một khả năng thực sự.

Khả năng chuyển đổi như vậy phải bao hàm ý muốn chủ quan của các nhân vật chính trên sân khấu chính trị thế giới khi thực hiện quá trình chuyển đổi đó. Khi xem xét lịch sử quá khứ và các sự kiện đã bộc lộ mới gần đây, có thể nói rằng Liên Xô đã sẵn sàng tìm ra một con đường để đến với các mối quan hệ quốc tế thực sự dân chủ và hòa bình. Ở phương Tây, đặc biệt là ở Hoa Kỳ, không tồn tại một thiện ý như vậy. Ở Liên Xô, tư duy mới và chính sách đối ngoại dựa trên đó đã đưa các cách tiếp cận mới vào thực tiễn vật chất có thật, và đã áp dụng những phương pháp thích hợp để giải quyết vấn đề Ngược lại, khi Hoa Kỳ nói về trật tự thế giới mới, họ chủ yếu hàm ý về một sự tiếp nối chính sách trước đây của mình với một số sửa đổi về phương pháp luận. Hoa Kỳ xem sự kết thúc của Chiến tranh Lạnh như là việc loại bỏ được nhiều trở ngại đáng kể trên con đường đạt tới các mục tiêu lâu dài trong chính sách của mình. Quan niệm của người Mỹ chủ yếu chỉ giới hạn ở việc thực hiện một số điều chỉnh nhất định

trong các chính sách quốc tế của họ. Trật tự hiện có trong các vấn đề kinh tế thế giới chủ yếu là theo ý thích của Washington. Việc tăng cường hệ thống thương mại tự do từng được coi là đi đầu đáng mơ ước, khi xét đến vị thế vững chắc của Hoa Kỳ trong quan hệ với các đối thủ cạnh tranh của họ. Về tổng thể, nền văn minh vẫn tồn tại tại nhiều vấn đề ở các cấp độ, những vấn đề khó chịu có thể được giải quyết bằng các biện pháp mà sẽ không trở thành một phần gánh nặng cho Hoa Kỳ.

Các cường quốc phương Tây khác đã có những lời giải thích đặc biệt của riêng họ cho quan niệm về một trật tự thế giới mới. Ví dụ, nước Đức tái thống nhất, ban đầu khá thận trọng (và sau đó cởi mở hơn) đã thông qua một chính sách nhằm khôi phục ảnh hưởng có tính chi phối trước đây ở Trung và Đông Âu. Điều này được phản ánh ở các khía cạnh khác nhau trong chính sách đối ngoại của Bonn.

Nói cách khác, vào lúc kết thúc Chiến tranh Lạnh, có nhiều chính phủ, nếu không muốn nói là tất cả, ủng hộ một trật tự thế giới mới, nhưng có những quan niệm khác nhau về việc trật tự đó sẽ như thế nào? Ngay cả khi mọi thứ trên thế giới vẫn như trước đây, thì những quan điểm căn bản khác nhau chắc chắn sẽ dẫn đến những sự bất đồng và chia rẽ giữa các cường quốc thế giới trong một thời gian khá ngắn. Không chỉ là vấn đề bất bình đẳng tự nhiên trong lợi ích quốc gia của những nước khác nhau - tức là một yếu tố bất biến trong chính trị thế giới, có thể được tính đến trong quá trình tìm ra sự cân bằng chung có thể chấp nhận được về mặt lợi ích và cách thức thỏa thuận hợp lý. Những gì liên quan là một sự khác biệt căn bản trong các mục tiêu đang được đặt ra, trong chính cách nhìn nhận thế giới cùng những nhu cầu và triển vọng của nó.

Vì vậy, chúng tôi cần phải nói rằng, cùng với nhiều vấn đề không

lường trước được của chính trị thế giới, đã có các định hướng chiến lược khác nhau và các dự định chính trị khác nhau.

Trên thực tế, các khái niệm chiếm ưu thế không chỉ hướng về tương lai, mà trong nhiều phương diện, còn được neo vào quá khứ; quá khứ là nguồn nuôi dưỡng chúng. Trong những trường hợp tốt nhất, câu hỏi đặt ra là làm thế nào để đổi mới hoặc tân trang lại các cách tiếp cận truyền thống. Không có triển vọng mới nào thực sự ra đời, mặc dù đó chính xác là những gì cần thiết, nếu chúng ta nói về một trật tự thế giới mới thực sự.

Cho dù vì lý do gì, thì vào cuối năm 1991 và đặc biệt là đầu năm 1992, các tiến trình sự kiện trên thế giới bắt đầu phát triển theo một kênh khác. Nói về các sự kiện trong những năm gần đây, điều rõ ràng nhất, trên hết, là trong khi Chiến tranh Lạnh nói chung đi vào lịch sử, nhưng di sản và rất nhiều yếu tố của nó vẫn còn tồn tại, dù đã thay hình đổi dạng. Một sự xa lạ nhất định giữa các cựu đối thủ, mà bây giờ gọi nhau là đối tác, vẫn tồn tại. Phiên bản của những sự kiện này kèm theo một thái độ hạ cố nhất định, và thậm chí đôi khi ngạo mạn, như đã thể hiện trong các chính sách phương Tây.

Ở một mức độ đáng kể, hình ảnh cũ của kẻ thù không còn tồn tại trong hình thức cũ của nó. Nhưng ngày nay, đặc biệt trong thời gian gần đây, đã có những nỗ lực ở đâu đó để tạo ra các biến thể mới của hình ảnh cũ đã được sửa đổi. Ví dụ, ý tưởng về “những nguy hiểm” khác nhau đến từ phương Đông được thể hiện lúc này lúc khác trong các ấn phẩm ở phương Tây, và đôi khi trong những phát biểu của các nhà lãnh đạo chính trị phương Tây.

Theo quan điểm của chúng tôi, hiện có ba nguy cơ gây ra mối đe dọa

lớn nhất. Thứ nhất là những dấu hiệu đáng báo động về sự phân chia thế giới mới, sự xuất hiện của những điểm rắc rối mới. Những điều này đặc biệt rõ ở châu Âu, nơi có một nỗ lực rõ ràng để củng cố những gì đáng ra được công nhận như phương Tây. Phải thừa nhận là, đường phân chia giới đây được vạch ra ở các khu vực mới. Tuy nhiên, chúng ta không thể không quan tâm đến những nỗ lực xây dựng trên đất châu Âu một hệ thống an ninh mới chỉ dựa vào NATO, bao gồm các nước Đông Âu và Trung Âu trong liên minh này, mục đích là loại Nga ra ngoài. Sự thật là cùng lúc đó có nhiều lời lẽ khoa trương cho rằng an ninh châu Âu là không thể tưởng tượng được nếu thiếu Nga.

Một mối nguy hiểm khá hiển nhiên khác có lẽ là một cuộc chạy đua vũ trang mới. Các loại công nghệ quân sự nguy hiểm nhất tiếp tục lan rộng khắp thế giới. Có một sự mở rộng dần dần năng lực công nghệ trong sản xuất vũ khí hạt nhân và các vũ khí hủy diệt hàng loạt khác. Những gì đã xảy ra ở Ấn Độ và Pakistan buộc cộng đồng quốc tế và Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc phải hành động. Công nghệ quân sự đang được cải tiến và hoàn thiện, vũ khí thông thường đạt được năng lực hoạt động như “những vũ khí tuyệt đối”. Ở các nước phát triển hơn, những kỹ thuật mới nhằm tiêu diệt hoặc làm tê liệt đối phương đang được phát triển, bao gồm cả vũ khí tâm thần,* điện tử và laser.

Những hậu quả thảm khốc của cuộc chạy đua vũ trang, một phần của Chiến tranh Lạnh, được rất nhiều người biết đến. Cuộc chạy đua vũ trang đó không chỉ khiến mọi người bị đè nén dưới tình trạng sợ hãi lẫn nhau và căng thẳng khủng khiếp; nó còn làm cạn kiệt tiềm năng kinh tế của các quốc gia tham dự. Nó có những hậu quả cực kỳ tiêu cực về chính trị cũng như tâm lý, trong khi tăng cường vị thế của những nhân vật quân sự có đầu

ốc nhất trong xã hội, vốn nổi tiếng thô bạo và bất khoan dung.

Một yếu tố thứ ba đã trở nên rõ ràng trong những năm gần đây - sự hồi sinh đáng chú ý của nền chính trị quyền lực truyền thống, một ưu tiên cho các phương pháp quân sự trong việc giải quyết vấn đề. Các ví dụ nổi bật nhất trong những năm gần đây (dù chúng không phải là duy nhất) là ở Nam Tư và cuộc khủng hoảng vùng Vịnh Ba Tư lần thứ hai. Trong cả hai trường hợp, hành vi chính trị của các bên xung đột và của một số quốc gia khác đã cho thấy, họ coi việc sử dụng vũ khí là cách duy nhất để giải quyết mọi vấn đề. Những sự kiện này tạo thành một cảnh báo nghiêm trọng.

Cùng với việc tiếp tục rơi vào nền chính trị quyền lực của quá khứ, điều đặc biệt nguy hiểm trong điều kiện mới ngày nay, bắt đầu tồn tại những hiện tượng khác mà có thể được coi là những chồi non của sự đổi mới thế giới trong tương lai. Ví dụ, dư luận thế giới đã được kích hoạt ở một mức độ nào đó để khiến các giá trị nhân văn phổ quát và các nguyên tắc đạo đức ngấm vào các vấn đề thế giới và việc giải quyết các vấn đề lớn. Một ví dụ khác là hội nghị các nhà lãnh đạo chính phủ về môi trường và phát triển được tổ chức tại Brazil năm 1992, cùng các hội nghị tiếp theo về nhân khẩu học và quyền của phụ nữ. Có thể thấy một ví dụ khác nữa trong các hành động mà Liên Hợp Quốc đã thực hiện kể từ khi kết thúc Chiến tranh Lạnh, trong đó lần đầu tiên tổ chức này đóng vai trò của người kiến tạo hòa bình và người bảo vệ hòa bình, vai trò vốn dành cho nó từ ban đầu. Có thể thấy một dấu hiệu khác đóng vai trò ngày càng tăng trong quan hệ quốc tế với tư cách một yếu tố mới trong chính trị - các tổ chức phi chính phủ lớn, hình thức phổ biến của sự phản ánh ý kiến dư luận trên thế giới.

Những hiện tượng mới này có ảnh hưởng mờ nhạt trong các vấn đề

thế giới, nhưng dù sao chúng vẫn khá quan trọng. Từ những gì đã nói ở trên, liệu chúng ta có thể khẳng định rằng xu hướng loại bỏ sự đối đầu đến nay đã đủ mạnh để không thể đảo ngược? Thật không may, chúng ta chỉ có thể trả lời rằng các yếu tố đối đầu vẫn còn đan xen rất nhiều trong cấu trúc chính trị thế giới. Quan điểm này có những căn cứ đặc biệt thuyết phục, bởi thực tế là cách tiếp cận đối đầu vẫn trung thành với các truyền thống chính trị có gốc rễ lịch sử sâu xa, những truyền thống dựa trên khái niệm về một sự cân bằng quyền lực thế giới, khát vọng khẳng định quyền bá chủ, thiết lập các phạm vi ảnh hưởng, đồng nhất lợi ích riêng của mình với lợi ích chung của thế giới. Những xu hướng này vẫn tiếp tục tồn tại, dù chúng thường ở các dạng khác biệt.

Qua tất cả những đi đầu này, chúng ta thấy thế giới hôm nay ra sao? Có một nền “Hòa bình Lạnh” như người ta nói không? Hay đã có một sự trở lại với đối đầu, cứ cho là sự đối đầu đó không còn nguyên vẹn?

Theo quan điểm của tôi, những gì chúng ta thấy bây giờ là một giai đoạn độc nhất trong sự phát triển của thế giới, mà chỉ có thể được mô tả như là sự chuyển tiếp. Nó có các tính chất riêng đặc biệt và các đặc điểm khu biệt. Những gì có liên quan rõ ràng không chỉ là một thời kỳ chuyển tiếp, mà còn là một loại trật tự thế giới chuyển tiếp đặc biệt, có thể tồn tại trong một thời gian dài, được đặc trưng bởi sự bất ổn, xung đột, và sự chiếm ưu thế của các lực lượng tự phát không kiểm soát được trong các mối quan hệ thế giới.

Giai đoạn chuyển đổi này kéo dài bao lâu sẽ do sự tác động qua lại của nhiều yếu tố quyết định. Một yếu tố là sự lựa chọn của các nước phát triển hơn - dù họ sẽ ủng hộ hợp tác bình đẳng hay sự thống trị trong quan hệ quốc tế. Đi đầu này đến lượt mình sẽ ảnh hưởng đến giải pháp cho các vấn

đề liên quan tới việc loại bỏ khoảng cách về kinh tế xã hội và công nghệ giữa Bắc và Nam, giữa các nước giàu và các nước lạc hậu. Yếu tố khác sẽ là hướng đi do sự phát triển của một khu vực lớn trên thế giới đề ra. Đó là châu Âu, đặc biệt là không gian hậu Soviet; khu vực châu Á - Thái Bình Dương, đặc biệt là Trung Quốc; thế giới Arab và Trung Đông. Sự phát triển ở Hoa Kỳ và ở châu Mỹ nói chung sẽ có tầm quan trọng thiết yếu, đặc biệt là sự thành công hay thất bại của các tiến trình hội nhập Pan-America. Các quốc gia châu Phi cận Sahara đại diện cho yếu tố lớn nhất chưa ai biết đến trong sự cân bằng tổng thể.

Một yếu tố quan trọng nữa sẽ là cách giải quyết các vấn đề trên thế giới, trong đó vai trò của sức mạnh quân sự sẽ giảm xuống còn vai trò của quyền lực kinh tế sẽ tăng lên, cùng với khả năng cạnh tranh trên thị trường thế giới và sự thay đổi tương quan lực lượng trong cộng đồng thế giới.

Dĩ nhiên, rất nhiều điều phụ thuộc vào sự phát triển bên trong các quốc gia phương Tây nói chung.

Nhiều thứ sẽ phụ thuộc vào việc liệu cá nhân trong các quốc gia và cộng đồng quốc tế có thể hiện sự hiểu biết cần thiết về tầm quan trọng của các vấn đề toàn cầu hay không. Nó không chỉ làm sâu sắc thêm những vấn đề sẽ tạo ra các yếu tố căng thẳng gia tăng trong xã hội, mà còn có thể gây ra những xung đột mới giữa các quốc gia, chẳng hạn như cuộc chiến vì tài nguyên thiên nhiên, bắt đầu với dầu khí, kết thúc bằng nước và các vấn đề di cư không kiểm soát nổi.

Không có nghĩa là danh sách trên đã hết. Nó là một sự liệt kê thận trọng chưa đầy đủ về các trường hợp mà sẽ xác định khoảng thời gian chuyển tiếp của trật tự thế giới, và sự xuất hiện của một trật tự thế giới thực sự

mới và hòa bình. Nhưng dựa trên các kỳ vọng của chúng ta vào những gì mình biết hiện nay, chúng ta có thể giả định rằng khung thời gian này sẽ khá dài.

Điều không được phép quên là điều kiện tiên quyết cho những thay đổi tối cần thiết trong tương lai sẽ không chỉ được hình thành trong lĩnh vực chính trị và kinh tế thế giới. Vai trò quyết định tối hậu là ở các quá trình căn bản ảnh hưởng đến nền tảng t ần tại của cộng đ ồng người trên toàn thế giới.

CHƯƠNG 13

TƯ DUY MỚI TRONG THẾ GIỚI HẬU ĐỐI ĐẦU

Khi phác ra bảng cân đối chính trị về những năm đầu tiên của hậu đối đầu, chúng ta có thể đi đến những kết luận sau đây:

- Thế giới đã bước vào một giai đoạn mới trong sự phát triển của nó - một trật tự chuyển đổi sẽ dẫn nó đến một trạng thái mới của sự tồn tại mà những diễn biến vẫn chưa được xác định.
- Thế giới đã bước vào giai đoạn mới này, giống như trước, trong tình trạng chính trị phân mảnh, dù sự phân mảnh này ở trong một hình dạng mới, và trên thực tế bản chất của các quan hệ quốc tế nói chung đã thay đổi.
- Thế giới đang dần đi qua một vòng cung khủng hoảng - một số có ý thức về điều này, nhưng một số không biết về nó. Khả năng khủng hoảng tồn tại trong mọi lĩnh vực, mọi khu vực trên thế giới, và đang tích tụ. Những nhà khoa học trong Khoa Nghiên cứu về các vấn đề hòa bình và xung đột tại Đại học Uppsala ở Thụy Điển đã tính toán rằng trong năm năm qua, trên toàn cầu đã có 90 cuộc đối đầu với

cường độ khác nhau, và 47 cuộc trong số đó vẫn tiếp tục cho đến ngày nay.

- Tiềm năng xây dựng trong nền chính trị thế giới đã giảm đáng kể. Cả chính sách quốc tế lẫn chính sách của từng nước đều không có những nỗ lực chống lại sự phá rối tổ chức đang phát triển, mà thường có biểu hiện bất lực hoặc thờ ơ khi đối mặt với các quá trình hỗn loạn nguy hiểm. Việc hoạch định chính sách lệ bước theo sau các sự kiện mà nó vừa không thấy trước được, vừa không nỗ lực để ngăn chặn.

Một lần nữa, thế giới đang phải đối mặt với một sự lựa chọn nghiêm trọng, nếu không muốn nói là nguy cấp. Hoặc là sẽ cho phép các quá trình mà chúng ta đang thấy hiện nay được tiếp tục phát triển, hoặc sẽ cố gắng, thông qua nỗ lực tập thể của các chính phủ và người dân, tác động đến sự phát triển theo hướng thuận lợi cho mọi người. Cho đến nay chưa nước nào tìm ra cách để đi đến phương án thứ hai, có lợi hơn. Tình thế dường như không thể giải quyết nổi.

Những việc đó - cho dù vô vọng như viễn cảnh việc kiềm chế chạy đua vũ trang và kết thúc Chiến tranh Lạnh vào giữa những năm 1980 - cũng đã diễn ra! Nhận thức của cả hai bên tiếp tục đối đầu, diễn tả một mối nguy hiểm chết người dần bắt rễ và đóng một vai trò quan trọng trong sự hoàn thành này. Chấm dứt tình trạng đó là điều cần thiết, và cũng là một ý chí chính trị. Đóng vai trò quyết định trong việc này là tư duy mới và các chính sách của Liên Xô dựa trên tư duy đó. Có như thế, cả hai bên mới có thể vượt qua được bức tường dường như bất khả xâm phạm của những tư tưởng cũ và các chính sách tương thích với những tư tưởng đó: hận thù, bất khoan dung và từ chối lẫn nhau.

Về căn bản, các yếu tố tương tự đã tạo nên thành công trong quá khứ cũng cần thiết cho hôm nay: thứ nhất, một sự hiểu biết về các chính sách đang được theo đuổi là không có triển vọng trong việc giải quyết các vấn đề hôm nay; thứ hai, một ý chí chính trị để thay đổi phương hướng và định hướng của các chính sách này; và thứ ba, một khái niệm phản ánh chính xác nhu cầu của thế giới hôm nay và phù hợp với những thách thức của thời đại.

Hơn nữa, kinh nghiệm của vài năm qua về việc vượt qua Chiến tranh Lạnh vẫn chưa bị lãng quên hoàn toàn. Và chúng ta vẫn hưởng lợi từ những tài sản được tạo ra tại thời điểm đó, ví dụ các hiệp ước cắt giảm vũ khí hạt nhân và vũ khí thông thường, cùng một số thỏa thuận thiết lập những giới hạn cho các hành động có hại cho môi trường.

Vậy, chúng ta nên đối xử thế nào với tư duy mới, vốn là một khái niệm cơ sở để vượt qua Chiến tranh Lạnh, và vẫn giữ được ý nghĩa quan trọng của nó cho đến hôm nay? Có phải tư duy mới chỉ là một phần của lịch sử? Liệu nó có còn phản ánh nhu cầu và lợi ích của sự phát triển trên toàn thế giới? Hay đó chỉ là do một số người muốn đưa triết lý này vào quên lãng? Tôi tin rằng ý sau cùng là đúng, bởi đằng sau thái độ này là những lợi ích vị kỷ hẹp hòi, một mong muốn duy trì *status quo* (nguyên trạng) trong quan hệ quốc tế bằng mọi giá.

Điểm xuất phát cho tư duy mới là khái niệm về tính tổng thể của thế giới, sự kết nối và sự phụ thuộc lẫn nhau của nó. Liệu ý tưởng này đã thực sự lỗi thời? Ngược lại, chính sự phụ thuộc lẫn nhau trên thế giới làm cho nó ngày càng mạnh hơn qua mỗi năm. Dường như ngày nay ai cũng nói về toàn cầu hóa.

Và việc đề xuất rằng những quyên lợi phổ quát của con người phải được ưu tiên không còn thích hợp với hôm nay nữa hay sao? Một lần nữa, ngược lại mới đúng. Hôm nay, khi các nhà nghiên cứu, các diễn đàn quốc tế đang chỉ ra và cảnh báo về mối nguy hiểm hiện đe dọa sự sống còn của loài người, thì đề xuất này còn vững chắc hơn bao giờ hết. Chính xác là hôm nay, những nỗ lực chung nhằm bảo vệ con người phải trở thành xương sống của nền chính trị thế giới.

Tư duy mới khẳng định nguyên tắc tự do lựa chọn và thừa nhận đa nguyên về lợi ích giữa các quốc gia khác nhau và quyên của mỗi nước trong việc bảo vệ lợi ích của mình; đồng thời nó đòi hỏi nền chính trị phải cân bằng lợi ích của tất cả các nước như là cơ sở để đề ra những quyết định mà các bên đều chấp nhận được. Điều này cũng phản ánh một sự hiểu biết thực tế về thế giới ngày càng đa dạng hôm nay.

Tư duy mới đã từ chối bạo lực như một công cụ của nền chính trị thế giới. Có thể nào những sự kiện gần đây đã bác bỏ tính đúng đắn của yêu cầu này? Tất nhiên là không. Tuy nhiên, có một điều gì khác làm chúng ta băn khoăn: Một quá trình đang được tiến hành, trong đó mọi người đang dần quen với việc sử dụng bạo lực kể cả trong việc giải quyết các vấn đề nội bộ. Đây không phải là lúc để đặt ra những giới hạn cho điều đó sao?

Cuối cùng, tư duy mới kêu gọi sử dụng các phương pháp chính trị để giải quyết vấn đề, được định hướng tới sự kiên nhẫn và lòng khoan dung. Cách tiếp cận này hiển nhiên là đúng đắn, vì đang thiếu sự đối thoại, thiếu sự cố gắng để tìm ra những giải pháp chính trị, nên thường dẫn đến đổ máu.

Niềm tin sâu sắc của tôi là các nguyên tắc của tư duy mới không trở

nên lỗi thời, mà thực sự vẫn phù hợp với hôm nay. Hơn nữa, vì sự đổi đầu đã bị vượt qua nhờ những nguyên tắc này (dù chúng không được phương Tây sử dụng nhất quán), nghĩa là xu hướng lạc hậu hiện nay đã xuất hiện trên diện rộng, bởi những nguyên tắc này đã bị lãng quên. Chúng đã trở thành nạn nhân của những mưu đồ và hành động vị kỷ, tư lợi.

Vì vậy, một trong những điều kiện tiên quyết quan trọng nhất để cải thiện những vấn đề thế giới và vượt qua trật tự chuyển đổi phức tạp hiện nay, là sự trở lại với các nguyên tắc của tư duy mới và tìm ra cách giải quyết các vấn đề chính trị thế giới phù hợp với các nguyên tắc đó. Đây không phải để nói rằng chúng ta nên đơn giản là lặp lại các phương pháp của quá khứ, kể cả quá khứ gần đây, và kể cả những nguyên tắc đã thành công. Không, thế giới đang phát triển và tiến hóa, tư duy mới cũng phải tiến hóa.

Những nỗ lực của nhóm chúng tôi tại Quỹ Gorbachev từ khi được thành lập ngày 3/3/1992, đã tập trung chính xác vào việc phân tích tiến trình phát triển đang diễn ra trong các hoạt động trên thế giới nhằm làm phong phú thêm tư duy mới.

Đương nhiên, tiến trình phát triển toàn thế giới đã buộc chúng tôi phải chú ý đáng kể đến những thay đổi xảy ra trong lĩnh vực địa chính trị. Những thay đổi này thực sự có ý nghĩa: thay cho cấu trúc lưỡng cực trên thế giới, một cấu trúc đa cực đa nguyên mới đã nổi lên với những thay đổi nền tảng trong cân bằng lực lượng giữa các quốc gia-dân tộc và các nhóm quốc gia. Điều đó dẫn tới sức mạnh và ảnh hưởng tương đối của một số quốc gia nhất định trong nền chính trị thế giới cũng đã trải qua sự thay đổi. Các yếu tố kinh tế, khoa học và kỹ thuật ngày càng trở nên quan trọng. Không phải ngẫu nhiên mà hôm nay, ngày càng có nhiều cuộc thảo luận về

vai trò gia tăng của các vấn đề địa kinh tế và địa chính trị.

Khi đi sâu phân tích, có thể thấy rõ ràng là chúng ta không thể tự giới hạn trong các vấn đề địa chính trị và địa kinh tế. Dù những vấn đề đó phải được nghiên cứu, nhưng chỉ riêng việc đó sẽ không cho phép chúng tôi thâm nhập vào các nguyên nhân chính của những vấn đề và khó khăn đang tồn tại, hoặc tìm ra các cách giải quyết và vượt qua chúng.

Sự phát triển của toàn bộ cơ cấu thế giới có một cấu trúc phức tạp, mà tối thiểu là gấp đôi. Đặc tính “hai tầng” này ở một mức độ nhất định không tách rời lịch sử thế giới. Nhưng trong những giai đoạn nhất định, nó trở nên đặc biệt rõ ràng và thường là nguyên nhân của những mâu thuẫn gay gắt.

Thứ nhất, tầng trên (tầng bề mặt) bao gồm nhiều quan hệ giữa các quốc gia-dân tộc và các dân tộc. Ở đây, vai trò quyết định thuộc về các yếu tố - như chính trị, các chính khách, các lực lượng chính trị hoạt động theo những định hướng khác nhau - và lợi ích của các chính phủ, người dân, các cộng đồng xã hội và dân tộc đan xen nhau. Đặc điểm của các quá trình trong phạm vi này là tính di động, dễ thay đổi, và sự phối hợp luân phiên thường xuyên.

Thứ hai, tầng sâu hơn, bao gồm những luân chuyển nội tại, khách quan trong bản chất cơ sở của nền văn minh, bắt đầu bằng việc đổi mới liên tục các phương tiện và phương pháp tiến bộ kinh tế, và kết thúc bằng sự tiến hóa liên tục không ngừng trong cách sống của hàng triệu người trên thế giới. Điều quan trọng là những thay đổi này xác định động lực và phương hướng phát triển thế giới.

Lấy phát triển kinh tế làm ví dụ. Trong thế kỷ XX, các nước phát triển

đã trải qua sản xuất công nghiệp cổ điển, với đặc điểm lao động thủ công là phổ biến, tiến đến sản xuất dây chuyền. Sản xuất tự động xuất hiện sau đó, theo sau là đi đầu khiên học và hệ thống thông tin. Một xã hội mới đã bắt đầu hình thành từ xã hội công nghiệp. Nó thường được định nghĩa là xã hội hậu công nghiệp, hoặc xã hội thông tin (dù cả hai thuật ngữ này đều không chính xác).

Tất nhiên, các quá trình này đều được kết nối với các quá trình phát triển trong tầng trên, nhưng liên kết này là một loại đặc biệt. Tiến bộ khoa học và kỹ thuật, ở một mức độ đáng kể, bị thúc đẩy bởi các yêu cầu của chính trị, bởi “cuộc đấu tranh của mỗi người chống lại tất cả”. Trong thế kỷ XX, một quy luật lịch sử đáng tôn trọng đã được xác nhận đầy đủ: Chiến tranh là người tiêu dùng đáng tin cậy nhất và hiệu quả nhất thúc đẩy tiến bộ trong kinh tế và công nghiệp.

Nếu các tiến trình bề mặt, chủ yếu là các tiến trình chính trị, đã ảnh hưởng đến các tiến trình sâu sắc hơn về kinh tế và những thay đổi mang tính cách mạng trong lĩnh vực sản xuất, thì các tiến trình sâu sắc hơn lại có rất ít ảnh hưởng thực tế đến các tiến trình bề mặt. Các tiến trình sâu sắc hơn đã thực sự tăng cường những nỗ lực khác nhau để phân chia thế giới trên cơ sở vũ lực; những người nắm bắt bí mật công nghệ sớm và hiệu quả hơn cho mục đích quân sự có thể khai thác những khả năng này trong các cuộc xung đột quân sự hoặc các cuộc chiến tranh thương mại không có đổ máu.

Tiến bộ khoa học và công nghệ đã làm thay đổi không chỉ nền kinh tế mà còn cả cấu trúc xã hội của thế giới và các mô hình tiêu thụ của nó, cũng như lối sống và tư duy của hàng triệu người. Dĩ nhiên, những thay đổi này không phải lúc nào cũng phù hợp với nhu cầu thực sự của sự phát triển

bình thường. Ở đây, một lần nữa, ảnh hưởng của tầng bề mặt, với văn hóa chính trị đối đầu của nó và bản chất ích kỷ của xã hội theo chủ nghĩa cá nhân, đã có hiệu quả.

Cuối cùng, các tiến trình sâu sắc hơn trong khoa học và công nghệ, chủ yếu là cuộc cách mạng máy tính và thông tin, có ý nghĩa quan trọng trong việc đẩy nhanh xu hướng thuộc về bản chất nền văn minh của chúng ta - xu hướng quốc tế hóa và tiếp theo là toàn cầu hóa của sự phát triển thế giới.

Chúng ta chỉ đề cập một số xu hướng hiện đại, nhưng chúng đủ cho chúng ta nói rằng những thay đổi khách quan này trong nền văn minh của chúng ta rõ ràng cần được xem xét đầy đủ trên phương diện chính trị. Tuy nhiên, theo lệ thường, đi đầu này đã không xảy ra.

Trong quá khứ, khi tốc độ của những thay đổi như vậy vẫn còn khá chậm và chỉ có hiệu ứng địa phương, sự mâu thuẫn giữa hai tầng của tồn tại thế giới đã không gây hậu quả thảm khốc. Việc hoạch định chính sách tụt lại phía sau, nhưng có thể nói rằng nó đã có khả năng biến mất, dù các hậu quả sau đó thậm chí là khá tiêu cực. Tuy nhiên, trong vài thập niên qua, khi những tiến trình làm cơ sở cho nền văn minh của chúng ta nhanh chóng tăng tốc và mang một đặc trưng thực sự toàn cầu và sâu sắc chưa từng thấy, tình hình đã thay đổi. Chúng ta cần khẩn trương xác định các thông số mới về phát triển kinh tế, xã hội, chính trị và tinh thần trong xã hội, xây dựng chính sách cho việc giải quyết những thách thức mới trước mắt chúng ta. Tuy nhiên, lại một lần nữa, đi đầu này đã không xảy ra.

Nói tóm lại, một khoảng cách cực kỳ nguy hiểm đang tồn tại giữa nền chính trị và sự phát triển của các tiến trình khách quan. Theo thời gian,

khoảng cách này đã phát triển thành một sự đối kháng có khả năng bùng nổ trên thế giới.

Sự kết thúc đối đầu trong Chiến tranh Lạnh thể hiện sự căng thẳng trong mâu thuẫn mà tôi mô tả ở trên đã giảm phần nào, và ngăn chặn một cuộc chiến tranh hạt nhân. Tuy nhiên, như tôi đã nói, trong thời gian gần đây chúng ta đã đi giạt lùi, không phải là hướng đến chiến tranh hạt nhân, mà có thể là hướng tới sự gia tăng căng thẳng mới. Hơn nữa, sự kết thúc đối đầu trong Chiến tranh Lạnh đã bình thường hóa tình hình chỉ ở tầng trên, hay tầng bề mặt của sự phát triển thế giới; nó không chạm tới tầng thứ hai sâu hơn, và đã không cho thấy một giải pháp để giải quyết mâu thuẫn giữa hai tầng.

Song, việc gia tăng mâu thuẫn giữa hai cấp độ, việc thiếu khả năng chính trị để xem xét những thay đổi sâu sắc hơn trong chính những nền tảng tồn tại, khiến chúng ta mô tả tình huống như một cuộc khủng hoảng của nền văn minh đương đại. Nguồn lực của chúng ta rõ ràng là đang sắp hết, và các hình thức phát triển thông thường đang cạn kiệt.

Người ta đang cảm thấy một cuộc khủng hoảng trong mô hình phát triển công nghệ do con người tạo ra. Điều này là khá rõ ràng. Nền văn minh công nghệ hiện đại đã đặt những khả năng to lớn vào tay con người, nhưng đồng thời nó cũng tạo ra nhiều hậu quả thảm khốc, một sự không hòa hợp trong quan hệ giữa con người và phần còn lại của tự nhiên.

Một cuộc khủng hoảng trong các hình thức của đời sống xã hội đang diễn ra khắp nơi trên thế giới. Đặc điểm của hoạt động chính trị, kể cả trong các hệ thống dân chủ, có vẻ như ngày càng ít dân chủ hơn. Mâu thuẫn giữa cá nhân và xã hội, giữa chính quyền và cá nhân, vẫn chưa được giải

quyết mà đang tích tụ lại. Đáng chú ý là ngay cả trong các mối quan hệ cá nhân sự căng thẳng cũng gia tăng.

Chúng ta thấy rằng các mối quan hệ thế giới đang gặp khủng hoảng trầm trọng, vì chúng không đáp ứng được các yêu cầu của một thế giới phụ thuộc lẫn nhau hôm nay. Văn hóa chính trị được thừa hưởng từ quá khứ không cho phép cộng đồng quốc tế tập trung đầy đủ vào việc vượt qua các mối đe dọa toàn cầu.

Nền kinh tế thế giới đang bị rung chuyển bởi những cuộc nổi dậy tự phát và khủng hoảng bất ngờ, chúng đe dọa người dân trên toàn thế giới. Theo một ý kiến thường được bày tỏ ở các hội nghị quốc tế, những cố gắng đang được thực hiện để sử dụng nền kinh tế toàn cầu nói chung và nền tài chính nói riêng trong việc làm bất ổn nền kinh tế của quốc gia này hay quốc gia khác. Có dấu hiệu cho thấy các trung tâm quyền lực kinh tế đang phối hợp hành động nhằm đẩy Nga ra bên lề nền kinh tế thế giới và cản trở quá trình hiện đại hóa của Trung Quốc.

Một triệu chứng cực kỳ thiếu lành mạnh trong thời đại chúng ta là sự suy thoái đạo đức cá nhân và xã hội đã tăng lên đến mức bi thảm ở một số nơi. Các giá trị tinh thần căn bản đang mất đi. Chủ nghĩa khủng bố, sự lan rộng của tội phạm có tổ chức, và đặc biệt là việc buôn bán bất hợp pháp chất ma túy - những nguy hiểm tạo ra mảnh đất nuôi dưỡng việc hình sự hóa chính trị.

Cuối cùng, đang có một cuộc khủng hoảng về ý thức hệ. Các ý thức hệ thống trị được chứng minh là không có khả năng giải thích những gì đang xảy ra, hoặc đề xuất bất kỳ một giải pháp hợp lý nào để thoát khỏi tình hình hiện tại.

Nói tóm lại, chúng ta đang nói về cuộc khủng hoảng toàn cầu trong mọi lĩnh vực.

Nghiên cứu được chúng tôi tiến hành tại Quỹ Gorbachev đã dẫn chúng tôi đến kết luận rằng không thể tìm ra cách thoát khỏi giai đoạn chuyển đổi hiện tại bằng cách cố gắng giải quyết chỉ những vấn đề chính trị hiện thời đang diễn ra - dù có thể chúng rất quan trọng. Cần phải tiến lên phía trước, kiên quyết hướng tới việc tìm ra giải pháp cho những thách thức mới trên cấp độ toàn cầu của nền văn minh nói chung. Nói cách khác, cần tìm ra con đường dẫn đến một nền văn minh mới.

Thật khó đoán được nền văn minh mới này sẽ ra sao. Tuy nhiên, không thể phủ nhận là nó phải đảm bảo một sự cùng tồn tại hài hòa, hoặc ít nhất không có xung đột, giữa loài người và phần còn lại của tự nhiên; nó cần đảm bảo sự cùng phát triển hòa bình, dân chủ của tất cả các quốc gia và dân tộc; nó phải tốt hơn và nhân đạo hơn trong mối quan hệ với các cá nhân, bảo vệ các quyền của họ và đảm bảo sự phát triển toàn diện của mỗi cá nhân.

Chúng ta hiểu rằng việc xây dựng một nền văn minh như vậy là nhiệm vụ lâu dài (dù trong phạm vi lịch sử, một nhiệm vụ như vậy không thể bị hoãn lại). Không có mấy người trên thế giới sẵn sàng cho những thay đổi sâu sắc, căn bản được yêu cầu cho việc tạo ra nền văn minh này. Vậy thì nên làm gì?

Chúng ta không nên ra sức thực hiện những thay đổi tức thì và toàn diện; mà đúng hơn là chúng ta nên tiến tới sự thay đổi từng bước, tìm ra những giải pháp cấp bách ở nơi chúng hoàn toàn cần thiết và những giải pháp cục bộ ở nơi không thể làm được gì thêm nữa. Các giải pháp sẽ dần

mở rộng phạm vi thỏa thuận và một loạt khả năng cho các biện pháp sau này, đáng kể hơn.

Tuy nhiên, tuyệt đối không thể chấp nhận được các biện pháp giới thiệu một sự thay đổi ngay lập tức và có tính cách mạng trong phạm vi này hay khác của các mối quan hệ quốc tế hoặc những hoàn cảnh trong nước. Trong thế giới mong manh hôm nay, sự thay đổi đột ngột là vô cùng đau đớn và có tính tự hủy hoại. Tiến hóa, cải cách và thay đổi từ đầu đến cuối một cách cẩn thận - đó là những con đường tối ưu.

Theo quan điểm của chúng tôi, tư duy mới có thể đảm bảo sự chuyển động dần dần nhưng chắc chắn, không xâm phạm quyền lợi của bất cứ ai, mà tôn trọng quyền tự do lựa chọn và duy trì những đặc điểm độc đáo của văn hóa dân tộc và vùng miền.

Như tôi đã nêu ở trên, ngày nay cần có những kết luận và cách thức mới để đưa ra vấn đề Trên hết, quan trọng là phải tập trung vào các thách thức của thiên niên kỷ mới. Đây là các thách thức với chính cuộc sống, với chính sự tồn tại không chỉ của nhân loại, mà còn của mọi sinh vật trên trái đất. Đó là những thách thức của (1) toàn cầu hóa, (2) tính đa dạng, (3) các vấn đề toàn cầu, (4) nền chính trị quyền lực, (5) nền dân chủ, và (6) các giá trị nhân văn phổ quát. Chúng tôi sẽ giải quyết sáu thách thức này trong sáu chương dưới đây.

Đây là những thách thức nổi tiếng mà tất cả chúng ta đều đã quen thảo luận. Nhưng sự quen thuộc làm suy yếu tri giác và suy giảm nhận thức của chúng ta về mối nguy hiểm. Nó làm giảm năng lượng của chúng ta cho suy nghĩ và hành động nhằm giải quyết những thách thức này. Đây là một vấn đề đặc biệt, vì một số nhà lãnh đạo chính trị và nhà khoa học đã tự trấn an

khi cho rằng những thách thức này đã được phóng đại, và dù sao đi nữa, chúng có thể tự giải quyết được. Họ lập luận, xét đến cùng, không phải mọi dự đoán đều thành sự thật.

Nhưng chúng ta hãy đặt ra một câu hỏi đơn giản nhưng nghiêm túc: liệu chúng ta có thể thực sự bỏ qua được những thách thức này? Câu trả lời là rất rõ ràng, ít nhất với bất cứ ai suy nghĩ nghiêm túc về triển vọng của tương lai. Không, không thể tránh được những thách thức này, hoặc tránh được việc tìm cách đối phó hiệu quả với chúng. Chúng ta không có quyền làm việc đó. Tránh những thách thức này có nghĩa là ký một bản án tử hình cho các thế hệ tương lai.

Tôi tin rằng nhân loại có khả năng đối phó với những thách thức này.

CHƯƠNG 14

THÁCH THỨC CỦA TOÀN CẦU HÓA

Tiến trình mà qua đó thế giới trở thành một tổng thể ngày càng tích hợp nhiều mặt có gốc rễ từ thế kỷ XV, theo các học giả Nga và một số nước khác. Xu thế hướng tới hội nhập đã được biểu hiện dưới nhiều dạng khác nhau, từ việc xây dựng đế chế, chinh phục thuộc địa và đi đầu khiến những công ty thương mại xuyên lục địa, tới sự xuất hiện của các hệ thống giao thông trên toàn thế giới, sự nổi lên của các tập đoàn đa quốc gia, và sự phát triển của các hệ thống truyền thông toàn thế giới.

Ngay từ những năm 1970 và 1980, một số học giả đã sử dụng thuật ngữ *mondialization* (từ thuật ngữ tiếng Pháp *mondiale*, có nghĩa là “toàn thế giới”) khi đề cập sự quốc tế hóa các quá trình sản xuất và trao đổi. Luồng vốn chảy mạnh từ nước này sang nước khác cũng đã được lưu ý, cùng với sự gia tăng thương mại đã vượt quá tốc độ tăng trưởng trong sản xuất công nghiệp.

Ngày nay, khái niệm toàn cầu hóa thường được sử dụng để mô tả các quá trình trên thế giới. Nó phản ánh thực tế là các quá trình quốc tế hóa về căn bản bao gồm tất cả các lĩnh vực tồn tại của cộng đồng người trên toàn

thế giới, cũng như sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia và dân tộc khác biệt đã mang một đặc tính khác về chất và trở thành một yếu tố thực sự vĩ đại.

Trên nhiều khía cạnh, quá trình toàn cầu hóa là mâu thuẫn nội bộ. Một mặt, nó mở ra cho toàn thế giới và cho mỗi quốc gia những cơ hội mới chưa từng thấy, thúc đẩy sự phát triển, sự liên kết với các loại hình và phương pháp sản xuất tiên tiến nhất, tham gia trao đổi các giá trị văn hóa và trí tuệ. Mặt khác, trên một phạm vi rộng hơn nhiều so với trước đây - nó mang lại cho các quốc gia và các nhà tư bản độc quyền, vốn mạnh hơn về kinh tế kỹ thuật và chính trị, khả năng bóc lột các quốc gia và cộng đồng dân cư khác, bòn rút những lợi ích khổng lồ từ sự phát triển không đồng đều của những vùng khác nhau trên thế giới.

Xét về tiềm năng cả tích cực lẫn tiêu cực của các quá trình này, toàn cầu hóa đặt ra một thách thức: nó đòi hỏi một chất lượng mới trong hoạt động của con người để thích ứng với điều kiện mới. Vì vậy, nó đòi hỏi một chất lượng mới của chính trị theo nghĩa rộng nhất của từ này.

Toàn cầu hóa đã tiếp nhận một động lực mạnh hơn nữa, đó là kết quả của những thay đổi đã xảy ra kể từ khi Chiến tranh Lạnh kết thúc. Trước tình trạng những thay đổi đó, thị trường thế giới thực sự trở thành hiện tượng trên toàn thế giới sau khi hàng chục quốc gia bắt đầu thực hiện chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường và nền dân chủ đa nguyên. Lần đầu tiên trong nhiều thập niên, một lĩnh vực toàn cầu về sự hợp tác toàn thế giới đã nổi lên với mọi lợi thế và khiếm khuyết của nó. Đây là một bước quan trọng hướng tới sự phụ thuộc lẫn nhau và sự kết nối giữa các quốc gia và dân tộc trên thế giới.

Một thay đổi khác về chất đã trở nên đặc biệt đáng chú ý trong những năm gần đây là sự mở rộng nhanh chóng của cuộc cách mạng thông tin, mà các hiệu ứng của nó được cảm nhận trong toàn bộ nền kinh tế thế giới, trên hết là trong các hệ thống tài chính và ngân hàng. Nền kinh tế thế giới đã trở nên năng động hơn; các mối liên kết (cũng như cạnh tranh) giữa các nền kinh tế quốc gia đã gia tăng đáng kể. Các tập đoàn xuyên quốc gia đã có được một mức độ độc lập ngày càng tăng đối với nền kinh tế quốc dân, hoạt động trên quy mô thế giới mà không quan tâm đến lợi ích của những nền kinh tế này.

Đặc biệt, những thay đổi nổi bật đã diễn ra trong lĩnh vực tài chính. Ghi nhận tại một phiên họp của Hội đồng Tương tác vào tháng 5/1995, cho thấy một sự gia tăng kịch tính đã xảy ra trong sự lưu chuyển vốn dựa trên những hệ thống thông tin và truyền thông. Sự luân chuyển vốn đã tách khỏi sự luân chuyển hàng hóa và dịch vụ. Tiến trình sự kiện này chứa đầy những nguy cơ nghiêm trọng. Ví dụ: sự hỗn loạn trên thị trường chứng khoán là kết quả của cuộc khủng hoảng ở châu Á năm 1997-1998.

Những phát triển mới trong lĩnh vực an ninh toàn cầu cũng là nguyên nhân của một mối quan ngại nghiêm trọng. Sự đe dọa toàn cầu về thảm họa hạt nhân đã trở nên xa hơn, dù nó chưa được loại bỏ hoàn toàn. Nhưng hôm nay, rõ ràng an ninh toàn cầu là rất mong manh.

Thế giới tràn ngập các xung đột đã lôi kéo vào quỹ đạo của chúng một số lượng đáng kể dân cư, và liên quan đến con số ngày càng tăng các quốc gia đang trong quá trình cố vượt qua những xung đột này. Tất tệ hơn, xung đột ảnh hưởng trực tiếp đến những lợi ích đa dạng nhất, từ quốc gia đến tôn giáo.

Có một sự mở rộng toàn cầu của khủng bố, buôn bán ma túy, tham nhũng và tội phạm có tổ chức liên quan đến các tổ chức kiểu mafia.

Các vấn đề môi trường đang tăng nhanh. Bắt đầu cảm nhận được sự thiếu thốn nguồn thực phẩm, nguồn năng lượng và nước sạch. Diện tích rừng và đất canh tác bị thu hẹp, các đại dương và bầu không khí của trái đất đang bị ô nhiễm. Tất cả những hiện tượng này xuất hiện hoặc trở nên gay gắt hơn trong các năm gần đây, bởi chúng là những biểu hiện đặc thù hoặc là những hậu quả của quá trình toàn cầu hóa ở tốc độ nhanh và sự phụ thuộc lẫn nhau trên thế giới tăng lên.

Trên cấp độ lý thuyết và chính trị, một vấn đề quan trọng là sự tương quan giữa lợi ích toàn cầu và lợi ích của các quốc gia dân tộc. Vấn đề này trước đây đã từng thu hút sự chú ý và trở thành chủ đề của những tranh cãi, đôi khi dẫn đến hiểu lầm. Nhưng giờ đây nó đã trở thành một vấn đề đặc biệt nguy cấp.

Phạm vi của các lợi ích phổ quát của con người tiếp tục mở rộng. Mọi hiện tượng mô tả ở trên tăng thêm sức nặng cho vấn đề lợi ích của nhân loại nói chung.

Có một vấn đề về lý thuyết và chính trị khác mà phải được xem như sự phát triển của tư duy mới: Một kiểu đảo chiều đã xảy ra trong cách mà các quá trình trong nước và quốc tế (và các chính sách) đang ảnh hưởng lẫn nhau.

Trong kỷ nguyên của đối đầu và thậm chí trong giai đoạn mà nó sắp kết thúc, các tiến trình quốc tế ngày càng ảnh hưởng tới những điều kiện trong nước ở các quốc gia khác nhau. Chiến tranh Lạnh đã buộc tất cả các nước phải đặt các hành động nội bộ trong sự phụ thuộc vào những yêu cầu của

nó, và còn can thiệp vào sự phát triển bình thường trong nước. Tuy nhiên, trong những năm gần đây đã có một sự thay đổi: những quyết định trong một quốc gia được đưa ra đều liên quan đến các vấn đề trong nước, kinh tế, sinh thái, v.v. ảnh hưởng hữu hình tới cuộc sống ở các nước khác. Chẳng hạn, hãy nhớ lại thời kỳ sau đổi đầu, đa phần các xung đột quân sự nổ ra ở biên giới của một quốc gia như thế nào, nhưng sau đó, dù không phải lúc nào cũng vậy, thường được quốc tế hóa. Gốc rễ của các xung đột này là những quyết định chính trị nội bộ không chính xác hoặc không thành công, nhất là những xung đột liên quan đến nhiều quốc gia.

Do đó, mỗi quốc gia hiện nay có một trách nhiệm lớn hơn với những hành động trong nước, hạn chế việc chúng ảnh hưởng đến cộng đồng quốc tế. Như vậy, mỗi chính phủ và lực lượng chính trị rất cần xem xét các nhu cầu của cộng đồng quốc tế, cả những vấn đề liên mối quan tâm của nó, khi đưa ra các quyết định nội bộ. Thật không may, trong hoạt động thực tiễn của chính phủ các nước, quan hệ kết nối được tăng cường giữa các vấn đề trong nước và nước ngoài không được tính đến ở một mức độ cần thiết. Nhưng nếu không được tính đến như thế, các quyết định chính trị có thể không chỉ là sai lầm, mà chúng còn có thể có hại. Chúng có thể vô tình gây thiệt hại cho những chính phủ đưa ra các quyết định đó.

Tất cả những điều này cùng nhau - những biểu hiện mới của toàn cầu hóa và hệ quả của nó - yêu cầu rằng, kiểu đối thoại quốc tế từng đóng vai trò không thể thay thế được trong Chiến tranh Lạnh, phải được nâng lên một cấp độ mới về chất. Phải hiểu rằng ở giai đoạn mới này, sẽ là không đủ nếu chỉ có các cường quốc tham gia vào một cuộc đối thoại để xác định xu hướng phát triển chung của nền chính trị thế giới. Thay vào đó, những nỗ lực, kinh nghiệm và năng lực trí tuệ của hầu hết các dân tộc trên thế giới

phải được kết hợp với nhau. Chúng ta nên nói về việc đặt cơ sở cho cơ chế thiết lập một kiểu đi đầu tiết hoặc quản lý các quá trình trên toàn thế giới.

Trong những giai đoạn phát triển xã hội trước đây, các xã hội và chính phủ các nước có những khuôn khổ chính trị và pháp lý riêng, những “luật chơi” riêng, được giới hạn bởi ranh giới quốc gia của mình. Nhưng trong một thế giới đang nhanh chóng trở nên toàn cầu hóa, các quy tắc đang trở nên lỗi thời. Các vấn đề chỉ đang được giải quyết, mà còn đang trở nên cấp bách hơn. Yêu cầu đối với nền chính trị ngày nay là phải làm phong phú nó với một quan điểm triết học thực sự về một thế giới vừa thống nhất vừa mâu thuẫn. Nếu nền chính trị không chấp nhận quan điểm này, nhiệm vụ quản lý hoặc đi đầu tiết các quá trình toàn cầu sẽ vẫn chưa được giải quyết.

Đi đầu ngày càng được công nhận rộng rãi là cần phải thiết lập một số luật chơi, nếu thế giới mới đang tạo ra hình thức quản lý và đi đầu hành nào đó đối với các quá trình có quy mô quốc tế. Một số nhóm đã có những nỗ lực chuẩn bị cho việc quản lý như vậy - ví dụ cái gọi là G-7^{*}. Hoa Kỳ, trong tuyên bố của các quan chức cấp cao nhất, đã nhiều lần lên tiếng về “quyền lãnh đạo của Mỹ đối với thế giới”. Tuy nhiên, kỳ vọng của riêng G-7 hoặc Hoa Kỳ là không đủ cơ sở. Thế giới hôm nay của các quốc gia tự do, độc lập, có chủ quyền không đồng nghĩa với việc sẵn sàng chấp nhận sự lãnh đạo chỉ từ một hướng. Đi đầu này ngày càng trở nên rõ ràng qua mỗi năm.

Ý tưởng lập ra một chính phủ thế giới đã xuất hiện nhiều lần và thường được thấy trong các trang của các ấn bản học thuật và chính trị. Nhưng nó không thể thực hiện được, ít nhất là lúc này. Các vấn đề khác ở

sâu khâu trung tâm của tư duy chính trị hiện nay bao gồm tự quyết, tự nhận diện và tự quản. Theo đó, vào đêm trước của thế kỷ XXI, ý tưởng quản lý các tiến trình trên thế giới chỉ có thể được hiểu như ý tưởng phối hợp những nỗ lực của chính phủ các nước và thống nhất những nỗ lực đó để giải quyết các vấn đề chung nhất định.

Tất nhiên, đây là một nhiệm vụ vô cùng phức tạp. Từ nhiều thế kỷ nay, mọi người đã quen với những hành động cô lập của các quốc gia khác nhau. Mỗi quốc gia đều quan tâm đến chính mình, và xem các quốc gia khác chỉ như những đồng minh tạm thời hoặc bạn đồng hành. Thường thì các quốc gia cố gắng giải quyết vấn đề của mình với sự trả giá của những nước khác. Trong điều kiện hiện nay, những cách tiếp cận như vậy chỉ có thể làm trầm trọng thêm những khó khăn cho mỗi nước. Bất cứ ai cố gắng chơi trò “tổng bằng không” đều sẽ thất bại. Nhưng để hiểu được điều này, và thậm chí còn quan trọng hơn là để đưa nó vào thực tế, cần có một cuộc cách mạng tâm lý thực sự.

Rõ ràng không thể đạt được mục tiêu quản lý toàn cầu ngay lập tức, trong một bước nhảy duy nhất. Ngay cả với một “bước nhảy vọt vĩ đại”, chúng ta cũng không thể kết hợp các nỗ lực của cộng đồng quốc tế với việc thiết lập một hình thức quản lý hoặc điều hành các tiến trình trên toàn thế giới. Vì vậy, cần phải tiếp cận mục tiêu này từng bước, cố gắng tăng cường vai trò của các tổ chức hiện tại và khuyến khích sự phối hợp những nỗ lực của các chính phủ khác nhau.

Trên hết, chúng tôi đang nghĩ đến Liên Hợp Quốc. Vào năm 1995, tổ chức này được 50 tuổi. Nửa thế kỷ qua đã chứng minh cả tiềm năng to lớn, và ở một mức độ nhất định, lẫn tính hạn chế của tổ chức này. Thực tế đã chỉ ra rằng Liên Hợp Quốc hoạt động hiệu quả nhất khi tất cả thành viên -

chắc chắn không chỉ là các thành viên thường trực của Hội đồng Bảo an - bày tỏ sự thống nhất về ý chí và dự định, tìm cách đạt được các mục tiêu cụ thể, thực tế. Đây chính xác là những gì mà chúng ta nên phấn đấu hôm nay.

Tuy nhiên, trong thời gian gần đây, Liên Hợp Quốc rõ ràng là có nguy cơ giảm sút vai trò. Các đề xuất đang được thực hiện để hạn chế phạm vi hoạt động của nó, và các nỗ lực lợi dụng nghị quyết Liên Hợp Quốc đã trở nên rõ ràng.

Trong một thời gian dài, xuất hiện nhu cầu phải xác định và tinh lọc lại một lần nữa các chức năng và vai trò của Liên Hợp Quốc. Nó phải trở thành một tổ chức quan tâm đầy đủ nhất tới những thách thức và nhu cầu thực sự của thế giới mới vừa ra đời.

Đã có nhiều kế hoạch cải cách Liên Hợp Quốc được đề xuất, nhưng không có kế hoạch nào đạt được sự đồng thuận cần thiết giữa các thành viên. Chương trình Nghị sự về Hòa bình và Phát triển do Tổng thư ký Liên Hợp Quốc vạch ra trong nửa đầu những năm 1990, dù khá hữu ích, nhưng phần lớn vẫn chỉ là trên giấy.

Tất nhiên, Liên Hợp Quốc cần một quan niệm chung về hành động, một chiến lược thống nhất về hợp tác toàn cầu. Có lẽ cũng đáng để cố gắng thực hiện các biện pháp cụ thể nhằm cải tiến Liên Hợp Quốc. Rõ ràng là ngày nay an ninh có nhiều khía cạnh phong phú - kinh tế, môi trường và xã hội - cần được tính đến, cả trong Hiến chương Liên Hợp Quốc lẫn trong cấu trúc và thành phần của các cơ quan tổ chức khác nhau thuộc Liên Hợp Quốc. Ví dụ, có yêu cầu về việc lập ra một Hội đồng Bảo an Kinh tế. Một cơ quan có thẩm quyền về giám sát môi trường và điều phối hoạt

động của chính phủ các nước trong lĩnh vực này rõ ràng là cần thiết. Ngoài ra còn có nhu cầu về một trung tâm phối hợp để chống khủng bố, tội phạm có tổ chức và buôn bán ma túy.

Quyền hạn và sức mạnh của Đại hội đồng Liên Hợp Quốc có lẽ cần được sửa đổi. Có lẽ một số loại quyết định hoặc nghị quyết của Đại hội đồng (liên quan đến sự sống hoặc cái chết có tính toàn cầu) phải trở thành sự ràng buộc đối với mọi thành viên.

Rõ ràng một nhiệm vụ quan trọng của Liên Hợp Quốc và các tổ chức của nó là cải tiến hệ thống pháp lý quốc tế hiện hành. Hệ thống này hiện đại diện cho một tập hợp không mã hóa các tiêu chuẩn pháp lý mâu thuẫn cục bộ với nhau, và có thể nói là hoàn toàn không bao trùm tất cả “không gian pháp lý” trong quan hệ quốc tế. Theo lệ thường, các vấn đề mới phát sinh trong những thập niên gần đây đã không được tính đến trong hệ thống pháp lý quốc tế này.

Nhu cầu cấp bách là một cách giải thích mới về nguyên tắc chủ quyền quốc gia. Tất nhiên, đây là một chủ đề rất nhạy cảm trong một thời đại chứng kiến sự tái sinh dữ dội của những cảm xúc dân tộc. Tuy nhiên, tất cả các quốc gia đã nhận ra ở những mức độ khác nhau rằng nguyên tắc của chủ quyền tuyệt đối không còn hữu ích trong một số lĩnh vực nhất định. Con số các thỏa thuận quốc tế giải quyết các loại vấn đề đa dạng nhất - từ việc cắt giảm vũ khí tới các biện pháp môi trường - và con số nhân đôi nhanh chóng của các hiệp định như vậy, là những bằng chứng sinh động về sự cần thiết phải định nghĩa lại về chủ quyền quốc gia. Hiện nay, nhiều quốc gia đã ủy thác quyền chủ quyền của họ cho cộng đồng quốc tế. Thực tiễn này dường như sẽ mở rộng, nên cần có một hình thức pháp lý thích hợp cho chúng.

Vẫn còn một vấn đề khác, không kém phần tế nhị, là các tiêu chí và chuẩn mực hiện tại của luật pháp quốc tế, theo thông lệ, được tăng cường bằng cách giám sát để xác định liệu các thành viên của cộng đồng quốc tế có tuân thủ các chuẩn mực này hay không. Toàn cầu hóa tạo ra những yêu cầu mới về một kiểu trách nhiệm quốc tế, nếu không muốn nói là kỷ luật. Những gì có thể được thực hiện trong khía cạnh này và bằng cách nào là một vấn đề khác đòi hỏi sự chú ý.

Chắc chắn sẽ có những gợi ý về một số lĩnh vực khác mà trong đó chức năng của Liên Hợp Quốc được cải thiện, nhưng nhu cầu chính của hôm nay là tái khẳng định và củng cố vai trò của Liên Hợp Quốc trên thế giới. Tất nhiên, không thành vấn đề khi những cải tiến về chức năng và cơ cấu của tổ chức này có thể được tiến hành, song cũng cần hiểu rằng, nếu không có sự quan tâm và thái độ tôn trọng của tất cả các quốc gia đối với công việc và các quyết định của Liên Hợp Quốc, thì nó không thể là một tổ chức hiệu quả. Điều này bao gồm các hành động kịp thời về tài chính, xứng đáng với vai trò của Liên Hợp Quốc. Có vẻ như Liên Hợp Quốc cần có một phiên họp đặc biệt về chủ đề này.

Ngoài Liên Hợp Quốc, hầu hết các châu lục đều có các tổ chức khu vực hoặc lục địa. Chúng có chức năng chính trị và thường là kinh tế. Sự xuất hiện của các tổ chức này chủ yếu thể hiện xu hướng toàn cầu hóa, phản ánh nhu cầu phối hợp quốc tế trong việc ra các quyết định ảnh hưởng đến hòa bình, an ninh và hợp tác trên quy mô khu vực.

Tính khu vực hóa của thế giới ở một số khía cạnh lại mâu thuẫn với tính toàn cầu hóa của nó, tạo ra sự nguy hiểm trong việc tăng cường cạnh tranh về kinh tế và chính trị giữa các tổ chức khu vực.

Xét mọi khía cạnh của vấn đề, có vẻ như cần phải thiết lập một sự hợp tác hiệu quả giữa các tổ chức khu vực và Liên Hợp Quốc, giữa Hội đồng Bảo an và các tổ chức khác của nó. Điều này sẽ cho phép tạo ra một loại hệ thống thống nhất của các cơ quan ra quyết định trên phạm vi thế giới và khu vực, đảm bảo sự phối hợp (chứ không phải sự ganh đua) giữa các tổ chức khu vực.

Sự cạnh tranh kinh tế giữa các tổ chức khu vực, giống như giữa các quốc gia, dĩ nhiên là không thể tránh khỏi. Tuy nhiên, nó có thể được giữ trong những giới hạn cần thiết, với sự giúp đỡ của các tổ chức kinh tế và tài chính quốc tế - ví dụ Tổ chức Thương mại Thế giới (với điều kiện là nó trở thành một công cụ để thiết lập sự bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau trong tất cả các lợi ích). Dường như rõ ràng rằng với thay đổi xảy ra trong các thị trường tài chính, đặc biệt với sự mở rộng trên toàn thế giới của nền kinh tế thị trường, đã đến lúc cải cách các tổ chức quốc tế tương ứng ra đời cách đây nửa thế kỷ tại Bretton Woods.

Cần lưu ý rằng các tổ chức khu vực về hòa bình, an ninh và hợp tác có thể trở nên hữu ích hơn - nhưng chỉ khi chúng có quyền lực và công cụ cần thiết để điều khiển các hoạt động của mình. Tầm quan trọng của các quyền lực cần thiết này được minh họa bằng tính không hiệu quả của Tổ chức An ninh và Hợp tác châu Âu (OSCE). Sự tồn tại của tổ chức này thể hiện rõ sự thiếu vắng các quyền hạn được xác định rõ ràng - đặc biệt là quyền ra các quyết định có tính ràng buộc mọi thành viên - cũng như sự yếu kém trong các cơ quan của nó - may ra chỉ là các cơ quan tư vấn đơn thuần, hoặc đóng vai trò quan sát viên - ngăn cản tổ chức này trở thành một công cụ cho an ninh và hợp tác.

Có thể cho rằng OSCE vẫn chưa vượt lên so với ban đầu, trong giai

đoạn hình thành. Tuy nhiên, thực tế là một số thành viên có nhiều ảnh hưởng của nó lại thích tổ chức này trở nên không hiệu quả vì nhiều lý do, trong đó có mong muốn tránh được “gánh nặng” trong việc thực hiện các quyết định của OSCE, hoặc để bảo tồn NATO bằng mọi giá như một công cụ chính cho an ninh châu Âu.

Điểm cuối cùng: Tìm kiếm câu trả lời cho thách thức của toàn cầu hóa trong thời đại chúng ta không chỉ là lãnh địa riêng của các chính khách chuyên nghiệp. Cụ thể, 10 năm qua đã chỉ ra rằng các lực lượng xã hội dân sự đóng một vai trò quan trọng trong lĩnh vực này. Sự tích cực của các nhà khoa học, bác sĩ, nhà văn, và đại diện của giới kinh doanh cũng có ý nghĩa rất căn bản trong việc vượt qua Chiến tranh Lạnh, chủ yếu bằng cách chỉ ra những nguy hiểm thực sự của cuộc xung đột Đông-Tây, và tạo lập một môi trường tinh thần cho các chính sách bình thường hóa quan hệ, hòa giải và rút khỏi đối đầu.

Ngày nay, các lực lượng xã hội dân sự có thể đóng một vai trò tương tự. Vì vậy, chúng ta nên nhắc lại một đề xuất được đưa ra trước đó: Chúng ta hãy thiết lập, dưới sự bảo trợ của Liên Hợp Quốc, một tổ chức trí tuệ đáng tin cậy mãi mãi trên khắp thế giới (hoặc “hội đồng thông thái”). Tổ chức này bao gồm những người không tham gia chính quyền, và không có bất kỳ ý thức hệ, định kiến hay thành kiến nào, có khả năng đánh giá khách quan những hiện tượng mới phát triển trên thế giới, chuyển những kết luận của họ thành những khuyến cáo thực tế. Kinh nghiệm và uy tín của những người đoạt giải Nobel có thể hữu ích trong tổ chức này.

Một hội đồng hay diễn đàn tương tự có thể được thành lập ở mỗi khu vực chính, có lẽ là ở mỗi châu lục. Dựa vào tiềm năng vô tận của thế giới khoa học và văn hóa, những tổ chức này có thể làm phong phú thêm tư

tưởng chính trị một cách căn bản, và khởi xướng các quyết định hoặc khuyến nghị có thể thực sự phục vụ các lợi ích nhân văn phổ quát, cũng như lợi ích khu vực và quốc gia.

CHƯƠNG 15

THÁCH THỨC CỦA SỰ ĐA DẠNG

Nhìn về lâu dài, toàn cầu hóa chỉ đơn giản là một quá trình mà trong đó một nền văn minh toàn cầu đang hình thành, mang lại kết quả (đánh giá theo kinh nghiệm cho đến nay) là sự phát triển toàn cầu của khoa học và công nghệ tiên tiến, tăng cường sự phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế và xã hội giữa mọi quốc gia.

Thật không may, quá trình này thường được xem như một kiểu tiêu chuẩn hóa cuộc sống trên toàn thế giới, như thể mọi người sẽ sống theo một cách đồng dạng, bành bạc. Có vẻ là với tôi việc tiêu chuẩn hóa như vậy sẽ không xảy ra, và các quốc gia khác nhau sẽ không bị đun sôi trong một cái nồi nấu chảy* duy nhất. Các phẩm chất đặc trưng của mỗi quốc gia và dân tộc cũng sẽ không bị hủy hoại. Không có tinh thần gốc đồng dạng nảy sinh để thay thế vị trí của các loại tâm lý, cách suy nghĩ, nội tâm, cũng như đặc trưng của các quốc gia và dân tộc khác nhau đã được hình thành trong lịch sử. Đây là lời của một trong những sử gia và tư tưởng gia Nga lỗi lạc nhất, Mikhail Gelfand:

Tôi tin rằng thế giới thế kỷ XX sẽ đi tiếp như là một di sản gửi đến thế kỷ XXI,

sẽ không phải là thế giới của một nhân loại duy nhất mà nhiều thế kỷ trước phải phân đấu bằng cách này hay khác mới tạo ra được. Nó sẽ là một thế giới của nhiều thế giới, sống cạnh nhau và tương tác, với một mối quan tâm chung đến việc giữ gìn những khác biệt trong cuộc sống. Những khác biệt sẽ trở thành ý nghĩa và mục đích trong hoạt động của con người, một nhân tố quyết định sự sống còn của loài người... Điều này là mới. Điều này chưa được kiểm tra. Nhưng thực sự không thể có cách nào khác.

Quá trình biến chứng, theo đó sự thống nhất trên thế giới đang diễn ra đồng thời với sự đa dạng tăng lên, là một trong những chủ đề nghiên cứu phức tạp nhất nhưng thực sự cấp bách, liên quan đến sự phát triển toàn cầu. Chúng ta không thể không chỉ ra rằng, song song với việc mở rộng toàn cầu hóa, số lượng các quốc gia độc lập đang nhân lên trước mắt chúng ta. Và một số lượng tăng nhanh chưa từng thấy các quốc gia và dân tộc đang thể hiện mong muốn độc lập, bao gồm cả việc hình thành các quốc gia mới - như thế muốn nói: Dù nhỏ và yếu, nhưng đó là đất nước của riêng chúng tôi.

Thông thường, xu thế đối lập này được giải thích bằng sự dân chủ hóa cuộc sống trong cộng đồng quốc tế, sự giải phóng các quốc gia, khởi thủy là khỏi gông cùm của chủ nghĩa thực dân, sau đó là khỏi xiềng xích của sự phụ thuộc nhục nhã vào các nước khác, và cuối cùng là khỏi gánh nặng áp bức của đói đầu và lòng trung thành chung chung với Chiến tranh Lạnh vốn đã kìm chặt những khát vọng quốc gia. Các dân tộc trên thế giới đang tìm kiếm sự tự nhận diện và độc lập.

Khi thời gian trôi qua, liệu tiến trình này có kết thúc không? Đại hội thế giới của những nhà địa lý đã dự đoán vào năm 1992 rằng số lượng các quốc gia độc lập mới sẽ tiếp tục tăng trong tương lai. Nghiên cứu độc lập

về hiện tượng đó là nằm ngoài phạm vi của công việc này, nhưng rõ ràng rằng việc tăng theo cấp số nhân các quốc gia độc lập là một kết quả tất yếu của quá trình toàn cầu hóa. Điều này là do toàn cầu hóa đã dẫn đến sự đồng hóa, phối hợp và phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia và dân tộc, buộc mỗi thực thể trong quá trình này phải bảo vệ các đặc tính văn hóa của riêng mình, các giá trị và lối sống của riêng mình. Do đó, quá trình phụ thuộc lẫn nhau làm tăng cả lực hút và đẩy nhau. Cũng giống như có sự liên kết lẫn nhau, thì cũng có việc cùng nhau vẽ nên những đường phân định ranh giới.

Phong trào của cộng đồng nhân loại hướng tới sự phụ thuộc lẫn nhau đòi hỏi mỗi người tham gia phải sửa đổi một số hành vi đặc biệt để thích ứng với yêu cầu của thị trường toàn cầu, và tuân theo một số điều bắt buộc chung. Điều này có nghĩa là những điều kiện quen thuộc của tìn tại đang tiến hóa rất nhanh chóng. Những người tham gia buộc phải thay đổi các truyền thống và phong tục đã hình thành từ lâu, và sửa đổi những hệ giá trị của họ. Tất nhiên, áp lực này được nhận thức hoặc phản ứng rất khác nhau. Một số người đã quen với những thay đổi diễn ra liên tục, trong khi những người khác cảm thấy họ đã rơi vào nanh vuốt của các thế lực bên ngoài, thậm chí là các thế lực thù địch, các thế lực đó đe dọa dứt họ ra khỏi những truyền thống văn hóa đã có hàng thế kỷ nay. Các thế lực đó dường như đã phạm đến những gì quý giá nhất - bản sắc của một nhóm quốc gia, dân tộc, hay đất nước. Nhận thức về mối đe dọa này dẫn đến một sự chống đối bản năng với các quá trình toàn cầu hóa - hoặc chính xác hơn, với những biểu hiện cụ thể của nó. Từ đó nảy sinh mong muốn lánh khỏi những thay đổi sắp tới bằng cách rút lui vào một ngách nào đó của truyền thống, có thể thuộc về dân tộc, tôn giáo, hay cái gì khác.

Trong những thời điểm này, hiện tượng chủ nghĩa dân tộc hiếu chiến đã nảy sinh do sự kết hợp giữa phản ứng chống lại toàn cầu hóa với mong muốn của các quốc gia và dân tộc nhằm bảo vệ quyền của mình, vượt qua những bất công và hạn chế đối với các quyền đó - một mong muốn tăng lên mạnh mẽ sau khi kết thúc Chiến tranh Lạnh.

Khái niệm về chủ nghĩa dân tộc rất đa dạng ở các quốc gia khác nhau và trong các dân tộc khác nhau. Thường thì nó được giải thích một cách tích cực - như một mong muốn bảo tồn và củng cố tính độc đáo của một quốc gia hay dân tộc, và trong những trường hợp như vậy đi đầu này không bị phản đối.

Tuy nhiên, chủ nghĩa dân tộc hiếu chiến mới nảy sinh lại tương đối khác về nội dung. Điều liên quan ở đây là trò đầu cơ của các lực lượng phản dân chủ, muốn đạt được quyền lực, ảnh hưởng và sự chi phối bằng cách khai thác tình cảm dân tộc và tạo ra một kiểu “thiên đường” dân tộc chủ nghĩa - thứ gì đó xa rời lý tưởng hòa bình và chủ nghĩa nhân văn. Đó là một thiên đường mà với hầu hết những người bình thường sẽ là một địa ngục.

Các lực lượng dân tộc chủ nghĩa hiếu chiến khai thác ý tưởng bảo vệ quyền và chủ quyền của các dân tộc, nhưng trên thực tế họ lại ngăn cản dân tộc mình tận hưởng đầy đủ các quyền và chủ quyền đó. Trong hoàn cảnh hiện tại, và đặc biệt là trong các hoàn cảnh sẽ tồn tại trong tương lai, các quyền và chủ quyền quốc gia có thể được thực hiện chỉ bằng cách xem xét sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia, sự đúng đắn tuyệt đối của việc hợp tác với các quốc gia khác cũng như với một thế giới mà trong đó sự thù địch và bất khoan dung bị loại bỏ.

Một xu hướng khác thường gây phiền hà, ngoài chủ nghĩa dân tộc hiếu chiến, là “chủ nghĩa siêu sắc tộc”. Xu hướng có hại này có thể kết hợp với chủ nghĩa dân tộc hiếu chiến, nhưng nó cũng có thể hoàn toàn “ôn hòa” (dù đi đâu đó chẳng khiến nó ít nguy hiểm hơn). Nó được thể hiện trong mong muốn loại bỏ những quốc gia đa dân tộc đã hình thành trong lịch sử, và tạo ra những quốc gia “thuần chủng về sắc tộc”. Khi thảo luận về hiện tượng này, cần nhấn mạnh rằng quyền tự quyết của các dân tộc là một quyền tự nhiên được cộng đồng quốc tế công nhận. Điều đầu tiên trong Công ước Quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa được Liên Hợp Quốc thông qua ngày 16/12/1966, tuyên bố: “Tất cả các dân tộc đều có quyền tự quyết. Với quyền này họ tự do thiết lập vị thế chính trị của mình và tự do quyết định sự phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa của riêng mình”.

Nói cách khác, quyền tự quyết của các dân tộc không khác so với quyền tự do lựa chọn, được tư duy mới bảo vệ. Và khi một dân tộc thể hiện rõ ràng mong muốn thực hiện quyền tự quyết này, sẽ là vô đạo đức - ít nhất là như vậy - nếu cố gắng cản trở điều đó. Tuy nhiên, đối với bất kỳ dân tộc nào, khi quyết định các cách thức và phương tiện để thực hiện quyền này, điều cần phải cân nhắc một loạt các điều kiện mà nếu bỏ qua sẽ là thảm khốc. Trên hết, ít dân tộc, và thậm chí ít hơn nữa các lãnh thổ hành chính, có sự đồng nhất về sắc tộc. Vì vậy, khi một cộng đồng sắc tộc thực hiện quyền tự quyết, họ rất dễ dùng hành động này để hạn chế quyền của những cộng đồng sắc tộc khác. Đây là mảnh đất mà trong đó các xung đột có thể phát triển, chúng có thể trở nên cực kỳ nghiêm trọng và gây ra bất ổn.

Hơn nữa, trong trường hợp thực hiện quyền tự quyết dẫn đến sự tan rã của một quốc gia đa dân tộc truyền thống, những người thừa kế quốc gia này gặp phải rất nhiều vấn đề trong việc “phân chia di sản”, ngoài vấn đề

sắc tộc thuần túy - rất nhiều vấn đề mà chỉ trong những trường hợp đặc biệt mới được giải quyết êm thấm. Hầu hết chúng làm cho các mối quan hệ giữa các bên chia tách trở nên vẫn đục hoặc cay đắng, không chỉ trong vài năm mà là trong nhiều thập niên.

Việc chia tách các cấu trúc quốc gia hiện tại thành các quốc gia mới không tránh khỏi việc dẫn đến sự bất ổn kinh tế. Đảm bảo khả năng tồn tại của những cấu trúc mới không phải là một nhiệm vụ đơn giản - sau hết, những phức hợp kinh tế đã được xây dựng trong một thời gian dài đang bị xé lẻ. Thường thì các quốc gia mới rơi vào quỹ đạo của các quốc gia lớn hơn, mạnh hơn và coi họ là bổng lộc phi pháp để cướp bóc.

Tất cả những suy xét này, có nguồn gốc từ kinh nghiệm lịch sử, đã được khẳng định một cách bi kịch và thuyết phục trong những năm gần đây ở khu vực Nam Tư cũ. Mọi hậu quả tiêu cực từ các quyết định vội vã, thiếu suy nghĩ, được sự hỗ trợ cũng vội vã không kém của các chính phủ nước ngoài có mặt tại đó. Kết quả chung của những quyết định này là một cuộc chiến tranh kéo dài, mang lại vô số thảm họa cho các quốc gia và dân tộc ở nước đó.

Số phận của Liên Xô là một ví dụ khác; sự phân mảnh của nó thành 15 quốc gia độc lập đã không được chuẩn bị trước bằng việc lên kế hoạch cần thiết và suy nghĩ thấu đáo về các biện pháp, và dẫn đến nhiều hậu quả tiêu cực. Trong tất cả những trường hợp phân mảnh đều có sự xuất hiện của các dân tộc thiểu số mới, mặc dù nói đúng ra thì “thiểu số” có lẽ không phải là một thuật ngữ thích hợp, bởi trong một số trường hợp, hàng triệu người đã tham gia và có thể sánh được với dân bản địa về số lượng; cũng có những nỗ lực “thanh lọc sắc tộc”, vi phạm nhân quyền, v.v.

Vấn đề không giới hạn ở hai ví dụ này. Không có bộ phận nào của thế giới không có xu hướng “siêu sắc tộc” ở dạng này hay dạng khác - ví dụ tình trạng chia rẽ sắc tộc đã xảy ra ở Trung Quốc, Ấn Độ, Thổ Nhĩ Kỳ, Tây Ban Nha, Canada, Bỉ. Thật khó tưởng tượng được về sự hỗn loạn sẽ bùng nổ trên thế giới nếu mong muốn về sự cô lập sắc tộc (hoặc sắc tộc-tôn giáo) - ước muốn tách riêng một thiểu số này hay thiểu số khác từ cấu trúc quốc gia hiện thời - mang hình dạng của những biện pháp thực sự nhằm vẽ lại biên giới của các quốc gia đang tồn tại. Đây sẽ không phải là một con đường hướng tới sự tổ chức tốt hơn, mà là một bước lùi có tính phá hoại tổ chức toàn cầu của cộng đồng nhân loại.

Có thể thoát khỏi tình huống này bằng cách áp dụng, với một sự cân nhắc cẩn thận, nguyên tắc của chế độ liên bang theo nghĩa rộng nhất của thuật ngữ này. Nguyên tắc này đem lại khả năng đảm bảo quyền và lợi ích của mỗi quốc gia, dân tộc, nhóm sắc tộc, và cũng bảo tồn mọi lợi thế của các cấu trúc quốc gia lớn hơn hiện có. Ví dụ, việc bảo tồn Liên Xô dưới dạng một liên bang mới (thậm chí với các yếu tố của một cấu trúc liên minh) chắc chắn sẽ trao cho mỗi quốc gia cấu thành khả năng đảm bảo các quyền của riêng họ và cũng sẽ bảo tồn những lợi thế của một không gian rộng lớn về kinh tế, pháp lý, văn hóa và quân sự. Một liên bang sẽ giúp tránh được tất cả những khó khăn và mất mát lớn mà mọi thành phần của Liên Xô cũ đang gặp phải.

Trong các trường hợp nhất định - nếu điều kiện cho phép - có thể đạt được những kết quả tích cực bằng cách áp dụng nguyên tắc tự chủ văn hóa-dân tộc.

Nói chung, quyền tự quyết của các dân tộc là điều không phải bàn cãi, song nó không phải là điều hiển nhiên. Vấn đề là hình thức và phương

pháp để đạt được nó, những điều khiến các quốc gia phải thật sự chú ý, phải có những cách tiếp cận năng động, thận trọng và đúng đắn về mặt lịch sử.

Tất nhiên, một câu hỏi vẫn chưa có câu trả lời nói chung được chấp nhận, đó là làm thế nào để cân bằng nhân quyền được công nhận rộng rãi với quyền của các nhóm thiểu số, quyền dân tộc tự quyết và chủ quyền của các dân tộc.

Khi xem xét các tiêu chuẩn pháp lý mới xuất hiện, sự tồn tại của các cơ cấu thống nhất bao gồm nhiều dân tộc, sự phụ thuộc lẫn nhau và tính đa dạng ngày càng tăng của cộng đồng quốc tế, chúng ta phải dự tính về một sự sửa đổi đáng kể các khái niệm hiện đang vận hành thế giới. Điều này dĩ nhiên chỉ có thể được thực hiện bằng nỗ lực tập thể, và kết quả phải được toàn thể cộng đồng quốc tế công nhận.

Như vậy, sự xuất hiện đồng thời của toàn cầu hóa và sự đa dạng ngày càng tăng trong cộng đồng quốc tế, cũng như sự phụ thuộc và ảnh hưởng lẫn nhau giữa các quá trình này, là những thực tế cuộc sống gây ra nhiều vấn đề hết sức phức tạp. Những vấn đề xảy ra trong cuộc sống nội bộ của nhiều dân tộc, thường ảnh hưởng đến chính số phận của dân tộc đó, cũng như trên cấp độ quốc tế. Đương nhiên, có những ý kiến khác nhau về vấn đề này. Ví dụ, Francis Fukuyama, trong cuốn *The End of History* (Sự cáo chung của lịch sử) có viết về một ý tưởng phổ biến ở phương Tây, cụ thể là chủ nghĩa tự do đã chiến thắng trong Chiến tranh Lạnh và lý tưởng xã hội chủ nghĩa đã bị đánh bại hoàn toàn; và tiếp đó hình dung hình thái tốt bậc nhất của các giá trị tự do và tâm lý tự do đã mở rộng ra toàn thế giới. Đối với ông, mô hình tự do lý tưởng dĩ nhiên là xã hội Hoa Kỳ và các giá trị của nó. Sự khẳng định rất rõ ràng này không cho phép thay thế sự phụ

thuộc không thể tránh khỏi của mọi quốc gia vào một mô hình duy nhất bằng sự độc quyền chân lý, tức là nấu chảy tất cả nhân loại trong cùng cái nồi tự do cũ.

Lịch sử đã biết những nỗ lực hành động dựa trên sự độc quyền chân lý - chẳng hạn như nỗ lực ra lệnh cho toàn nhân loại chuyển sang chủ nghĩa xã hội dựa trên mô hình toàn trị Soviet. Mọi người biết rõ là nó đã kết thúc ra sao. Và không còn nghi ngờ gì về việc những kỳ vọng của Fukuyama sẽ kết thúc giống như kiểu cúi chào đầy hứng khởi lúc hạ màn. Thật vậy, ngay cả thế giới phương Tây, trong hình thức hiện tại của nó, cũng từ chối bất kỳ loại mô hình đơn nào - chính xác là mô hình Mỹ - như một mô hình duy nhất. Trong xã hội phương Tây tiên tiến, mỗi nước có những cách thức và phương pháp riêng để thực hiện các lý tưởng tự do, cũng như để sử dụng các cơ chế kinh tế thị trường và nền dân chủ đa nguyên. Chỉ riêng điều này đã bác bỏ những dự đoán của Fukuyama.

Trong tác phẩm tiếp sau của ông, *Trust* (Tin tưởng), ông trình bày các luận cứ bổ sung để hỗ trợ cho luận đề căn bản của mình; ví dụ, ông khẳng định rằng trong thế kỷ XX, tất cả những nước không từ bỏ truyền thống và đặc tính dân tộc của mình, không “kết hôn” hoặc ít nhất là “đính hôn” với cái mà ông gọi là “chủ nghĩa tự do dân chủ” hay “chủ nghĩa tư bản không biên giới”, sẽ phải sống thực vật.

Lý thuyết mà Fukuyama xây dựng cũng sụp đổ khi được kiểm nghiệm thực tế. Hầu hết các nước kể từ Thế chiến thứ hai đã đạt được những tiến bộ ấn tượng về kinh tế và văn hóa, chính xác là dựa vào truyền thống và những cách nhìn mang tính tâm lý của họ, trong khi lại làm theo những yêu cầu của hiện đại hóa. Ở một số khía cạnh, chính các quốc gia này - ví dụ Nhật Bản, Hàn Quốc và Singapore - đã thể hiện khả năng sức mạnh công

nghiệp già dặn hơn so với Hoa Kỳ trong cuộc chạy đua vì tiền bạc. Cuộc khủng hoảng tài chính châu Á 1997-1998 đã giáng một đòn đáng kể vào các nước này, song không đồng nghĩa với việc hủy diệt tiền năng của họ trong tương lai.

Đối với các nước Trung và Đông Âu, bao gồm cả các nước thuộc Liên Xô cũ, việc áp dụng cơ chế thị trường và nền dân chủ đa nguyên được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, có xét đến các đặc điểm quốc gia cụ thể. Những cố gắng chỉ đơn giản là áp đặt những mô hình có sẵn đã kết thúc trong ngõ cụt, và làm phức tạp thêm tiến trình tái tổ chức xã hội. Đặc biệt, người dân Nga đã từ chối những cố gắng đó như là những điểu xa lạ với văn hóa của họ.

Biến thể khác của những dự đoán về sự phát triển trong bối cảnh toàn cầu hóa và đồng thời với sự phát triển đa dạng, đến từ ngòi bút của Samuel P. Huntington. Trong tác phẩm *Sự va chạm giữa các nền văn minh*^{*}, ông đã phát triển giả thuyết về một cuộc xung đột không thể tránh khỏi trong thế kỷ XXI, một cuộc chiến không thể hòa giải giữa các nền văn minh khác nhau. Về căn bản, ông dường như gợi ý rằng sự khác biệt giữa các nền văn minh chắc chắn sẽ dẫn đến một cuộc đấu tranh chung của mỗi nền văn minh với tất cả. Rất nhiều tranh luận, chủ yếu là phê phán, đã nhằm vào tác phẩm của Huntington. Không nhắc lại những gì người khác đã nói về chủ đề này, tôi tin rằng một số mâu thuẫn nhất định và thậm chí là những mâu thuẫn giữa các vùng hoặc các nền văn hóa khác nhau chắc chắn đã xảy ra trong tiến trình lịch sử. Nhưng cho dù những vấn đề như vậy không thể bị loại trừ trong tương lai đi nữa, thì ngày nay chúng dường như không dễ phát nổ như Huntington chỉ ra.

Những cuộc va chạm nghiêm trọng và nguy hiểm nhất diễn ra giữa các

nền văn minh không nhiều như trong nội bộ của chúng. Điều này không ngạc nhiên: Sự đa dạng tăng lên trong cộng đồng quốc tế đã dẫn đến một kết quả độc nhất - đa nguyên tăng lên trong các nền văn minh khu vực, và sự xuất hiện của những mâu thuẫn mới giữa các phân đoạn khác nhau của những nền văn minh đó. Sẽ là đủ nếu chỉ đơn thuần trích dẫn các cuộc va chạm giữa một số nước Arab, hay giữa các luồng chính trị khác nhau trong mỗi nước, cũng như những cuộc xung đột đẫm máu ở châu Phi và những diễn biến phức tạp ở Đông Nam Á.

Một tình huống khác không thể bỏ qua là những xung đột hiện tại giữa các nền văn minh khác nhau xảy ra do những khác biệt giữa chúng không nhiều như các yếu tố xã hội, bao gồm di sản của quá khứ thực dân, sự chênh lệch ngày càng tăng về mức độ phát triển giữa các nước hoặc nhóm nước, và vị thế pháp lý không bình đẳng của người nhập cư (đặc biệt là người nhập cư từ các nước đang phát triển đến các nước phát triển). Yếu tố sau có thể là một ngòi nổ cho nhiều xung đột trong thế kỷ tới.

Vì vậy, giả thuyết về việc cào bằng chung để đáp ứng các tiêu chuẩn của chủ nghĩa tự do, cũng như một sự xung đột không thể tránh khỏi giữa các nền văn minh, đều không thể được coi là không phải bàn cãi. Phải chăng điều đó có nghĩa là tính biện chứng của toàn cầu hóa và sự đa dạng, thách thức của bản thân sự đa dạng sẽ không gây ra những phức tạp? Tuyệt đối không phải! Nhưng các yếu tố đằng sau những sự phức tạp này thuộc về chủ quan nhiều hơn là khách quan, cần tìm cách khai thác những khác biệt khách quan hoặc nghiên cứu chúng.

Ở đây, tôi chủ yếu đề cập các chính sách bỏ qua sự khác biệt khu vực giữa các nền văn minh, bỏ qua lợi ích quốc gia, và không để ý đến các đặc điểm cụ thể của các nước và dân cư. Rốt cuộc, bất kỳ biến thể nào của chủ

nghĩa bá quyền [các chính sách nhằm áp đặt quyền bá chủ của một quốc gia hoặc một khối], bất kỳ một sự quay lại nào với chủ nghĩa thực dân, bất kỳ nỗ lực nào áp đặt một mô hình cụ thể cho tất cả các quốc gia khác, hoặc thiết lập “quyền lãnh đạo” trên toàn thế giới bởi bất cứ thế lực nào, cũng sẽ làm giảm đi lợi ích quốc gia của những nước khác. Cho đến nay, chỉ có một số chính khách Hoa Kỳ thể hiện sự mong muốn đối với vai trò lãnh đạo trên quy mô thế giới, nhưng cũng có những người đề xướng ý tưởng đó ở cấp khu vực.

Kết luận đã rõ ràng: Bất kỳ chính sách nào tìm kiếm sự dân chủ, nhân đạo, và đáp ứng các lợi ích của nước theo đuổi chính sách đó cũng như của cả thế giới nói chung, đều phải xem xét cẩn thận đặc điểm cụ thể của các khu vực trên thế giới và các nền văn minh khu vực, cũng như lợi ích dân tộc và đặc điểm cụ thể của mỗi nước và mỗi dân tộc.

Không cần phải chứng minh rằng lợi ích của các quốc gia và dân tộc khác nhau thì khác nhau, đôi khi là khá đáng kể; điều này là bình thường và tự nhiên. Về điều này, một trong những nguyên tắc của tư duy mới là phải chỉ ra con đường tìm kiếm một sự cân bằng lợi ích, một sự cân bằng tạo ra phạm vi mà một nước này hay khác có thể thực hiện hành động nào đó.

Một khía cạnh quan trọng của vấn đề này là việc giải thích thuật ngữ lợi ích quốc gia. Chắc chắn lợi ích quốc gia của một đất nước thường xuyên được giải thích không chính xác. Lịch sử - kể cả lịch sử hiện đại - cho thấy nhiều trường hợp trong đó mong muốn quyền bá chủ không giới hạn đã được trình bày dưới dạng “lợi ích quốc gia” của một đất nước. Hoặc mong muốn thống trị một khu vực nhất định, hoặc tuyên bố một quốc gia có chủ quyền hoặc một nhóm quốc gia khác nằm trong một “vùng lợi ích chiến lược” của ai đó. Cách tiếp cận này cho thấy sự thiếu tiết chế

và không thể chấp nhận được.

Rõ ràng một tình huống khu vực cụ thể có thể ảnh hưởng đến lợi ích của một nước láng giềng, thậm chí một nước xa xôi, và buộc nước đó phải chú ý cẩn thận đến tình hình của các vấn đề trong khu vực đó, và có thể sử dụng các biện pháp để bảo vệ lợi ích riêng của mình. Nhưng trong mọi trường hợp không được vi phạm chủ quyền của các đối tác hoặc láng giềng của mình.

Một sự giải thích sai lầm khác về lợi ích quốc gia của một đất nước có thể được thể hiện trong sự mong muốn cô lập, một kiểu tự trị tuyệt đối về kinh tế, chính trị hoặc tinh thần. Trong một thế giới phụ thuộc lẫn nhau, những lợi ích thực sự của bất kỳ quốc gia nào - như tôi đã nói - đều phụ thuộc vào việc sử dụng các lợi thế của giao dịch quốc tế theo nghĩa rộng nhất.

Về căn bản, bất kỳ phương pháp tiếp cận không chính xác nào, bất kỳ loại bóp méo nào - cũng như phóng đại hoặc đánh giá thấp - trong việc giải thích lợi ích quốc gia của ai đó, cuối cùng cũng kết thúc thất bại trong cả chính sách nội bộ lẫn ngoại giao.

Tuy nhiên, một câu hỏi hiển nhiên là ai nên làm trọng tài. Ai có quyền quyết định xem liệu lợi ích quốc gia của một nước cụ thể có được xác định chính xác hay không? Tôi nghĩ trọng tài trong trường hợp này phải là người dân của đất nước đó. Lời giải thích nằm ở ý thức trách nhiệm và sự khôn ngoan của họ. Và thậm chí họ có thể bị tác động và bị lạc lối, nhưng cuối cùng nhất định họ sẽ nhận thức được lợi ích thực sự của mình.

Học giả và chính khách người Italia Sergio Romano, trong cuốn sách *The Factory of Wars* (Công xưởng chiến tranh), thể hiện suy nghĩ sâu xa

rằng xung đột và chiến tranh, theo thông lệ sẽ bùng nổ khi một hoặc nhiều quốc gia giải thích sai về lợi ích quốc gia của họ, bao gồm, và đây thường là nguyên nhân, cả an ninh quốc gia.

Ngày nay, những diễn giải sai lầm như vậy đặc biệt nguy hiểm. Trong một thế giới kết nối lẫn nhau, bất kỳ một sai sót nào, đặc biệt là sai sót của một cường quốc, có thể cộng hưởng trên khắp thế giới và gây ra các cuộc khủng hoảng còn nguy hiểm hơn những gì đã từng xảy ra trong quá khứ.

CHƯƠNG 16

THÁCH THỨC CỦA CÁC VẤN ĐỀ TOÀN CẦU

Các vấn đề toàn cầu đã được nói và viết đến rất nhiều. Không cần lặp lại những đi đâu đó nữa. Mục tiêu của tôi khác: tiếp cận các vấn đề toàn cầu như một trong những thách thức chính mà nhân loại phải đối mặt bên lề thế kỷ XXI, và trên hết là đặt câu hỏi, thách thức này đòi hỏi gì ở nền chính trị thế giới.

Thứ nhất, chúng ta nên kêu gọi việc chú ý đến thực tế là các vấn đề toàn cầu có một tính chất khác với những thách thức mà loài người phải đối mặt. Trì hoãn hoặc từ chối tìm kiếm câu trả lời cho những thách thức của các vấn đề toàn cầu có thể dẫn đến sự tuyệt chủng dần của nhân loại.

Có những dự đoán khác nhau về số năm còn lại trước khi các vấn đề toàn cầu, đặc biệt là các vấn đề môi trường, xấu đi và biến thành thảm họa. Có thể hiểu được là không phải mọi dự đoán như vậy đều chính xác, vì cơ chế tiến hóa của các vấn đề toàn cầu không được nghiên cứu đầy đủ, và sự tồn tại của các yếu tố khác nhau chưa được biết đến sẽ ảnh hưởng đến tiến trình hiện tại. Vì vậy, tôi sẽ không lặp lại những dự đoán đã được đưa ra

hoặc những dự đoán mới. Một điều rõ ràng là: Loài người chỉ có hàng chục năm chứ không phải hàng thế kỷ để giải quyết các vấn đề toàn cầu. Về mặt lịch sử, khung thời gian này là rất nhỏ. Nhưng đối với những nhu cầu thực tế của khoa học và công nghệ thì nó khá đáng kể. Trong những năm này, nhiều việc có thể được suy nghĩ thông suốt và được thực hiện.

Các cuộc thảo luận về việc giải quyết, dù chỉ một phần, những vấn đề toàn cầu mà chúng ta biết là vấn đề của sự sống và cái chết, đã bước vào một giai đoạn mới, với cả đặc điểm tích cực lẫn tiêu cực. Mặt tích cực là nâng cao nhận thức về sự nguy hiểm của việc tiếp tục con đường hiện tại của chúng ta, và sự hiểu biết ngày càng tăng rằng phải thực hiện các biện pháp liên quan đến những mối quan hệ giữa con người và phần còn lại của tự nhiên để cải thiện tình hình. Các nhà khoa học gần đây tập trung chú ý vào những thay đổi về con người trong bối cảnh trái đất đang cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên, và ảnh hưởng đến khả năng của loài người trong việc tự lo cho mình những nhu cầu căn bản, bao gồm thực phẩm.

Nhiều tác phẩm đã được dành để nói về các chủ đề toàn cầu hóa. Hai tác phẩm đáng được để ý gần đây là *War and Anti-War* (Chiến tranh và chống chiến tranh) của Alvin và Heidi Toffler, *The Third Millennium - Challenge and Prognosis* (Thiên niên kỷ Thứ ba - Thách thức và tiên lượng) của Erwin Laszlo^{*}. Hai cuốn sách này nghiên cứu toàn bộ phạm vi của các vấn đề mà cộng đồng quốc tế phải đối mặt, và mối quan hệ giữa các vấn đề đó với sự tiến hóa của những mô hình dân cư, cũng như sự tiến hóa của tự nhiên và sự kết nối chặt chẽ giữa các quá trình này.

Cần lưu ý rằng trong thế giới kinh doanh, càng ngày các vấn đề toàn cầu càng được quan tâm. Nhiều công ty lớn và nhỏ đã và đang làm việc nghiêm túc và đôi khi có hiệu quả để giảm tiêu thụ năng lượng và tài

nguyên thiên nhiên trong sản xuất, có các bước đi để giảm thiểu hoặc loại bỏ những hậu quả có hại cho môi trường của sản xuất. Dĩ nhiên, những nỗ lực này đến nay là chưa đủ. Theo lệ thường, họ đi theo con đường truyền thống, chỉ đơn thuần là cải tiến các quá trình công nghệ mà về căn bản không có khả năng đảm bảo một sự cải tiến đáng kể về môi trường. Đồng thời, hoạt động của các công ty kiểu như vậy trong các nước đang phát triển thường diễn ra hoàn toàn theo đường lối cũ, theo dạng sản xuất bản. Tuy nhiên, cần phải lưu ý đến những thay đổi nhất định trong hoạt động kinh doanh liên quan đến vấn đề này.

Tất cả những điều này đại diện cho cái gì đó tích cực, nhưng còn về mặt tiêu cực? Khía cạnh tiêu cực lớn nhất là chính trị tiếp tục tụt hậu đáng kể sau khoa học. Đúng là sau Hội nghị Rio de Janeiro năm 1992, một số hội nghị thế giới về các vấn đề toàn cầu cũng như những cuộc họp bộ trưởng chính phủ của các nước phát triển và đang phát triển đã được tổ chức. Cho dù chủ đề đó không bị lãng quên, nhưng những hiệu quả thực tế của mọi biện pháp này cho đến nay vẫn không đáng kể.

Có ấn tượng rằng chủ nghĩa vị kỷ kinh tế, việc theo đuổi lợi nhuận bằng mọi giá cũng như tham vọng quốc gia (trên hết là của các nước phát triển) đã được đặt trên những cân nhắc không chỉ về tình đoàn kết của con người, mà kể cả về những lợi ích tương lai của ai đó. Thế giới tiếp tục sống với sự trả giá của thế hệ tương lai. Chúng ta đang sống bằng thời gian vay mượn, với rủi ro là chúng ta sẽ không bao giờ hoàn trả được khoản vay đó. Sự thất bại này có thể làm tàn lụi cuộc đời của con cháu chúng ta, cuộc đời của các thế hệ tiếp theo.

Tình hình chung trên thế giới tiếp tục xấu đi. Không thể cho rằng gốc rễ của việc này là do ý định xấu của ai đó. Chúng ta không thể tưởng tượng

rằng ai đó đang cố tình làm cho tình hình thế giới tồi tệ hơn và đưa tất cả chúng ta đến gần hơn với thảm họa. Mặt khác, không thể xóa sổ mọi thứ bằng cách cho rằng đó là những hành động tùy tiện, bất cần hoặc cố ý.

Dường như với tôi, gốc rễ của cái ác được tìm thấy trong mô hình phát triển, trong chính quan niệm về tiến bộ và các động lực cho sự tiến bộ đã phát triển qua nhiều thế kỷ và vẫn tồn tại đến ngày nay. Đây là nguyên nhân chính của thực tế trong nhiều thế kỷ tiến bộ xã hội đã được đánh đồng với tiến bộ kỹ thuật thông thường - công cụ để duy trì sự thống trị cần thiết của con người đối với các lực lượng thiên nhiên, với khái niệm “con người là vua sáng tạo”. Phương pháp tiếp cận này một mặt đã dẫn đến một sự mở rộng vô hạn nhu cầu về tài nguyên thiên nhiên - phần lớn không thể phục hồi được - mặt khác dẫn đến việc làm cạn kiệt và đầu độc môi trường sống, bao gồm sự phá vỡ cân bằng nội tại và năng lực tự đổi mới.

Hơn nữa, chúng ta đang nói tới quan niệm về sự tiến bộ liên tục khuyến khích tiêu dùng trên quy mô lớn hơn, sự mở rộng vô hạn về nhu cầu xã hội. Một phần đáng kể những nhu cầu này - và qua một thời gian dài đã biến thành phi lý - được tạo ra một cách giả dối và dùng để độc quyền bóc lột lợi nhuận bổ sung. Do vậy, biện pháp tiến bộ và những lực lượng đứng sau tăng trưởng đã trở thành sự tiêu dùng vật chất và chủ nghĩa tiêu dùng không hạn chế.

Về căn bản, lợi nhuận và tiền bạc đã trở thành động cơ duy nhất “đáng tin cậy” cho sự phát triển của xã hội, nhưng do bản chất của chúng mà những động cơ này bỏ qua các nhu cầu quan trọng căn bản của con người, bao gồm giáo dục, văn hóa và phát triển tinh thần, những yếu tố tiến bộ thực sự. Trong *La Mégamachine* (Cỗ máy khổng lồ), nhà văn Pháp Serge Latouche kết luận rằng trong một nền kinh tế thị trường thuần túy, không

gì là không thể làm được nếu đi đâu đó có thể tạo ra lợi nhuận.

Bất bình đẳng cùng cực xuất hiện trong phân bố sản xuất và tiêu dùng; đây không phải là một đặc điểm lâu đời mà là một đặc điểm tương đối mới trong giai đoạn phát triển hiện tại của chúng ta. Một số nước phát triển đại diện cho khoảng một phần tư dân số thế giới chiếm hơn 80% tổng thu nhập, trong khi ba phần tư còn lại chiếm 19%. Khoảng 45% nghiên cứu khoa học trên thế giới được thực hiện ở các nước công nghiệp phát triển. Ngày nay “tiến bộ” đối với phần lớn dân số thế giới được đánh đồng với trì trệ, lạc hậu trong trường hợp khả quan, và là sự suy thoái hoàn toàn trong trường hợp bi quan. Tôi có thể tiếp tục trong mạch văn tương tự, nhưng cuộc thảo luận đang diễn ra cũng đủ để chúng ta kết luận rằng khái niệm hiện đại về tiến bộ là chưa đầy đủ và nguy hiểm. Cần có một sự thay đổi trong bản chất của khái niệm này, nếu chúng ta muốn tìm được một lối thoát khỏi bế tắc hiện thời.

Để thay đổi như vậy, chúng ta cần có một sự chuyển biến căn bản trong tư duy của mình, một sự chuyển biến toàn cầu, trải dài theo lịch sử và nhân văn trong ý nghĩa đầy đủ và chính xác nhất của từ này. Điều cần thiết là một cuộc cách mạng về nhận thức, có thể tạo lập cơ sở và đảm bảo một cách tiếp cận mới cho lối sống căn bản và các dạng hành vi của con người trong thế giới hôm nay.

Nhưng quá trình thay đổi ý thức là một quá trình lâu dài và khó khăn. Và nó càng trở nên khó khăn hơn, bởi thực tế là ở giai đoạn hiện tại của lịch sử, nhân loại cần phải làm một cuộc chuyển đổi từ sự lãng phí không cần suy xét sang tự kiểm soát hợp lý mà vẫn duy trì mức tiêu thụ cần thiết cho sự phát triển hài hòa của con người. Trong khi đó phải chú ý tới các giá trị tinh thần của mỗi chúng ta và việc xây dựng lại ý thức xã hội. Cải thiện

ý thức xã hội là nhiệm vụ của một nền chính trị dựa trên cách tiếp cận tỉnh táo, mềm dẻo và được suy nghĩ cẩn thận đối với những vấn đề mà tôi đã liệt kê - một nền chính trị dựa trên sự quan tâm tới tất cả các vấn đề toàn cầu có liên quan.

Còn nữa, sự gia tăng dân số làm tăng việc tiêu thụ năng lượng và tài nguyên thiên nhiên, do đó làm trầm trọng thêm khủng hoảng môi trường và đe dọa sự tồn tại của sự sống trên trái đất. Giống như tăng trưởng dân số, khủng hoảng môi trường làm sâu sắc thêm sự chia rẽ giữa các nước đang phát triển và phát triển, giữa Bắc và Nam, và làm cho việc vượt qua những mâu thuẫn sâu sắc phát sinh trong mối quan hệ này trở nên khó khăn hơn. Việc làm sâu sắc thêm sự chia rẽ này, đến lượt mình, lại tạo ra những trở ngại mới trên con đường giải quyết vấn đề môi trường.

Nhiệm vụ của nền chính trị thế giới là hiểu được bản chất và sự liên kết lẫn nhau mang tính hệ thống của các vấn đề toàn cầu. Hiện giờ một tập hợp trí tuệ như vậy không tồn tại. Chỉ tại Hội nghị Rio de Janeiro, các vấn đề toàn cầu mới được xem xét tổng thể, mặc dù tất nhiên về chiều sâu và phạm vi thì khác nhau rất nhiều. Việc tìm kiếm một câu trả lời cho thách thức của các vấn đề toàn cầu phải rất toàn diện, nhưng không thể loại trừ sự nhấn mạnh đặc biệt vào những vấn đề cụ thể, tùy thuộc vào mức độ khẩn cấp và tầm quan trọng của chúng.

Ngày nay, dường như khủng hoảng môi trường là khẩn cấp và quan trọng nhất. Cuộc khủng hoảng ngày một tồi tệ hơn này ảnh hưởng rõ rệt đến sức khỏe của mọi người. Tổ chức Y tế Thế giới vào những năm 1980 đã xác định rằng sức khỏe phụ thuộc 20% vào gen di truyền, 20% vào điều kiện môi trường, 50% vào lối sống và 10% vào thuốc (Thuốc đóng vai trò lớn trong việc cứu sống những người ốm nặng, nhưng ở cấp độ duy trì sức

khỏe nói chung thì hiệu quả của nó đã chứng tỏ là không đủ). Những tỉ lệ này đang thay đổi: Tác động tiêu cực của các yếu tố môi trường đang tăng lên, và như một hệ quả tất yếu, các yếu tố di truyền đóng vai trò lớn hơn với tư cách là kết quả của biến đổi gen do các chất gây ô nhiễm môi trường mang lại. Những phần trăm còn lại, ngược lại, đang giảm đi.

Hai nhà khoa học Nga, Yu. M. Gorsky và V. V. Lavshuk, đã ước tính rằng nếu khủng hoảng môi trường ở Nga tiếp tục tồi tệ hơn, thì vào năm 2005 chúng ta có thể thấy sự đóng góp của các yếu tố môi trường đối với sức khỏe con người tăng lên tới 40% và các yếu tố di truyền đến 30%, trong khi các yếu tố về lối sống sẽ giảm còn 25%, và thuốc còn 5%. Điều này biểu thị một mối nguy hiểm nghiêm trọng cho các thế hệ tiếp theo ở Nga. Việc giải quyết khủng hoảng môi trường ngày càng trở nên quan trọng trong việc bảo vệ con người và nguồn gen.

Một vấn đề khác là sự bùng nổ dân số. Khi mọi người bắt đầu nói chuyện nghiêm túc về thảm họa môi trường và nhu cầu giảm thiểu gánh nặng mà chúng ta áp đặt lên tự nhiên, rất ít người nói về vấn đề nhân khẩu học. Ngày nay, theo quan điểm của các nhà nghiên cứu nghiêm túc nhất, sự bùng nổ dân số có thể trở thành yếu tố quyết định đẩy chúng ta tới thảm họa. Kể từ năm 1955, dân số thế giới đã tăng gấp đôi và bây giờ con số là xấp xỉ 6 tỉ. Nếu xu hướng hiện thời vẫn tiếp tục, thì vào giữa thế kỷ sau dân số có thể tăng đến 12,5 tỉ, và theo một số ước tính, có thể đến 20 tỉ. Tuy nhiên, một số người lại lý luận rằng, đến lúc đó thì quy mô dân số sẽ ổn định. Nhưng đến lúc nào thì điều này sẽ xảy ra? Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc (UNFPA) đã xây dựng một chương trình để giữ cho dân số không vượt quá 7,8 tỉ người vào năm 2050. Nếu những nỗ lực cần thiết được thực hiện, tất cả mọi người trên trái đất có thể được cung cấp thực phẩm

và các nguồn tài nguyên khác. Điều này khó, nhưng như các chuyên gia khẳng định, sẽ có thể đạt được.

Trước đây, vấn đề gia tăng dân số đã từng gây căng thẳng nghiêm trọng giữa các nước phát triển và đang phát triển. Ngày nay, theo UNFPA, xung đột này phần nhiều đã được khắc phục. Về mặt nguyên tắc, các nước đang phát triển đồng ý hạn chế gia tăng dân số, vì đây là một điều kiện tiên quyết cần thiết cho sự phát triển môi trường và xã hội ở mức bình thường. Vấn đề nhân khẩu học tất nhiên tạo ra nhiều tranh cãi, bao gồm cả những tranh cãi có liên quan đến quan điểm của các tôn giáo lớn, như đã được xác nhận tại Hội nghị Cairo năm 1994 về các vấn đề dân số. Nhưng không có lựa chọn thay thế. Mỗi nước, trong khi ghi nhớ trách nhiệm của mình đối với tương lai, thì chính mình phải quyết định những biện pháp để thực hiện. Như kinh nghiệm trên toàn thế giới đã cho thấy, sự gia tăng dân số có xu hướng giảm hoặc thậm chí dừng lại (và sau đó là ổn định) khi mức sống và văn hóa trong đời sống hằng ngày tăng lên, khi giáo dục phổ thông và giáo dục y tế phát triển hơn.

Với sáng kiến của Tổng giám đốc UNESCO Federico Mayor, việc tăng cường giáo dục và đào tạo, bao gồm cả đào tạo y tế ở các nước đang phát triển, đang được thực hiện. Cuối cùng, sự phát triển kinh tế của các quốc gia được gọi là phương Nam sẽ có tầm quan trọng quyết định. Nói cách khác, khoảng cách rất lớn giữa phương Nam và phương Bắc phải được khắc phục, không chỉ vì phương Nam mà còn vì thế giới. Nếu tình hình phương Nam tiếp tục xấu đi như hiện nay vẫn thế, thì không thể mong đợi thành công trong những nỗ lực nhằm phục hồi sức khỏe môi trường hoặc ngăn ngừa sự lây lan của các dịch bệnh nguy hiểm. Ngay cả nền kinh tế thế giới cũng sẽ không thể phát triển bình thường, trừ phi vấn

đề của phương Nam kém phát triển được giải quyết.

Một vấn đề quan trọng khác là sự phát triển của phương Nam không phải là vấn đề định lượng, mà là vấn đề định tính. Do đó không thể tiếp cận các giải pháp từ góc độ kinh tế kỹ thuật thuần túy như vẫn thường làm.

Các vấn đề hiện tại ở các nước phương Nam là di sản của thời kỳ thuộc địa, khi sự phát triển tự nhiên của các nước này bị chậm lại, và cũng là kết quả của việc phương Bắc vẫn tiếp tục bóc lột, cho dù với hình thức và kỹ thuật mới.

Một nghiên cứu có tính khiêu khích, tên là “Món nợ của phương Tây” của nhà kinh tế học và xã hội học Hafez Sabet, xem xét kỹ lưỡng các khía cạnh khác nhau giữa Nam và Bắc. Sabet tính rằng, nếu mọi khía cạnh của việc nợ được xem xét, thì đó không phải là Nam nợ Bắc (hoặc chính xác hơn là phương Tây) với số tiền 1,3 nghìn tỉ USD, mà là Bắc nợ Nam một con số lớn hơn gấp 40 lần, khoảng 50 nghìn tỉ USD. Con số này được các chuyên gia phương Tây tranh luận. Nhưng ngay cả khi nó có bị phóng đại, đi đâu đó cũng không làm thay đổi bản chất vấn đề.

Hôm nay, có thể chúng ta đang ở một bước ngoặt trong sự phát triển lịch sử. Việc loại trừ các đế chế thuộc địa đã đem đến cho các nước phương Nam khả năng trở lại với cội nguồn văn minh hàng thế kỷ của họ. Với mộng với những nỗ lực ban đầu để sao chép một cách máy móc văn minh phương Tây, và sau đó với mộng bởi cái gọi là “định hướng xã hội chủ nghĩa”, các nước phương Nam đang tìm kiếm những con đường mới. Họ đang khôi phục nhiều truyền thống, giá trị và phong tục tập quán đã bị mất trong quá khứ, và đồng thời tiếp thu các yếu tố hay và phù hợp nhất của kinh nghiệm trên toàn thế giới.

Một số nước châu Á và Mỹ Latin vốn phát triển chậm trong quá khứ đã tiến nhanh trong một thời gian tương đối ngắn. Các nước khác vẫn đang tìm đường đến với tiến bộ. Trong quá trình này, chúng ta thấy những sự méo mó và thái quá. Nhưng nhìn chung đó là một hiện tượng lành mạnh. Không thể không tôn trọng và ủng hộ quá trình này. Điều đặc biệt không thể chấp nhận được trong sự tự khẳng định mới của phương Nam là sự thách thức mang tính thù địch với các nước khác, hoặc chống lại sự tự khẳng định đó bằng mọi giá và vô tình rơi vào các giáo điều của thời kỳ thuộc địa. Liệu các mâu thuẫn hiện thời sẽ trở thành mối đe dọa cho toàn thế giới, hoặc liệu các vấn đề sẽ được thu xếp thỏa đáng để các nền văn minh khác nhau cùng phát triển, đảm bảo cho toàn nhân loại bước vào thế kỷ XXI ít đau đớn nhất, điều này phụ thuộc vào sự hiểu biết lẫn nhau và cách tiếp cận nghiêm túc đối với việc tìm kiếm những giải pháp mà các bên có thể chấp nhận được.

Tất nhiên, có nhiều nước phương Tây đang hỗ trợ các nước đang phát triển. Liên minh châu Âu cũng có các chương trình viện trợ như vậy, nhưng các nguồn viện trợ đang được phân bổ nhỏ giọt một cách đáng thương so với nhu cầu. Hơn nữa, những nguồn đó không phải lúc nào cũng được sử dụng có hiệu quả.

Liên Hợp Quốc khuyến cáo rằng 0,7% tổng sản phẩm quốc nội ở các nước tiên tiến nên được phân bổ để hỗ trợ cho các nước đang phát triển. Nhưng trên thực tế chỉ có Đan Mạch, Na Uy, Thụy Điển và Hà Lan đạt được mục tiêu này. Pháp đứng sau họ, với 0,63%. Hoa Kỳ chỉ chi 0,15% cho các mục đích này, Nhật Bản 0,26%, còn Đức 0,37%. Tuy nhiên, bên cạnh sự viện trợ này, các nguồn lực rất lớn vẫn đang được khai thác từ các nước phương Nam, chủ yếu theo hình thức trả nợ.

Trong thời gian vừa qua và trong khuôn khổ của tư duy mới, chính phủ Soviet đề xuất rằng vấn đề phát triển nói chung, đặc biệt là vấn đề Bắc - Nam, phải được quốc tế hóa, nghĩa là cần trở thành một chủ đề được quan tâm và chú ý liên tục của cộng đồng quốc tế. Tại cuộc họp thượng đỉnh ở Rio de Janeiro, một tuyên bố được đưa ra về việc cần phối hợp các nỗ lực theo hướng này. Nhưng nó vẫn chỉ dừng lại ở những ý định tốt. Tôi cần lưu ý rằng khi các nước đang phát triển định hướng đến việc tạo ra một xã hội tiêu dùng, nó có vẻ không thực tế và chống lại lợi ích của họ. Việc này sẽ không tạo ra kết quả vững chắc, mà sẽ chỉ làm trầm trọng thêm những vấn đề đang tồn tại trên thế giới, nhất là khủng hoảng môi trường. Dường như với tôi, mục tiêu tối hậu phải là thực hiện một sự chuyển đổi sang điều kiện hậu công nghiệp, nhấn mạnh nhu cầu văn hóa và tinh thần cũng như sức khỏe của con người.

Các nước phương Nam sẽ được giúp đỡ bởi các nỗ lực quốc tế nhằm kết thúc những xung đột ở cấp địa phương hoặc khu vực, và tất nhiên, ngăn chặn cả những xung đột giữa các nước và trong mỗi nước. Xét đến cùng, những xung đột trong và ngoài nước là một trong những lý do chính gây nên sự sụp đổ và chệch hướng kinh tế làm cho các nước phương Nam khổ sở. Ngày nay, chi tiêu cho vũ khí của các nước này đã vượt quá số tiền mà họ nhận được mỗi năm dưới hình thức viện trợ. Những xung đột này không chỉ nuốt chửng mọi nguồn lực, mà còn làm chậm đà phát triển và góp phần vào sự tồn tại dai dẳng của đói nghèo lạc hậu.

Thách thức của các vấn đề toàn cầu là một hiện tượng mới trong lịch sử loài người. Lần đầu tiên trong thiên niên kỷ, có thể loài người sẽ diệt vong vì sự tiến bộ. Việc ngăn chặn một kết quả như vậy tùy thuộc vào chính con người. Không thể không đồng ý với Erwin Laszlo, người sáng

lập Câu lạc bộ Roma và đứng đầu Câu lạc bộ Budapest, khi ông phát biểu:
“*Homo sapiens* (người tinh khôn) đã sống để chứng kiến được thời đại này
khi sự tồn tại của họ ngày càng phụ thuộc vào trí tuệ của họ”.

CHƯƠNG 17

THÁCH THỨC CỦA NỀN CHÍNH TRỊ QUYỀN LỰC

“**M**ột thế giới không có vũ khí, một thế giới không có chiến tranh”, đó là khẩu hiệu hấp dẫn mà Nikita Khrushchev đã đưa ra trong một thời gian. Nó thể hiện khát vọng của các nhà tư tưởng hàng đầu trong lịch sử. Nhưng cho đến nay nó chưa bao giờ được thực hiện. Nếu có, tất nhiên toàn bộ cộng đồng quốc tế sẽ được lợi đủ đường.

Perestroika, có tính đến những thực tế mới, đã trở lại với chủ đề đặc biệt quan trọng này. Tư duy mới tiếp cận nó từ hai góc độ. Một mặt, nó nhấn mạnh việc không chấp nhận một cuộc chiến tranh hạt nhân và hậu quả chết người của nó, cũng như nhu cầu từ bỏ các phương pháp quân sự nói chung như một biện pháp giải quyết các xung đột. Mặt khác, nó thừa nhận rằng các mục tiêu hợp lý không thể đạt được bằng bạo lực, mà chỉ bằng cách từ bỏ nền chính trị quyền lực. Tóm lại, phải chuyển đổi sang một thế giới không có hạt nhân và một thế giới không có bạo lực, như các nhà lãnh đạo Liên Xô và Ấn Độ đã chỉ ra trong tuyên bố New Delhi nổi tiếng vào tháng 11/1986.

Chúng ta biết rằng có những quan điểm khác đang tồn tại, bao gồm cả lý lẽ thẳng thắn coi chiến tranh là một điều ác không thể tránh khỏi, bắt nguồn từ nơi sâu thẳm trong bản chất con người - một điều ác mà nhân loại không bao giờ có thể loại bỏ.

Giả thuyết này dường như đã được lịch sử chứng minh. Có những sự thật được biết đến, minh chứng rằng trong hàng ngàn năm qua trên thế giới chỉ có một số ít năm là hoàn toàn không có chiến tranh. Và tại sao nói đến cả ngàn năm? Trong giai đoạn 1945-1991, có khoảng 150 cuộc chiến tranh và xung đột vũ trang (phụ thuộc vào cách tính), khoảng 7,2 triệu binh lính đã chết trong các cuộc va chạm này, chưa nói đến con số thương vong và tàn tật của dân thường. Khoảng 2.400 tuấn sau năm 1945, khi Thế chiến thứ hai kết thúc, chỉ có ba tuấn hoàn toàn không có chiến tranh.

Cuộc diễu hành của chiến tranh đã không kết thúc đúng vào ngày này. Mặc dù vậy, có phải điều này nghĩa là mọi thứ sẽ luôn diễn ra theo cách này? Đây không phải là một câu hỏi đơn giản; nền chính trị quyền lực truyền thống và việc giải quyết vấn đề bằng bạo lực có nguồn gốc sâu xa từ nhận thức của mỗi cá nhân và dân tộc. Không thể nhổ bật rễ của tất cả những truyền thống này ngay lập tức.

Tuy nhiên, chúng ta có thể hy vọng dựa trên các dữ kiện thực, cũng là những dữ kiện cơ sở của tư duy mới. Chúng như sau:

- Đã có sự công nhận rộng rãi chưa từng thấy về bản chất tàn phá khủng khiếp của chiến tranh hiện đại (đặc biệt là khi vũ khí hạt nhân hay vũ khí hủy diệt hàng loạt khác được sử dụng), và các loại vũ khí hiện đại có thể gây ra những thiệt hại không thể khắc phục được không chỉ với bên bị đánh bại mà còn với cả bên chiến thắng nữa.

- Có một thực tế rằng sự chia rẽ thế giới thành các khối đối lập về ý thức hệ-chính trị và quân sự-chính trị đã được khắc phục. Đó là sự chia rẽ đã liên tục nuôi dưỡng nguy cơ về một cuộc hủy diệt hạt nhân.
- Mặc dù sự cạnh tranh giữa các cường quốc là yếu tố chính làm bùng nổ hai cuộc chiến tranh thế giới, nhưng ngày nay sự khác biệt về kinh tế giữa các nước đang được giải quyết bằng các biện pháp chính trị cũng như kinh tế. Sự cạnh tranh tiếp tục nhưng chỉ trên các lĩnh vực công nghệ, năng suất và năng lực cạnh tranh trên thị trường thế giới.
- Với việc mất đi của các đế chế thực dân, cuộc đấu tranh giữa các nước thực dân và các thuộc địa đã được loại bỏ như một ngu ồn gây ra các xung đột quân sự. Tranh chấp giữa các nước thực dân và các thuộc địa cũ vẫn tiếp tục và đôi khi khá gay gắt (như chúng ta đã thảo luận). Ở đây, các ông chủ thực dân cũ thường có khuynh hướng sử dụng các phương pháp ép buộc bằng kinh tế và chính trị hơn là vũ khí.
- Một vài thập niên gần đây đã chứng kiến sự tích lũy dần những kinh nghiệm trong việc giải quyết xung đột một cách hòa bình. Nỗ lực trong lĩnh vực này đã được thực hiện một cách khó khăn, nhưng mọi người ngày càng hiểu rõ về sự cần thiết phải mở rộng kinh nghiệm này và kiên trì sử dụng nó.

Những yếu tố này là nền tảng cho hy vọng rằng nền chính trị quyên lực truyền thống có thể bị nhỡ tận gốc. Tuy vậy, xu hướng đối kháng cũng rất rõ ràng. Một xu hướng là sự phục hồi của chủ nghĩa dân tộc hiếu chiến, làm gay gắt thêm những xung đột dân tộc và sắc tộc, như đã thảo luận ở trên. Cho dù thường bắt đầu bên trong đường biên giới của một nước nhất định (đến nay chưa có một tỉ lệ nào), nhưng chúng có khả năng lan rộng qua biên giới và biến thành những xung đột giữa các quốc gia. Những xung

đột xã hội quy mô lớn không phải là không thể xảy ra, đặc biệt là ở các nước đang phát triển (ví dụ, Mexico). John Kenneth Galbraith cũng không loại trừ khả năng xảy ra những xung đột như vậy ở các nước phát triển. Điều liên quan ở đây là những xung đột tiềm ẩn giữa những người bị gạt ra bên lề xã hội - “tầng lớp dưới”, như Galbraith gọi họ - với những người có việc làm hoặc có công việc tốt. Những xung đột như vậy có thể bắt đầu bên trong biên giới quốc gia, nhưng lại gây ra những phức tạp quốc tế.

Trong một số trường hợp, kể cả ở châu Âu, một số yếu sách lãnh thổ hoặc quốc gia nhất định được nước này đưa ra để chống lại nước kia. Số lượng những xung đột như vậy cao hơn ở những nước đang phát triển. Chúng ta hãy nhớ lại một ví dụ, cuộc chiến biên giới giữa Peru và Ecuador [1995].

Một số nhà khoa học chính trị và chính khách cho rằng việc gia tăng mâu thuẫn giữa các nước giàu phương Bắc và các nước nghèo phương Nam có thể dẫn đến những xung đột quân sự. Về vấn đề này, họ chỉ ra mối nguy hiểm của sự lây lan vũ khí hạt nhân đang trượt ra khỏi tầm kiểm soát, và đưa ra số lượng các nước đang trên ngưỡng của việc đạt được năng lực hạt nhân hoặc đã chế tạo được vũ khí hạt nhân. Các sự kiện gần đây ở Ấn Độ và Pakistan minh họa cho điều này.

Vẫn còn một yếu tố khác có xu hướng kích động hoặc làm tăng nguy cơ xảy ra những cuộc chiến tranh mới, đó là cuộc chạy đua vũ trang không ngừng ở phía Nam. Nhiều nước nghèo, trái ngược với các nước phát triển, đã tăng chi tiêu quân sự trong những năm gần đây, thay vì cắt giảm nó. Ví dụ Iran, theo thống kê của SIPRI [Viện Nghiên cứu Hòa bình quốc tế Stockholm], đã tăng chi tiêu cho các mục đích quân sự từ năm 1992-1995 lên 42,5%, còn Pakistan lên 19,5% và Arab Saudi lên 12,92%. Những sự

tăng cường quân sự này được khuyến khích bởi các nỗ lực của phương Bắc nhằm mở rộng kinh doanh vũ khí, đến lượt mình, chúng lại được thúc đẩy bởi các lợi ích thương mại và đôi khi là những tính toán chính trị.

Ở các nước tiên tiến nhất, bắt đầu là Hoa Kỳ, đang có những nỗ lực nhằm phát triển các loại vũ khí mới, bao gồm vũ khí điện tử, thần kinh và những loại khác, dựa trên những nguyên tắc căn bản khác biệt với những mẫu “cổ điển”. “Ngày càng có ít cơ hội hơn cho việc thiết lập kỷ nguyên giải trừ quân bị sau Chiến tranh Lạnh”, tạp chí *Stern* của Đức gần đây đã viết: “Đối với các nhà sản xuất vũ khí, những năm đình trệ sắp kết thúc, khi mà ngân sách quân sự và xuất khẩu vũ khí đã bị thu hẹp lại”.

Vậy là nhân loại đang tiến đến đầu thế kỷ XXI, trong hoàn cảnh chiến tranh vẫn diễn ra, các ngu ồn gây ra chiến tranh vẫn tồn tại dai dẳng và cuộc chạy đua vũ trang còn tiếp tục, dù có dịu đôi chút kể từ khi kết thúc xung đột Đông - Tây. Đồng thời, các cơ hội để ngăn ngừa chiến tranh đang tăng lên.

Tóm lại, những thách thức của nền chính trị quyền lực và chiến tranh tiềm năng vẫn tiếp tục tồn tại, và tầm quan trọng sống còn của những thách thức này cũng vậy.

Trong hoàn cảnh đó, vấn đề an ninh toàn cầu đang trở nên ngày càng quan trọng, cùng với các cách thức và phương tiện đảm bảo cho nó. Các cách tiếp cận vấn đề này do tư duy mới tạo ra vẫn giữ được ý nghĩa riêng của chúng. Chúng cũng đòi hỏi sự phát triển hơn nữa, có tính đến những thay đổi trong điều kiện đã xảy ra và đang xuất hiện. Xét đến sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nước, an ninh phải là an ninh chung. Các khía cạnh kinh tế, sinh thái và xã hội đã trở thành các thành phần hữu cơ vô cùng quan

trọng của khái niệm chung về an ninh. Việc bảo đảm an ninh được kết nối chặt chẽ với việc duy trì sự ổn định trong cả các quốc gia lẫn khu vực.

Tất nhiên, những gì chúng ta nói ở đây không làm cạn kiệt chủ đề phức tạp về an ninh và các tính chất đặc biệt mà vấn đề này đạt được trong thời đại chúng ta. Nhu cầu tăng cường an ninh toàn cầu và duy trì hòa bình trở nên quan trọng và rất đáng mong muốn, với hàng loạt biện pháp cần được thực hiện.

Thứ nhất, nguy cơ xung đột quân sự hạt nhân phải được loại bỏ hoàn toàn. Việc loại bỏ nguy cơ này sẽ giáng một đòn mạnh vào nền chính trị quyền lực nói chung và vào tinh thần của nền chính trị quyền lực được lan truyền rộng rãi nói riêng. Các biện pháp cần thiết để đạt được mục tiêu này nói chung đều được biết rõ. Nhưng thật đáng để tuyên bố lại các biện pháp chính, và trong một số trường hợp, bổ sung cho chúng trên cơ sở kinh nghiệm gần đây. Những gì liên quan chủ yếu, có vẻ như là các biện pháp sau:

- Cần tiếp tục cắt giảm tiềm năng hạt nhân của Hoa Kỳ và Nga, là hai nước đã khởi xướng tiến trình này. Nhưng trong tương lai gần, nên thúc giục các cường quốc hạt nhân khác như Trung Quốc, Anh và Pháp tham gia vào tiến trình này; một thỏa thuận đặc biệt sẽ được ký kết giữa năm cường quốc hạt nhân về thủ tục cắt giảm và loại bỏ vũ khí hạt nhân.
- Việc chấm dứt hoàn toàn thử nghiệm hạt nhân, bắt đầu từ năm 1996, cần được đi kèm với các biện pháp làm cho hệ thống chống phổ biến vũ khí hạt nhân nghiêm ngặt hơn, bao gồm và tăng thành các hình phạt cứng rắn được thực hiện thông qua Liên Hợp Quốc để chống lại

các bên vi phạm.

- Điều quan trọng là tạo ra, dưới sự giám sát của Liên Hợp Quốc và sự tham gia của Cơ quan Năng lượng Nguyên tử quốc tế (IAEA), một hệ thống toàn thế giới có hiệu quả trên bề mặt trái đất, trong khí quyển và không gian bên ngoài nhằm giám sát việc chuẩn bị sử dụng năng lượng hạt nhân trong quân sự.

Một số hiệp định đã ký kết phải được thực hiện dưới sự giám sát quốc tế chặt chẽ. Đây là những thỏa thuận về cấm và phá hủy vũ khí hóa học và vi trùng (sinh học). Có khả năng những thỏa thuận này có thể bị vi phạm, nghĩa là một số nước có thể sản xuất vũ khí hủy diệt hàng loạt và thậm chí cố gắng sử dụng chúng. Làm thế nào để thực hiện nghiêm ngặt việc giám sát và trừng phạt trong trường hợp vi phạm vẫn là một vấn đề quan trọng.

Vũ khí thông thường biểu thị một vấn đề đặc biệt. Các hình thức hiện đại của loại vũ khí này đã đạt được những đặc tính làm chúng có thể sánh với vũ khí hủy diệt hàng loạt (dù trên quy mô địa phương chúng không gây ra thiệt hại tương tự). Có nhiều loại vũ khí khác đang được sản xuất, gọi là vũ khí không gây tử vong trong thuật ngữ quân sự Mỹ. Ví dụ, một số trong đó gây nhiễu hoặc vô hiệu hóa phương tiện liên lạc và thông tin của đối phương, sự phát triển của chất có dạng bột cản trở sự di chuyển trang thiết bị quân sự của kẻ thù, thiết bị điện tử và điện từ làm gián đoạn liên lạc hoặc nguồn cấp điện của đối phương, có thể được coi đúng là không gây tử vong. Những vũ khí không gây tử vong khác lại gây hại rất lớn tới sức khỏe hoặc làm mất năng lực hoàn toàn ở con người. Dường như tất cả những điều này đòi hỏi cách tiếp cận mới đối với vấn đề vũ khí thông thường. Có thể là thích hợp để bắt đầu một cuộc đối thoại trên toàn thế giới về việc thiết lập những giới hạn về tính năng trong việc cải tiến hơn

nữa vũ khí thông thường, tuy nhiên đi đầu này khó có thể đạt được.

Tại châu Âu, một hiệp ước về cắt giảm số lượng binh lính và vũ khí đang có hiệu lực. Những gì mà hiệp ước này đem lại khá tích cực, bất chấp mọi khó khăn nảy sinh. Nó sẽ được hoan nghênh nếu mở rộng sang các khu vực hoặc châu lục khác.

Có lẽ sẽ thiết thực nếu các quốc gia láng giềng đồng ý thử thành lập các khu vực - thậm chí lúc đầu chỉ ở mức độ hạn chế - mà trong đó số lượng vũ khí được cho phép sẽ hạ xuống hoặc giảm xuống đến mức tối thiểu. Ví dụ, các nước đã thực hiện con đường này có New Zealand và Costa Rica. Họ cũng có được kết quả khá tốt mà không cần trang bị vũ khí toàn diện và chỉ duy trì một số lượng tối thiểu công cụ phá hủy. Ví dụ của họ là một bài học khách quan và một hình mẫu cho các nước khác noi theo.

Xuất khẩu vũ khí, đặc biệt là sang các nước đang phát triển, gây ra một vấn đề nghiêm trọng. Dễ hiểu khi việc xuất khẩu này mang lại lợi nhuận lớn cho các nhà sản xuất vũ khí cũng như cho chính phủ của những nước xuất khẩu. Thật khó mà từ bỏ những mối lợi lớn. Nhưng việc xuất khẩu vũ khí luôn nuôi dưỡng nguy cơ về các xung đột mới và hành động của những kẻ cực đoan đủ mọi loại, bao gồm cả khủng bố quốc tế, chưa kể tới tác động của nó đến sự phát triển kinh tế của các nước chỉ những khoản tiền lớn để mua những thứ vũ khí này.

Về lâu dài, nói chung đi đầu quan trọng là dừng xuất khẩu vũ khí, hoặc ít nhất là giảm đến một mức độ nhất định theo thỏa thuận quốc tế. Phải cấm hoàn toàn việc xuất khẩu vũ khí tới những khu vực đang có xung đột xảy ra. Việc xuất khẩu vũ khí trái phép có thể được coi là tương đương với khủng bố và buôn lậu ma túy quốc tế. Tôi ủng hộ về mọi phương diện sáng

kiến của nguyên Tổng thống Costa Rica, Oscar Arias, liên quan đến việc thành lập một hệ thống kiểm soát việc buôn bán vũ khí.

Xét đến các xu hướng chính trị hiện tại và tình hình thế giới, hoàn toàn có khả năng phối hợp những hoạt động tình báo của các thành viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc (và về lâu dài có thể bao gồm cả các chính quyền dân chủ khác) để chiến đấu với khủng bố, buôn lậu ma túy và kinh doanh vũ khí trái phép. Có thể hiểu được là các nhà sản xuất vũ khí sẽ không đồng ý với đề xuất này. Cộng đồng quốc tế dường như sẽ đủ chín chắn để bắt tay vào nhiệm vụ dài hạn, chuyển đổi từ sản xuất quân sự sang dân sự, tái tổ chức một phần đáng kể công nghiệp quân sự cho sản xuất dân sự (sau đó là đa số các nhà máy quân sự). Trong thế kỷ XXI, loài người có thể sống mà không cần phải trang bị vũ khí một cách toàn diện. Cần chuẩn bị để sống hòa bình, sử dụng tiền mà trước đây từng chỉ cho quân đội để đối phó với những thách thức của thời đại chúng ta như các cuộc khủng hoảng môi trường, năng lượng và lương thực.

Nghiên cứu khách quan về kinh nghiệm gần đây ở Trung Đông, châu Phi, Đông Nam Á, Nam Tư cũ và khu vực Kavkaz, chúng ta có thể kết luận rằng các tổ chức Liên Hợp Quốc và các tổ chức khu vực về an ninh và hợp tác nên thành lập những cơ quan đặc biệt để phòng hoặc ngăn chặn các xung đột khu vực thông qua ngoại giao, và nếu cần thiết, bằng cả những biện pháp kinh tế lẫn quân sự.

Một nhiệm vụ quan trọng là thiết lập sự hợp tác và hiểu biết lẫn nhau ở các khu vực của thế giới mà có thể được gọi là các khu vực ranh giới giữa các nền văn minh, ví dụ Balkan, Địa Trung Hải và Trung Đông. Điều đặc biệt là trong các khu vực này từng có những xung đột xảy ra trong quá khứ và hiện tại. Không loại trừ là những xung đột như vậy sẽ tiếp tục phát sinh

trong các khu vực này một thời gian dài nữa. Những nơi này cần có nỗ lực đặc biệt của cộng đồng châu Âu và quốc tế, cùng với một thái độ quan tâm đặc biệt và đường lối ngoại giao phòng ngừa có hiệu quả. Về lâu dài, điều cần thiết là phát triển mạnh mẽ những loại hình tương tác hòa bình giữa các dân tộc và quốc gia tại các khu vực ranh giới giữa các nền văn minh.

Đây là những bước đi hoàn toàn cần thiết theo ý kiến tôi, và nếu chúng được thực hiện, điểm nhấn có thể chuyển từ các phương pháp áp đặt để chỉ đạo chính sách sang các phương pháp hòa bình và văn minh. Không may là cho đến nay, mong muốn hành động theo hướng này không hề được chú ý. Đó là lý do tại sao ngày nay chúng ta chứng kiến một kiểu phong trào lạc hậu, một sự thoái lui vào không gian quá khứ điển hình.

Quan tâm đến vấn đề này, Quỹ quốc tế cho Các nghiên cứu về Kinh tế xã hội và Khoa học chính trị ở Moskva, Quỹ Rajiv Gandhi ở New Delhi và Quỹ Gorbachev ở Hoa Kỳ (San Francisco) đã cùng trình lên Liên Hợp Quốc một chương trình an ninh toàn cầu. Chương trình có bốn phần: giải trừ vũ khí hạt nhân, cắt giảm vũ khí thông thường dưới sự giám sát đáng tin cậy, tăng cường cấu trúc an ninh khu vực, phòng ngừa và giải quyết các xung đột (với sự tham gia của các nhóm đặc biệt từ công chúng, một ủy ban của Đại hội đồng và một cơ quan do các nhà quan sát và hòa giải chính trị đề xuất, cũng như sự tham gia của một tổ chức nghiên cứu và ngăn chặn xung đột).

Một chủ đề tôi không thể tránh đụng đến là an ninh ở châu Âu. Hầu như không cần phải chứng minh hòa bình trên lục địa này quan trọng thế nào đối với an ninh toàn cầu - chính lịch sử là bằng chứng dãi dàu về điều này. Nhưng tình hình hiện tại ở châu Âu không thể được coi là thuận lợi. Cách đây không lâu, châu Âu phải đối mặt với một sự lựa chọn kịch tính:

tiếp tục đi theo con đường tử thần về đối đầu, hay đi theo tiến trình thay đổi triệt để và hướng đến những mối quan hệ mới mẻ và tốt đẹp giữa các nước châu Âu. Việc lựa chọn này đã được thực hiện tập thể, và một bước ngoặt lịch sử đã mở ra. Một hội nghị thượng đỉnh ở Paris vào tháng 11/1990, dường như đã đặt nền móng cho các mối quan hệ và chính sách mới của châu Âu, xây dựng các nguyên tắc của nó.

Hôm nay, châu Âu lại một lần nữa phải đối mặt với lựa chọn: tiếp tục theo đuổi tiến trình đã được vạch ra ở Paris, hay mỗi nước lại rút lui vào khu vực riêng của mình, và tới một mức độ nào đó, trở lại với đặc trưng phân mảnh của quá khứ. Nói cách khác, sẽ có một châu Âu lớn hơn thực sự được thống nhất với những lợi ích ngày càng trở nên tích hợp, hay nó sẽ là một tổng cộng của những châu Âu nhỏ hơn, kết nối yếu và thậm chí là thù địch với nhau?

Đúng là trong những năm gần đây có nhiều thay đổi ở châu Âu, đặc biệt từ khi kết thúc cuộc đối đầu Đông-Tây. Địa chính trị châu Âu, cũng như tình hình ở nhiều lĩnh vực khác đã trải qua một sự tiến hóa đáng kể. Nhưng theo quan điểm của chúng tôi, những thay đổi này không xóa đi bất kỳ nguyên tắc nào đã được xác định ở Paris.

Nhưng những nguyên tắc này không thực sự hiệu quả. Hoặc nếu có thì chỉ ở một mức độ nhẹ, vì chúng ta vẫn thấy các cuộc xung đột quân sự ở châu Âu (tại Nam Tư cũ và khu vực Kavkaz). Mối nguy về một sự chia rẽ mới ở lục địa đã nảy sinh cùng với sự bành trướng của NATO sang phía Đông, đi đầu này chắc chắn sẽ khuyến khích những chuẩn bị quân sự ở một số nước trên lục địa.

Các nguyên tắc Paris đòi hỏi phải có sự hợp tác rộng khắp châu lục,

cùng với việc cải tiến các cơ chế hiện có và tạo ra các cơ chế mới cho các chính sách áp dụng trên toàn châu Âu.

Đã có một tổ chức toàn châu Âu - OSCE (Tổ chức An ninh và Hợp tác châu Âu) tiếp tục thực hiện các chức năng mà nó được giao khi thành lập vào năm 1975. Nhưng nó vẫn chưa thích ứng hoàn toàn với nhu cầu của châu Âu hay với tình huống mới của nó. Nhiều dự luật hữu ích được tìm thấy trong các văn kiện được tổ chức này thông qua, nhưng một số đã bị bỏ qua và số khác đơn giản không thể thực hiện được vì không có các biện pháp cần thiết về mặt chế tài.

Một sự thể chế hóa hơn nữa của OSCE rõ ràng là cần thiết, đặc biệt là việc thành lập Hội đồng Bảo an. Tôi đã bênh vực cho ý tưởng này trong nhiều năm. Hội đồng sẽ quan tâm đến việc ngăn ngừa các xung đột và dập tắt chúng khi chúng vừa nổ ra. Làm thế nào để thành lập một hội đồng, và xác định cho nó những chức năng gì là vấn đề mà mọi quốc gia thành viên của tổ chức đó phải quyết định. Một cơ quan như vậy phải tồn tại. Và nó phải tồn tại như một cơ quan châu Âu có quan hệ mật thiết với Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc.

Chừng nào không tồn tại một cơ quan như vậy, chừng đó NATO sẽ tiếp tục cố gắng đảm đương những chức năng của nó. Nhưng NATO không có khả năng thực hiện các chức năng này cho những mục tiêu và mục đích mà vì thế nó được lập ra. Đúng như tôi đã nói, một số thay đổi đã diễn ra trong NATO. Một hội đồng hợp tác trong đó hầu hết các nước châu Âu tham gia đã được thành lập. Một văn bản liên quan đến các mối quan hệ, hợp tác và an ninh song phương đã được ký kết giữa Nga và NATO. Phiên họp Berlin của Hội đồng NATO dành sự quan tâm đặc biệt đến việc tăng cường vai trò của tất cả các nước châu Âu trong khuôn khổ cấu trúc của NATO (dù đi

theo đường lối này thì có vẻ chưa có kết quả nào đáng chú ý). Các chức năng của NATO đang được chính trị hóa, nhưng việc này diễn ra rất chậm và tiến trình chuyển đổi của NATO còn lâu nữa mới hoàn thành. Nếu NATO được chuyển đổi phù hợp với điều kiện mới, nó có thể thực hiện một số chức năng hữu ích ở châu Âu mà không mâu thuẫn với OSCE hay sự hợp tác thực sự toàn châu Âu dưới hình thức này hay khác.

Thật không may, các sự kiện mùa xuân năm 1999 cho thấy rằng NATO trong thời gian này lại đang đi theo một tiến trình hoàn toàn khác. Thứ nhất, cuộc chiến chống lại Nam Tư do họ phát động vào tháng 3/1999 dường như với việc liên minh này, vốn được thành lập như một tổ chức phòng thủ để bảo vệ các thành viên theo hiệp ước ký tại Washington năm 1949, giờ đã chuyển sang các hoạt động tấn công vượt quá giới hạn được quy định bởi hiệp ước thành lập đó.

Thứ hai, cuộc chiến này cung cấp bằng chứng rằng Hoa Kỳ, với vai trò chỉ huy trong NATO, sẵn sàng không chỉ bỏ qua các tiêu chí luật pháp quốc tế, mà còn áp đặt lên thế giới chương trình nghị sự của chính mình trong các mối quan hệ quốc tế, trên thực tế được dẫn dắt chỉ bởi những “lợi ích quốc gia” của họ trong các mối quan hệ đó, chỉ đếm xỉa đến Liên Hợp Quốc khi những quyết định và hành động của Liên Hợp Quốc phục vụ lợi ích của Hoa Kỳ.

Thứ ba, chính sách của NATO, như trong những năm Chiến tranh Lạnh, đang đặt dấu nhấn quan trọng vào quyên lực tối thượng trong sức mạnh quân sự, cũng như mối đe dọa về việc triển khai quyên lực đó và việc sử dụng trong thực tế lực lượng quân đội ưu thế.

Vào tháng 4/1999, NATO thông qua một khái niệm chiến lược mới. Nó

nói về việc đảm bảo vai trò của Liên Hợp Quốc, cùng với các tổ chức quốc tế khác. Nhưng đồng thời, có những tuyên bố được đưa ra ở cấp cao nhất, rằng NATO đã được chuẩn bị để hành động ở bất cứ nơi nào và bằng bất cứ cách nào họ muốn, nếu họ cho là cần thiết, bỏ qua mọi nghị quyết của Liên Hợp Quốc.

Khái niệm chiến lược mới của NATO, được thông qua tại hội nghị thượng đỉnh NATO họp ở Washington, cũng như sự chỉ đạo thực tế của NATO trong cuộc khủng hoảng Balkan, cho thấy vai trò quyết định trong việc xác định số phận của lục địa Âu sẽ được giao cho NATO, chứ không phải cho OSCE.

Cuộc chiến chống Nam Tư - cuộc chiến đầu tiên ở châu Âu kể từ Thế chiến thứ hai - đặt ra một tiền lệ quan trọng cho thấy định hướng chiến lược mới của Hoa Kỳ. Cuộc chiến bắt đầu với khá nhiều sự phô trương về việc ngăn chặn thảm họa nhân đạo ở Kosovo. Không nghi ngờ rằng các chính sách và hành động của Tổng thống Milosevic đối với người thiểu số Albania ở Nam Tư đáng bị lên án và phản ứng từ phía cộng đồng quốc tế.

Nhưng đi đầu này chỉ nên được thực hiện với sự hiểu biết và tán thành của Liên Hợp Quốc và dưới sự bảo trợ của tổ chức này. Vi phạm nguyên tắc chung được luật pháp quốc tế thừa nhận này, NATO dính líu tới một cuộc tấn công vũ trang không lờ vào một quốc gia có chủ quyền. Vụ đánh bom nặng nề tập trung vào Serbia đã gây ra một thảm họa về nhân đạo, sinh thái và xã hội, đứng đầu các thảm họa ở Kosovo và diễn ra trên khắp Nam Tư, một quốc gia châu Âu đã tồn tại lâu đời. Các nước láng giềng như Albania và Macedonia, và có lẽ cả các nước khác, cũng đang bị hút vào quỹ đạo của tấn bi kịch này. Tình trạng trong khu vực nhìn chung là rất dễ bùng nổ.

Khó có thể khôi phục châu Âu và thế giới về *status quo* đã tồn tại trước ngày 23/3/1999. Hành động của Hoa Kỳ và NATO nhắc nhở mọi người - và trước hết là người châu Âu - cần phản ứng sâu sắc với chính sách của Hoa Kỳ vào đêm trước của thế kỷ mới. Rõ ràng là Washington đã không thể xây dựng một chiến lược tương xứng với những thách thức của thời đại chúng ta và đối với vị trí của Hoa Kỳ trong một thế giới đã đổi mới.

Đã có những nghi ngờ về khả năng tồn tại và tương lai của liên minh Bắc Đại Tây Dương. Không có NATO, Hoa Kỳ khó có thể thực hiện được tiến trình mới mang tính phá hoại và hết sức nguy hiểm của mình trên cả thế giới hoặc riêng ở châu Âu. NATO bao gồm trước hết là các nước châu Âu - với nền văn hóa dân chủ và nhân văn sâu sắc hơn của mình. Nền văn hóa này, cùng với kinh nghiệm rất phong phú qua nhiều thế kỷ từ một lịch sử đầy bi kịch và đôi khi đẫm máu, đặc biệt trong thế kỷ XX, xung khắc với các chính sách liên quan đến việc sử dụng vũ lực một cách thô bạo và bừa bãi. Lời cảnh nhắc, việc khơi dậy bất đồng quan điểm chống lại hành động của Hoa Kỳ, những thứ có thể nghe được trong phạm vi châu Âu muôn hình muôn vẻ cũng như trong các nước khác ở châu Mỹ, là những biểu hiện mà Nhà Trắng nên suy nghĩ nghiêm túc.

Cuộc chiến ở Nam Tư chắc chắn sẽ buộc người châu Âu trở lại với ý tưởng về việc có một chiến lược toàn châu Âu của riêng mình trong thế kỷ XXI. Nhu cầu này đã có từ rất lâu. Cơ sở của nó là *Hiến chương Paris cho một châu Âu mới* ra đời vào năm 1990. Một số người bác bỏ văn bản này với một sự khinh miệt bộp chộp, nhưng không ai đề xuất được bất kỳ một ý tưởng hoặc nguyên tắc nào tốt hơn những gì được thể hiện trong Hiến chương Paris. Bi kịch Nam Tư hiện tại một phần do thực tế là các chính

phủ tán thành Hiến chương đã không chấp nhận nó làm cơ sở cho chính sách của mình.

Vấn đề này cần được đưa ra xem xét lại. Tôi xin trích dẫn, như một ví dụ, nhận xét của cựu Thủ tướng Đức Helmut Schmidt: “Liên minh giữa châu Âu và Bắc Mỹ vẫn được mong đợi hơn bao giờ hết. Nhưng châu Âu không nên trở thành một vệ tinh chiến lược của Washington... NATO không thể đảm bảo hòa bình trên cả hành tinh, chưa tính đến việc giải quyết những vấn đề to lớn mang đặc tính phi quân sự mà nhân loại sẽ gặp phải trong thế kỷ XXI”.

Tuyên bố “Chữ thập Xanh Quốc tế”

[Lưu ý của người dịch (sang bản tiếng Anh): Sau khi chính phủ Milosevic đồng ý rút lực lượng của họ khỏi Kosovo và cho phép một lực lượng quốc tế, chủ yếu là quân đội NATO nhưng hiện dưới quy ước Liên Hợp Quốc, nắm quyền kiểm soát tình này, Mikhail Gorbachev đưa ra tuyên bố này sau ngày 18/6/1999].

Hiện giờ những cuộc không chiến chống Nam Tư đã dừng lại, cộng đồng thế giới sẽ phải đánh giá thiệt hại và rút ra bài học từ các sự kiện của những tháng vừa qua. Chúng ta không nên tán đồng hành động lừa dối và tùy tiện này bằng những kết luận sai lầm. Khi phải đối diện với hoàn cảnh của người dân Kosovo, với sự phá hủy nhiều cơ sở hạ tầng thiết yếu trong những gì còn lại của Nam Tư, và với thiệt hại to lớn trong quan hệ quốc tế, thì tuyên bố chiến thắng nghe thật sáo rỗng. Điều thực sự cần thiết bây giờ là phân tích một cách có trách nhiệm.

Là Chủ tịch của Chữ thập Xanh Quốc tế, một tổ chức phi chính phủ về môi trường, một trong những tổ chức đầu tiên lên tiếng báo động về hậu

quả môi trường từ hành động quân sự của NATO, tôi cảm thấy có nghĩa vụ phải tiếp tục thảo luận về vấn đề này. Một thảm họa môi trường toàn khu vực lẽ ra đã có thể tránh được, vấn đề chỉ là thời gian, và một sự đánh giá không thiên vị sẽ nói lên đi đâu này. Bây giờ ai đó có thể hỏi: “Liệu mối đe dọa có bị phóng đại không? Phải chăng tự nhiên có khả năng chống chọi với tác động của chiến tranh nhiều hơn chúng ta nghĩ?” Sự tự mãn này thật nguy hiểm.

Chúng ta hãy nhớ lại ảnh hưởng của những hành động chiến tranh theo sau cuộc gây hấn chống Kuwait của Saddam Hussein. Dữ liệu được trích dẫn tại một hội nghị quốc tế về hậu quả môi trường của chiến tranh, tổ chức tại Washington vào tháng 6/1998, đã chỉ ra rằng những hậu quả này là rất lâu dài. Các chuyên gia Chữ thập Xanh ước tính rằng 40% tài nguyên nước chiến lược của Kuwait đã bị ô nhiễm bởi dầu. Báo cáo về các vấn đề sức khỏe của lính Mỹ và Anh đã chiến đấu trong cuộc chiến đó mà hiện cũng đang ảnh hưởng đến con cái họ rất đáng báo động. Các hậu quả về môi trường và y tế của cuộc chiến ở Iraq, vì những lý do mà ai cũng biết, không được truyền thông nói đến rộng rãi hoặc được các nhà khoa học nghiên cứu.

Hành động quân sự chống lại Nam Tư bao gồm cả việc sử dụng vũ khí chứa uranium nghèo (DU). Những vũ khí như vậy cháy ở nhiệt độ cao, tạo ra các đám mây oxit uranium độc hại hòa tan trong các chất khí lỏng của phổi và phế quản. Bất cứ ai ở trong bán kính 300m từ tâm chấn của vụ nổ sẽ hít phải một lượng lớn các hạt nhỏ này. Mặc dù độ bức xạ do neutron bên ngoài tạo ra là khá thấp, nhưng neutron bức xạ nội tại lại làm hỏng các loại tế bào khác nhau trong cơ thể người, phá hủy nhiễm sắc thể và ảnh hưởng đến bộ máy sinh sản.

Chúng ta được tuyên truyền rằng các thành phần uranium đã làm nghèo là vô hại, và rằng vũ khí DU do đó là một phương tiện hợp pháp của chiến tranh. Nhiều lãnh đạo quân đội và chính trị tin - và một số có vẻ đến bây giờ vẫn tin - rằng vũ khí hạt nhân cũng rất “thông thường”, cho dù có là một loại vũ khí mạnh hơn đi nữa.

Tôi kêu gọi một đánh giá toàn diện về tình trạng môi trường ở Nam Tư và các nước khác trong khu vực và tại lưu vực sông Danube. Đây nên là một ưu tiên. Nhưng chúng ta phải làm nhiều hơn thế. Những xung đột quân sự trong thời đại chúng ta có thể gây ra thảm họa cho cả con người lẫn môi trường khiến nhiệm vụ ngăn ngừa chúng thậm chí còn quan trọng hơn. Phòng ngừa phải được ưu tiên nhất trong suy nghĩ và hành động của chúng ta. Nhưng nếu những cuộc chiến thù địch nổ ra bất chấp mọi nỗ lực của chúng ta, thì chúng phải bị kiềm chế bằng các giới hạn pháp lý nhất định. Những sự kiềm chế như vậy đã được các hiệp định Geneva và nghị định thư kèm theo đặt ra. Chúng cần được bổ sung các điều khoản hạn chế thiệt hại về môi trường do chiến tranh gây ra.

Đặc biệt, tôi tin rằng các cuộc tấn công nhằm vào một số ngành công nghiệp và hạ tầng, chẳng hạn các nhà máy điện hạt nhân và một số nhà máy hóa chất và hóa dầu, phải bị cấm. Chúng ta nên cấm những loại vũ khí mà việc sử dụng có thể gây ra những hậu quả về môi trường và y tế đặc biệt nguy hiểm, lâu dài. Theo quan điểm của tôi, vũ khí chứa uranium nghèo phải ở trong số những thứ đầu tiên bị cấm.

Đã đến lúc triệu tập một hội nghị lần thứ hai về hậu quả môi trường của chiến tranh để thảo luận các vấn đề thuộc loại này. Hội nghị cũng phải đề cập nhu cầu về một quỹ khẩn cấp để cấp tiền cho các biện pháp giải quyết hậu quả của thảm họa môi trường. Các sự kiện gần đây nhấn mạnh

tính cấp bách của đề xuất này.

Các nhà môi trường, các nhà lãnh đạo chính trị và dư luận giờ đây cần chứng tỏ rằng chúng ta có thể học được những bài học đúng đắn từ những bi kịch của thế kỷ XX. Bi kịch của con người và bi kịch của tự nhiên nên được chúng ta quan tâm như nhau. Chúng đang vang lên lời kêu gọi hành động có trách nhiệm.

Tóm lại, hòa bình và an ninh ở châu Âu đòi hỏi những nỗ lực mới. Cấu trúc chính trị châu Âu chưa thực hiện những nỗ lực đó, hoặc nếu có thì cũng chưa đủ. Tuy nhiên, phải ghi nhớ những điều sau đây:

- Tương lai hòa bình của châu Âu chỉ có thể là một tương lai chung, nếu không, hòa bình sẽ không tồn tại.
- Một tương lai chung và an ninh chung của lục địa đòi hỏi trên hết là sự hợp tác sâu sắc và rộng khắp trên toàn châu Âu trong tất cả các lĩnh vực chính của cuộc sống.
- Một cơ sở đáng tin cậy cho sự hợp tác như vậy tồn tại trong cộng đồng chung của văn hóa châu Âu và một lịch sử chung, cũng như mối quan tâm chung không thể phủ nhận về hòa bình và ổn định.

CHƯƠNG 18

THÁCH THỨC CỦA DÂN CHỦ

Trong cuốn sách *1984*, George Orwell tiên đoán rằng những năm 1980 sẽ được đánh dấu bằng sự phi nhân tính của xã hội và sự bất rề của chế độ độc tài hoặc khuynh hướng toàn trị trên khắp thế giới. Tư tưởng “phản không tưởng” của Orwell là một sự mô tả sâu sắc về một hệ thống áp bức vô nhân đạo. Nhưng ông đã nhầm. Chính xác là vào những năm 1980, bộc lộ một xu hướng mạnh mẽ hướng tới dân chủ hóa ở nhiều nước và trong cộng đồng quốc tế. Phạm vi thống trị của các chế độ toàn trị đã bị giảm đáng kể. Vai trò quyết định trong xu hướng này thuộc về cả perestroika ở Liên Xô lẫn các tiến trình thay đổi ở Trung và Đông Âu. Tất cả những thay đổi mang tính cách mạng căn bản này kích thích các giá trị dân chủ nói chung, biến chúng thành một yếu tố hiệu quả để thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau trong hầu hết các nước và dân tộc. Điều này gần như đúng ở mọi nơi, từ Mỹ Latin đến Nam Phi. Thật không may, cho đến nay chúng ta vẫn không thể nói rằng việc vượt qua chủ nghĩa toàn trị ở Liên Xô đã dẫn đến dân chủ hóa đích thực trong xã hội Nga hoặc các nước cộng hòa cũ của Liên Xô. Quyền tự do lựa chọn do perestroika mang lại không đồng nghĩa với việc đem đến sự lựa chọn tự do thực sự.

Chế độ ở Nga ngày nay chỉ có thể được gọi là dân chủ phần nào. Các hình thức bên ngoài và các thiết chế đặc trưng của nền dân chủ tồn tại, song nội dung của chúng vẫn mang tính độc tài ở nhiều khía cạnh. Hơn nữa, ở Nga và các nước khác thuộc Liên Xô cũ, các lực lượng tiếp tục tồn tại để chờ đợi một sự trở lại với quá khứ toàn trị về bản chất (dù một sự trở lại quá khứ như vậy, đơn giản là không thể). Nhìn chung, điều quan trọng đối với châu Âu và thế giới là Nga nên đi theo con đường làm sâu sắc thêm và mở rộng cơ sở cho nền dân chủ thực sự. Không hề phóng đại, sự phát triển tương lai của cả cộng đồng châu Âu và thế giới phụ thuộc phần lớn vào nỗ lực này.

Đồng thời, một cuộc khủng hoảng chính trị xuất hiện ở hầu hết các nước phương Tây, nơi đã có các chế độ dân chủ trong nhiều thập niên, nếu không nói là hàng thế kỷ. Vấn đề là các hệ thống chính trị truyền thống đã định hình ở phương Tây qua vài thế kỷ (chủ yếu vào thế kỷ XIX) - dựa trên nền dân chủ nghị viện và nhiều đảng phái chính trị - đang phải đối mặt với một cuộc khủng hoảng. Các thể chế dân chủ ở những nước này luôn bị giới hạn (đặc biệt trong giai đoạn phát triển đầu tiên của chúng) và bắt đầu teo tóp rõ nét trong những hoàn cảnh mới. Đây có phải là một nghịch lý? Hoàn toàn không. Trên thực tế, trái lại mới đúng. Cuộc khủng hoảng này về căn bản cũng đã trở thành một minh họa và là một biểu hiện của xu hướng dân chủ hóa trên toàn thế giới nói chung.

Xã hội dân sự ở các nước phương Tây đã trở nên mạnh hơn. Thực tế, việc phổ cập biết đọc biết viết, tính chuyên nghiệp phổ biến ở mọi cấp độ, tỉ lệ dân số liên quan đến lao động trí óc cả trong sản xuất lẫn dịch vụ tăng lên - tất cả những điều đó đã tạo ra một mong muốn tự nhiên trong người dân về việc thực hiện đầy đủ hơn các quyền của họ, về việc tham gia tích

cực hơn trong việc giải quyết các vấn đề xã hội, về tự quản và tự đi hành.

Xã hội phương Tây ngày nay ngày càng phản đối chủ nghĩa tập trung quan liêu trong hệ thống chính trị, cùng với tham nhũng và chủ nghĩa hình thức quá độ. Các đảng phái chính trị tuyên bố rằng họ đại diện cho tầng lớp này hay khác trong xã hội, mà trên thực tế ở một mức độ nhất định đã trở thành những công cụ vô thức của tầng lớp thượng lưu; do đó họ không còn biểu thị cho lợi ích của các cử tri của họ và đang mất dần sự ủng hộ. Những hệ thống bầu cử hiện có không còn đảm bảo cho việc đại diện thực sự trong đa số các cơ quan chính quyền. Do số người không đi bầu tăng lên và sự phân mảnh trong bỏ phiếu, nên nhiều đảng không thể có được một tỉ lệ phiếu bầu đủ để giành ghế trong nghị viện; do đó các hình thức nghị viện hiện tại của chính quyền thực tế chỉ đại diện cho một thiểu số người dân. Điều này cũng đúng đối với các nhà lãnh đạo cao nhất, ví dụ như các tổng thống.

Một trong những ví dụ nổi bật nhất về bản chất phản dân chủ của các hệ thống chính trị hiện thời, đó là các cơ quan chính phủ ít chú ý đến các vấn đề xã hội, ngay cả ở những nơi dường như là những nước dân chủ nhất. Vấn đề này chủ yếu liên quan đến những người bị gạt ra bên lề xã hội như người cao tuổi, người thất nghiệp, người vô gia cư và người nghèo nói chung. Song, đang có sự tăng lên của dân số thuộc loại “thừa” này, và với một số ngoại lệ, họ ngày càng bị coi là những kẻ hạ đẳng mà xã hội có thể bỏ qua.

Tương tự, một cuộc thảo luận ngày càng mở rộng chưa từng thấy đang diễn ra ở nhiều quốc gia, cũng về vai trò của chính phủ trong việc đáp ứng các nhu cầu xã hội. Cái gọi là chủ nghĩa tự do cổ điển, đòi hỏi chính phủ

phải “được giải phóng” khỏi chi tiêu xã hội, trên thực tế lại chẳng đại diện cho thứ gì khác ngoài việc từ chối quan tâm đến những người không có tiếng nói trong xã hội. Rõ ràng là kiểu tiếp cận này phản ánh một khái niệm về dân chủ đã sống lâu hơn sự vô dụng có tính lịch sử của nó. Nhưng khái niệm này vẫn được cố tình khuyến khích và được áp dụng trong nhiều trường hợp. Nga không phải là ngoại lệ với quan điểm này về vai trò của chính phủ trong các vấn đề xã hội.

Tuy nhiên, những làn sóng bất mãn xã hội đã buộc các chính phủ - kể cả các chính phủ có khuynh hướng thúc đẩy “chủ nghĩa tự do tuyệt đối” - phải quan tâm tới những vấn đề xã hội, và do đó thực hiện đi đầu chỉnh chỉnh sách trong nước của mình.

Thêm vào đó là sự bất lực của các hệ thống chính trị hiện thời trong việc tìm ra một giải pháp tối ưu cho vấn đề dân tộc và dân tộc thiểu số. Trong lĩnh vực này, các nguyên tắc và thực tiễn phản dân chủ ngày càng hiện rõ trong cơ cấu hiện tại và hoạt động của các thiết chế chính trị.

Sự xa lánh của công dân khỏi quyền lực chính phủ - tính chất căn bản của cuộc khủng hoảng dân chủ hiện nay - là một xu hướng nguy hiểm. Nó khiến các lực lượng phản dân chủ mạnh lên và mở đường cho các khuynh hướng độc tài.

Thế kỷ XX đã cung cấp bằng chứng không thể bác bỏ được về sự nguy hiểm của hệ thống độc tài và đặc biệt là độc tài của chính phủ. Dường như hiệu quả của những chính phủ như vậy và địa vị cao trong tổ chức của họ cuối cùng sẽ dẫn dắt xã hội vào một con hẻm mù, gây hỗn loạn và khiến người dân phải đương đầu với những vấn đề không giải quyết được. Không phải ngẫu nhiên mà sự kết thúc của thế kỷ chúng ta hiện nay lại

được đánh dấu bằng những phong trào chống độc đoán và chống độc tài mạnh mẽ, bằng sự sụp đổ của nhiều chế độ mang bản chất đó. Các xu hướng độc đoán vẫn tồn tại và có vai trò ở một số ít quốc gia.

Tất cả những điều này nói chung thường làm trầm trọng thêm các vấn đề liên quan đến việc thực hiện dân chủ, làm cho nó trở thành một trong những thách thức quan trọng nhất trong các thập niên sắp tới.

Thách thức này không chỉ là một thách thức chính trị trong nước. Bản chất và định hướng của chính sách đối nội cũng xác định bản chất và định hướng của chính sách đối ngoại - sự thật này từ lâu đã được biết đến. Hệ thống chính trị dân chủ làm cho một chính phủ nhìn thấy thế giới bên ngoài rõ hơn, và do đó tạo nên những điều kiện tiên quyết cho sự tin tưởng và hiểu biết lẫn nhau với các xã hội dân chủ bình đẳng khác. Mặt khác - và điều này đã được chỉ ra bởi rất nhiều ví dụ - một hệ thống độc đoán hoặc toàn trị dẫn đến kết quả là những hành vi đóng cửa, dè dặt đối với thế giới bên ngoài. Đối với các chế độ như vậy, đối đầu hóa ra là một chính sách đối ngoại thuận lợi nhất, cho phép chế độ thắt chặt sự kiểm soát đối với dân chúng, và sử dụng bất kỳ hình thức áp bức nào họ muốn. Một thuộc tính không đổi trong chính sách đối ngoại của mọi hệ thống toàn trị là hỗ trợ những thể chế tương tự ở các quốc gia khác.

Ở Liên Xô, chúng ta biết rất rõ điều này từ kinh nghiệm riêng của mình. Cái gọi là học thuyết Brezhnev, mà biểu hiện rõ nhất của nó là cuộc xâm lược Tiệp Khắc vào năm 1968, nhắm tới cả chính sách đối nội lẫn chính sách đối ngoại. Trong số các động cơ của cuộc đàn áp Mùa xuân Praha có mong muốn củng cố đường lối chính sách đối nội nhằm bảo tồn hệ thống độc tài hiện thời ở Liên Xô. Không phải ngẫu nhiên mà kết quả của hành động đó là việc tăng cường đàn áp các nhà phê bình luôn chỉ trích

những khuyết điểm và thiếu sót hiện có trong chính sách của Liên Xô.

Để thúc đẩy nền dân chủ trên khắp thế giới, điều cần thiết là phải vượt qua cuộc khủng hoảng hiện tại về dân chủ ở các nước phương Tây, cũng như hành động vì sự dân chủ hóa thực sự trong đời sống ở Nga và các nước khác thuộc Liên Xô cũ. Quyền lực chính trị phải lan rộng đến người dân bằng cách phân tán quyền lực và nâng cao vai trò của tự trị địa phương. Tất nhiên ở đây, điều quan trọng là không vượt qua ranh giới của việc phân cấp, khiến sự phân tán biến thành sự tan rã. Và về bản chất, trong mỗi nước quá trình này sẽ có các biến thể riêng, tương ứng với những đặc điểm cụ thể của xã hội đó.

Sự dân chủ hóa các quan hệ quốc tế bao hàm trước hết là sự công nhận và tôn trọng vô điều kiện đối với các quyền và lợi ích của tất cả các quốc gia và dân tộc, đối với sự bình đẳng thực sự giữa họ, loại trừ bất kỳ hình thức nào của những mệnh lệnh bắt buộc trong thực tiễn hằng ngày của nền chính trị quốc tế.

Đồng thời, tất cả các nước phải tôn trọng những tổ chức quốc tế hiện có, bắt đầu là Liên Hợp Quốc, và phải nghiêm túc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với những tổ chức này trên cơ sở bình đẳng, cũng như đối với cộng đồng thế giới nói chung. Vai trò của những tổ chức quốc tế phải được công nhận như một biểu hiện trực tiếp về sự bình đẳng của mọi thực thể hoạt động trong các mối quan hệ quốc tế.

Trong vấn đề này, cần lưu ý rằng tuyên bố của Hoa Kỳ mong muốn thiết lập các chính phủ dân chủ trên khắp thế giới (chỉ được mỗi nước này hoan nghênh) là không tương thích với những nỗ lực của Hoa Kỳ nhằm áp đặt lên các chính phủ khác hình thức dân chủ của mình. Tệ hơn nữa là ý

định của Hoa Kỳ trong tuyên bố này là nhằm khẳng định sự lãnh đạo của mình đối với cả thế giới. Hỗ trợ cho dân chủ là cần thiết, là đúng, nhưng phải bằng các hình thức dân chủ thực sự. Nếu không, chính mong muốn thúc đẩy sự lan truyền của dân chủ sẽ bị đặt câu hỏi.

Tương tự, việc Washington không coi trọng Liên Hợp Quốc và các quyết định của tổ chức này đã được chứng minh nhiều lần là không phù hợp với sự trung thành với dân chủ mà họ đã tuyên bố. Điều tương tự cũng đúng trong những nỗ lực của Hoa Kỳ bỏ qua Liên Hợp Quốc trong việc giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Liên Hợp Quốc, và dĩ nhiên cả sự thất bại của Washington trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính cho Liên Hợp Quốc. Hoa Kỳ không chỉ có một mình, chùng nào còn liên quan đến việc vi phạm nguyên tắc dân chủ trong các vấn đề thế giới. Thật không may, nói chung thế giới vẫn còn một chặng đường dài cách xa sự bình đẳng thực sự giữa các chính phủ và một số quốc gia, mà trên thực tế không tuân theo nguyên tắc không can thiệp, vốn cũng cấm can thiệp bí mật vào công việc nội bộ của các nước khác. Các vi phạm như vậy có thể được tìm thấy ở mọi châu lục.

Điều dễ hiểu là các quốc gia lớn hơn và mạnh hơn có thể góp phần nhiều hơn vào việc giải quyết những vấn đề quốc tế. Nhưng điều này chỉ có thể được thực hiện nếu quyền của tất cả các quốc gia được công nhận và tôn trọng. Các cường quốc lớn về căn bản không có nhiều quyền hơn các nước khác. Họ có trách nhiệm lớn hơn đối với thế giới nói chung. Và điều này bao gồm cả việc thiết lập những nguyên tắc dân chủ thực sự trong các mối quan hệ quốc tế.

Các cường quốc lớn có nhiệm vụ đảm bảo rằng các quốc gia nhỏ và vừa, bất kể họ ở đâu, có khả năng đóng góp thực sự cho cộng đồng thế

giới.

Trong những năm đầu của Chiến tranh Lạnh, các cường quốc chủ yếu sử dụng các nước nhỏ và vừa như những quân cờ trên bàn cờ chính trị thế giới. Sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, tình hình này cần phải thay đổi. Mặc dù một số biểu hiện của sự thay đổi có thể thấy được, song nhìn chung tình hình vẫn giữ nguyên.

Khi xem xét cả nhu cầu dân chủ hóa các mối quan hệ thế giới lẫn những phức tạp phát sinh trên con đường hướng tới việc dân chủ hóa như vậy, có thể có mong muốn xây dựng một bộ luật đặc biệt về quyền và trách nhiệm của các chính phủ trong khuôn khổ cộng đồng thế giới nói chung. Đây có lẽ sẽ là một nhiệm vụ rất khó khăn. Không phải mọi chính phủ (bao gồm cả những chính phủ tuyên bố dân chủ là nguyên tắc căn bản của họ) sẵn sàng hoặc tự nguyện thừa nhận bằng một văn bản quốc tế một số quy tắc hành vi mà tất cả phải tuân theo. Những quy tắc như vậy tỏ ra bất tiện và hạn chế, đặc biệt đối với những người đã quen đi đầu hành, nói một cách chính xác là theo ý họ. Thật khó có thể tuyên bố chắc chắn rằng các quy tắc này sẽ được tuân theo, ngay cả khi chúng đã được ký kết và phê chuẩn (nhưng đó sẽ là một điều kiện cần thiết để chúng có hiệu lực). Tuy nhiên, các quy tắc như vậy có thể có tác động nhất định trong việc hạn chế những bên có khả năng vi phạm các tiêu chí dân chủ của cộng đồng thế giới.

Một khía cạnh quan trọng khác của việc dân chủ hóa các mối quan hệ quốc tế mà tất cả các chính phủ phải tuân thủ đúng, đó là tôn trọng nhân quyền trong các chính sách đối nội của mình; họ cũng phải hỗ trợ việc tôn trọng quyền đó của các thành viên khác trong cộng đồng thế giới. Các chính phủ phải xem xét cả nguyên tắc tôn trọng nhân quyền (tài liệu của Liên Hợp Quốc có đầy đủ những minh chứng rõ ràng về các quyền đó) và

cả cách thức cụ thể mà các chính phủ hoặc quốc gia nhìn nhận nguyên tắc này.

Vấn đề là mặc dù các hiệp ước quốc tế về nhân quyền đã được hầu hết các chính phủ trên thế giới ký kết và thông qua, nhưng có những sắc thái khác nhau khá rõ đã xuất hiện theo cách chúng được hiểu hoặc được thực hiện. Người ta đã biết khá nhiều trường hợp, trong đó một số chính phủ đã không thừa nhận những vi phạm nhân quyền hiển nhiên. Thường thì triều đình thống đất nước được viện dẫn trong những trường hợp này.

Việc thiếu sự tán thành thậm chí còn lớn hơn, khi các nước khác yêu cầu một nước bị buộc tội vi phạm nhân quyền, mà Liên Hợp Quốc đã chỉ rõ, phải có biện pháp sửa sai tình trạng đó. Những yêu cầu như vậy thường được xem là vi phạm chủ quyền của quốc gia liên quan.

Tất nhiên, có một vấn đề lớn là hiện đang thiếu những định nghĩa pháp lý được quốc tế công nhận về các giới hạn của thẩm quyền quốc tế và quyền của cộng đồng thế giới nhằm khẳng định việc tuân thủ nguyên tắc về những quyền bất khả xâm phạm của con người. Nhưng đó không phải là vấn đề duy nhất.

Khái niệm về nhân quyền - đặc biệt là khả năng can thiệp từ bên ngoài để đảm bảo rằng những quyền này được tuân thủ - là một hiện tượng tương đối mới. Đó là kết quả của sự phát triển dần dần trong văn hóa chính trị, bao gồm nhận thức về các quyền này, phát sinh đầu tiên ở châu Âu và Bắc Mỹ. Ví dụ ở châu Âu, tính phổ quát của nhân quyền được tất cả các chính phủ thừa nhận. Điều này bao hàm sự chấp nhận những can thiệp quốc tế trong việc bảo vệ nhân quyền. Tuy nhiên, có một tòa án đặc biệt liên quan đến những vấn đề này tồn tại chỉ trong khuôn khổ của Liên minh châu Âu

và Hội đồng châu Âu, với những thỏa thuận đặc biệt được mọi thành viên thông qua.

Một số chính phủ khác thì thừa nhận tính phổ quát của nhân quyền nhưng không tuân thủ các quy tắc tương ứng trong mọi trường hợp. Chúng ta không phải đi xa để tìm ví dụ. Một ủy ban giám sát về việc tuân thủ nhân quyền ở Nga hằng năm ghi nhận một số lượng rất lớn các hành vi vi phạm những quyền đó, từ việc hạn chế đối với các nhà báo đến việc hành hạ của các cơ quan thuộc Bộ Nội vụ. Nhưng điều này cũng không chấm dứt được việc vi phạm.

Các dân tộc chỉ mới giành được độc lập lại nghi ngờ những yêu cầu quốc tế về tôn trọng nhân quyền. Đối với họ, chủ quyền có một tầm quan trọng vượt trội đến mức họ sẵn sàng giải thích bất kỳ hành động nào của các thế lực nước ngoài như một sự vi phạm chủ quyền, ngay cả khi các thế lực này không có ý định đó. Tuy nhiên, thái độ của họ hoàn toàn có thể hiểu được. Lịch sử của các nước này đã chứng kiến rất nhiều hình thức, cả công khai lẫn bí mật, can thiệp vào công việc nội bộ của họ (đôi khi dưới những cái có vẻ rất hợp lý), khiến ngày nay họ có quyền đặt câu hỏi và do dự.

Có thể là cuối cùng Liên Hợp Quốc, cùng với các tổ chức khu vực về an ninh và hợp tác, sẽ tạo ra những cấu trúc đặc biệt được trao quyền không chỉ để theo dõi việc tuân thủ nhân quyền, mà còn để áp đặt các hình phạt và sử dụng các biện pháp cưỡng chế khác, đặc biệt trong những trường hợp vi phạm nhân quyền một cách trắng trợn, bao gồm vi phạm quyền của các dân tộc thiểu số hoặc các nhóm khác phải chịu bạo lực, phân biệt đối xử, từ chối những quyền hợp pháp.

Trong bất kỳ trường hợp nào, việc dân chủ hóa các quan hệ quốc tế đã

trở thành một nhu cầu cấp bách. Đó là một biện pháp phòng ngừa để đảm bảo rằng hòa bình thế giới không bị vi phạm, và rằng không có chính phủ nào tham gia vào các hành động tùy tiện trên vũ đài thế giới; điều đó cũng rất quan trọng cho việc dân chủ hóa đời sống ở tất cả các nước trên thế giới. Cuối cùng, nếu không có việc dân chủ hóa các mối quan hệ quốc tế, chúng ta không thể đạt đến một trật tự thế giới mới, thực sự bình yên.

CHƯƠNG 19

THÁCH THỨC CỦA CÁC GIÁ TRỊ NHÂN VĂN PHỔ QUÁT

Lịch sử nhân loại, theo nghĩa rộng, là lịch sử các giá trị của nó. Chúng như một ngu ần tạo ra các quy tắc đạo đức quan trọng đi ều chỉnh hành động của bất kỳ cộng đ ồng người nào. Tại mỗi bước ngoặt lớn của lịch sử, các giá trị lại thay đổi - chúng được làm phong phú thêm, hoặc trở nên nghèo nàn đi. Nhưng chúng luôn có một cơ sở chung, và đó là những gì làm cho con người là con người.

Các giá trị được thể hiện trong nhiều tôn giáo trên thế giới. Chúng truyền cảm hứng cho cả các cá nhân lẫn các nhóm lớn, và nuôi dưỡng những ý thức hệ và phong trào quần chúng khác nhau. Những ý thức hệ và phong trào này đã thay đổi khá nhiều trong quan điểm và kết quả đạt được. Nhiều ý thức hệ đã bị đánh bại và biến mất khỏi sân khấu lịch sử mà không đạt được gì nhiều. Song các giá trị căn bản mà chúng ủng hộ vẫn sống. Các giá trị này đã giữ gìn được ý nghĩa của chúng và trong tương lai cũng sẽ vậy, bởi nếu không có các giá trị, con người sẽ phải chịu đựng “sự thô bạo” (*odichanie*) về đạo đức. “Phủ nhận hoặc phá hủy các giá trị (về

tôn giáo, tinh thần, đạo đức, dân sự, chính trị)”, như nhà nhân văn vĩ đại Florence, Giorgio La Pira, đã viết, “đương nhiên sẽ dẫn đến bất công, ngược đãi và áp bức”.

Ngày nay, nhiều triết gia và đại diện của các tôn giáo khác nhau đang nói về cuộc khủng hoảng các giá trị. Tác phẩm của những nhà văn xuất sắc được dành cho vấn đề này. Ngay cả các chính trị gia cũng thường xuyên đề cập đến nó. Nhưng tình hình vẫn như cũ. Những nguyên tắc đạo đức phổ quát cổ xưa, điểm tựa duy nhất để cuộc sống của con người có thể phát triển, đã bị lãng quên theo nhiều cách, hoặc được dùng để che giấu những hành động xung đột với các giá trị đó. Nhiều cái gọi là các giá trị mới lại giống như những sự biện minh cho hành vi ích kỷ và vị kỷ, cho sự tự mãn và tham vọng, cho chuyện kiếm tiền và tiêu dùng không kiềm chế; chúng dường như không phải là các nguyên tắc có lý, phù hợp với bản chất tự nhiên của con người.

Thế lưỡng nan mà những người thông thái ngày xưa nói ra - tiền tài hay là có? - ngày nay mang ý nghĩa mới và có tính đe dọa. Đó là vì cuộc sống con người ngày càng phụ thuộc vào mong muốn có được cái gì đó. Chủ nghĩa tiêu thụ và thèm muốn vật chất, bắt nguồn từ những mặt tiêu cực của kinh tế thị trường, đã đẩy ra phía sau mọi mong muốn làm phong phú tinh thần hoặc tiến bộ về văn hóa, mọi mong muốn cải thiện hoặc hoàn thiện tư duy và ý thức con người. Quyên “tự do có” được coi là thành tựu cao nhất trong lịch sử, như là màn cúi chào lúc hạ màn. Tuy nhiên, đi đâu đây không có gì khác ngoài một sự loại bỏ tất cả những khát vọng cao hơn về một tương lai tốt đẹp hơn, thực sự nhân văn.

Nếu xã hội bước vào tương lai với các giá trị sai lầm và méo mó của hiện tại, thì nó sẽ không có tương lai. Nó đồng nghĩa với sự thoái hóa của

Homo sapiens, tạo vật cao nhất của Thượng Đế.

Trở lại với các giá trị lâu đời, tích cực về tinh thần và đạo đức, với một quan điểm nhân văn phổ quát và thực sự lạc quan, là một trong những nhiệm vụ quyết định của kỷ nguyên chúng ta. Đó là một nhiệm vụ chung của con người. Một nhiệm vụ toàn cầu. Nếu không có kho tàng vĩ đại chứa đựng các giá trị đã tích lũy qua hàng thiên niên kỷ, con người sẽ không thể đối phó với những nguy cơ đang đe dọa, không thể giải quyết được những vấn đề đã trở thành các thách thức nghiêm trọng đến vậy.

Do sự toàn cầu hóa xã hội và hội nhập thế giới đã phát triển trong thời đại chúng ta, nên toàn nhân loại đã có được những lợi ích toàn cầu chung, bắt đầu với chính sự sống còn của nó. Trong bối cảnh đó, các giá trị vốn có của con người mang một ý nghĩa đặc biệt, có thể quyết định toàn bộ sự tồn tại của chúng ta. Đồng thời, có thể nói rằng các giá trị căn bản ấy đã trở nên tổng thể hơn. Vì nhân loại đã đạt tới khả năng tự hủy diệt thông qua chiến tranh hạt nhân hoặc thảm họa sinh thái, nên giá trị cuộc sống mang một đặc tính bi kịch nhất định. Lần đầu tiên trong lịch sử, chúng ta phải đối mặt với thách thức về việc bảo vệ sự tồn tại của con người, chứ không chỉ là cứu mạng sống của các cá nhân hoặc dân tộc.

Việc bảo vệ môi trường tự nhiên đã trở thành ưu tiên cao đối với cộng đồng nhân loại. Ngăn ngừa thảm họa sinh thái hẳn nhiên là một nhiệm vụ toàn cầu. Điều này có nghĩa là các giá trị đạo đức phải tìm được sự thể hiện vật chất trong nền chính trị thế giới. Điều quan trọng nhất là phải tạo ra một hệ thống quản lý tập thể đối với các tiến trình trên toàn thế giới, một hình thức hợp tác chủ yếu trên cơ sở bình đẳng giữa các quốc gia và dân tộc. Chúng ta phải biết cách kết hợp và cùng phối hợp các lợi ích và hành động quốc gia vì lợi ích và hành động trên toàn thế giới. Từ quan điểm dựa

trên giá trị này, một lần nữa chúng ta phải nói về nhu cầu có một nền chính trị mới, có khả năng dẫn dắt nhân loại thoát khỏi bế tắc hiện thời.

Thật không may, cho đến nay các giá trị nhân văn phổ quát dường như vẫn tồn tại biệt lập quá mức, trong khi chính trị theo đuổi quá trình riêng của mình và đã rời xa khỏi các giá trị đó.

Năm 1995, thế giới tổ chức kỷ niệm lần thứ 50 chiến thắng chủ nghĩa phát xít. Lịch sử của chủ nghĩa phát xít có lẽ là một ví dụ sống động và thuyết phục nhất về sự thất bại toàn diện và nhục nhã của những chính sách dựa trên sự đàn áp các giá trị nhân văn phổ quát và phá vỡ các nguyên tắc đạo đức nền tảng.

Ví dụ về những kinh nghiệm tương tự cũng được biết đến trong lịch sử Soviet. Tôi xin dẫn chứng, trước hết là chủ nghĩa Stalin và những hậu quả của nó, rồi cả thời hậu Stalin khi quân đội Soviet được đưa vào Hungary, Tiệp Khắc và Afghanistan. Những hành động này mâu thuẫn với các giá trị và nguyên tắc chung của cộng đồng nhân loại và gây ra những đòn đau đớn cho Liên Xô.

Ngày nay, trong những điều kiện mới phát sinh, không đơn giản để kêu gọi lịch sử lên án mối bất hòa giữa chính trị và các giá trị nhân văn phổ quát. Cần phải suy nghĩ về một cái gì hoàn toàn khác: Những nhu cầu nào phải được đáp ứng trong thời đại này, khi số phận của mỗi người không bị tách rời mà tất cả được kết nối với nhau? Liệu những nhu cầu phát sinh từ tình huống này có buộc chúng ta phải tuân thủ và trung thành với các giá trị nhân văn phổ quát? Tôi hài lòng ghi nhận rằng những câu hỏi này được trả lời với sự khẳng định của các nhân vật đại diện cho những xu hướng đa dạng nhất về ý thức hệ và niềm tin tôn giáo, cho những nhà khoa học thuộc

nhieu trường phái khác nhau.

Nhưng như mọi khi, chính trị đang tụt lại sau. Đây có phải là nguyên cơn sâu sắc nhất của nhiều bất hạnh mà chúng ta gặp phải trong thời đại mình? Ở điểm này cần nhấn mạnh rằng, đối với nền chính trị quốc tế ngày nay, một số giá trị nhất định mang ý nghĩa đặc biệt to lớn. Trong số các giá trị này là sự khoan dung. Với một thế giới vô cùng phong phú và đa dạng, thì sự sống còn của nó và sự sống còn của các bộ phận cấu thành nên nó phần lớn phụ thuộc vào mức độ khoan dung trước những khác biệt.

Liên Hợp Quốc tuyên bố, năm 1995 là Năm Khoan dung. Hiến chương Liên Hợp Quốc nêu rõ rằng biểu hiện khoan dung là một nguyên tắc không thể thiếu, nó phải được áp dụng để ngăn ngừa chiến tranh và duy trì hòa bình. Điều này rõ ràng là đúng, nhưng tư tưởng này phải được truyền đi xa hơn nữa: Khoan dung giờ đây đã trở thành một trong các giá trị nhân văn phổ quát quyết định nhất.

Thế kỷ XX nói chung đã tỏ ra là một thế kỷ bất khoan dung trong quan hệ con người, quan hệ xã hội và chính trị quốc tế. Nguyên tắc chủ đạo là bất khoan dung, lấy cảm hứng từ chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, và sự thèm khát vô độ về lợi nhuận, lãnh thổ, nguyên liệu, thị trường mới cho sản phẩm của ai đó. Trong thời đại chúng ta, bất khoan dung đã gây ra nhiều xung đột đẫm máu, từ các nước cộng hòa của Nam Tư cũ đến Somalia, từ Rwanda đến Sri Lanka, từ Afghanistan đến Chechnya. Đây là một hiện tượng của lịch sử và của hôm nay, không loại trừ bất kỳ lĩnh vực nào trong các mối quan hệ con người cũng như bất kỳ khu vực nào trên thế giới.

Việc khẳng định sự khoan dung trong quan hệ giữa mọi người, giữa các

cộng đồng và giữa các nước, như Liên Hợp Quốc kêu gọi, là một đảm bảo rằng giá trị vốn có của con người sẽ được công nhận, cùng với quyền tự do lựa chọn cho mọi quốc gia, dân tộc, hoặc nhóm thiểu số.

Theo nghĩa rộng nhất, khoan dung là tôn trọng quan điểm của người khác, nó loại bỏ bất kỳ nỗ lực nào nhằm áp đặt quan điểm và lòng tin của ai đó bằng bạo lực. Nó là một lời kêu gọi hướng tới đối thoại, tìm kiếm những cách thức ngăn ngừa xung đột và giải quyết tranh chấp.

Trong lĩnh vực chính trị quốc tế phù hợp, khoan dung có nghĩa là hành vi tìm kiếm giải pháp mà các bên cùng chấp nhận được, dựa trên sự cân bằng giữa những lợi ích khác biệt. Nó có nghĩa là làm việc và đàm phán cẩn thận để tìm ra những giải pháp thỏa hiệp nhằm giải quyết các vấn đề khó khăn nhất.

Khoan dung không có nghĩa là một thái độ tha thứ tất cả, như nhiều người tranh luận, cũng không có nghĩa là bỏ qua những khác biệt. Nó có nghĩa là thừa nhận những khác biệt như một ngu ồn làm phong phú cho tư tưởng, chính trị và đạo đức, và do đó là một con đường hướng tới sự hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau.

Tất cả các thay đổi lớn diễn ra trong những năm gần đây, trên hết, có thể do các quốc gia từng là kẻ thù đã đi đến một sự hiểu biết lẫn nhau. Có thể họ đã tính đến những lợi ích khác biệt của nhau và tìm thấy sự cân bằng giữa chúng.

Hiểu biết lẫn nhau cũng là một trong các giá trị nhân văn phổ quát. Nó không có nghĩa là bỏ qua các lợi ích khác nhau; nghĩa là nó không loại bỏ sự đa dạng về ý đồ của các bên khác nhau trong quá trình cùng giải quyết một số vấn đề. Tuy nhiên, nó bao hàm việc đạt được thỏa thuận một cách

trung thực, kiểm tra cụ thể các vấn đề, và tất nhiên sau đó là việc thực hiện những thỏa thuận này một cách công bằng. Nếu các nghĩa vụ không được chấp nhận và thực hiện với sự trung thực, có thể không có sự hiểu biết lẫn nhau.

Để đi tới sự hiểu biết lẫn nhau, đầu tiên cần hiểu nhau rõ hơn, hiểu những mối quan tâm của đối tác và kiềm chế trước hành động của họ. Điều này không chỉ đúng ở cấp độ lãnh đạo chính trị hoặc giữa các chính khách nói chung, mà sự hiểu biết lẫn nhau thực sự còn có thể đi đến chỗ tốt nhất là khi dân chúng của các quốc gia tương ứng thiết lập được các mối quan hệ tin cậy lẫn nhau. Do đó tiếp theo là tầm quan trọng của việc giao thiệp không thành kiến giữa các quốc gia, dân tộc và công dân.

Kinh nghiệm những năm gần đây đã khẳng định tất cả những điều này. Việc giao tiếp được mở rộng giữa các công dân của Liên Xô và của Hoa Kỳ đã cho phép cả hai dân tộc thay đổi thái độ đối với nhau, và điều này trở thành một nhân tố chính trị quan trọng.

Lòng khoan dung, việc hiểu biết lẫn nhau và sự tin tưởng được kết nối không thể tách rời với một giá trị nhân văn căn bản, phổ quát hơn - tình đoàn kết. Cần phải đoàn kết tất cả mọi người với nhau, những công dân gần nhất và xa nhất trên thế giới, những người nghèo và bị bần cùng hóa, những người đau khổ và cùng quẫn.

Trong mấy năm gần đây, thế giới thường gặp những ví dụ cảm động về tình đoàn kết nhân văn. Tôi xin nhắc lại, không có gì khác ngoài làn sóng xúc động của sự cảm thông và hỗ trợ dành cho công dân của chúng ta sau thảm họa tại Chernobyl và các trận động đất ở Armenia và trên đảo Sakhalin. Cộng đồng thế giới, nhiều tổ chức xã hội và những công dân

bình thường đã thể hiện tình đoàn kết đích thực với các nạn nhân chiến tranh, đặc biệt là trên lãnh thổ của Nam Tư cũ, và với những người bị ảnh hưởng bởi các thảm họa thiên nhiên. Dường như chúng ta có thể khẳng định rằng tình đoàn kết trên thế giới đang bén rễ sâu hơn bao giờ hết.

Bất chấp những đi đầu này, vẫn có thể cảm nhận được một sự thiếu đoàn kết, chủ yếu là trong nền chính trị trên cấp độ quốc tế. Thay vì đoàn kết, thì sự xa lánh và thờ ơ đối với những đau khổ của người khác thường len vào. Đi đầu này xảy ra ở cả chính trị trong nước lẫn chính trị quốc tế. Tính vị kỷ hoài nghi, tính toán và thậm chí mong muốn kiếm tiền trên sự đau khổ của người khác, thật không may, vẫn hiện hữu.

Đặc biệt, có một sự thiếu vắng tình đoàn kết chân chính và hiệu quả với Thế giới Thứ ba. Sự cần thiết phải hợp tác chặt chẽ với các dân tộc thuộc Thế giới Thứ ba đang bị bỏ qua. Đi đầu này tạo đi đầu kiện cho chế độ độc tài có thể nảy sinh, là những chế độ vận hành một cách khó đoán trong các mối quan hệ quốc tế. Nó cũng tạo ra đi đầu kiện tiên quyết cho vô số xung đột nội bộ, dẫn đến những con số thương vong cực kỳ lớn.

Thế kỷ XXI và toàn bộ thiên niên kỷ tới sẽ là kỷ nguyên của một bi kịch chung, nếu tình đoàn kết của con người không chiếm ưu thế trước sự coi thường phổ biến đối với chính nhân loại và sự thờ ơ với số phận của hàng triệu người.

Voltaire đã từng nói rằng lịch sử của các thế kỷ trước là lịch sử của sự cuồng tín. Có thể nói rằng lịch sử của hai thế kỷ kể từ thời Voltaire là lịch sử của ý thức hệ, hoặc chính xác hơn, của nền chính trị ý thức hệ. Cùng với thời gian trôi qua, đã có một sự sụt giảm đều đặn trong “yếu tố năng lực” cùng với sự tôn trọng trước trí tuệ đã được tích tụ. Đã có một sự từ chối

công nhận những hiểu biết sâu sắc của một số học giả, nhà tư tưởng và nhà khoa học tự nhiên. Ví dụ như các trường hợp: Malthus vào cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX, và Einstein vào thế kỷ XX. Mặt khác, năng lực tự hủy diệt của con người đã tăng lên.

Sự cuồn cuộn và ý thức hệ đã không hề biến mất trong thời đại chúng ta, nhưng chúng đã mất đi nhiều vị trí mà chúng từng nắm giữ. Và chúng đang thay đổi diện mạo bên ngoài của mình để thích ứng với các điều kiện mới. Tuy vậy, ngày nay - không phải do ý muốn của bất cứ ai, mà do những quá trình khách quan - nhân loại đã bước vào một thế giới có những tằm vóc khác, một thế giới trong đó các giá trị nhân văn phổ quát mang ý nghĩa sống còn. Việc bảo tồn các giá trị này, như là những thành tựu của toàn bộ lịch sử nhân loại qua nhiều thế kỷ, và đưa chúng vào hoạt động trong đời sống hằng ngày không phải nhiệm vụ dễ dàng. Nó đòi hỏi, trên hết, một mức độ hiểu biết cao về các vấn đề ngày nay, và cũng ở một mức độ cao không kém, cam kết về các giá trị đạo đức. Không thể đạt được điều gì trong số đó mà không cần phải cố gắng có tính mục đích. Những nỗ lực này phải được định hướng chủ yếu tới sự phát triển trí tuệ và tạo tiền đề văn hóa cho việc giải quyết các vấn đề đang nổi lên. Điều này có nghĩa là phải nâng đỡ, giáo dục và đào tạo giới trẻ một cách đúng đắn, nhấn mạnh vai trò của các nguyên tắc tinh thần trong đời sống hằng ngày. Từ đó sẽ dẫn đến những sức mạnh trí tuệ và tinh thần của con người với trách nhiệm lớn lao.

Sự phát triển tư duy toàn cầu đối với toàn nhân loại hiện đang ở trên bàn nghị sự. Có gốc rễ chung với tư duy cá nhân, tư duy toàn cầu ấy có thể định hình như một kết quả logic của việc phát triển và điều chỉnh tư duy cá nhân. Toàn bộ lịch sử trí tuệ chủ yếu là lịch sử của việc mở rộng những

đường chân trời và biên giới. Đã đến lúc toàn bộ hành tinh chúng ta phải thành đường chân trời.

Trên thực tế, ngày nay con người ngày càng quen với một nhận thức rộng lớn hơn về thế giới. Ngay cả khi không nhận ra điều này, thì chúng ta vẫn bị hút vào một vòng xoáy của các sự kiện toàn cầu, tiếp nhận thông tin từ những nguồn đa dạng nhất, trên hết là truyền hình, phát thanh và báo chí, chia sẻ một kho thông tin mênh mông từ những vùng xa xôi nhất của thế giới. Hôm nay, theo chính logic của các sự kiện, chúng ta đang bị đẩy tới chỗ phải hiểu rằng đang có một nhu cầu về sự tương tác và hợp tác giữa mọi quốc gia trên thế giới, hướng tới chấp nhận những thực tại toàn cầu hiện nay.

Giữa tính đa dạng trong sự tồn tại của con người, các đặc tính phổ quát ngày càng dẫn đầu. Người dân các nền văn hóa khác nhau đang bị hút đến gần nhau hơn để cùng tham gia đối thoại. Những rào cản đang bị phá vỡ, bộc lộ bản chất nhân văn chung đến mọi cá nhân thuộc các nhánh khác nhau của một thân cây chung: nền văn minh thế giới. Trong khi khẳng định nhận thức về bản thân, con người đồng thời đang trở thành những thực thể phổ quát, họ cảm nhận được đầy mạnh mẽ về các mối quan hệ của mình với tất cả những người khác trên thế giới. Thông qua chính quá trình này, lối tư duy toàn cầu được định hình.

Vì vậy sau đó, những tiến trình văn minh chung làm nảy sinh nhu cầu cấp thiết về sự đồng hóa và ứng dụng thực tế của các giá trị nhân văn phổ quát. Ở đây cũng vậy, chính trị đang tụt lại phía sau. Nhưng mọi người đang ngày càng nhận thức được sự cần thiết phải có sự lãnh đạo chính trị.

CHƯƠNG 20

SỰ KHỞI ĐẦU CỦA LỊCH SỬ?

Tư duy mới và ứng dụng của nó vào cuối những năm 1980 và đầu những năm 1990 đem lại các kết quả thực tế có tầm quan trọng đáng chú ý. Những thay đổi đáng kể đã diễn ra trong đời sống hằng ngày của cộng đồng thế giới: cộng đồng được giải thoát khỏi sự đối đầu và Chiến tranh Lạnh, nguy cơ về thảm họa hạt nhân đã được loại bỏ khỏi sân khấu trung tâm. Một sự đổi mới căn bản trong bức tranh địa chính trị và địa kinh tế đã bắt đầu. Đồng thời và với cùng một dấu hiệu, chúng ta thấy một sự hợp nhất của các quá trình văn minh hóa toàn cầu.

Mấy năm gần đây đã chứng kiến những lời chỉ trích về tư duy mới và về kết quả từ các ứng dụng thực tế của nó. Đúng là mặc dù những gì đạt được rất đáng kể, và trên thế giới đã xuất hiện sự thay đổi tích cực không thể phủ nhận được nhờ có tư duy mới, song không phải mọi thứ chúng ta lên kế hoạch đều thành công. Phần lớn được thực hiện chưa xong, chủ yếu do sự giải thể của Liên Xô vào tháng 12/1991 đã ngăn cản sự tiếp tục của những thay đổi vừa bắt đầu. Sau đó, những thay đổi mà chúng ta đã làm lại được tuyên bố là không phù hợp và không cần thiết.

Trong thời gian gần đây, chính sách đối ngoại của Nga ở một số khía cạnh đã trở lại với kiểu tiếp cận điển hình của tư duy mới và với những ý tưởng chúng ta đã khởi xướng. Bằng cách này, tư duy mới đã chứng tỏ rằng nó phù hợp với tinh thần thời đại chúng ta, xuất phát từ nhu cầu khách quan và xu hướng của một kỷ nguyên hiện đại. Nhưng cuộc sống đang tiến về phía trước, đề ra những đòi hỏi mới và đặt ra những nhiệm vụ mới. Dĩ nhiên, tư duy mới cũng phải liên tục phát triển và tiến bộ.

Nếu chúng ta cố gắng đưa ra một sự khái quát ngắn gọn về những gì được viết trong cuốn sách này, chúng ta có thể đề xuất công thức sau: Nhân loại không thể đơn giản là một cộng đồng luôn tìm cách để sinh tồn; sớm hay muộn, cách tiếp cận này sẽ dẫn đến thảm họa. Nó phải trở thành một cộng đồng tiến bộ cho mọi người - cho Bắc và Nam, Đông và Tây, cho các nước hiện đang phát triển cao cũng như các nước bị bần cùng hóa tương đối.

Như tôi đã nói, chính những ý tưởng về tiến bộ cũng cần tiến bộ. Để nhận ra ý nghĩa và mục đích lịch sử của mình, nhân loại cũng cần phải tiến bộ mà không gây ra thiệt hại nặng nề cho bản thân và cho phần còn lại của tự nhiên, không bóc lột một số nhóm người hoặc toàn thể dân tộc, và không để xảy ra những mất mát to lớn về đạo đức và tinh thần. Chúng ta phải phát triển thông qua sự hợp tác trên toàn thế giới, dựa trên sự bình đẳng hoàn toàn, không sử dụng vũ lực, và với sự phát triển hòa bình của mọi dân tộc.

Điều này đòi hỏi một sự thay đổi sâu sắc trong chính tiến trình lịch sử, một sự thay đổi trong mô hình hiện tại, trong bản thân cách thức tồn tại của cộng đồng nhân loại. Trong lịch sử nhân loại, được biết những thay đổi như vậy đã từng xảy ra. Chúng thay đổi về chiều sâu và quy mô, nhưng

chúng xảy ra không phải một lần và đã thay đổi nền tảng tồn tại, phương tiện tồn tại, và thực sự là cả lối sống căn bản của con người.

Tốc độ phát triển lịch sử đã tăng lên cùng với bước đi của thời gian, và khoảng cách giữa những thay đổi lịch sử đã rút ngắn lại. Sự chuyển đổi từ nền kinh tế tiêu dùng sang nền kinh tế sản xuất (cuộc cách mạng Đô-đá mới) mất vài ngàn năm. Mất nhiều thế kỷ trước khi giai đoạn sản xuất tiêu thụ công hút cạn tiềm năng của nó, và sản xuất công nghiệp ra đời. Nhưng chỉ cần một thế kỷ để chuyển từ xã hội công nghiệp sang cái gọi là xã hội hậu công nghiệp, sang nền kinh tế thông tin.

Đang nảy sinh một nhu cầu cấp thiết về một sự chuyển đổi mới, trong đó xã hội sẽ được tổ chức theo nguyên tắc cho phép loại bỏ những mối đe dọa vô song đối với sự tồn tại của nhân loại: Chúng ta cần thay thế một nền văn minh sản xuất không cần nghĩ, làm cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên mà sự tồn tại của nền văn minh phụ thuộc vào đó, bằng một nền văn minh liên tục tái tạo các điều kiện cần thiết cho sự tồn tại của nó, tích lũy và không phá hủy tiềm năng phát triển trong tương lai. Chúng ta cần một nền văn minh không chỉ để sinh tồn, mà còn sống một cách đầy đủ và đem lại một cuộc sống đầy đủ cho các thế hệ hiện tại và tương lai.

Sự chuyển đổi này dĩ nhiên sẽ phụ thuộc vào chính sách đối nội của các quốc gia và của cộng đồng thế giới nói chung, và vào cách mà mỗi quốc gia hay cộng đồng sử dụng của cải vật chất của mình. Nó sẽ phụ thuộc vào con đường họ lựa chọn để phát triển trong nước.

Tư duy mới không hạn chế tầm nhìn của nó đối với những vấn đề, những tiến trình quốc tế và toàn cầu. Nó trực tiếp liên quan đến chính sách đối nội và kết nối chúng với hành động của các chính phủ trên trường

quốc tế. Nói đúng ra, perestroika ở Liên Xô là một ứng dụng các nguyên tắc của tư duy mới để giải quyết những vấn đề trong nước mà nước ta phải đối mặt khi đó. Tôi nhấn mạnh khía cạnh chính trị quốc tế của tư duy mới, vì những vấn đề toàn cầu là một trong những vấn đề quan trọng nhất mà nhân loại sẽ phải đối mặt trong quá trình chuyển đổi sang một dạng tồn tại mới.

Một nhiệm vụ khác của tư duy mới là tìm kiếm lời giải cho những vấn đề mới có thể được đặt ra vào lúc thay đổi mà cộng đồng thế giới sẽ phải đối mặt. Ý định của tư duy mới là kêu gọi những nỗ lực chung trên toàn thế giới để tìm ra lời giải, vì không thể áp đặt lên nhân loại một số lời giải đơn giản chỉ do vài người nghĩ ra. Những lời giải hiệu quả duy nhất sẽ là những lời giải tập thể, khiến hành động tập thể có tính khả thi. Điều này hàm ý về việc hiểu rằng không ai có độc quyền về chân lý, rằng bằng cách tổng hợp toàn bộ kinh nghiệm tập thể đã tích lũy được và phản ánh đầu vào của mọi khuynh hướng ý thức hệ, chúng ta có thể đi đến những kết luận và quyết định chung một cách đúng đắn.

Thế giới hiện đại không còn có thể được xây dựng trên cơ sở của một sự đối đầu vô tận về ý thức hệ. Không thể loại bỏ tận gốc những sự khác biệt về ý kiến, nhưng khi chúng tiếp tục tồn tại, có thể tìm ra một sự tổng hợp giúp cho việc giải quyết vấn đề, và xây dựng một cơ sở để chúng ta có thể làm việc cùng nhau.

Các phương tiện tiến tới một lối sống mới có thể và phải thay đổi từ nước này sang nước khác, từ châu lục này sang châu lục khác. Điều này là hết sức tự nhiên. Hình thức của các quyết định được đưa ra, các phương thức hoạt động, chắc chắn là rất nhiều và đa dạng. Điều quan trọng là mọi người phải theo đuổi mục tiêu chung: đổi mới thực sự cuộc sống

của toàn thể cộng đồng thế giới để đạt được những điều kiện sống mới cho nhân loại.

Nhiều lời giải khác nhau cho những thách thức hiện nay đã được đề xuất trong lĩnh vực chính trị và quan hệ quốc tế. Thật không may, hóa ra những biến thể đó thường chỉ mới trong vẻ bề ngoài của chúng. Nội dung thực tế của chúng vẫn chứa đựng nguyên vẹn các phương pháp và lối tiếp cận cũ.

Những thay đổi bắt đầu từ năm 1985, đầu tiên ở Liên Xô và sau đó là ở các nước khác (và tất cả các nước đã thay đổi trong 10 năm qua, bỏ qua các cách đánh giá kết quả khác nhau) phản ánh những nhu cầu khách quan, những nhu cầu về tương lai, những nhu cầu về một nền văn minh thế giới mới. Những thay đổi này đôi khi được mô tả như là sự kết thúc của lịch sử. Nó được khẳng định rằng với sự lan rộng trên toàn thế giới của quan hệ thị trường, đã đến lúc lịch sử kết thúc. Trong thời gian gần đây, quan điểm này được Francis Fukuyama thể hiện nổi bật nhất, như chúng tôi đã nói. Nhưng đó không phải là ý tưởng đầu tiên. Walter W. Rostow, sớm hơn nhiều so với Fukuyama, đã bày tỏ quan điểm rằng xã hội tiêu dùng là “giai đoạn cao nhất của tiến bộ”.

Ý tưởng về sự kết thúc của lịch sử mâu thuẫn với tiến trình thực tế của lịch sử. Về căn bản, nó đại diện cho sự từ chối bất kỳ sự chuyển động nào về phía trước trong lịch sử, hoặc nó đơn giản hóa quá mức ý nghĩa và mục đích của lịch sử bằng cách chiết giảm xuống, để chỉ còn là sự tích lũy của cải và mở rộng tiêu dùng. Lịch sử không đứng yên và sẽ không đứng yên. Tất nhiên, sự tiến hóa của nó không theo một đường thẳng. Lịch sử liên tục phát triển lên những tầm cao mới và nhận lên các đặc tính riêng của nó về cả chất lượng lẫn số lượng.

Một sự tiến hóa quan trọng trong mọi khía cạnh cuộc sống của cộng đồng thế giới được định trước bởi những tiến trình sâu sắc và liên tục đã bắt đầu trên thế giới. Tôi tin rằng một giai đoạn cần thiết trên con đường loài người hướng tới một trạng thái hiện hữu mới, và không thể tránh được, là một sự đổi mới trong tư duy. Một nhu cầu không thay đổi của thời đại chúng ta là kiểu tư duy này phải được đặt đúng vị trí của nó và phải được phát triển hơn nữa, phải được làm cho phong phú thêm, vì nó đã tỏ ra là có khả năng vượt qua được thế bế tắc và mở đường cho các đột phá chính trị ở những nơi dường như đột phá là không thể.

